SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: /TTKTTNMT-QHGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO BÁO CÁO THUYẾT MINH

Về việc thực hiện "Dự án sửa đổi, bổ sung bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026"

A- CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VỀ ĐỊNH GIÁ ĐẤT VÀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN:

- Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/06/2023;
- Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023;
- Nghị định 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;
- Nghị định 87/2024/NĐ-CP ngày 12/7/2024 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá;
- Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính Phủ quy định về giá đất;
- Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.
- Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.
- Thông tư số 34/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính quy định về thi, cấp, quản lý, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá;
- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2026 của Hội đồng nhân tỉnh Đồng Nai quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

– - Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10/12/2026 của Hội đồng nhân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

B- PHẠM VI ÁP DỤNG, SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ TRÌNH TỰ XÂY DỰNG BẢNG GIÁ ĐẤT:

I. Phạm vi áp dụng bảng giá đất:

Bảng giá đất được xác định làm căn cứ để áp dụng trong 12 trường hợp sau:

– Khoản 3, Điều 111 Luật Đất đai 2024 quy định:

“ Điều 111. Bố trí tái định cư

...

3. Giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư đối với người được bồi thường về đất ở, người được giao đất ở tái định cư trong trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất ở là giá đất được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...”

– Khoản 1 Điều 159 Luật Đất đai 2024 quy định:

“Điều 159. Bảng giá đất

1. Bảng giá đất được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân; chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân;

b) Tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm;

c) Tính thuế sử dụng đất;

d) Tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân;

đ) Tính lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

e) Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

g) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai;

h) Tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với hộ gia đình, cá nhân;

i) Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng;

k) Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân;

l) Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê."

II. Sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung bảng giá đất

Luật Đất đai 2024 quy định bảng giá đất được xây dựng hàng năm; bảng giá đất lần đầu được công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026, được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất từ ngày 01/01 của năm tiếp theo (khoản 3 Điều 159).

Tại khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai quy định: "Giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư đối với người được bồi thường về đất ở, người được giao đất ở tái định cư trong trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất ở là giá đất được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp chưa có giá đất trong bảng giá đất thì phải bổ sung bảng giá đất để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất cho người được bố trí tái định cư". Để đảm bảo việc áp dụng Bảng giá đất, tính tiền sử dụng đất để giao đất tái định cư theo đúng quy định, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung bảng giá đất các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh.

III. Căn cứ sửa đổi, bổ sung bảng giá đất năm 2026 thành phố Đồng Nai

Căn cứ sửa đổi, bổ sung bảng giá đất thực hiện Điều 11 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định: "*Việc xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất phải thực hiện theo quy định tại Điều 158 Luật Đất đai và các điều 4, 5, 6, 7 của Nghị định này; kết quả tổng hợp, phân tích thông tin về giá đất thị trường; kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai, các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất*".

IV. Trình tự xây dựng bảng giá đất

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định trình tự điều chỉnh bảng giá đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai thì đơn vị tư vấn thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Công việc cần thực hiện	Kết quả thực hiện
1	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung bảng giá đất thành phố Đồng Nai năm 2026 theo khu vực, vị trí.	– Phiếu thu thập thông tin về xã, phường (Mẫu số 29 Phụ lục II Nghị định 151/2025/NĐ-CP)

		– Phiếu thu thập thông tin về thửa đất (Mẫu số 30, 31 Phụ lục II Nghị định 151/2025/NĐ-CP)
2	Xác định loại đất, khu vực, vị trí đất tại từng xã, phường đối với nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung bảng giá đất thành phố Đồng Nai năm 2026	– Xác định loại đất, khu vực, vị trí đất tại từng xã, phường căn cứ theo Bảng giá đất hiện hành
3	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại cấp xã, cấp tỉnh; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành đối với nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung bảng giá đất thành phố Đồng Nai năm 2026	– Bảng thống kê giá đất tại xã, phường (Mẫu số 32 Phụ lục II Nghị định 151/2025/NĐ-CP) – Bảng tổng hợp giá đất trên địa bàn cấp tỉnh (Mẫu số 34, 35, 36 Phụ lục II Nghị định 151/2025/NĐ-CP)
4	Xây dựng dự thảo xây dựng Bảng giá đất, dự thảo Báo cáo thuyết minh sửa đổi, bổ sung bảng giá đất thành phố Đồng Nai năm 2026	– Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất – Dự thảo bảng giá đất Mẫu số 37, 38, 39, 40 Phụ lục II Nghị định 151/2025/NĐ-CP)

C- PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ ÁP DỤNG TRONG XÂY DỰNG BẢNG GIÁ ĐẤT

– Khoản 5 và khoản 7 Điều 158 Luật Đất đai năm 2024 quy định:

" Điều 158. Nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá đất

...

5. Các phương pháp định giá đất bao gồm:

a) Phương pháp so sánh được thực hiện bằng cách điều chỉnh mức giá của các thửa đất có cùng mục đích sử dụng đất, tương đồng nhất định về các yếu tố có ảnh hưởng đến giá đất đã chuyển nhượng trên thị trường, đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất mà người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quyết định trúng đấu giá thông qua việc phân tích, so sánh các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất sau khi

đã loại trừ giá trị tài sản gắn liền với đất (nếu có) để xác định giá của thửa đất cần định giá;

b) Phương pháp thu nhập được thực hiện bằng cách lấy thu nhập ròng bình quân năm trên một diện tích đất chia cho lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân của loại tiền gửi bằng tiền Việt Nam kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trên địa bàn cấp tỉnh của 03 năm liền kề tính đến hết quý gần nhất có số liệu trước thời điểm định giá đất;

c) Phương pháp thặng dư được thực hiện bằng cách lấy tổng doanh thu phát triển ước tính trừ đi tổng chi phí phát triển ước tính của thửa đất, khu đất trên cơ sở sử dụng đất có hiệu quả cao nhất (hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, số tầng cao tối đa của công trình) theo quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất được thực hiện bằng cách lấy giá đất trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất. Hệ số điều chỉnh giá đất được xác định thông qua việc so sánh giá đất trong bảng giá đất với giá đất thị trường;

đ) Chính phủ quy định phương pháp định giá đất khác chưa được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này sau khi được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

7. Các phương pháp định giá đất quy định tại khoản 5 Điều này được sử dụng để xác định giá đất cụ thể và xây dựng bảng giá đất."

– Từ những quy định trên đơn vị tư vấn sử dụng các phương pháp so sánh, phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất và phương pháp thu nhập để sửa đổi, bổ sung bảng giá đất cụ thể như sau:

+ Đối với các khu vực, vị trí, đoạn đường có thông tin giá đất giao dịch chuyển nhượng thị trường thì sử dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất để xác định mức giá của các vị trí, so sánh mức độ chênh lệch về giá đất giữa các vị trí, đoạn đường, tuyến đường khác nhau trong cùng khu vực để điều tra giá đất thị trường làm cơ sở trong việc đề xuất các mức giá đất cần xây dựng;

+ Tại các khu vực, vị trí, đoạn đường không có thông tin giá đất giao dịch chuyển nhượng thị trường thì điều tra, rà soát về hiện trạng giao thông, vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và tiện ích, các công trình công cộng liên quan, mật độ phân bố dân cư và khả năng sinh lợi khác để tiến hành so sánh với các bất động sản khác tại các khu vực, đoạn đường, tuyến đường có thông tin giá đất thị trường; đồng

thời khảo sát các thông tin về giá rao bán của các bất động sản để tham khảo điều tra giá đất thị trường làm cơ sở trong việc đề xuất các mức giá đất cần xây dựng.

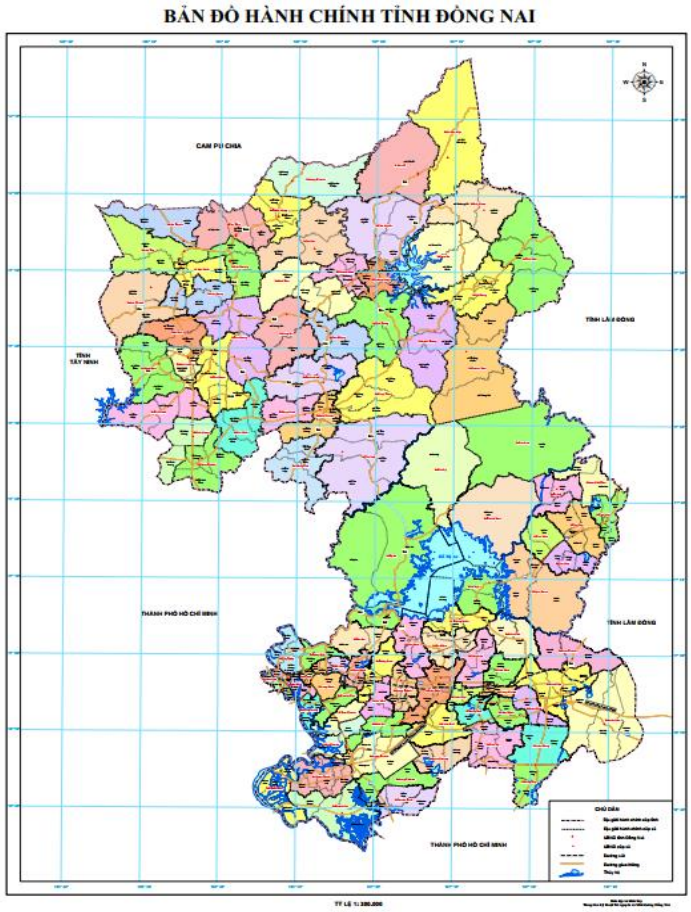
+ Tại các Khu công nghệ cao công nghệ sinh học và các khu công nghiệp và cụm công nghiệp so sánh đánh giá về mức độ thuận lợi về giao thông và điều kiện tiếp cận hạ tầng với các khu, cụm công nghiệp trong cùng khu vực để đề xuất mức giá đất, đảm bảo sự hài hòa về mức giá giữa các khu công nghiệp trong cùng khu vực nên đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành.

D- ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

I. Đánh giá về điều kiện tự nhiên:

1. Vị trí địa lý:

Thành phố Đồng Nai nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Bộ có tọa độ địa lý từ 10°30' đến 12°19' vĩ độ Bắc và từ 106°24 đến 107°35' kinh độ Đông. Phía Bắc và phía Đông Bắc giáp Lâm Đồng; phía Tây, Tây Nam và phía Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh; phía Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh.



Bản đồ hành chính thành phố Đồng Nai

Thành phố có diện tích tự nhiên khoảng 12.737,18 km2, chiếm 3,84% diện tích tự nhiên cả nước và chiếm 45,4% diện tích tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ. Dân số toàn thành phố là 4.491.408 người, mật độ dân số bình quân khoảng 352,6 người/km². Toàn thành phố có có 95 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 62 xã và 33 phường, trong đó phường Trấn Biên là Trung tâm chính trị- kinh tế- văn hoá xã hội của thành phố.

Thành phố Đồng Nai liền kề thành phố Hồ Chí Minh, cách Trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 30km, khu vực có cơ sở hạ tầng phát triển và thuộc vùng kinh tế năng động nhất Việt Nam. Thành phố Đồng Nai có hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ với đầy đủ 5 phương thức giao thông gồm: Đường bộ, đường hàng không, đường sắt, đường hàng hải và đường thủy nội địa với Cảng hàng không quốc tế Long Thành diện tích 5.000 ha, công suất 100 triệu hành khách/năm, 5 triệu tấn hàng hóa/năm là dự án có quy mô lớn bậc nhất Đông Nam Á.

2. Cảnh quan địa hình:

Thành phố Đồng Nai nằm ở vị trí chuyển tiếp quan trọng giữa Nam Tây Nguyên – cao nguyên Di Linh, M'nông với vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai. Địa hình của thành phố vì vậy mang tính đa dạng, phân hóa rõ rệt theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, thấp dần từ vùng cao nguyên, đồi núi xuống vùng đồng bằng ven sông và vùng trũng chịu ảnh hưởng triều. Địa hình tỉnh Đồng Nai gồm ba dạng địa hình chủ yếu: Địa hình đồi núi và cao nguyên thấp giúp tỉnh đóng vai trò quan trọng về sinh thái rừng đầu nguồn và phát triển cây công nghiệp lâu năm: Địa hình đồi lượn sóng – trung du tạo thành vùng chuyển tiếp mềm mại giữa khu vực đồi núi cao phía Bắc – Đông Bắc và vùng đồng bằng thấp phía Nam – Tây Nam của thành phố; Địa hình đồng bằng, đồng bằng thấp ven sông, ven triều, đan xen với các thung lũng và bậc thềm phù sa cổ giữ vai trò quan trọng về phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp lúa nước.

Nhìn chung địa hình thành phố Đồng Nai tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức không gian phát triển kinh tế – xã hội đa dạng, đồng thời đòi hỏi sự phân vùng hợp lý trong khai thác tài nguyên đất, bảo vệ rừng đầu nguồn, kiểm soát ngập lụt và thích ứng biến đổi khí hậu trong dài hạn.

3. Khí hậu:

Thành phố Đồng Nai mang đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa, phân hóa hai mùa mưa - khô rõ rệt. Sau khi sáp nhập địa giới, sự mở rộng lãnh thổ về phía Bắc

đã tạo ra sự phân hóa khí hậu rõ nét theo không gian địa hình, tác động trực tiếp đến tiềm năng tái cấu trúc kinh tế:

Mưa và độ ẩm: Lượng mưa dồi dào (1.500 – 2.400 mm/năm), độ ẩm trung bình >80%. Không gian đồi núi phía Bắc đón gió mùa Tây Nam nên có lượng mưa lớn hơn, là điều kiện lý tưởng để quy hoạch các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày quy mô lớn.

Nhiệt độ: Trung bình toàn tỉnh ổn định quanh mức 26-27°C. Tuy nhiên, vùng cao phía Bắc có sự chênh lệch nhiệt ngày và đêm khá lớn (10 – 15°C). Lợi thế khí hậu này thuận lợi để phát triển nông nghiệp công nghệ cao và hình thành các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, bổ trợ cho không gian công nghiệp - dịch vụ nén ở phía Nam.

Nhìn chung, với khí hậu thuận lợi, thành phố Đồng Nai có nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế nói chung và đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Việc mở rộng không gian phía Bắc kết hợp khí hậu ôn hòa giúp Đồng Nai củng cố quỹ rừng lớn, đa dạng sinh học. Không gian sinh thái này đóng vai trò chiến lược trong việc bảo vệ môi trường vùng Đông Nam Bộ; điều hòa dòng chảy các sông lớn (sông Bé, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai…), góp phần giảm lũ cho vùng hạ nguồn và đảm bảo an ninh nguồn nước mùa khô. Tuy nhiên, hầu hết các sông chảy qua địa phận Thành phố đều có độ dốc, nhiều ghềnh thác, không thuận lợi cho hoạt động vận tải thủy, đòi hỏi quy hoạch mạng lưới logistics phải tập trung tái cấu trúc dựa trên đường bộ và đường sắt.

4. Thủy văn:

Lưu vực sông Đồng Nai là hệ thống sông lớn đứng hàng thứ 3 của Việt Nam sau lưu vực sông Cửu Long và lưu vực sông Hồng – Thái Bình, với diện tích lưu vực khoảng 40.680 km2. Sau sát nhập, không gian thủy văn đã được kiến tạo liền mạch từ thượng nguồn đến hạ lưu. Trong đó, không gian phía Bắc đóng vai trò là vùng thượng nguồn sinh thủy và điều tiết tài nguyên nước chiến lược cho toàn Thành phố.

Hệ thống sông Đồng Nai bao gồm dòng chính sông Đồng Nai và 4 chi lưu lớn là: Sông La Ngà, sông Bé, sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ (tên gọi chung cho hai nhánh sông lớn Vàm Cỏ Đông và sông Vàm Cỏ Tây), cụ thể:

- Sông Bé: Là trục thủy văn lớn nhất và quan trọng nhất chảy qua trung tâm phía Bắc Thành phố (đoạn qua tỉnh dài >200km, lưu vực 4.777,67 km2). Với độ dốc lớn (0,6%) và nhiều ghềnh thác, sông Bé không thuận lợi cho giao thông thủy

nhưng lại là nguồn sinh thủy huyết mạch, cung cấp nước cho các công trình thủy điện, thủy lợi trọng điểm của khu vực.

- Sông Sài Gòn: Đoạn chảy qua rìa phía Tây khu vực phía Bắc (dài 253 km, lưu vực 1.112 km2) quản lý tới một nửa diện tích lưu vực đập Dầu Tiếng. Điều này khẳng định vị thế chủ động của Thành phố trong việc bảo vệ và điều tiết nguồn nước cho các vùng giáp ranh.

- Hệ thống sông Mê Kông: Không gian phía Bắc còn mở ra kết nối thủy văn liên quốc gia thông qua lưu vực sông Măng (đoạn qua thành phố dài 64km) và sông Chiu Riu dọc biên giới Campuchia.

- Chế độ dòng chảy: Có sự phân hóa gay gắt giữa mùa lũ (tháng 6-11) và mùa kiệt (tháng 12 đến tháng 6 năm sau). Tại vùng đồi núi phía Bắc, các sông suối nhỏ (<10 km2) thường cạn kiệt nhanh khi dứt mưa. Đặc điểm này đòi hỏi chiến lược quy hoạch nguồn nước đồng bộ: ưu tiên đầu tư mạng lưới hồ chứa tại không gian phía Bắc để giữ nước, vừa phục vụ sản xuất tại chỗ, vừa bảo đảm an ninh nguồn nước cho hạ du.

- Chế độ thủy triều: Ở vùng hạ lưu, không gian phía Nam chịu ảnh hưởng mạnh của bán nhật triều biển Đông (biên độ 3,5-4,0 m). Thủy triều lấn sâu đến tận chân thác Trị An (152 km) và xâm nhập cửa sông Bé (10km). Yếu tố này đặt ra yêu cầu khắt khe về quy hoạch cốt nền, thoát nước vành đai và xây dựng hệ thống ngăn mặn tại khu vực đô thị - công nghiệp phía Nam.

5. Tài nguyên thiên nhiên:

a. Tài nguyên đất

Đồng Nai có quỹ đất phong phú như các loại đất hình thành trên đá bazan thích hợp cho các cây công nghiệp như cao su, cà phê, tiêu; các loại đất hình thành trên phù sa cổ và trên đá phiến sét như đất xám, nâu xám, loang lổ, có độ phì nhiêu kém, thích hợp cho các loại cây đậu, đỗ, cây điều; các loại đất hình thành trên phù sa mới như đất phù sa, đất cát với chất lượng đất tốt, thích hợp với nhiều loại cây trồng như cây lương thực, hoa màu, rau quả.

Bên cạnh đó, nền đất cứng thuận lợi cho xây dựng nhiều loại công trình, tạo cho Đồng Nai có lợi thế để phát triển nông nghiệp, công nghiệp và nhiều ngành kinh tế khác.

b. Tài nguyên rừng

Tổng diện tích rừng trên địa bàn thành phố là 322.041,59 ha, trong đó: Rừng tự nhiên 55.976,57 ha; Rừng trồng 99.538,22 ha; Diện tích rừng che phủ đạt tỷ lệ

là 25,8%. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp tập trung phần lớn ở phía địa bàn giáp ranh với tỉnh Lâm Đồng.

Rừng Đồng Nai có đặc trưng cơ bản của rừng nhiệt đới, có tài nguyên động thực vật phong phú đa dạng, tiêu biểu là vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai cùng với Khu bảo tồn vùng đất ngập nước nội địa Trị An – Đồng Nai đã được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới Đồng Nai, tạo nên 3 vùng lõi làm thành hành lang bảo tồn mang tính tổng thể, toàn vẹn của các hệ sinh thái đặc trưng cho vùng nhiệt đới mà thành phố Đồng Nai đang sở hữu.

c. Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản của Thành phố đa dạng về chủng loại, trong đó nổi bật và có tiềm năng khai thác lớn nhất là nhóm vật liệu xây dựng (đá, cát, sét gạch ngói, cao lanh, laterit...) và bô-xít. Theo quy hoạch hiện hành của hai địa phương (trước sáp nhập), toàn địa bàn có 319 mỏ/khu vực khoáng sản (42 mỏ cấp Quốc gia, 277 mỏ cấp tỉnh) với tổng diện tích quy hoạch gần 87.993 ha. Tổng trữ lượng dự kiến khoảng 3,81 tỷ m3 và 390 m3/ngày (đối với nước khoáng). Nguồn tài nguyên vật liệu xây dựng dồi dào này là lợi thế để Thành phố chủ động nguồn cung cho các dự án hạ tầng giao thông quốc gia và quá trình mở rộng đô thị trong giai đoạn tới.

d. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước mặt

Nguồn nước mặt của Thành phố rất phong phú nhưng phân bổ không đều theo không gian và thời gian, khoảng 80% tập trung vào mùa mưa. Tổng lượng nước mặt trung bình hàng năm của toàn bộ không gian sau sáp nhập đạt trên 33,7 tỷ m2, bao gồm Đồng Nai cũ khoảng 26,5 tỷ m2 và Bình Phước cũ khoảng 7,2 tỷ m2. Nguồn nước này được cung cấp bởi hai hệ lưu vực chính: Sông Đồng Nai - La Ngà (phía Nam) và sông Bé - sông Măng (phía Bắc). Tuy nhiên, sự phụ thuộc lớn vào lượng mưa theo mùa đang gây ra rủi ro hạn hán cục bộ vào mùa khô.

Tài nguyên nước dưới đất

Trữ lượng tiềm năng nước dưới đất toàn Thành phố đạt khoảng 8,15 triệu m3/ngày. Trong đó, các tầng chứa nước lỗ hổng có trữ lượng khá phân bố chủ yếu ở khu vực phía Tây Nam (phường Biên Hòa, phường Trấn Biên, phường Nhơn Trạch, xã Phước An, xã Đại Phước, phường Đồng Xoài, xã Nha Bích...); vùng đồi núi còn lại chủ yếu là nước khe nứt với mức độ giàu nước hạn chế hơn.

Tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh tại một số khu vực như phường Long Bình, phường Long Hưng, phường Trấn Biên, phườngNhơn Trạch, phường Chơn Thành, phường Đồng Phú, phường Bình Phước, phường Đồng Xoài... đang tạo áp lực lớn lên nguồn nước cả về trữ lượng lẫn chất lượng. Cùng với tác động của biến đổi khí hậu như hạn hán, ngập lụt, Tỉnh đối mặt với nghịch lý: Mạng lưới sông suối dày đặc nhưng khả năng tưới tiêu hạn chế do lòng sông hẹp và dốc. Đặc biệt, việc bảo đảm nguồn cấp nước để mở rộng các khu công nghiệp, đô thị và chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp tại phía Bắc.

e. Tài nguyên thủy sản:

Đồng Nai phát triển thuỷ sản chủ yếu dựa vào hệ thống hồ đập và sông ngòi. Trong đó, có hồ Trị An diện tích 323 km^2 , hồ Thác Mơ diện tích 110 km^2 , hồ Cần Đơn diện tích 36 km^2 , các hồ đập lớn nhỏ và hệ thống sông, kênh rạch, rất thuận lợi cho việc phát triển một số thủy sản như: cá nuôi bè, tôm nuôi...

II. Đánh giá về kinh tế - xã hội[1]:

1. Tăng trưởng kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố (GRDP) 6 tháng tăng 9,81% so với cùng kỳ, cao hơn 0,03 điểm phần trăm so với kịch bản tăng trưởng thành phố đề ra, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,84% (trong đó ngành công nghiệp tăng 11,75%); khu vực dịch vụ tăng 8,57%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,3%.

Quy mô kinh tế GRDP (theo giá hiện hành) 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 359.706,90 tỷ đồng, tăng thêm khoảng 47.267,61 tỷ đồng so với cùng kỳ.

- Cơ cấu GRDP 6 tháng đầu năm 2026 (theo giá hiện hành) tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 11,93%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 55,08% (riêng công nghiệp chiếm 50,50%); khu vực dịch vụ chiếm 26,35%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,64%.

a) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 06 tháng đầu năm trên địa bàn duy trì ổn định; cây trồng, vật nuôi sinh trưởng tốt. Tổng đàn gia súc, gia cầm tăng so với cùng kỳ; công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai quyết liệt, mặc dù còn phát sinh một số dịch như bệnh dại và dịch tả lợn châu Phi, nhưng cơ bản được kiểm soát,

[1] Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 06/8/2026 của UBND thành phố kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 06 tháng đầu năm 2026, phương hướng, nhiệm vụ những tháng cuối năm 2026; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố

không để lây lan diện rộng. Diện tích rừng được quản lý chặt chẽ, nghiêm ngặt; công tác phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô được triển khai đồng bộ, không phát sinh cháy gây thiệt hại về rừng.

b) Hoạt động sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ và du lịch

- Sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khả quan; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 6 tháng đầu năm 2026 tăng 12,67% so với cùng kỳ.

- Hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 29,6 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 17,1 tỷ USD (đạt 45% kế hoạch năm), nhập khẩu đạt 12,9 tỷ USD; cán cân thương mại xuất siêu khoảng 4,2 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực gồm giày dép, máy móc thiết bị, dệt may, sản phẩm gỗ, xơ sợi, phương tiện vận tải và linh kiện điện tử. Hàng hóa của thành phố được xuất khẩu đến 171 quốc gia và vùng lãnh thổ, tập trung tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và EU. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu vẫn đối mặt với nhiều khó khăn do kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, lạm phát và bất ổn chính trị kéo dài, cùng với biến động chi phí logistics, ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu chủ lực.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Nguồn cung hàng hóa ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng; các chương trình kích cầu, khuyến mại và nhu cầu mua sắm tăng trong dịp hè, các kỳ nghỉ lễ đã góp phần thúc đẩy thị trường phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 223.928 tỷ đồng, tăng 16,56% so cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 15,6%, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 18,9%, doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tăng 15,42% và doanh thu dịch vụ khác tăng 18,14%.

2. Về đặc điểm xã hội:

Đồng Nai có nhiều di tích lịch sử, văn hóa quan trọng, phản ánh quá trình hình thành và phát triển của vùng đất này với những di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu như: Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Căn cứ Cục Hậu cần Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Căn cứ Tà Thiết); Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Biên Hòa - Gia Định; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Cù lao Phố; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Núi Chứa Chan; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Vườn quốc gia Cát Tiên; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Mộ 3.000 đồng bào An Lộc; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Địa điểm Chiến thắng Đồng Xoài; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Trụ sở Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam những di tích này là những minh chứng sinh động về giá trị lịch sử, văn hóa của Đồng Nai.

Ngày 18/5/2026, Thành phố đã long trọng tổ chức Lễ công bố Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai, đánh dấu bước ngoặt mới trong quá trình phát triển; nhân dịp này, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân thành phố Đồng Nai cũng được lãnh đạo Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

a) Dân số và lao động:

– Dân số khoảng 4.491.408 người ước đạt 4,49 triệu người, tăng 1,49% so với năm 2024. Trong đó, dân số khu vực thành thị 1,83 triệu người (chiếm 40,67%), khu vực nông thôn 2,67 triệu người (chiếm 59,33%); dân số nam chiếm 50,31%, dân số nữ chiếm 49,69% tổng dân số.

– Lực lượng lao động trẻ, có tay nghề cao do tập trung nhiều khu công nghiệp.

b) Giáo dục - đào tạo:

Giáo dục và đào tạo có chuyển biến tích cực, chất lượng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học; thực hiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế; duy trì thực hiện chương trình song ngữ.

- Hệ thống trường học phát triển, có nhiều trường đại học, cao đẳng như: Đại học Lạc Hồng, Đại học Đồng Nai, Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2,..

- Chất lượng đào tạo nghề cao, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho công nghiệp.

b) Y tế:

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả khá, thực hiện nhiều chính sách để thu hút, hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế; tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại vào điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Công tác mạng lưới y tế, biên chế, đào tạo cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiếp tục thực hiện theo quy định; cơ bản đã đảm bảo đầy đủ thuốc và vật tư y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Các cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo tốt việc điều trị bệnh; công suất sử dụng giường bệnh trung bình đạt 53%.

- Hệ thống bệnh viện lớn: Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai, Bệnh viện Shingmark, Bệnh viện Nhi Đồng Nai.

- Các trạm y tế, phòng khám phát triển ở các xã, phường.

c) Văn hóa - du lịch:

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tăng về số lượng và từng bước cải thiện về chất lượng; các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy với các điểm du lịch nổi tiếng như:

- Vườn quốc gia Cát Tiên: Khu bảo tồn thiên nhiên lớn, thu hút khách du lịch sinh thái.

- Hồ Trị An: điểm du lịch nghỉ dưỡng và thủy điện quan trọng.

- Làng bưởi Tân Triều: đặc sản nổi tiếng, kết hợp du lịch miệt vườn.

- Khu du lịch Bửu Long : được ví như "Vịnh Hạ Long thu nhỏ".

- Khu du lịch văn hóa Sóc Bom Bo: với nhiều nét đặc trưng mang đậm yếu tố văn hóa và lịch sử.

Nhiều lễ hội văn hóa truyền thống như Lễ hội Chùa Ông, Lễ hội Vu Lan tại chùa Bửu Quang,…

d) An sinh xã hội:

An sinh xã hội được bảo đảm; hoạt động chăm lo các đối tượng là người có công, bảo trợ xã hội được quan tâm; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ hỗ trợ cho người dân, công nhân và người lao động theo quy định.

- Chính sách hỗ trợ người lao động, hộ nghèo được chú trọng.

- Các khu nhà ở công nhân, khu tái định cư được xây dựng nhiều hơn.

- Mức sống người dân ngày càng nâng cao, nhưng vẫn có sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

III. Đánh giá chung:

Nhìn chung, các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, cùng công tác quản lý và sử dụng đất đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc định hình giá trị đất đai tại thành phố Đồng Nai. Vị trí địa lý chiến lược, địa hình đa dạng, khí hậu thuận lợi, hệ thống thủy văn phong phú và tài nguyên thiên nhiên dồi dào đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và gia tăng giá trị đất tại các khu vực trọng điểm. Đồng thời, với cơ cấu kinh tế đa dạng, dân số tăng trưởng, quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, và sự phát triển đồng bộ của hạ tầng. Công tác quản lý đất đai được thực hiện hiệu quả, với quy hoạch bài bản, quản lý minh bạch và sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền và doanh nghiệp, đã tạo ra động lực lớn cho sự phát triển bền vững. Những yếu tố này không chỉ thúc đẩy giá đất mà còn tạo nền tảng vững chắc để Đồng Nai tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và thu hút đầu tư trong tương lai.

Ngoài những thuận lợi kể trên, thị trường bất động sản Đồng Nai cũng đang đối mặt với nhiều thách thức và hạn chế đáng kể ảnh hưởng trực tiếp đến giá đất trên địa bàn thành phố. Dù có lợi thế về vị trí địa lý, khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp, nhưng thực tế cho thấy giá đất tại nhiều khu vực đang có sự biến động mạnh, chưa thực sự phản ánh đúng giá trị thực tế. Các yếu tố như tình trạng đầu cơ, sự mất cân đối trong quy hoạch và quản lý sử dụng đất chưa hiệu quả đang làm gia tăng bất ổn trong thị trường bất động sản tại địa phương. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến các nhà đầu tư mà còn tác động đến người dân có nhu cầu mua đất ở thực sự, gây khó khăn trong việc tiếp cận đất đai với mức giá hợp lý.

E- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, THU THẬP THÔNG TIN GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

I. Phương pháp điều tra

Phạm vi điều tra:

Địa bàn điều tra: tại 95 xã, phường tại thành phố Đồng Nai.

Loại đất: đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp.

Khoảng thời gian điều tra: trong thời gian 24 tháng tính từ thời điểm tháng 6/2026 trở về trước.

Phương pháp điều tra:

Đối với những giao dịch chuyển nhượng trước ngày 01/08/2024, căn cứ theo Điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP, đơn vị tư vấn sẽ lựa chọn thông tin phù hợp thông tin giao dịch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Trường hợp sau ngày 01/08/2024 thì thu thập giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng, cơ sở dữ liệu về giá đất.

Khảo sát thực tế để đánh giá, so sánh các yếu tố về giao thông, mật độ dân cư, các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất giữa các đoạn đường, tuyến đường trong Bảng giá đất hiện hành.

Phiếu điều tra theo yêu cầu: theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ.

Xác định mẫu điều tra: chọn tuyến đường, vị trí, đối tượng giao dịch (giá phổ biến trong điều kiện bình thường, tập trung các khu vực, vị trí có biến động về giá).

Xử lý, phân tích dữ liệu:

Loại bỏ các giao dịch có giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng không hợp lệ (giao dịch ảo, nội bộ, không đúng giá trị thật);

Bảng hệ số tương quan giữa các đoạn đường, tuyến đường.

Xác định mức giá đất điều tra tại từng tuyến đường, vị trí của từng loại đất: Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất, phương pháp so sánh và phương pháp thu nhập.

II. Xác định số điểm điều tra

Số điểm điều tra khảo sát được xác định theo đơn vị hành chính cấp xã, phường trên địa bàn thành phố Đồng Nai với tổng số 95/95 điểm điều tra.

III. Nguồn thu thập thông tin:

Căn cứ Khoản 6 Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP, Đơn vị tư vấn đã thu thập thông tin qua cơ sở dữ liệu đất đai:

IV. Kết quả điều tra

STT	Xã, Phường	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hằng năm	Đất trồng rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất ở	Tổng số phiếu điều tra
1	phường Biên Hòa	15	18		6	249	288
2	phường Trấn Biên	18	6		3	330	357
3	phường Tam Hiệp	3	21		3	180	207
4	phường Long Bình	15	6			120	141
5	phường Trảng Dài	120	120	60		120	420
6	phường Hố Nai	24	9	3		90	126
7	phường Long Hưng	12	3			210	225
8	xã Đại Phước	120	90		18	168	396
9	phường Nhơn Trạch	120	39	24	12	168	363
10	xã Phước An	120	69	33	24	450	696
11	xã Phước Thái	78	24	21	3	42	168
12	xã Long Phước	12	3	2	1	3	21

STT	Xã, Phường	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hằng năm	Đất trồng rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất ở	Tổng số phiếu điều tra
13	xã Bình An	27	9			180	216
14	phường Long Thành	90	27	3	3	648	771
15	xã An Phước	120	12	3	6	147	288
16	xã An Viễn	102	30			300	432
17	xã Bình Minh	63	24	21	3	168	279
18	Phường Trảng Bom	90	39	6	3	324	462
19	xã Bàu Hàm	102	45			66	213
20	xã Hưng Thịnh	102	69			93	264
21	Phường Dầu Giây	168	33			210	411
22	xã Gia Kiệm	189	39			90	318
23	xã Thống Nhất	102	21			45	168
24	phường Bình Lộc	102	3			84	189
25	phường Bảo Vinh	126	30			120	276
26	phường Xuân Lập	45	3			21	69
27	phường Long Khánh	36	15			102	153
28	phường Hàng Gòn	69	3			45	117
29	xã Xuân Quế	72	12			18	102
30	xã Xuân Đường	72	21			6	99
31	xã Cẩm Mỹ	126	9			18	153

STT	Xã, Phường	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hằng năm	Đất trồng rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất ở	Tổng số phiếu điều tra
32	xã Sông Ray	102	93		3	3	201
33	xã Xuân Đông	120	120		12	6	258
34	xã Xuân Định	93	21			12	126
35	xã Xuân Phú	24	84			6	114
36	phường Xuân Lộc	120	48	-	3	51	222
37	xã Xuân Hòa	120	72	12		21	225
38	xã Xuân Thành	102	90	3		3	198
39	xã Xuân Bắc	90	120		9	9	228
40	xã La Ngà	102	21		6	27	156
41	xã Định Quán	120	69		9	102	300
42	xã Phú Vinh	102	27		6	33	168
43	xã Phú Hòa	90	60		6	30	186
44	xã Tà Lài	69	27		9	3	108
45	xã Nam Cát Tiên	42	42		6	6	96
46	phườngTân Phú	90	60		12	78	240
47	xã Phú Lâm	27	15		6	15	63
48	phườngTrị An	102	72	6	3	39	222
49	xã Tân An	48	48	21		36	153
50	phường Tân Triều	45	102	6		300	453

STT	Xã, Phường	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hằng năm	Đất trồng rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất ở	Tổng số phiếu điều tra
51	phường Phước Tân	48	102	12	6	180	348
52	phường Tam Phước	30	45	3		24	102
53	xã Thanh Sơn	12	27			3	42
54	xã Đăk Lua	9	9		3		21
55	xã Phú Lý	48	36		6	9	99
56	phường Bình Phước	45	3			102	150
57	phường Đồng Xoài	60				9	69
58	xã Thuận Lợi	102	3			18	123
59	xã Tân Lợi	120				6	126
60	xã Đồng Tâm	102	6			3	111
61	phườngĐồng Phú	102	3			69	174
62	xã Bình Tân	102			3		105
63	xã Long Hà	102	3		3	3	111
64	xã Phú Riềng	81				3	84
65	xã Phú Trung	102					102
66	phường Phước Bình	51	3			15	69
67	phường Phước Long	15					15
68	xã Bù Gia Mập	30					30
69	xã Đăk Ơ	102					102

STT	Xã, Phường	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hằng năm	Đất trồng rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất ở	Tổng số phiếu điều tra
70	xã Phú Nghĩa	102				15	117
71	xã Đa Kia	102	3			6	111
72	xã Tân Tiến	102	3		3		108
73	xã Thiện Hưng	102	3			12	117
74	xã Hưng Phước	90				3	93
75	phường Bình Long	6				12	18
76	phường An Lộc	18				9	27
77	xã Lộc Thành	90					90
78	phường Lộc Ninh	15				60	75
79	xã Lộc Hưng	36					36
80	xã Lộc Tấn	21					21
81	xã Lộc Thạnh	3					3
82	xã Lộc Quang	72	3			3	78
83	phường Minh Hưng	30				300	330
84	phường Chơn Thành	120				300	420
85	xã Nha Bích	96				18	114
86	xã Tân Quan	33					33
87	xã Tân Hưng	51	6				57
88	xã Tân Khai	21				3	24

STT	Xã, Phường	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hằng năm	Đất trồng rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất ở	Tổng số phiếu điều tra
89	xã Minh Đức	24					24
90	xã Phước Sơn	156				9	165
91	xã Nghĩa Trung	120				3	123
92	xã Bù Đăng	102				3	105
93	xã Thọ Sơn	102					102
94	xã Đăk Nhau	90					90
95	xã Bom Bo	87				24	111
Tổng cộng		**7.122**	**2.301**	**239**	**199**	**6.819**	**16.680**

1. Cơ sở dữ liệu về giá đất

Hiện nay, cơ sở dữ liệu về giá đất trên địa bàn tỉnh chưa được xây dựng, nên chưa có thông tin về giá đất được ghi nhận trên cơ sở dữ liệu.

Qua rà soát các các trường hợp giá đất cụ thể phục vụ bồi thường tại địa bàn các xã phường:

Trên địa bàn thành phố Đồng Nai, cho thấy các trường hợp giá đất cụ thể đều có mức giá cao hơn giá đất quy định, trong đó, giá đất nông nghiệp phổ biến cao hơn từ 4 đến 8 lần; giá đất ở nông thôn phổ biến cao hơn từ 1,5 đến 3 lần; giá đất ở tại đô thị phổ biến cao hơn từ 2 đến 4 lần so với giá đất trong bảng giá đất (nhiều trường hợp cao hơn mức phổ biến nêu trên).

2. Giá đất được ghi trong hợp đồng chuyển nhượng và phiếu chuyển thông tin thực hiện nghĩa vụ tài chính

Tổng số phiếu điều tra, khảo sát giá đất thu thập được trên địa bàn thành phố là 16.6683 phiếu, đạt 109,76% so với chỉ tiêu đề ra là 15.200 phiếu. Kết quả rà soát các trường hợp chuyển nhượng đã đăng ký biến động trên cơ sở dữ liệu đất đai đã xác định được giá đất ghi trong hợp đồng chuyển nhượng và phiếu chuyển thông tin xác

định nghĩa vụ tài chính (thu thuế chuyển quyền sử dụng đất). Tuy nhiên, trong một số trường hợp giá đất ghi trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giá đất xác định trong phiếu chuyển thông tin thực hiện nghĩa vụ tài chính thấp hơn hoặc tương đương so với giá đất trong bảng giá đất (thấp hơn hoặc cao hơn không đáng kể). Do người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất né tránh thực hiện nghĩa vụ tài chính, nên giá đất ghi trong hợp đồng chuyển nhượng không phải là giá đất chuyển nhượng thực tế, mà là mức giá đất thấp tương đương với giá đất trong bảng giá đất.

F- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN BẢNG GIÁ ĐẤT HIỆN HÀNH

I. Đánh giá tình hình biến động và mức biến động (tăng hoặc giảm) giữa giá đất điều tra với giá đất cùng loại trong bảng giá đất hiện hành của thành phố Đồng Nai

1. Đất nông nghiệp

a. Giá đất trồng cây lâu năm và trồng cây hằng năm

– Tại phường Biên Hòa: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 1.459.000 đồng/m^2, thấp nhất là 1.430.000 đồng/m^2, cao nhất là 1.500.000 đồng/m^2.

– Tại phường Trấn Biên: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 1.500.000 đồng/m^2.

– Tại phường Tam Hiệp: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 1.500.000 đồng/m^2.

– Tại phường Long Bình: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 1.500.000 đồng/m^2.

– Tại phường Trảng Dài: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 988.000 đồng/m^2, thấp nhất là 670.000 đồng/m^2, cao nhất là 1.200.000 đồng/m^2.

– Tại phường Hố Nai: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 851.000 đồng/m^2, thấp nhất là 670.000 đồng/m^2, cao nhất là 1.500.000 đồng/m^2.

– Tại phường Long Hưng: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 1.036.000 đồng/m^2, thấp nhất là 1.000.000 đồng/m^2, cao nhất là 1.050.000 đồng/m^2.

– Tại phường Tân Triều: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 754.000 đồng/m^2, thấp nhất là 250.000 đồng/m^2, cao nhất là 1.200.000 đồng/m^2.

– Tại phường Phước Tân: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 1.000.000 đồng/m^2.

– Tại phường Tam Phước: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 1.000.000 đồng/m^2.

– Tại phường Long Thành: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 776.000 đồng/m^2, thấp nhất là 670.000 đồng/m^2, cao nhất là 800.000 đồng/m^2.

– Tại xã Bình An: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 695.000 đồng/m^2, thấp nhất là 670.000 đồng/m^2, cao nhất là 730.000 đồng/m^2.

– Tại xã An Phước: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 704.000 đồng/m^2, thấp nhất là 670.000 đồng/m^2, cao nhất là 730.000 đồng/m^2.

– Tại xã Long Phước: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 698.000 đồng/m^2, thấp nhất là 670.000 đồng/m^2, cao nhất là 730.000 đồng/m^2.

– Tại xã Phước Thái: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 697.000 đồng/m^2, thấp nhất là 670.000 đồng/m^2, cao nhất là 730.000 đồng/m^2.

– Tại phường Nhơn Trạch: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 670.000 đồng/m^2, thấp nhất là 600.000 đồng/m^2, cao nhất là 800.000 đồng/m^2.

– Tại xã Đại Phước: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 648.000 đồng/m^2, thấp nhất là 600.000 đồng/m^2, cao nhất là 730.000 đồng/m^2.

– Tại xã Phước An: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 691.000 đồng/m^2, thấp nhất là 600.000 đồng/m^2, cao nhất là 730.000 đồng/m^2.

– Tại phường Long Khánh: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 531.000 đồng/m^2, thấp nhất là 340.000 đồng/m^2, cao nhất là 630.000 đồng/m^2.

– Tại phường Bảo Vinh: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 469.000 đồng/m^2, thấp nhất là 240.000 đồng/m^2, cao nhất là 580.000 đồng/m^2.

– Tại phường Xuân Lập: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 490.00 đồng/m^2.

– Tại phường Hàng Gòn: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 447.000 đồng/m^2, thấp nhất là 400.000 đồng/m^2, cao nhất là 490.000 đồng/m^2.

– Tại phường Bình Lộc: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 413.000 đồng/m^2, thấp nhất là 340.000 đồng/m^2, cao nhất là 490.000 đồng/m^2.

– Tại phường Xuân Lộc: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 408.000 đồng/m^2, thấp nhất là 330.000 đồng/m^2, cao nhất là 470.000 đồng/m^2.

– Tại xã Xuân Hòa: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 373.000 đồng/m^2, thấp nhất là 330.000 đồng/m^2, cao nhất là 400.000 đồng/m^2.

– Tại xã Xuân Thành: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 350.000 đồng/m^2, thấp nhất là 330.000 đồng/m^2, cao nhất là 400.000 đồng/m^2.

– Tại xã Xuân Bắc: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 295.000 đồng/m^2, thấp nhất là 130.000 đồng/m^2, cao nhất là 400.000 đồng/m^2.

– Tại xã Xuân Phú: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 194.000 đồng/m^2, thấp nhất là 110.000 đồng/m^2, cao nhất là 400.000 đồng/m^2.

– Tại xã Xuân Định: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 368.000 đồng/m^2, thấp nhất là 330.000 đồng/m^2, cao nhất là 400.000 đồng/m^2.

– Tại xã Cẩm Mỹ: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 416 đồng/m^2, thấp nhất là 370.000 đồng/m^2, cao nhất là 500.000 đồng/m^2.

– Tại xã Xuân Quế: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 378.000 đồng/m^2, thấp nhất là 330.000 đồng/m^2, cao nhất là 450.000 đồng/m^2.

– Tại xã Xuân Đường: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 462.000 đồng/m^2, thấp nhất là 370.000 đồng/m^2, cao nhất là 600.000 đồng/m^2.

– Tại xã Sông Ray: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 388.000 đồng/m^2, thấp nhất là 330.000 đồng/m^2, cao nhất là 400.000 đồng/m^2.

– Tại xã Xuân Đông: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 378.000 đồng/m^2, thấp nhất là 330.000 đồng/m^2, cao nhất là 400.000 đồng/m^2.

– Tại phường Trảng Bom: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 677.000 đồng/m^2, thấp nhất là 600.000 đồng/m^2, cao nhất là 710.000 đồng/m^2.

– Tại xã An Viễn: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 621.000 đồng/m^2, thấp nhất là 600.000 đồng/m^2, cao nhất là 670.000 đồng/m^2.

– Tại xã Bàu Hàm: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 472.000 đồng/m^2, thấp nhất là 450.000 đồng/m^2, cao nhất là 500.000 đồng/m^2.

– Tại xã Bình Minh: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 621.000 đồng/m^2, thấp nhất là 600.000 đồng/m^2, cao nhất là 650.000 đồng/m^2.

– Tại xã Hưng Thịnh: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 459.000 đồng/m^2, thấp nhất là 450.000 đồng/m^2, cao nhất là 500.000 đồng/m^2.

– Tại phường Dầu Giây: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 519.000 đồng/m^2, thấp nhất là 450.000 đồng/m^2, cao nhất là 710.000 đồng/m^2.

– Tại xã Gia Kiệm: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 592.000 đồng/m^2, thấp nhất là 324.000 đồng/m^2, cao nhất là 670.000 đồng/m^2.

– Tại xã Thống Nhất: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 439.000 đồng/m^2, thấp nhất là 200.000 đồng/m^2, cao nhất là 670.000 đồng/m^2.

– Tại xã Định Quán: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 354 đồng/m^2, thấp nhất là 200.000 đồng/m^2, cao nhất là 500.000 đồng/m^2.

– Tại xã Phú Vinh: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 218.000 đồng/m^2, thấp nhất là 200.000 đồng/m^2, cao nhất là 230.000 đồng/m^2.

– Tại xã La Ngà: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 215.000 đồng/m^2, thấp nhất là 200.000 đồng/m^2, cao nhất là 230.000 đồng/m^2.

– Tại xã Phú Hòa: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 219.000 đồng/m^2, thấp nhất là 200.000 đồng/m^2, cao nhất là 230.000 đồng/m^2.

– Tại xã Thanh Sơn: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 120.000 đồng/m^2.

– Tại phường Tân Phú: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 308.000 đồng/m^2, thấp nhất là 170.000 đồng/m^2, cao nhất là 430.000 đồng/m^2.

– Tại xã Tà Lài: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 162.000 đồng/m^2, thấp nhất là 150.000 đồng/m^2, cao nhất là 180.000 đồng/m^2.

– Tại xã Nam Cát Tiên: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 175.000 đồng/m^2, thấp nhất là 150.000 đồng/m^2, cao nhất là 300.000 đồng/m^2.

– Tại xã Phú Lâm: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 244.000 đồng/m^2, thấp nhất là 220.000 đồng/m^2, cao nhất là 300.000 đồng/m^2.

– Tại xã Đăk Lua: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 116.000 đồng/m^2, thấp nhất là 100.000 đồng/m^2, cao nhất là 120.000 đồng/m^2.

– Tại phường Trị An: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 562.000 đồng/m^2, thấp nhất là 170.000 đồng/m^2, cao nhất là 720.000 đồng/m^2.

– Tại xã Tân An: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 498.000 đồng/m^2, thấp nhất là 470.000 đồng/m^2, cao nhất là 530.000 đồng/m^2.

– Tại xã Phú Lý: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 182.000 đồng/m^2, thấp nhất là 170.000 đồng/m^2, cao nhất là 200.000 đồng/m^2.

Tại phường Bình Phước:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 455.000 đồng/m2, thấp nhất là 330.000 đồng/m2, cao nhất là 800.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 360.000 đồng/m2, thấp nhất là 260.000 đồng/m2, cao nhất là 640.000 đồng/m2.

Tại phường Đồng Xoài:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 415.000 đồng/m2, thấp nhất là 330.000 đồng/m2, cao nhất là 800.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 328.000 đồng/m2, thấp nhất là 260.000 đồng/m2, cao nhất là 640.000 đồng/m2.

Tại phường Minh Hưng:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 354.000 đồng/m2, thấp nhất là 276.000 đồng/m2, cao nhất là 700.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 283.000 đồng/m2, thấp nhất là 221.000 đồng/m2, cao nhất là 560.000 đồng/m2.

Tại phường Chơn Thành:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 417.000 đồng/m2, thấp nhất là 358.000 đồng/m2, cao nhất là 700.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 334.000 đồng/m2, thấp nhất là 286.000 đồng/m2, cao nhất là 560.000 đồng/m2.

Tại xã Nha Bích:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 372.000 đồng/m2, thấp nhất là 242.000 đồng/m2, cao nhất là 600.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 297.000 đồng/m2, thấp nhất là 194.000 đồng/m2, cao nhất là 480.000 đồng/m2.

Tại phường Bình Long:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 299.000 đồng/m2, thấp nhất là 252.000 đồng/m2, cao nhất là 560.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 239.000 đồng/m2, thấp nhất là 202.000 đồng/m2, cao nhất là 448.000 đồng/m2.

Tại phường An Lộc:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 274.000 đồng/m2, thấp nhất là 252.000 đồng/m2, cao nhất là 490.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 219.000 đồng/m2, thấp nhất là 202.000 đồng/m2, cao nhất là 392.000 đồng/m2.

Tại phường Phước Bình

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 289.000 đồng/m2, thấp nhất là 140.000 đồng/m2, cao nhất là 420.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 231.000 đồng/m2, thấp nhất là 112.000 đồng/m2, cao nhất là 336.000 đồng/m2.

Tại phường Phước Long:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 298.000 đồng/m2, thấp nhất là 210.000 đồng/m2, cao nhất là 420.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 238.000 đồng/m2, thấp nhất là 168.000 đồng/m2, cao nhất là 336.000 đồng/m2.

Tại xã Thuận Lợi:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 190.000 đồng/m2, thấp nhất là 140.000 đồng/m2, cao nhất là 224.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 152.000 đồng/m2, thấp nhất là 112.000 đồng/m2, cao nhất là 179.000 đồng/m2.

Tại xã Tân Lợi:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 165.000 đồng/m2, thấp nhất là 110.000 đồng/m2, cao nhất là 252.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 132.000 đồng/m2, thấp nhất là 88.000 đồng/m2, cao nhất là 202.000 đồng/m2.

Tại xã Đồng Tâm:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 224.000 đồng/m2, thấp nhất là 195.000 đồng/m2, cao nhất là 252.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 179.000 đồng/m2, thấp nhất là 156.000 đồng/m2, cao nhất là 202.000 đồng/m2.

Tại phường Đồng Phú:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 266.000 đồng/m2, thấp nhất là 90.000 đồng/m2, cao nhất là 448.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 213.000 đồng/m2, thấp nhất là 72.000 đồng/m2, cao nhất là 358.000 đồng/m2.

Tại phường Lộc Ninh:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 208765 đồng/m2, thấp nhất là 70.000 đồng/m2, cao nhất là 420.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 167.000 đồng/m2, thấp nhất là 56.000 đồng/m2, cao nhất là 336.000 đồng/m2.

Tại xã Lộc Thành:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 110.000 đồng/m2, thấp nhất là 60.000 đồng/m2, cao nhất là 168.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 88.000 đồng/m2, thấp nhất là 48.000 đồng/m2, cao nhất là 134.000 đồng/m2.

Tại xã Lộc Hưng:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 121.000 đồng/m2, thấp nhất là 112.000 đồng/m2, cao nhất là 168.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 97.000 đồng/m2, thấp nhất là 90.000 đồng/m2, cao nhất là 134.000 đồng/m2.

Tại xã Lộc Tấn:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 124.000 đồng/m2, thấp nhất là 98.000 đồng/m2, cao nhất là 168.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 99.000 đồng/m2, thấp nhất là 78.000 đồng/m2, cao nhất là 134.000 đồng/m2.

Tại xã Lộc Thạnh:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 96.000 đồng/m2, thấp nhất là 60.000 đồng/m2, cao nhất là 140.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 77.000 đồng/m2, thấp nhất là 48.000 đồng/m2, cao nhất là 112.000 đồng/m2.

Tại xã Lộc Quang:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 116.000 đồng/m2, thấp nhất là 60.000 đồng/m2, cao nhất là 168.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 93.000 đồng/m2, thấp nhất là 48.000 đồng/m2, cao nhất là 134.000 đồng/m2.

Tại phường Tân Khai:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 211.000 đồng/m2, thấp nhất là 96.000 đồng/m2, cao nhất là 384.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 169.000 đồng/m2, thấp nhất là 77.000 đồng/m2, cao nhất là 307.000 đồng/m2.

Tại xã Tân Hưng:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 113.000 đồng/m2, thấp nhất là 80.000 đồng/m2, cao nhất là 160.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 90.000 đồng/m2, thấp nhất là 64.000 đồng/m2, cao nhất là 128.000 đồng/m2.

Tại xã Tân Quan:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 131.000 đồng/m2, thấp nhất là 50.000 đồng/m2, cao nhất là 264.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 105.000 đồng/m2, thấp nhất là 40.000 đồng/m2, cao nhất là 211.000 đồng/m2.

Tại xã Minh Đức:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 85.000 đồng/m2, thấp nhất là 60.000 đồng/m2, cao nhất là 144.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 68.000 đồng/m2, thấp nhất là 48.000 đồng/m2, cao nhất là 115.000 đồng/m2.

Tại xã Phước Sơn:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 131.000 đồng/m2, thấp nhất là 75.000 đồng/m2, cao nhất là 195.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 105.000 đồng/m2, thấp nhất là 60.000 đồng/m2, cao nhất là 156.000 đồng/m2.

Tại xã Nghĩa Trung:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 134.000 đồng/m2, thấp nhất là 111.000 đồng/m2, cao nhất là 195.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 107.000 đồng/m2, thấp nhất là 88.000 đồng/m2, cao nhất là 156.000 đồng/m2.

Tại xã Bù Đăng:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 191.000 đồng/m2, thấp nhất là 88.000 đồng/m2, cao nhất là 350.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 152749.000 đồng/m2, thấp nhất là 70.000 đồng/m2, cao nhất là 280.000 đồng/m2.

Tại xã Thọ Sơn:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 115.000 đồng/m2, thấp nhất là 91.000 đồng/m2, cao nhất là 169.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 92.000 đồng/m2, thấp nhất là 73.000 đồng/m2, cao nhất là 135.000 đồng/m2.

Tại xã Đắk Nhau:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 90.000 đồng/m2, thấp nhất là 65.000 đồng/m2, cao nhất là 156.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 72.000 đồng/m2, thấp nhất là 52.000 đồng/m2, cao nhất là 125.000 đồng/m2.

Tại xã Bom Bo:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 125.000 đồng/m2, thấp nhất là 70.000 đồng/m2, cao nhất là 169.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 100.000 đồng/m2, thấp nhất là 56.000 đồng/m2, cao nhất là 135.000 đồng/m2.

Tại xã Thiện Hưng:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 140.000 đồng/m2, thấp nhất là 50.000 đồng/m2, cao nhất là 350.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 112.000 đồng/m2, thấp nhất là 40.000 đồng/m2, cao nhất là 280.000 đồng/m2.

Tại xã Tân Tiến:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 84.000 đồng/m2, thấp nhất là 50.000 đồng/m2, cao nhất là 168.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 67.000 đồng/m2, thấp nhất là 40.000 đồng/m2, cao nhất là 134.000 đồng/m2.

Tại xã Hưng Phước:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 79.000 đồng/m2, thấp nhất là 50.000 đồng/m2, cao nhất là 168.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 63.000 đồng/m2, thấp nhất là 40.000 đồng/m2, cao nhất là 134.000 đồng/m2.

Tại xã Đắk Ơ:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 164.000 đồng/m2, thấp nhất là 112.000 đồng/m2, cao nhất là 252.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 131.000 đồng/m2, thấp nhất là 90.000 đồng/m2, cao nhất là 202.000 đồng/m2.

Tại xã Phú Nghĩa:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 140.000 đồng/m2, thấp nhất là 112.000 đồng/m2, cao nhất là 252.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 112.000 đồng/m2, thấp nhất là 90.000 đồng/m2, cao nhất là 202.000 đồng/m2.

Tại xã Đa Kia:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 123.000 đồng/m2, thấp nhất là 55.000 đồng/m2, cao nhất là 252.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 98.000 đồng/m2, thấp nhất là 44.000 đồng/m2, cao nhất là 202.000 đồng/m2.

Tại xã Bù Gia Mập:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 90.000 đồng/m2, thấp nhất là 60.000 đồng/m2, cao nhất là 100.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 80.000 đồng/m2, thấp nhất là 48.000 đồng/m2, cao nhất là 90.000 đồng/m2.

Tại xã Phú Riềng:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 156.000 đồng/m2, thấp nhất là 140.000 đồng/m2, cao nhất là 210.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 125.000 đồng/m2, thấp nhất là 112.000 đồng/m2, cao nhất là 168.000 đồng/m2.

Tại xã Phú Trung:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 126.000 đồng/m2, thấp nhất là 112.000 đồng/m2, cao nhất là 182.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 101.000 đồng/m2, thấp nhất là 90.000 đồng/m2, cao nhất là 146.000 đồng/m2.

Tại xã Long Hà:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 152.000 đồng/m2, thấp nhất là 112.000 đồng/m2, cao nhất là 182.000 đồng/m2.

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 121.000 đồng/m2, thấp nhất là 90.000 đồng/m2, cao nhất là 146.000 đồng/m2.

Tại xã Bình Tân:

+ Mức giá trung bình đối với đất cây lâu năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 135.333 đồng/m2, thấp nhất là 112.000 đồng/m2, cao nhất là 182.000 đồng/m2

+ Mức giá trung bình đối với đất cây hàng năm tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 108.000 đồng/m2, thấp nhất là 90.000 đồng/m2, cao nhất là 146.000 đồng/m2.

b. Giá đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng rừng sản xuất

– Tại phường Biên Hòa: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 929.000 đồng/m^2, thấp nhất là 900.000 đồng/m^2, cao nhất là 970.000 đồng/m^2.

– Tại phường Trấn Biên: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 970.000 đồng/m^2.

– Tại phường Tam Hiệp: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 970.000 đồng/m^2.

– Tại phường Long Bình: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 970.000 đồng/m^2.

– Tại phường Trảng Dài: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 655.000 đồng/m^2, thấp nhất là 470.000 đồng/m^2, cao nhất là 770.000 đồng/m^2.

– Tại phường Hố Nai: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 671.000 đồng/m^2, thấp nhất là 600.000 đồng/m^2, cao nhất là 970.000 đồng/m^2.

– Tại phường Long Hưng: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 666.000 đồng/m^2, thấp nhất là 630.000 đồng/m^2, cao nhất là 680.000 đồng/m^2.

– Tại phường Tân Triều: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 517.000 đồng/m^2, thấp nhất là 160.000 đồng/m^2, cao nhất là 770.000 đồng/m^2.

– Tại phường Phước Tân: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 630.000 đồng/m^2.

– Tại phường Tam Phước: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 630.000 đồng/m^2.

– Tại phường Long Thành: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 672.000 đồng/m^2, thấp nhất là 440.000 đồng/m^2, cao nhất là 710.000 đồng/m^2.

– Tại xã Bình An: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 561.000 đồng/m^2, thấp nhất là 530.000 đồng/m^2, cao nhất là 600.000 đồng/m^2.

– Tại xã An Phước: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 573.000 đồng/m^2, thấp nhất là 530.000 đồng/m^2, cao nhất là 600.000 đồng/m^2.

– Tại xã Long Phước: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 565.000 đồng/m^2, thấp nhất là 530.000 đồng/m^2, cao nhất là 600.000 đồng/m^2.

– Tại xã Phước Thái: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 563.000 đồng/m^2, thấp nhất là 530.000 đồng/m^2, cao nhất là 600.000 đồng/m^2.

– Tại phường Nhơn Trạch: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 598.000 đồng/m^2, thấp nhất là 530.000 đồng/m^2, cao nhất là 710.000 đồng/m^2.

– Tại xã Đại Phước: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 580.000 đồng/m^2, thấp nhất là 530.000 đồng/m^2, cao nhất là 670.000 đồng/m^2.

– Tại xã Phước An: mức giá trung bình tại các tuyến đường có tên cụ thể điều tra là 580.000 đồng/m^2, thấp nhất là 530.000 đồng/m^2, cao nhất là 670.000 đồng/m^2.

– Qua khảo sát điều tra giá đất, nhìn chung giá đất nông nghiệp đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng rừng sản xuất tại các đoạn đường, tuyến đường trên địa bàn 40 phường xã ở khu vực phía Bắc thành phố Đồng Nai cơ bản giá đất vẫn giữ ổn định so với bảng giá đất hiện hành.

2. Đất phi nông nghiệp

Giá đất ở

– Qua điều tra khảo sát, giá đất khởi điểm tại các khu dân cư đã hạ nhiệt, đồng thời giá giao dịch chuyển nhượng tại một số nơi đã và đang giảm, các tuyến đường còn lại cơ bản giữ ổn định, một số tuyến đường mới đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị được đề xuất bổ sung mới so với bảng giá đất nhà nước hiện hành.

II. Đánh giá các quy định trong bảng giá đất hiện hành

Bảng giá đất lần đầu tỉnh Đồng Nai năm 2026 theo Nghị Quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 đã thực hiện một số nhiệm vụ như:

+ Rà soát cập nhật bổ sung các tuyến đường mới phát sinh, tuyến đường được nâng cấp, mở rộng; điều chỉnh tên các tuyến đường, điểm đầu, điểm cuối…;

+ Rà soát các tuyến đường trên địa bàn nhiều xã, phường để gộp chung một nhóm xã;

G- PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG MỨC GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRONG DỰ THẢO BẢNG GIÁ ĐẤT

I. Quan điểm xây dựng phương án đề xuất mức giá các loại đất

– Phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương thông qua:

+ Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của việc ban hành Bảng giá đất lần đầu thành phố Đồng Nai năm 2026;

+ Đảm bảo có sự hài hòa lợi ích của nhà nước, người dân, tổ chức kinh tế trong việc thực hiện các thủ tục đất đai, thủ tục nghĩa vụ tài chính về đất đai liên quan;

+ Giá đất trong bảng giá đất hiện hành còn thấp hơn so với giá thị trường.

– Đảm bảo tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với mặt bằng chung về giá đất và phù hợp giữa các khu vực, đoạn đường, tuyến đường với nhau.

II. Quy định Bảng giá đất sửa đổi, bổ sung

1. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025:

Hiện nay, tại Khoản 9 Điều 8 Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 có quy định liên quan đến cách xác định vị trí, áp dụng giá đất đối với các trường hợp cụ thể; Nội dung đang quy định mới chỉ có đất phi nông nghiệp tại Phụ lục III, không đề cập đến đất nông nghiệp tại Phụ lục I. Do vậy các thửa đất nông nghiệp thuộc các trường hợp nêu trên chưa quy định giá đất. Đề xuất bổ sung quy định Phụ lục I, với hệ số 0,8 nếu là đất phi nông nghiệp, hệ số 0,9 nếu là đất nông nghiệp.

Nội dung: khoản 9 Điều 8 Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025:

"9. Đối với những thửa đất, khu đất tiếp giáp các đường đất, đường đá, đường cấp phối chưa được quy định tại Phụ lục III kèm theo Quy định này thì giá đất được xác định theo tuyến đường giao thông có kết cấu mặt đường trải nhựa, bê tông tại cùng tuyến đường, vị trí, phạm vi nhân với hệ số 0,8."

Nội dung sửa đổi, bổ sung: khoản 9 Điều 8:

"9. Đối với những thửa đất, khu đất tiếp giáp các đường đất, đường đá, đường cấp phối chưa được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục III kèm theo Quy định này thì giá

đất được xác định theo tuyến đường giao thông có kết cấu mặt đường trải nhựa, bê tông tại cùng tuyến đường, vị trí, phạm vi nhân với hệ số 0,8 nếu là đất phi nông nghiệp, hệ số 0,9 nếu là đất nông nghiệp."

2. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025:

Theo quy định hiện hành, cảng hàng không được quy định là đất giao thông (DGT). Do vậy, việc trình bày hiện nay sẽ có thể hiểu nhầm thành đất thương mại (TMD) dịch vụ và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (SKC). Do vậy đề xuất điều chỉnh quy định này cho phù hợp.

Đề xuất bổ sung quy định đất "công trình giao thông có chức năng sử dụng cho mục đích" vào khoản 9 Điều 6 so với Quy định.

Nội dung: khoản 9 Điều 6 Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025:

"9. Giá đất tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành xác định như sau:

a) Giá đất thương mại, dịch vụ là 2.760.000 đồng/m^2;

b) Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ là 2.520.000 đồng/m^2."

Nội dung sửa đổi, bổ sung: khoản 9 Điều 6:

"9. Giá đất tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành xác định như sau:

a) Giá đất công trình giao thông có chức năng sử dụng cho mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ là 2.760.000 đồng/m2;

b) Giá đất công trình giao thông có chức năng sử dụng cho mục đích sản xuất phi nông nghiệp là 2.520.000 đồng/m2."

3. Sửa đổi, bổ sung tại điểm a, b khoản 5 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025:

Tại Khoản 5 Điều 3 Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, chưa giải thích rõ về cách xác định độ rộng và khoảng cách các tuyến đường không đấu nối trực tiếp. Do vậy dẫn đến 02 cách hiểu: độ rộng, khoảng cách tính từ thửa đất đến đường đấu nối trực tiếp hoặc độ rộng, khoảng cách tính từ thửa đất đến đường giao thông chính. Điều chỉnh và có minh họa cụ thể cho rõ hơn đối với trường hợp này.

+ Đề xuất bổ sung quy định tính từ tuyến đường giao thông chính vào điểm a, b khoản 5 và khoản 5 Điều 3 so với Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND).

Nội dung: điểm a, b khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025:

"5. Độ rộng đường và khoảng cách đến tuyến đường giao thông đối với các tuyến đường đấu nối trực tiếp hoặc không đấu nối trực tiếp:

a) Khoảng cách đến tuyến đường giao thông được tính từ cạnh gần nhất của thửa đất, khu đất cần xác định đến mép ngoài cùng hành lang an toàn đường bộ của tuyến đường giao thông (hoặc đến mép ngoài đường hiện hữu của tuyến đường giao thông đối với các trường hợp chưa có hành lang an toàn đường bộ). Khoảng cách đến tuyến đường giao thông được căn cứ theo bản đồ địa chính được chỉnh lý mới nhất;

b) Độ rộng đường được xác định theo độ rộng căn cứ theo bản đồ địa chính được chỉnh lý mới nhất. Đối với những tuyến đường giao thông có độ rộng không đều nhau (chỗ rộng, chỗ hẹp) thì độ rộng được xác định tại nơi hẹp nhất phải đi qua để đến vị trí của thửa đất, khu đất cần xác định;"

Nội dung sửa đổi, bổ sung: điểm a, b khoản 5 Điều 3:

"5. Độ rộng đường và khoảng cách đến tuyến đường giao thông đối chính với các tuyến đường đấu nối trực tiếp hoặc không đấu nối trực tiếp:

a) Khoảng cách đến tuyến đường giao thông chính được tính từ cạnh gần nhất của thửa đất, khu đất cần xác định đến mép ngoài cùng hành lang an toàn đường bộ của tuyến đường giao thông (hoặc đến mép ngoài đường hiện hữu của tuyến đường giao thông đối với các trường hợp chưa có hành lang an toàn đường bộ). Khoảng cách đến tuyến đường giao thông được căn cứ theo bản đồ địa chính được chỉnh lý mới nhất;

b) Độ rộng đường được xác định theo độ rộng căn cứ theo bản đồ địa chính được chỉnh lý mới nhất. Đối với những tuyến đường giao thông có độ rộng không đều nhau (chỗ rộng, chỗ hẹp) thì độ rộng được xác định tại nơi hẹp nhất phải đi qua để đến vị trí của thửa đất, khu đất cần xác định tính từ tuyến đường giao thông chính."

4. Bổ sung tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025:

Bổ sung quy định khoản 13 Điều 8 so với Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND):*

"13. Nguyên tắc xác định giá đất tại các thửa đất, khu đất tiếp giáp với đường dẫn lên cao tốc, đường gom dân sinh dọc theo các tuyến cao tốc, đường vành đai

Đối với các thửa đất, khu đất tiếp giáp với đường dẫn lên cao tốc, đường vành đai thì việc xác định vị trí của thửa đất, khu đất không dựa vào đường dẫn lên cao tốc, đường vành đai mà dựa vào các đường giao thông khác đi đến thửa đất, khu đất để xác định theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai; trường hợp không có đường giao thông đi đến thửa đất thì xác định vị trí 2 của đường giao thông gần nhất có tên trong bảng giá đất.

Đối với thửa đất, khu đất tiếp giáp với đường gom dân sinh dọc theo các tuyến cao tốc, đường vành đai (mà chưa có quy định trong bảng giá đất) thì áp dụng nguyên tắc quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai để xác định vị trí theo các tuyến đường giao đi đến thửa đất."

Bổ sung quy định khoản 14 Điều 8 so với Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND):*

"14. Đối với đất phi nông nghiệp tại các đoạn đường chưa được quy định mức giá nhưng cùng tuyến và nối tiếp với các đoạn đã được quy định giá đất thì các vị trí thuộc đoạn đường chưa được quy định giá đất áp dụng bằng 80% mức giá từng vị trí tương ứng của đoạn đường nối tiếp đã được quy định giá đất. Trường hợp đoạn đường chưa quy định giá đất liền kề với 2 đoạn đường đã được quy định giá đất (điểm đầu nối đoạn này và điểm cuối nối đoạn kia) thì áp dụng theo đường có mức giá cao hơn."

5. Sửa đổi điểm c khoản 3 tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025:

Nội dung: điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025:

"3. Đối với những thửa đất, khu đất phi nông nghiệp tiếp giáp từ hai tuyến đường giao thông trở lên:

c) Nguyên tắc xác định giá đất tại điểm a, điểm b Khoản này như sau: Trường hợp thửa đất, khu đất phi nông nghiệp tiếp giáp với hai tuyến đường giao thông trở lên thì phần diện tích trong phạm vi từ mốc hành lang an toàn đường bộ đến hết mét thứ 50 thuộc tuyến đường nào được tính theo mức giá đất của tuyến đường đó; Phần diện tích giao với hai tuyến đường được tính theo đường có mức giá cao hơn; Phần diện tích còn lại từ sau mét thứ 50 thì dựa theo đường có mức giá cao nhất để định giá; Trường hợp có nhiều tuyến đường có mức giá cao nhất bằng nhau thì dựa theo đường mà thửa đất, khu đất có mặt tiền dài nhất để xác định giá đất. Giá trị của thửa đất, khu đất bằng tổng giá trị của từng phần diện tích đất đã tính nhân với hệ số quy định tại điểm a, điểm b Khoản này."

Nội dung sửa đổi, bổ sung: điểm c khoản 3 Điều 8:

"3. Đối với những thửa đất, khu đất phi nông nghiệp tiếp giáp từ hai tuyến đường giao thông trở lên:

c) Việc xác định giá đất theo điểm a, điểm b khoản này đảm bảo tổng giá trị khu đất, thửa đất là cao nhất."

III. Bảng giá các loại đất sửa đổi, bổ sung

1. Giá đất nông nghiệp (Phụ lục số I)

1.1. Tại Phường Biên Hòa

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 107; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Trần Văn Ơn (STT 57) sửa điểm cuối từ "Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 124)" thành "Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124"; lý do: Đơn vị tư vấn sửa đổi lại điểm cuối cho đúng với thực tế Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 107.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương;

+ Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ);

+ Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn;

+ Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc;

+ Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An;

+ Các tuyến đường tại Cù Lao Tân Vạn (đường D1, D4, D9, N2, N4);

+ Các tuyến đường tại Cù Lao Tân Vạn (các đường còn lại);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 630.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp;

+ … và 14 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.2. Tại Phường Trấn Biên

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 599; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Vũ Hồng Phô (STT 541) sửa điểm cuối từ "Đường Trần Quốc Toản" thành "Đường Nguyễn Thông"; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 239 phường Tam Hiệp (2 đường giá bằng nhau). Điểm cuối tuyến đường trên đường Trần Quốc Toản thuộc phường Tam Hiệp, cách ranh giới… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 155) sửa điểm cuối từ "Quốc lộ 51" thành "Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái)"; lý do: Do trùng với STT 78 phường Long Hưng nên sửa đổi điểm cuối: Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

b) Sửa điểm đầu của 09 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường N1 (khu dân cư D2D) (STT 429) sửa điểm đầu từ "Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200" thành "Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200"; lý do: Qua rà soát đơn vị tư vấn đề nghị điều chỉnh Điểm đầu số thửa 1160 tờ BĐĐC 200 vì theo đúng mô tả của đường N1 theo thực tế có điểm đầu là (Đầu thửa 1160 tờ…;

+ Đường Trần Quốc Toản (STT 450) sửa điểm đầu từ "Đường Vũ Hồng Phô" thành "Ranh giới phường Tam Hiệp"; lý do: Không thể vẽ điểm đầu theo như miêu tả, điều chỉnh điểm đầu thành Giáp Ranh giới phường Tam Hiệp cho đúng với ranh giới hành chính mới;

+ Xa lộ Hà Nội (STT 492) sửa điểm đầu từ "Vòng xoay Tam Hiệp" thành "Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu cho phù hợp với thực tế: Giáp ranh phường Tam Hiệp (Công viên tượng đài Chiến Thắng) .Do trùng với STT 267 phường Tam Hiệp nên sửa điểm… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Tách đoạn của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường ven sông Cái; Tách đoạn giữ nguyên giá (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Phạm Văn Thuận (STT 338) đoạn từ Đường 30 tháng tư đến Hết ranh giới phường Trấn Biên; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 211 phường Tam Hiệp (giá bằng nhau) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) (STT 499) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51; lý do: Điểm đầu và điểm cuối đang không đúng với thực tế đề nghị điều chỉnh điểm đầu (đề nghị điều chỉnh thành : Giáp ranh phường Tam Hiệp (Công viên tượng đài Chiến Thắng) điểm cuối (đề nghị điều chỉnh là Giáp ranh phường Long… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

e) Bổ sung mới 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 970.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 970.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 599.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều;

+ Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản;

+ Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều;

+ Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên;

+ Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc;

+ … và 81 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 670.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm;

+ … và 168 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.3. Tại Phường Tam Hiệp

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 350; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 08 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) (STT 141) sửa điểm cuối từ “Hết quán cà phê Xá Xị” thành “Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5”; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5";

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 155) sửa điểm cuối từ “Quốc lộ 51” thành “Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái)”; lý do: Do trùng với STT 78 phường Long Hưng nên điều chỉnh điểm cuối: Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

b) Sửa điểm đầu của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Xa lộ Hà Nội (STT 492) sửa điểm đầu từ “Vòng xoay Tam Hiệp” thành “Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304”; lý do: Điều chỉnh điểm đầu cho phù hợp với thực tế: Giáp ranh phường Tam Hiệp (Công viên tượng đài Chiến Thắng) .Do trùng với STT 267 phường Tam Hiệp nên sửa điểm… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Huỳnh Văn Hớn (STT 274) sửa điểm đầu từ “Giáp ranh phường Trấn Biên” thành “Đường Phạm Văn Thuận”, sửa điểm cuối từ “Đường Phạm Văn Thuận” thành “Giáp ranh phường Trấn Biên”; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm đầu là: "Đường Phạm Văn Thuận" và điểm cuối là "Giáp ranh phường Trấn Biên";

+ Đường Trần Thị Hoa (STT 281) sửa điểm đầu từ “Giáp ranh phường Trấn Biên” thành “Đường Vũ Hồng Phô”, sửa điểm cuối từ “Đường Vũ Hồng Phô” thành “Giáp ranh phường Trấn Biên”; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm đầu là: " Đường Vũ Hồng Phô" và điểm cuối là "Giáp ranh phường Trấn Biên";

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 309) đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 155 phường Long Bình (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 343.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Xa lộ Hà Nội đoạn từ Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai;

+ Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận;

+ Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung;

+ Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75;

+ Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi;

+ Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi;

+ Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh);

+ Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3);

+ Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định;

+ Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi;

+ … và 40 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 670.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung;

+ … và 94 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.4. Tại Phường Long Bình

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 203; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 08 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Phan Đăng Lưu (STT 148) sửa điểm cuối từ "Ranh giới phường Phước Tân" thành "Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa"; lý do: Sửa điểm cuối để phù hợp với đường này bên phường Phước Tân;

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 155) sửa điểm cuối từ "Quốc lộ 51" thành "Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái)"; lý do: Do trùng với STT 78 phường Long Hưng nên điều chỉnh điểm cuối: Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

b) Sửa tên đường của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Yết Kiêu (STT 113) sửa tên đường từ "Đường Yết Kiêu" thành "Đường Đặng Nguyên"; lý do: Sửa tên đường Yết Kiêu thành " Đường Đặng Nguyên" do sai tên;

c) Bỏ 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Tô Hiến Thành (STT 85) đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình; lý do: Bỏ tuyến đường Tô Hiến Thành ra khỏi Nghị Quyết số 28/2025/NQ-HDND ngày 10/12/2025 (Lý do tuyến đường này chưa được đấu nối, chưa thi công đoạn đấu nối với Xa Lộ Hà Nội) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 21 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 18 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Xa lộ Hà Nội (STT 99) đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 260 phường Tam Hiệp (giá bằng nhau) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Điểu Xiển (STT 99) đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 1 phường Hố Nai (giá bằng nhau) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Phan Đăng Lưu; lý do: Đường Phan Đăng Lưu đề xuất sửa thành 2 đoạn Đoạn 1: Điểm đầu: Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài). Điểm cuối:: Đến ranh nghĩa trang thành phố Biên Hòa Đoạn 2: Đoạn đầu: Từ đầu ranh nghĩa trang thành phố Biên Hòa. Điểm cuối:… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 182.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn;

+ Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ;

+ Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu;

+ Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình;

+ Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ;

+ Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân;

+ Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai;

+ Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai;

+ Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267;

+ … và 16 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 460.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa đến Suối;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa đến Suối;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối;

1.5. Tại Phường Trảng Dài

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 280; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 09 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Sở Quýt (STT 182) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Phường Hố Nai" thành "Giáp ranh Phường Long Bình"; lý do: Sửa theo tên phường sau sáp nhập;

+ Đường tỉnh 768 (STT 204) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã tân An" thành "Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải"; lý do: Do trùng với STT 1 xã tân An nên điều chỉnh điểm cuối thành Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 253) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)" thành "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối;

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hoàng Văn Bổn (STT 148) sửa điểm đầu từ "Giáp phường Hố Nai và phường Trảng Dài" thành "Giáp phường Long Bình"; lý do: Sửa theo tên phường sau sáp nhập;

c) Sửa tên đường của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học (STT 92) sửa tên đường từ "Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học" thành "Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học"; lý do: Sửa tên đường;

+ Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học (STT 99) sửa tên đường từ "Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học" thành "Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học"; lý do: Sửa tên đường;

d) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) (STT 43) sửa điểm đầu từ "" thành "Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài", sửa điểm cuối từ "" thành "Đường Thân Nhân Trung";

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 260) sửa điểm đầu từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)" thành "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)", sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ)" thành "Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ)"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối;

e) Sửa tên đường, sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) (STT 113) sửa tên đường từ "Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà)" thành "Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã)", sửa điểm đầu từ "Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã)" thành "Hết thửa đất số 415 tờ BĐĐC số 36", sửa điểm cuối từ "0" thành "Đường Trần Văn Xã"; lý do: Điều chỉnh tên đường, điểm đầu, điểm cuối;

+ Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) (STT 120) sửa tên đường từ "Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà)" thành "Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã)", sửa điểm đầu từ "Đoạn còn lại" thành "Cầu Săn Máu", sửa điểm cuối từ "0" thành "Hết thửa đất 415 tờ BĐĐC số 36"; lý do: Điều chỉnh tên đường, điểm đầu, điểm cuối;

f) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (STT 1) đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 302 phường Tam Hiệp (đường bị bỏ giá thấp hơn) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

g) Bổ sung mới 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 280.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.200.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài;

+ Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi;

+ Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên;

+ Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên;

+ Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768;

+ Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung;

+ Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung;

+ Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến;

+ Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung;

+ Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn;

+ … và 11 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC;

+ … và 6 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.6. Tại Phường Hố Nai

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 322; trong đó:

a) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 28 tuyến đường (gồm 04 tuyến đường chính và 24 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Nguyễn Trường Tộ (STT 8) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 1 Phường Long Bình (đường bị bỏ giá thấp hơn). Văn bản số 1650/UBND-KT ngày 14/08/2026 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Hoàng Văn Bổn (STT 15) đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 36 phường Long Bình (đường bị bỏ giá thấp hơn). Điều chỉnh điểm cuối Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân thành hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC số 5 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Hoàng Văn Bổn (STT 22) đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Trảng Dài; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 43 phường Long Bình (đường bị bỏ giá thấp hơn). Điều chỉnh điểm đầu Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân thành hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC số 5 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Ngô Sĩ Liên (STT 29) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển; lý do: Bỏ do trùng với STT 64 phường Long Bình (bằng giá nhau). Điều chỉnh điểm cuối thành hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

b) Bổ sung mới 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 308.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn;

+ Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân;

+ Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài;

+ Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267;

+ Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành;

+ Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5;

+ Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 đến Giáp ranh phường Trảng Dài;

+ Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt;

+ … và 54 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.7. Tại Phường Long Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 154; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Văn Tỏ (STT 64) sửa điểm cuối từ “Đường Ngô Quyền” thành “Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117)”; lý do: Phòng kinh tế yêu cầu chỉnh sửa điểm cuối thành :"Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117)";

b) Sửa điểm đầu của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) (STT 78) sửa điểm đầu từ “Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên” thành “Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên”; lý do: Do trùng với STT 155 phường Long Bình nên điều chỉnh điểm đầu: Từ hết cầu 201 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phước Tân - Long Hưng (STT 141) sửa điểm đầu từ "Ranh phường Long Hưng" thành "Hương Lộ 2", sửa điểm cuối từ "Hương Lộ 2" thành "Ranh phường Long Hưng"; lý do: Phòng kinh tế yêu cầu chỉnh sửa điểm đầu thành:"Hương lộ 2" và điểm cuối thành :" Ranh phường Long Hưng";

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Xa lộ Hà Nội (STT 1) đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai; lý do: bỏ vì đoạn này ngắn hơn và giá bằng nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Quốc lộ 51 (STT 36) đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân; lý do: Bỏ vì trùng tuyến 43 Phước Tân giá bằng nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 140.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.050.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai;

+ Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân;

+ Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái;

+ Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53;

+ Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa;

+ Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117);

+ … và 5 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 460.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã;

+ … và 8 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.8. Tại Phường Tân Triều

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 434; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 253) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)" thành "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối;

+ Đường Cây Quéo ấp 4 (STT 106) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều" thành "Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92"; lý do: Sửa điểm cuối thành Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92;

+ Đường 5 - 7 (STT 134) sửa điểm cuối từ "Bên phải: Hết ranh thửa đất số 947, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều Bên trái: hết ranh thửa đất số 948, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều" thành "Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều"; lý do: Sửa điểm cuối thành giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều;

+ Đường Lò Thổi (STT 358) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Thạnh Phú cũ" thành "Đường Hương lộ 15"; lý do: Sửa điểm cuối thành Đường Hương lộ 15;

b) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 260) sửa điểm đầu từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)" thành "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)", sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ)" thành "Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ)"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối;

c) Gộp đoạn của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 16 (STT 120); Gộp đoạn thành Đường 16 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: cuối đường);

+ Hương lộ 15 (STT 148); Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Ngã ba Hương lộ 6; điểm cuối: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2) Giá đề xuất: 7.00.000 đồng;

+ Hương lộ 15 (STT 169); Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2; điểm cuối: Bến đò Bình Ninh) Giá đề xuất: 6.000.000 đồng;

+ Đường Bình Hòa - Cây Dương (STT 197); Gộp đoạn: Đường Bình Hòa - Cây Dương (điểm đầu: Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ); điểm cuối: Đường tỉnh 768); Giá đề xuất: 6.300.000 đồng;

+ Hương lộ 9 (STT 211); Gộp đoạn: Hương lộ 9 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp) Giá đề xuất: 700.000 đồng;

+ Hương lộ 7 (STT 246); Gộp đoạn: Đường Hương lộ 7 (điểm đầu: Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo); điểm cuối: Hương lộ 15 Giá đề xuất: 6.000.000 đồng;

+ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (STT 267); Gộp đoạn: Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ) Giá đề xuất: 4.800.000 đồng;

d) Bỏ 77 tuyến đường (gồm 11 tuyến đường chính và 66 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường 16 (STT 127) đoạn từ Đường D1 đến Hết đường; lý do: Bỏ do Gộp đoạn thành Đường 16 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: cuối đường) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Hương lộ 15 (STT 155) đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2; lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Ngã ba Hương lộ 6; điểm cuối: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2) Giá đề xuất: 7.00.000 đồng (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Hương lộ 15 (STT 162) đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51; lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2; điểm cuối: Bến đò Bình Ninh) Giá đề xuất: 6.000.000 đồng (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Hương lộ 15 (STT 176) đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên; lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63;

Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2; điểm cuối: Bến đò Bình Ninh) Giá đề xuất: 6.000.000 đồng (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bình Hòa - Cây Dương (STT 183) đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ; lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường Bình Hòa - Cây Dương (điểm đầu: Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ); điểm cuối: Đường tỉnh 768); Giá đề xuất: 6.300.000 đồng (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bình Hòa - Cây Dương (STT 190) đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa; lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường Bình Hòa - Cây Dương (điểm đầu: Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ); điểm cuối: Đường tỉnh 768); Giá đề xuất: 6.300.000 đồng (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Hương lộ 9 (STT 218) đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều; lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 9 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Hương lộ 9 (STT 225) đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp; lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 9 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Hương lộ 7 (STT 253) đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15; lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường Hương lộ 7 (điểm đầu: Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo); điểm cuối: Hương lộ 15 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (STT 274) đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ); lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ) Giá đề xuất: 4.800.000 đồng (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (STT 281) đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ); lý do: Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ) Giá đề xuất: 4.800.000 đồng (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

e) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 49 tuyến đường (gồm 07 tuyến đường chính và 42 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (STT 1) đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi; lý do: Bỏ do trùng với STT 295 phường Tam Hiệp (đường bỏ giá thấp hơn) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Đồng Khởi (STT 8) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 8 phường Trảng Dài (giá bằng nhau) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Đồng Khởi (STT 15) đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 15 phường Trảng Dài (giá bằng nhau) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Đồng Khởi (STT 22) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 22 phường Trảng Dài (giá bằng nhau) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Đồng Khởi (STT 29) đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 29 phường Trảng Dài (giá bằng nhau) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 372) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC); lý do: Bỏ do trùng với STT 253 phường Trảng Dài (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 379) đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ); lý do: Bỏ do trùng với STT 260 phường Trảng Dài (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

f) Bổ sung mới 84 tuyến đường (gồm 12 tuyến đường chính và 72 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 470.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 470.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 470.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 700.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 470.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76, giá đất trồng cây lâu năm,

cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 470.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 470.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 700.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 470.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 700.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 33; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 700.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 700.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 392.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải;

+ … và 38 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.9. Tại Phường Phước Tân

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 161; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phan Đăng Lưu (STT 148) sửa điểm cuối từ "Ranh giới phường Phước Tân" thành "Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa"; lý do: Sửa điểm cuối để phù hợp với đường này bên phường Phước Tân;

+ Quốc lộ 51 (STT 50) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh phường Phước Tân" thành "Giáp ranh phường Tam Phước"; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Giáp ranh phường Tam Phước";

+ Đường Hoàng Đình Cận (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân" thành "Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân"; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên…;

b) Sửa điểm đầu của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) (STT 78) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên" thành "Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên"; lý do: Do trùng với STT 155 phường Long Bình nên điều chỉnh điểm đầu: Từ hết cầu 201 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Quốc lộ 51 (STT 36) đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực; lý do: Bỏ vì trùng tuyến 29 Long Hưng, giá bằng nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 127) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân; lý do: Bỏ vì trùng tuyến 78 Long Hưng và giá bằng nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51., giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 1.000.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 630.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 154.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2 tại Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 460.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân;

+ … và 36 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.10. Tại Phường Tam Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 119; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Hương lộ 2 (STT 8) sửa điểm cuối từ “Hết ranh thửa đất số 247, tờ BĐĐC số 105, (phường Tam Phước)” thành “Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103”; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103";

+ Quốc lộ 51 (STT 36) sửa điểm cuối từ “Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển” thành “Đường Phùng Hưng”; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Đường Phùng Hưng";

+ Đường Hàm Nghi (STT 50) sửa điểm cuối từ “Bên phải, hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 45; Bên trái, hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 30 (phường Tam Phước).” thành “Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46”; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46".;

+ Đường Nguyễn Khắc Hiếu (STT 57) sửa điểm cuối từ “Ngã 3” thành “Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38)”; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38)".;

+ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền (STT 85) sửa điểm cuối từ “Giáp ranh xã Trảng Bom” thành “Giáp ranh phường Trảng Bom”; lý do: Thay đổi câu từ, từ "xã" thành "phường";

+ Quốc lộ 51 (STT 50) sửa điểm cuối từ “Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển” thành “Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam”; lý do: kiến nghị sửa tên điểm cuối;

b) Sửa điểm đầu của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Quốc lộ 51 (STT 43) sửa điểm đầu từ “Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển” thành “Từ hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam”; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm đầu là: "Đường Phùng Hưng". Do trùng với STT 57 xã An Phước nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ hết cục hậu cần kỹ… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 08 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Nguyễn Khắc Hiếu (STT 64) sửa điểm đầu từ “Ngã 3” thành “Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24”, sửa điểm cuối từ “Hẻm số 303 đường Nguyễn Khắc Hiếu tại phường Tam Phước” thành “Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5”; lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm đầu là: "Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24)" và điểm cuối thành: "Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa…;

+ Quốc lộ 51 (STT 57) sửa điểm đầu từ “Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển” thành “Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam”, sửa điểm cuối từ “Mũi tàu” thành “Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54)”; lý do: kiến nghị sửa tên điểm đầu điểm cuối. Do trùng với stt 43 phường Tam Phước nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 107 tờ bản đồ số 34 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước., giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 1.000.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 630.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 126.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.000.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước;

+ Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103;

+ Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước);

+ Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Từ hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước;

+ Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46;

+ Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38);

+ Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5;

+ … và 6 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 270.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã 3 đường Phùng Hưng đến Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã 3 đường Phùng Hưng đến Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu;

1.11. Tại Phường Long Thành

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 468; trong đó:

a) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Cầu Mên (STT 43) sửa điểm đầu từ "Đường tỉnh 769" thành "Từ thửa đất số 9 tờ bản đồ 136 về bên phải và thửa đất số 75 tờ bản đồ số 135 về bên trái", sửa điểm cuối từ "Hầm chui cao tốc" thành "Hết ranh thửa đất số 119 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 135"; lý do: Điều chỉnh do trùng với BA10_D2 (tách đoạn xã Bình An) điều chỉnh điểm đầu: Từ thửa đất số 9 tờ bản đồ 136 về bên phải và thửa đất số 75 tờ bản đồ số 135 về… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Cầu Mên (STT 50) sửa điểm đầu từ "Hầm chui cao tốc" thành "Từ thửa đất số 61 tờ bản đồ số 138", sửa điểm cuối từ "Hết ranh giới xã Long Thành" thành "Hết ranh giới xã Long Thành"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu do trùng với BA10_D2 (tách đoạn xã Bình An): Từ thửa đất số 61 tờ bản đồ số 138 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

b) Bỏ 06 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 05 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Trần Nhân Tông (STT 288) đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành; lý do: Đề xuất hủy do trùng với đường STT 134 (kèm 05 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Bổ sung mới 35 tuyến đường (gồm 05 tuyến đường chính và 30 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 800.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 710.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường D1, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường D3, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 497.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 800.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới phường Long Thành đến Đường Trần Phú;

+ Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng;

+ Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ;

+ Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu;

+ Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Long An cũ;

+ Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành;

+ Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An;

+ Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh;

+ Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới thị trấn Long Thành cũ;

+ Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu;

+ … và 43 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769;

+ … và 8 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.12. Tại Xã Bình An

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 210; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường liên xã Bình An - Long Thành (STT 57) sửa điểm cuối từ "Đường Lê Quang Định" thành "Đường Lê Quang Định"; lý do: Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến đường cao tốc đoan 2 từ đường cao tốc đến đường Lê Quang Định;

+ Đường liên xã Bình An - Long Thành (STT 64) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành"; lý do: Giáp ranh phường Long Thành;

+ Đường Bàu Lùng (STT 169) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53" thành "Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53";

b) Sửa điểm đầu của 09 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Trường Trinh (Quốc lộ 51B cũ) (STT 15) sửa điểm đầu từ "Mũi tàu" thành "Đường liên xã Bình An - Long Thành"; lý do: Điểm đầu sửa thành Từ đường liên xã Bình An - Long Thành;

+ Đường Võ Thị Sáu (STT 43) sửa điểm đầu từ "Đường Lê Duẩn" thành "Thửa đất số 253, tờ bản đồ số 26"; lý do: Do trùng với 141 phuowngfg LT Thay điểm đầu đầu ranh Thửa đất số 253, tờ bản đồ số 26 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường tỉnh 769 (STT 85) sửa điểm đầu từ "Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre" thành "Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ"; lý do: Ranh phường Long Thành - Bình An;

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An (STT 22) sửa điểm đầu từ "" thành "Đầu sân bóng khu 15", sửa điểm cuối từ "" thành "Giáp ranh xã An Viễn"; lý do: Từ đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn;

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 35 tuyến đường (gồm 05 tuyến đường chính và 30 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Quốc lộ 51 (STT 1) đoạn từ Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu; lý do: Sửa điểm đầu thành Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An. Bỏ do trùng với stt57 xã AN Phước (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) (STT 8) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành; lý do: Sửa thành: Từ đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành. Bỏ do trùng với stt64 xã AN Phước (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) (STT 71) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên; lý do: BỎ do trùng với 43 Long Thành (LOT3_D1) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lê Quang Định (STT 120) đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu; lý do: bỏ đoạn nàybằng giá 155 Long Thành, nhưng đoạn ngắn hơn LT (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An (STT 155) đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2; lý do: Bỏ tuyến này vì bị trùng giá thấp hơn 120 LT (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

e) Bổ sung mới 15 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường D1 trong khu dân cư Gem Sky World đoạn từ Từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 480.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 400.000 đồng/m2;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 190.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An đến Mũi tàu;

+ Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành;

+ Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu;

+ Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên;

+ Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ;

+ Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn;

+ Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng;

+ Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Trinh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Trinh;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên;

+ … và 16 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.13. Tại Xã An Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 120; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 25 tuyến đường (gồm 07 tuyến đường chính và 18 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Hương lộ 21 (STT 15) sửa điểm cuối từ "Hết ranh giới xã An Phước" thành "Hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 78"; lý do: Do trùng với stt 1 phường Tam Phước nên điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 78 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Nguyễn Hải (STT 29) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64" thành "Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65"; lý do: sai điểm cuối;

+ Đường Nguyễn Hải (STT 36) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65" thành "Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64"; lý do: sai điểm đầu điểm cuối. vì bij trùng tuyến vớ stt 463 LT bằng giá nhưng đoạn ngắn nên bỏ (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Chu Văn An (STT 43) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước" thành "hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước"; lý do: kiến nghị sửa điểm cuối;

+ Quốc lộ 51 (STT 50) sửa điểm cuối từ "Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển" thành "Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam"; lý do: kiến nghị sửa tên điểm cuối;

+ Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) (STT 64) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành"; lý do: kiến nghị đổi tên điểm đầu điểm cuối. Do

trùng vơi stt1 P.Long Thành nên sửa điểm cuối thành ranh giới phường Long Thành (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng (STT 92) sửa điểm cuối từ "Ranh khhu công nghệ cao Long Thành đoạn đã đầu tư hạ tầng" thành "Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao"; lý do: kiến nghị sửa tên điểm cuối;

b) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Quốc lộ 51 (STT 57) sửa điểm đầu từ "Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển" thành "Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam", sửa điểm cuối từ "Mũi tàu" thành "Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54)"; lý do: kiến nghị sửa tên điểm đầu điểm cuối. Do trùng với stt 43 phường Tam Phước nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 107 tờ bản đồ số 34 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Phùng Hưng (STT 78) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn; lý do: Bỏ do trùng với stt 99 phường Tam Phước (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bổ sung mới 06 tuyến đường (đều là vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 (áp dụng cho 06 vị trí đường nối tiếp liền kề);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 119.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54);

+ Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Từ Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) đến Giáp ranh phường Long Thành;

+ Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao;

1.14. Tại Xã Long Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 91; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 51 (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành"; lý do: Sửa điểm đầu;

b) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ấp 2 Suối Trầu (STT 85) sửa điểm đầu từ "Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường" thành "Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90)", sửa điểm cuối từ "Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường" thành "Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93)"; lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa điểm đầu thành Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90) và sửa điểm cuối thành Đường Bàu Cạn - Suối Trầu…;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 91.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường;

+ … và 2 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.15. Tại Xã Phước Thái

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 63; trong đó:

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 63.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện;

+ Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh;

1.16. Tại Phường Nhơn Trạch

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 484; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (STT 8) sửa điểm cuối từ "Đường Trần Văn Trà" thành "Đến hết thửa 51 tờ 277"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối là đến hết thửa 51 tờ 277;

+ Đường Lý Thái Tổ (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh xã Nhơn Trạch" thành "Hết ranh phường Nhơn Trạch"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là hết ranh phường Nhơn Trạch);

+ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (STT 169) sửa điểm cuối từ "Hết ranh xã Nhơn Trạch" thành "Hết ranh phường Nhơn Trạch"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là hết ranh phường Nhơn Trạch);

+ Đường Trần Phú (STT 253) sửa điểm cuối từ "Hết ranh xã Nhơn Trạch" thành "Hết ranh phường Nhơn Trạch"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là Hết ranh phường Nhơn Trạch);

+ Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng (STT 449) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241" thành "Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối là đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241 không đi hết;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ (STT 463) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237" thành "Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối là đến hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236;

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Trần Phú (STT 113) sửa điểm đầu từ "Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiền" thành "Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ)"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu và điểm cuối + điểm đầu từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ); điểm cuối cầu Đồng Môn;

+ Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) (STT 274) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Nhơn Trạch" thành "Giáp ranh phường Long Thành"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu là giáp ranh phường Long Thành;

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lê Hồng Phong (STT 1) sửa điểm đầu từ "Đường Nguyễn Hữu Cảnh" thành "Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172", sửa điểm cuối từ "Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch" thành "Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu và điểm cuối + điểm đầu: bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 + điểm cuối: bên trái hết thửa 28 tờ 173 bên phải hết thửa…;

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Lý Thái Tổ (STT 29) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu là giáp ranh phường Long Thành). Bỏ do trùng với STT 169 phường Long Thành (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

e) Bổ sung mới 20 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 18 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 600.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản

xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 (áp dụng cho 06 vị trí đường nối tiếp liền kề);

+ Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 670.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Nguyễn Ái Quốc, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 670.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 497.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 800.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh phường Nhơn Trạch;

+ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Phước Thiền;

+ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền;

+ Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch;

+ Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú;

+ Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ngã ba Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà;

+ Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An;

+ Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222;

+ Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230;

+ Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái;

+ … và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất

số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn;

+ … và 68 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.17. Tại Xã Đại Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 224; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Nhơn Trạch" thành "Giáp ranh phường Nhơn Trạch"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Sửa điểm đầu thành Giáp ranh phường Nhơn Trạch);

+ Quách Thị Trang (STT 22) sửa điểm đầu từ "Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An" thành "Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Sửa điểm đầu thành Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 224.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ;

+ Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái;

+ Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã ba Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà;

+ Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà;

+ Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ;

+ Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương;

+ … và 24 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.18. Tại Xã Phước An

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 231; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Văn Cừ (STT 92) sửa điểm cuối từ "Giáp sông" thành "Giáp sông Tắc Le Le"; lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối thành Giáp sông Tắc Le Le);

+ Đường Lê Hồng Phong (STT 148) sửa điểm cuối từ "Đường Trường Chinh" thành "Đường Trường Chinh"; lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là Đường Trường Chinh);

b) Sửa điểm đầu của 08 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) (STT 43) sửa điểm đầu từ "Đường Nguyễn Hữu Cảnh" thành "Hết ranh thửa đất số 99 về bên phải và thửa đất số 134 về bên trái tờ bản đồ số 138"; lý do: Do trùng với stt 36 xã Đại Phước nên điều chỉnh điểm đầu: Hết ranh thửa đất số 99 về bên phải và thửa đất số 134 về bên trái tờ bản đồ số 138 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (STT 71) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Nhơn Trạch" thành "Giáp ranh phường Nhơn Trạch"; lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu thành Giáp ranh phường Nhơn Trạch);

c) Sửa tên đường của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ra Cảng Phước An (STT 155) sửa tên đường từ "Đường ra Cảng Phước An" thành "Đường Trường Chinh"; lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường là đường Trường Chinh);

+ Đường ra Cảng Phước An (STT 162) sửa tên đường từ "Đường ra Cảng Phước An" thành "Đường Trường Chinh"; lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường là đường Trường Chinh);

d) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (STT 183) sửa điểm đầu từ "Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh)" thành "Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước)", sửa điểm cuối từ "Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An" thành "Hết ranh ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái"; lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu là Đường Hùng Vương (ấp 1)). Do trùng với stt 8 Phường Nhơn Trạch nên điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh ranh… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

e) Tách đoạn của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Trần Phú (STT 120) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An; mã xử lý "tdoan,sdd"; Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất chia ra làm 2 đoạn) Đoạn 1: điểm đầu Giáp ranh phường Nhơn Trạch; điểm cuối đến tờ 277 thửa 1 Đoạn 2: điểm đầu từ thửa 29 tờ… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

f) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 21 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 18 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Quách Thị Trang (STT 1) đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước; lý do: Bỏ do trùng với STT 15 Phường Nhơn Trạch (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Phạm Thái Bường (STT 22) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An; lý do: Bỏ do trùng với stt 169 xã Đại Phước (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) (STT 50) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương; lý do: Bỏ do trùng với STT 71 Xã Đại Phước (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

g) Bổ sung mới 21 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 18 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ), giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng

sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 670.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 670.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 730.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 670.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 231.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước;

+ Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú;

+ Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh;

+ Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 99 về bên phải và thửa đất số 134 về bên trái tờ bản đồ số 138 đến Hết ranh xã Phước An;

+ Đường Trần Phú đoạn từ Từ ranh thửa đất số 28 tờ bản đồ số 1 về bên phải và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 231 về bên trái đến Đến số tờ 277 thửa 1;

+ Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn;

+ Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch;

+ Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh;

+ Đường Trường Chinh đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương;

+ Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An;

+ … và 5 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An;

+ … và 2 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.19. Tại Phường Long Khánh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 707; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) (STT 113) sửa điểm cuối từ "Giáp Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai" thành "Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa)"; lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026;

+ Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ (STT 568) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh Phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026;

+ Đường Thổ Lùn (STT 701) sửa điểm cuối từ "Đường Ngô Quyền" thành "Giáp ranh xã Xuân Định"; lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026;

b) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) (STT 120) sửa điểm đầu từ "Đầu Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai" thành "Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa)", sửa điểm cuối từ "Cầu vượt Long Khánh" thành "Quốc lộ 1 - Xuân Lập"; lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026;

+ Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) (STT 127) sửa điểm đầu từ "Cầu vượt Long Khánh" thành "Quốc lộ 1 - Xuân Lập", sửa điểm cuối từ "Giáp Tượng Đài" thành "Hết Tượng Đài"; lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026;

c) Bỏ 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) (STT 547) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình; lý do: Phòng Kinh tế đề xuất bỏ đoạn này do bị trùng STT554 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 800.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 540.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 707.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 930.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định;

+ Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương;

+ Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu;

+ Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 140.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Lộc;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Lộc;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Đường Ngô Quyền;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Đường Ngô Quyền;

1.20. Tại Phường Bảo Vinh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 238; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Duy Tân (STT 92) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh Phường Xuân Lộc"; lý do: Đề xuất sửa điểm cuối;

+ Đường số 5 (STT 183) sửa điểm cuối từ "Nhà văn hòa đồng bào dân tộc Chơ-ro" thành "Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre"; lý do: Đề xuất sửa điểm cuối;

b) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 42 tuyến đường (gồm 06 tuyến đường chính và 36 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Ngô Quyền (STT 50) đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân; lý do: Bỏ vì trùng 197 Long Khánhđoạn giá bằng nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Ngô Quyền (STT 57) đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh; lý do: Bỏ vì trùng đoạn 204 Long khánh, giá bằng nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lê A (STT 162) đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre; lý do: bỏ trùng tuyến 50 Bình Lộc giá bằng nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lê A (STT 169) đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc; lý do: bỏ do trùng tuyến 57 Bình LỘc giá bằng nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc (STT 176) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc; lý do: Bỏ do trùng với STT 176 xã Bảo Vinh (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Hồ Thị Hương (STT 190) đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải; lý do: Bỏ vì trùng đoạn 575 Long Khánh, giá bằng nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Bổ sung mới 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 410.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 250.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 203.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 800.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân;

+ Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển;

+ Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 140.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc;

1.21. Tại Phường Xuân Lập

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 147; trong đó:

a) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập (STT 113) sửa điểm đầu từ "" thành "đường Xuân Bình - Xuân Lập", sửa điểm cuối từ "" thành "giáp ranh phường Long Khánh"; lý do: Phường đề xuất bổ sung điểm đầu đường Xuân Bình - Xuân Lập và điểm cuối giáp ranh phường Long Khánh;

b) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 21 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 18 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Lương Đình Của (STT 1) đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh; lý do: Bỏ do trùng với STT 659 Phường Long Khánh (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Quốc lộ 1 (STT 78) đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc; lý do: Bỏ do trùng với STT 8 phường Bình Lộc (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lê Hữu Trác (STT 85) đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31; lý do: Bỏ do trùng với STT 85 Phường Long Khánh (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 126.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh;

+ Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi;

+ Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ;

+ Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen;

+ Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập;

+ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần;

+ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1;

+ Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao;

+ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m;

+ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68);

+ … và 9 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 240.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ;

+ … và 32 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.22. Tại Phường Hàng Gòn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 119; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra (STT 15) sửa điểm cuối từ "Đường Nguyễn Trãi" thành "Đường Suối Rết B"; lý do: Phường đề xuất sửa điểm cuối là đường Suối Rết B;

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hàng Gòn - Xuân Quế (STT 43) sửa điểm đầu từ "Nhà máy mủ" thành "Quốc lộ 56"; lý do: Phường đề xuất sửa điểm đầu Quốc lộ 56;

c) Sửa tên đường của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn (STT 29) sửa tên đường từ "Đường Xuân Tân - Hàng Gòn" thành "Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)"; lý do: Phường đã đề xuất sửa tên đường thành Quốc lộ 56 Đồi Rìu;

+ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn (STT 36) sửa tên đường từ "Đường Xuân Tân - Hàng Gòn" thành "Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)"; lý do: Phường đã đề xuất sửa tên đường thành Quốc lộ 56 Đồi Rìu;

d) Sửa tên đường, sửa điểm cuối của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Xuân Lập - Bàu Sao (STT 85) sửa tên đường từ "Đường Xuân Lập - Bàu Sao" thành "Đường Hàng Gòn - Xuân Lập", sửa điểm cuối từ "Giáp ranh phường Xuân Lập" thành "Hết ranh Trung Đoàn 87 Bộ Tự Lệnh Hóa Học"; lý do: Phường đề xuất đổi tên đường thành Hàng Gòn - Xuân Lập và điểm đầu là quốc lộ 56 Đồi Rìu. sửa điểm cuối Hết ranh Trung Đoàn 87 Bộ Tự Lệnh Hóa Học, vì trùng… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

e) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa (STT 22) đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định; lý do: Bỏ tuyến đường này vì giá thấp hơn 127 Cẩm Mỹ (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Hàng Gòn - Xuân Quế (STT 50) đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế; lý do: bỏ vì trùng với 134 xã Cẩm Mỹ giá thấp hơn và đoạn ngắn hơn (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 105.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) đến Hết ranh phường Xuân Lập;

+ Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong;

+ Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định;

+ Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B;

+ Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ);

+ Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng;

+ Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định;

+ Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 170.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn;

+ … và 6 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.23. Tại Phường Bình Lộc

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 231; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (STT 92) sửa điểm cuối từ "Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3" thành "Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12"; lý do: Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12;

+ Đường tỉnh 770 (STT 106) sửa điểm cuối từ "Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc" thành "Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc"; lý do: Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc;

+ Đường Bình Lộc - Cây Da (STT 155) sửa điểm cuối từ "Đường Bình Lộc - Bảo Quang" thành "Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc"; lý do: Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc;

b) Sửa điểm đầu của 24 tuyến đường (gồm 06 tuyến đường chính và 18 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (STT 99) sửa điểm đầu từ "Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3" thành "Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12"; lý do: Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12;

+ Đường tỉnh 770 (STT 113) sửa điểm đầu từ "Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc" thành "Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc"; lý do: Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc;

+ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện (STT 120) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Gia Kiệm" thành "Từ km2+500"; lý do: Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Cây xăng Hoàng Minh Việt. Xã Bình Lộc, xã Gia Kiệm. Do trùng với stt8 xã Gia Kiệm sửa điểm đầu thành:Từ km2+500 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện (STT 127) sửa điểm đầu từ "Đoạn 2536m" thành "Từ ranh thửa đất số 437 tờ bản đồ số 46"; lý do: Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Cây xăng Hoàng Minh Việt. Do trùng với STT 15 xã Gia Kiệm nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 437 tờ bản đồ số 46 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bình Lộc - Cây Da (STT 162) sửa điểm đầu từ "Đường Bình Lộc Bảo Quang" thành "Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc"; lý do: Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc;

+ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện (STT 15) sửa điểm đầu từ "Km2+500" thành "Đi vào hết 2536m"; lý do: Do trùng với STT 120 xã Bình Lộc nên điều chỉnh điểm đầu thành: Đi vào hết 2536m (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Bỏ 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Quốc lộ 1 (STT 1) đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc; lý do: Tuyến đường này bị dư đề xuất đưa ra khỏi bảng giá (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 21 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 18 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Xuân Bình - Xuân Lập (STT 29) đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần; lý do: Bỏ do trùng với STT 29 phường Xuân Lập (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xuân Bình - Xuân Lập (STT 36) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập; lý do: Bỏ do trùng với STT 36 phường Xuân Lập (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Võ Duy Dương (STT 43) đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4; lý do: Bỏ do trùng với STT 652 phường Long Khánh (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 203.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 800.000 đồng/m2 tại Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 140.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện;

+ … và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.24. Tại Phường Xuân Lộc

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 1.234; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 46 tuyến đường (gồm 40 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Xuân Thành đi Trảng Táo (STT 1) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)" thành "Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa (STT 8) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc)" thành "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc)"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 2 (STT 169) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái" thành "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái."; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Suối Lạnh (STT 176) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Cây Me - ấp Trung Sơn (STT 197) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Trường - Trảng Táo (STT 218) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín (STT 239) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường xóm Huế - ấp Trung Tín (STT 246) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Trường - Suối Cao (STT 253) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Thành" thành "Đến hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 190"; lý do: Do trùng với stt 127 Xuân Lộc nên điều chỉnh điểm cuối thành: Đến hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 190 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường cây số 5 (STT 260) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 3 ấp Trung Lương (STT 267) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Đông Trung Lương (STT 274) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng (STT 337) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 220, tờ BĐĐC số 262 về bên phải và hết ranh thửa đất số 02, tờ BĐĐC số 262 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Đường tỉnh 765"; lý do: sử điểm cuối đến Đường Tỉnh 765;

+ Đường Việt Kiều 5 (STT 372) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (xã Xuân Lộc)" thành "Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc)"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Việt Kiều 2 (STT 379) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ (STT 386) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, xã Xuân Lộc)" thành "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc)"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Việt Kiều 1 (STT 400) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 (STT 407) sửa điểm cuối từ "Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, xã Xuân Lộc" thành "Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 13 (STT 463) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến (STT 477) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 3 (STT 498) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 4 (STT 505) sửa điểm cuối từ "Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, xã Xuân Lộc" thành "Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 7 (STT 526) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, xã Xuân Hiệp" thành "Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 9 (STT 540) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) (STT 687) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Tâm" thành "Giáp ranh xã Xuân Hòa"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ (STT 792) sửa điểm cuối từ "Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc" thành "Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Mai Xuân Thưởng (STT 834) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, xã Xuân Lộc)" thành "Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc)"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Đoàn Thị Điểm (STT 848) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Chi Lăng (STT 883) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Hoàng Đình Thương (STT 911) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trương Vĩnh Ký (STT 1051) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trần Quang Diệu (STT 1079) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trường Chinh (STT 1093) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 1 (STT 1114) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 3 (STT 1128) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 5 (STT 1142) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 17 về bên phải và hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403"; lý do: sửa điểm cuối giáp tờ 16 thửa 403;

+ Đường số 6 (STT 1149) sửa điểm cuối từ "Giáp suối Ông Hai" thành "Đường quanh núi Chứa Chan"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 8 (STT 1163) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 61, tờ BĐĐC số 02, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 9 (STT 1170) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Trường - Suối Cao (STT 127) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m;

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ (STT 799) sửa điểm đầu từ "Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc" thành "Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm đầu;

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn (STT 190) sửa điểm đầu từ "Đường Xuân Lộc - Long Khánh" thành "Đường sắt Bắc Nam", sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 160, tờ BĐĐC số 185, xã Xuân Lộc" thành "Đườngg vào chùa Gia Lào"; lý do: SửaSửa điểm đầu (Đường sắt Bắc Nam) điểm cuối (Đường vào điểm cuối;

+ Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa (STT 225) sửa điểm đầu từ "Đường Cây số 2" thành "Đường Xuân Trường - Trảng Táo", sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 42, tờ BĐĐC số 219 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Đường Cây số 2"; lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 10 (STT 554) sửa điểm đầu từ "Đường Tân Hiệp" thành "Đường Nguyễn Thị Minh Khai", sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 281, xã Xuân Lộc" thành "Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 11 (STT 561) sửa điểm đầu từ "Suối Gia Măng" thành "Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc", sửa điểm cuối từ "Đường Tân Hiệp" thành "Suối Gia Măng"; lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

+ Đường Nguyễn Thị Minh Khai (STT 827) sửa điểm đầu từ "Đường Nguyễn Hữu Cảnh" thành "Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)", sửa điểm cuối từ "Quốc lộ 1" thành "Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)"; lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

+ Đường XH3 (STT 1220) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 242, 289 tờ bản đồ số 276" thành "Thửa đất số 585, 480 tờ bản đồ số 252", sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 202 và 257, tờ bản đồ 278" thành "Hết ranh thửa đất số 184 và 289, tờ bản đồ 275"; lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

d) Bổ sung mới 99 tuyến đường (gồm 15 tuyến đường chính và 84 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64, giá đất trồng cây lâu năm, cây

hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất

và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lê Duẩn (ngang) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đến Đường Lê Duẩn, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 760.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 470.000 đồng/m2;

+ Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131), giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 760.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 470.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.333.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 760.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến;

+ Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc;

+ Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái;

+ Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng;

+ Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng;

+ Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le;

+ Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài;

+ Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định;

+ Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ;

+ Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan;

+ … và 85 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ cầu gió bay đến hết ranh xã XuânThành;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ cầu gió bay đến hết ranh xã XuânThành;

+ … và 132 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.25. Tại Xã Xuân Hòa

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 175; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Hòa 5 (STT 155) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa)" thành "Đường vào nhà máy sản xuất cồn Đồng Nai"; lý do: Sửa điểm cuối;

b) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa (STT 1) đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa; lý do: Bỏ do trùng với đường STT 799 phường Xuân Lộc (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 168.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng;

+ Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà);

+ Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng);

+ Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa;

+ … và 6 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.26. Tại Xã Xuân Thành

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 182; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Thành đi Trảng Táo (STT 29) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)" thành "Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941. Do trùng với stt 1 phường Xuân Lộc nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số…;

+ Đường 8/3 (STT 43) sửa điểm cuối từ "Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành)" thành "Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954;

+ Đường 30/4 (STT 57) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành)" thành "Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847;

+ Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc (STT 92) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Ông Sáng Chùa" thành "Ngã 3 Ông Sáng Chùa (Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847)"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847;

+ Đường Chà Rang - Xuân Thọ (STT 120) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành" thành "Hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374)"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374);

+ Đường Xuân Trường - Suối Cao (STT 127) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m;

+ Đường Láng Tre - Xuân Thành (STT 148) sửa điểm cuối từ "Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su" thành "Đường Gia Tỵ - Cao su"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối Đường Gia Tỵ - Cao su;

b) Sửa tên đường của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su (STT 134) sửa tên đường từ "Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su" thành "Đường Gia Tỵ - Cao su"; lý do: Xã đề xuất đổi tên đường thành Gia Tỵ - Cao su;

+ Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m (STT 141) sửa tên đường từ "Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m" thành "Đường Gia Tỵ - Cao su"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh tên đường đường Gia Tỵ - Cao su;

+ Đường Gia Tỵ - Suối Cao (STT 155) sửa tên đường từ "Đường Gia Tỵ - Suối Cao" thành "Đường Gia Tỵ - Cao su"; lý do: Xã đề xuất chỉnh tên đường Gia Tỵ - Suối Cao thành Gia Tỵ Cao su;

c) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa (STT 36) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc); lý do: Bỏ do trùng với stt8 phường Xuân Lộc (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bổ sung mới 28 tuyến đường (gồm 04 tuyến đường chính và 24 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m., giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 500.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 370.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 500.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 370.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 500.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 370.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc., giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là

500.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 370.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 203.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 570.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc);

+ … và 26 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.27. Tại Xã Xuân Bắc

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 182; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 05 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 763 (STT 22) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa xã Xuân Lộc Thành phường Xuân Lộc;

+ Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc (STT 43) sửa điểm cuối từ "Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc)" thành "Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 32 tờ BĐĐC 65;

+ Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc (STT 57) sửa điểm cuối từ "Hết mét thứ 800 (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc)" thành "Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 106 tờ BĐĐC 65;

+ Đường vào ấp Bàu Cối (STT 92) sửa điểm cuối từ "Hết nhà văn hóa ấp Bàu Cối" thành "Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142"; lý do: Đề xuất đổi Nhà văn hóa ấp Bầu cối đổi thành hết tờ 84 thửa 142 vì thay đổi ấp;

+ Đường vào Thác Trời (STT 155) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 04 về bên phải và hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 04 về bên trái, xã Xuân Bắc" thành "Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải;

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc (STT 50) sửa điểm đầu từ "Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc)" thành "Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu đến hết ranh thửa đất số 32 tờ BĐĐC 65;

+ Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc (STT 64) sửa điểm đầu từ "Mét thứ 800" thành "Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu đến hết ranh thửa đất số 106 tờ BĐĐC 65;

c) Bỏ 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang (STT 85) đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh; lý do: Xã đề xuất đường STT 85 bị trùng với STT 36 đề xuất bỏ bằng giá nhau (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bổ sung mới 35 tuyến đường (gồm 05 tuyến đường chính và 30 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực_x000D_ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 470.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763_x000D_ đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24_x000D_, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 470.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xuân Bắc - Suối Cao_x000D_ đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái)_x000D_ đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái)_x000D_, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 470.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763_x000D_ đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 470.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 470.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 210.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 70.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời;

1.28. Tại Xã Xuân Phú

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 259; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 1 (STT 15) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh phường Xuân Lộc"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trường An (STT 36) sửa điểm cuối từ "Suối Gia Mứt" thành "Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú"; lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) (STT 50) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa 176, tờ BĐĐC số 8, xã Xuân Phú" thành "Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải"; lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường nội ấp Bình Xuân 2 (STT 106) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú" thành "Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú"; lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường Lang Minh - Suối Đá (STT 148) sửa điểm cuối từ "Xã Xuân Đông" thành "Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông"; lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 (STT 190) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú" thành "Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú"; lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

b) Bỏ 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Xuân Phú 29 (STT 64) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài; lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Bổ sung mới 77 tuyến đường (gồm 15 tuyến đường chính và 62 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Vườn Xoài - Bảo Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 422, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 01 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ , giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 260.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 150.000 đồng/m2 (kèm 04 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 01 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ , giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 260.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 150.000 đồng/m2 (kèm 04 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 01 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ , giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 260.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 150.000 đồng/m2 (kèm 04 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 01 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ , giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 260.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 150.000 đồng/m2 (kèm 04 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lang Minh-Suối Đá (đoạn qua xã Xuân Phú cũ) đoạn từ Đường Xuân Phú-Xuân Tây đến Hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 95, về bên phải và Hết ranh thửa đất số 118, tờ BĐĐC số 95 về bên trái, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 330.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 329.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 570.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc;

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m;

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Mứt;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Mứt;

+ … và 70 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.29. Tại Xã Xuân Định

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 238; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Chiến Thắng đi Nam Hà (STT 64) sửa điểm cuối từ "Đường tỉnh 765B" thành "Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Bảo - Xuân Tây (STT 141) sửa điểm cuối từ "Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m)" thành "Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m)"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Bảo - Xuân Tây (STT 155) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Cẩm Mỹ" thành "Ranh giới xã Xuân Đông"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Chiến Thắng - Long Khánh (STT 218) sửa điểm cuối từ "Ranh giới thành phố Long Khánh" thành "Ranh giới phường Long Khánh"; lý do: Sửa điểm cuối;

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Bảo - Xuân Tây (STT 148) sửa điểm đầu từ "Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m)" thành "Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m)"; lý do: Sửa điểm đầu;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 238.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 570.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú;

+ Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m;

+ Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị;

+ Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai;

+ Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m);

+ … và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn;

+ … và 18 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.30. Tại Xã Cẩm Mỹ

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 210; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông (STT 57) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Đông" thành "Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 103"; lý do: Do trùng với stt 127 Xã Xuân Đông nên điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

b) Sửa điểm đầu của 08 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Tân Bình (STT 71) sửa điểm đầu từ "Đường tỉnh 765" thành "Đường tỉnh 765B"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu Đường tỉnh 765B;

+ Quốc lộ 56 (STT 106) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh phường Hàng Gòn" thành "Ngã ba QL 56 (tờ bản đồ số 84 thửa đất số 38)"; lý do: Do trùng với stt 64 Hàng Gòn nên Thay đổi điểm đầu Ngã ba QL 56 (tờ bản đồ số 84 thửa đất số 38) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 210.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764;

+ Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ;

+ Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B;

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ;

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ;

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân;

+ Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ;

+ Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 200.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình;

+ … và 18 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.31. Tại Xã Xuân Quế

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 105; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (STT 15) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh phường Dầu Giây"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trung tâm ấp 1 (STT 22) sửa điểm cuối từ "Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây" thành "Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường ấp 4 đi ấp 6 (STT 43) sửa điểm cuối từ "Đường tỉnh 773" thành "Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế"; lý do: Sửa điểm cuối;

b) Sửa tên đường của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế (STT 57) sửa tên đường từ "Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế" thành "Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ"; lý do: Sửa tên đường;

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Suối Đục - Cầu Mên (STT 50) sửa điểm đầu từ "Đường tỉnh 773" thành "Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế", sửa điểm cuối từ "Xã Bình An" thành "Giáp ranh xã Bình An"; lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

d) Sửa tên đường, sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (STT 36) sửa tên đường từ "Đường Lộ 25 - Sông Nhạn" thành "Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25", sửa điểm đầu từ "Sông Nhạn - Dầu Giây" thành "Đường Sông Nhạn - Dầu Giây", sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Dầu Giây" thành "Ranh giới phường Dầu Giây"; lý do: Sửa tên đường, điểm đầu, điểm cuối. Xuân Quế, Dầu Giây.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 105.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y;

+ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4;

+ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây;

+ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn;

1.32. Tại Xã Xuân Đường

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 84; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) (STT 8) sửa điểm cuối từ "Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường" thành "Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường vào khu dân cư Suối Quýt (STT 64) sửa điểm cuối từ "Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường" thành "Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường"; lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Cầu Mên (STT 78) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành"; lý do: Sửa điểm cuối;

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành"; lý do: Sửa điểm đầu;

+ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) (STT 15) sửa điểm đầu từ "Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường" thành "Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường"; lý do: Sửa điểm đầu;

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường (STT 22) sửa điểm đầu từ "" thành "Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)", sửa điểm cuối từ "" thành "Ranh giới xã Xuân Đường"; lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 91.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây;

+ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 200.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh;

+ … và 2 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.33. Tại Xã Sông Ray

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 147; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc (STT 141) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐĐC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 89 về bên phải, xã Sông Ray" thành "Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành " Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên trái, xã Sông Ray;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 147.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc;

+ Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray;

+ Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5;

+ Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray;

+ Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức;

+ Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh;

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray;

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề;

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân;

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa;

+ … và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray;

1.34. Tại Xã Xuân Đông

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 308; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây (STT 120) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Cẩm Mỹ" thành "Hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84"; lý do: Do trùng với stt64 xã Cẩm Mỹ nên điều chỉnh điểm cuối thành Hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

b) Sửa điểm đầu của 15 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Xuân Bảo - Xuân Tây (STT 148) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Xuân Định" thành "Từ ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 57"; lý do: Do trùng với STT 155 xã Xuân Định nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 57 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ (STT 176) sửa điểm đầu từ "Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây" thành "Đường Xuân Đông - Xuân Tây"; lý do: Sửa điểm đầu;

+ Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) (STT 183) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Xuân Định" thành "Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112"; lý do: Sửa điểm đầu. Do trùng với stt 15 xã Cẩm Mỹ nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 42 tuyến đường (gồm 06 tuyến đường chính và 36 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường tỉnh 764 (STT 204) đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc; lý do: Bỏ do trùng với STT 1 xã Sông Ray (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường tỉnh 764 (STT 211) đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray; lý do: Bỏ do trùng với STT 8 xã Sông Ray (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường tỉnh 764 (STT 218) đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray; lý do: Bỏ do trùng với STT 15 xã Sông Ray (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường tỉnh 764 (STT 225) đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray; lý do: Bỏ do trùng với STT 22 xã Sông Ray (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường tỉnh 764 (STT 232) đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức; lý do: Bỏ do trùng với STT 29 xã Sông Ray (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường tỉnh 764 (STT 239) đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh; lý do: Bỏ do trùng với STT 36 xã Sông Ray (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 266.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 530.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai;

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc);

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức;

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu;

+ Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray;

+ Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan;

+ Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú;

+ Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa;

+ Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây;

+ Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran;

+ … và 7 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông;

+ … và 6 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.35. Tại Phường Trảng Bom

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 733; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 15 tuyến đường (gồm 09 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Hà Huy Giáp (STT 92) sửa điểm cuối từ "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (xã Trảng Bom)" thành "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom)_x000D_"; lý do: Sửa điểm cuối thành Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom);

+ Đường Dương Bạch Mai (STT 99) sửa điểm cuối từ "Đường 3 tháng 2" thành "Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30"; lý do: Sửa điểm cuối thành thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30;

+ Đường Lê Đại Hành (STT 281) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, xã Trảng Bom" thành "Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa điểm cuối thành Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom;

+ Đường Trần Quang Diệu (STT 288) sửa điểm cuối từ "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (xã Trảng Bom)" thành "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom)"; lý do: Sửa điểm cuối thành Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom);

+ Đường Trần Nguyên Hãn (STT 295) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, xã Trảng Bom" thành "Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa điểm cuối thành Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom;

+ Đường Bình Minh - Giang Điền (STT 484) sửa điểm cuối từ "Cầu Sông Buông" thành "Ranh giới xã Giang Điền (cũ)"; lý do: Sửa điểm cuối thành Ranh giới xã Giang Điền (cũ). Bỏ do trùng với STT 85 xã Bình Minh (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Trần Nhật Duật (STT 645) sửa điểm cuối từ "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom)" thành "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom)"; lý do: Sửa điểm cuối thành Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom);

+ Quốc lộ 1 (STT 85) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa xã Trảng Bom thành phường Trảng Bom;

+ Đường Bình Minh- Giang Điền (STT 85) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp (STT 519) sửa điểm đầu từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55"; lý do: Sửa điểm đầu thành Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 và sửa điểm cuối thành Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48;

c) Sửa tên đường của 13 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Trảng Bom - Thanh Bình (STT 414) sửa tên đường từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Đường Trảng Bom - Cây Gáo"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Trảng Bom - Thanh Bình (STT 421) sửa tên đường từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Đường Trảng Bom - Cây Gáo"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) (STT 428) sửa tên đường từ "Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ)" thành "Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ)"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 (STT 435) sửa tên đường từ "Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10" thành "Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10"; lý do: UBND

Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b (STT 442) sửa tên đường từ "Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b" thành "Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông (STT 449) sửa tên đường từ "Đường vào công ty gỗ Rừng Thông" thành "Đường vào công ty gỗ Rừng Thông"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 (STT 456) sửa tên đường từ "Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9" thành "Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Sông Trầu 3 (STT 463) sửa tên đường từ "Đường Sông Trầu 3" thành "Đường Sông Trầu 3"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao (STT 526) sửa tên đường từ "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao" thành "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu (STT 589) sửa tên đường từ "Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu" thành "Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân (STT 694) sửa tên đường từ "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân" thành "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Sông Trầu 17 (STT 701) sửa tên đường từ "Đường Sông Trầu 17" thành "Đường Sông Trầu 17"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo; Sửa điểm…;

+ Đường số 20 (STT 708) sửa tên đường từ "Đường số 20" thành "Đường số 20"; lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Quốc lộ 1 (STT 554) đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh; lý do: Bỏ do trùng với STT 92 xã An Viễn (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

e) Bổ sung mới 70 tuyến đường (gồm 10 tuyến đường chính và 60 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ), giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ), giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 780.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 710.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 796.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 780.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777);

+ Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt;

+ Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8;

+ Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2;

+ Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9;

+ Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà;

+ Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt;

+ Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương;

+ Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

+ Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9;

+ … và 70 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình;

+ … và 60 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.36. Tại Xã An Viễn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 112; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền (STT 36) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa xã Trảng Bom thành phường Trảng Bom;

+ Quốc lộ 1 (STT 85) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa xã Trảng Bom thành phường Trảng Bom;

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lê Duẩn (STT 71) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 1" thành "Đường Vườn Ngô"; lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa tên điểm đầu của tuyến đường Lê Duẩn thành đường Vườn Ngô;

c) Bổ sung mới 28 tuyến đường (gồm 4 tuyến đường chính và 24 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường nối đường ĐT 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 3560 và thửa 2550), tờ BĐ số 06 đến Đường liên ấp 2-3-4 (tại vị trí thửa đất 2313 và thửa 1567), tờ BĐ số 06 xã An Viễn, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường nối UBND xã Đồi 61 cũ đến Trung tâm Văn hoá xã An Viễn đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 1449 và thửa đất 1199), tờ BĐ số 23 đến Đường DT 777 (tại vị trí thửa đất 1223 và thửa đất 941), tờ BĐ số 17 xã An Viễn, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Đường DT 777 (tại Giáo xứ Xuân Thịnh)t 1199), tờ BĐ số 23 đến Hết ranh thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 xã An Viễn, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất

trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Từ thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 đến Giáp đất cao su (tại vị trí thửa đất 162), tờ BĐ số 13 xã An Viễn, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 670.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 182.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt;

+ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh;

+ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông;

+ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng;

+ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn;

+ … và 13 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.37. Tại Xã Bàu Hàm

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 175; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Sông Thao - Bàu Hàm (STT 106) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh Phường Dầu Giây"; lý do: Sửa xã Dầu Giây thành Phường Dầu Giây;

+ Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp (STT 134) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom và xã Bàu Hàm" thành "Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm;

b) Sửa điểm đầu của 29 tuyến đường (gồm 05 tuyến đường chính và 24 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Trảng Bom - Thanh Bình (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa xã Trảng Bom thành Phường Trảng Bom;

+ Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp (STT 29) sửa điểm đầu từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Từ ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 461 về bên trái tờ bản đồ số 25"; lý do: Do trùng với STT 134 xã Tân An và STT 519 xã Trảng Bom nên TTKT đề xuất điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 461 về bên… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường tỉnh 762 (STT 50) sửa điểm đầu từ "Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất" thành "Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng phường Trị An) đến giáp ranh ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 1 về bên phải vừa thửa đất số 240 tờ bản đồ số 63 về bên trái và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Gia Kiệm) đến giáp ranh thửa đất số 103 tờ bản đồ số 105 về bên phải"; lý do: Do trùng với STt 239 phường Trị An nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 1 về bên phải vừa thửa đất số 174 tờ bản đồ số 63 về bên… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Hương lộ 24 (STT 64) sửa điểm đầu từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Từ ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 52"; lý do: Do trùng với stt 421 phường Trị An nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 52 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao (STT 134) sửa điểm đầu từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Từ ranh thửa đất số 230 về bên phải và thửa đất số 685 về

bên trái tờ bản đồ số 136"; lý do: Do trùng với STT 526 phường Trảng Bom nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 230 về bên phải và thửa đất số 685 về bên trái tờ bản đồ số 136 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 (STT 36) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 1" thành "Đường Trảng Bom - Thanh Bình", sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu" thành "Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An"; lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa điểm đầu thành đường Trảng Bom - Thanh Bình; Sửa huyện Vĩnh Cửu thành xã Tân An;

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ (STT 85) đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất; lý do: Bỏ do trùng với STT 106 xã Thống Nhất (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 168.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 700.000 đồng/m2 tại Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24;

+ … và 8 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.38. Tại Xã Bình Minh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 238; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 13 tuyến đường (gồm 07 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Quốc lộ 1 (STT 29) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

+ Đường Bắc Sơn - Long Thành (STT 43) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh phường Phước Tân" thành "Hết ranh tờ bản đồ 95 thửa đất số 171"; lý do: Do trùng với 92 Phước Tân thay đổi điểm cuối hết ranh tờ bản đồ 95 thửa đất số 171 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Bình Minh- Giang Điền (STT 71) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

+ Đường Bình Minh- Giang Điền (STT 85) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

+ Đường Sông Mây 8 (STT 127) sửa điểm cuối từ "Đường đối diện Nhà Văn Hóa ấp Sông Mây" thành "Ngã ba trường tiểu học Sông Mây"; lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa điểm cuối thành Ngã ba trường tiểu học Sông Mây;

+ Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom (STT 148) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

+ Đường 9 ấp An Chu (STT 197) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "Cuối đường"; lý do: Sửa điểm cuối thành đến thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60;

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Sông Mây 8 (STT 134) sửa điểm đầu từ "Đường đối diện Nhà Văn Hóa ấp Sông Mây" thành "Ngã ba trường tiểu học Sông Mây"; lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa điểm đầu thành Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây và sửa điểm cuối thành Nhà văn hóa ấp Sông Mây;

+ Đường 3 tháng 2 nối dài (STT 155) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom"; lý do: Sửa điểm đầu thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 238.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.000.000 đồng/m2 tại Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Bắc Hòa - Phú Sơn;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Bắc Hòa - Phú Sơn;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Ngã 3 đường vào Nghĩa Địa Sông Mây;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Ngã 3 đường vào Nghĩa Địa Sông Mây;

+ … và 28 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.39. Tại Xã Hưng Thịnh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 224; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đông Hòa 7km (STT 78) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh phường Dầu Giây"; lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Dầu Giây;

+ Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) (STT 99) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh phường Dầu Giây"; lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Dầu Giây;

+ Quốc lộ 1 (STT 162) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh phường Dầu Giây"; lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Dầu Giây;

b) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom (STT 169) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn; lý do: Bỏ do trúng với STT 533 Phường Trảng Bom (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo (STT 190) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44; lý do: Bỏ do trùng với stt 99 xã An Viễn (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

c) Bổ sung mới 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 450.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 530.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 450.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 224.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 570.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái);

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh phường Dầu Giây;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải;

+ … và 44 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.40. Tại Phường Dầu Giây

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 301; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Hưng Nghĩa (STT 127) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Hưng Thịnh" thành "Hết thửa đất số 63 tờ bản đồ số 154"; lý do: Do trùng nên sửa điểm cuối hết thửa đất số 63 tờ bản đồ số 154 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

b) Sửa tên đường, sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (STT 36) sửa tên đường từ "Đường Lộ 25 - Sông Nhạn" thành "Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25", sửa điểm đầu từ "Sông Nhạn - Dầu Giây" thành "Đường Sông Nhạn - Dầu Giây", sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Dầu Giây" thành "Ranh giới phường Dầu Giây"; lý do: Sửa tên đường, điểm đầu, điểm cuối. Xuân Quế, Dầu Giây.

c) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) (STT 22) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế; lý do: Bỏ do trùng với stt 36 xã Xuân Quế (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc (STT 260) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500; lý do: bỏ vì giá thấp và đoạn ngắn hơn (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 287.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 780.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh phường Dầu Giây;

+ Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông;

+ Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao;

+ Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức;

+ Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ);

+ Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) đến hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ);

+ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây;

+ Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh);

+ … và 26 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.41. Tại Xã Gia Kiệm

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 210; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) (STT 57) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Bàu Hàm" thành "Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đổ 140"; lý do: Biên bản đề xuất điều chỉnh điểm cuối nhưng đã đúng với NQ28 . Do trùng với stt 50 xã Bàu Hàm nên Thay đổi điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đổ 140 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

b) Sửa điểm đầu của 19 tuyến đường (gồm 07 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường tỉnh 762 (STT 50) sửa điểm đầu từ "Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất" thành "Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng phường Trị An) đến giáp ranh ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 1 về bên phải vừa thửa đất số 240 tờ bản đồ số 63 về bên trái và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Gia Kiệm) đến giáp ranh thửa đất số 103 tờ bản đồ số 105 về bên phải"; lý do: Do trùng với STt 239 phường Trị An nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 1 về bên phải vừa thửa đất số 174 tờ bản đồ số 63 về bên… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Gia Kiệm" thành "Giáp ranh xã Thống Nhất"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Giáp ranh xã Thống Nhất;

+ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện (STT 15) sửa điểm đầu từ "Km2+500" thành "Đi vào hết 2536m"; lý do: Do trùng với STT 120 xã Bình Lộc nên điều chỉnh điểm đầu thành: Đi vào hết 2536m (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Quốc lộ 20 (STT 22) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh phường Dầu Giây"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Giáp ranh phường Dầu Giây Điều chỉnh điểm cuối thành " Đến giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ');

+ Quốc lộ 20 (STT 29) sửa điểm đầu từ "Giáp ngã ba đường vào Nông trường cao su Bình Lộc" thành "Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ)"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu: Từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) Điều chỉnh điểm cuối: Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện;

+ Quốc lộ 20 (STT 36) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường vào ấp Lạc Sơn" thành "Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu: Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện;

+ Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) (STT 50) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu" thành "Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu"; lý do: Biên bản đề xuất điều chỉnh điểm đầu nhưng đã đúng với NQ28;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 210.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ);

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất;

+ Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu;

+ Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu;

+ Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đổ 140;

+ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 220.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km;

1.42. Tại Xã Thống Nhất

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 154; trong đó:

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 154.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 70.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa;

+ … và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.43. Tại Xã Định Quán

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 476; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 104 (STT 113) sửa điểm cuối từ "Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 115 về bên trái và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 115 về bên phải)" thành "Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái)"; lý do: đề xuất sửa QL 20 đến hết dốc Lê Thê (đến hết

ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) (sai thông tin tờ thửa).;

+ Đường Thú y (STT 295) sửa điểm cuối từ "Đường Ngô Thời Nhiệm" thành "Đường Lý Thường Kiệt (đường bao Cụm Công Nghiệp)"; lý do: đề xuất điểm cuối là đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp).;

+ Đường Lý Thường Kiệt (STT 428) sửa điểm cuối từ "Đường Ngô Thời Nhiệm" thành "Đường Nguyễn Văn Linh"; lý do: đề xuất sửa điểm cuối là đường Nguyễn Văn Linh.;

+ Đường Ngô Thời Nhiệm (STT 435) sửa điểm cuối từ "Đến đường Nguyễn Văn Linh" thành "Bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14"; lý do: đề xuất sửa điểm cuối là bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14.;

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường liên ấp 1 - ấp 3 (STT 141) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 20" thành "Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè)"; lý do: đề xuất sửa điểm đầu đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư…;

+ Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán (STT 288) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 20 hướng vào trạm y tế cũ" thành "Quốc lộ 20"; lý do: đề xuất điểm đầu Quốc lộ 20, điểm cuối Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47).;

+ Đường Lương Thế Vinh (STT 470) sửa điểm đầu từ "Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7" thành "Bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6;"; lý do: đề xuất sửa điểm đầu bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6.;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 476.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 570.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối);

+ Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán;

+ Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn;

+ Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán;

+ Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền;

+ Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Lê Lợi;

+ Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức;

+ … và 23 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 70.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng;

+ … và 22 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.44. Tại Xã Phú Vinh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 140; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 118 – sông Đồng Nai (STT 29) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường be 117" thành "Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân"; lý do: xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân;

+ Đường ấp 1 xã Phú Vinh (STT 64) sửa điểm cuối từ "Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng)" thành "Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng)"; lý do: Xã đề xuất điểm cuối ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng;

+ Đường ấp 1 xã Phú Vinh (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh phân hiệu Trường Tiểu học Lê Văn Tám" thành "Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối đường vào trường TH Lê Văn Tám;

+ Đường Suối Soong 2 (STT 120) sửa điểm cuối từ "Đường ngã 4 km+115" thành "Đường Phú Vinh-Ngọc Định"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối Đường Phú Vinh - Ngọc Định;

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 118 – sông Đồng Nai (STT 36) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường be 117" thành "Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân"; lý do: xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, điểm cuối Giáo xứ Xuân Hoa;

+ Đường 118 – sông Đồng Nai (STT 43) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường liên ấp 4-5" thành "Giáo xứ Xuân Hoa"; lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu Giáo xứ Xuân Hoa;

+ Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn còn lại (STT 78) sửa điểm đầu từ "" thành "Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu đường vào trường TH Lê Văn Tám, điểm cuối đường Suối Soong;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 140.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 270.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ);

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 70.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã 3 đường WB đến Đường ngã 4 km+115;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã 3 đường WB đến Đường ngã 4 km+115;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7;

+ … và 2 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.45. Tại Xã La Ngà

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 149; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 4A (STT 57) sửa điểm cuối từ "Quốc lộ 20 (Đoạn qua trường mầm non Hoa Mai)" thành "Quốc lộ 20 (Thưa đất số 130 tơ ban đô số 119)"; lý do: Xã điều chỉnh điểm cuối đến QL 20 (Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 119); Thay đổi vtri 350m;

+ Đường 2A (STT 66) sửa điểm cuối từ "Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 12, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122" thành "Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122; k thay đôi vtti;

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 101B (STT 108) sửa điểm đầu từ "Đường 101" thành "Trường THCS Trần Hưng Đạo"; lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu Trường THCS Trần Hưng Đạo;

c) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Quốc lộ 20 (STT 1) đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Hết chợ Túc Trưng; lý do: Bỏ do trùng với STT 29 xã Thống Nhất (giá bằng nhau) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Quốc lộ 20 (STT 8) đoạn từ Hết chợ Túc Trưng đến Hết trường PHTH Điểu Cải; lý do: Bỏ do trùng với STT 36 xã Thống Nhất (giá bằng nhau) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 135.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 270.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37);

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Hết chợ Túc Trưng;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng đến Hết trường THPT Điểu Cải;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điểu Cải đến Ngã ba cây xăng;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến Giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m đến Qua chợ La Ngà 200m (đến hết bưu điện xã La Ngà);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 70.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4A;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4A;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2A;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2A;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An;

+ … và 8 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.46. Tại Xã Phú Hòa

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 112; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 20 (STT 15) sửa điểm cuối từ "Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ)" thành "Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là thửa 309 tờ 49);

+ Quốc lộ 20 (STT 29) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Tân Phú" thành "Giáp ranh phường Tân Phú"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là Giáp ranh phường Tân Phú);

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 20 (STT 22) sửa điểm đầu từ "Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ)" thành "Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu là thửa 309 tờ 49);

c) Sửa tên đường của 05 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ) (STT 64) sửa tên đường từ "Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ)" thành "Đường Phú Lợi - Phú Hòa"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường thành Đường Phú Lợi - Phú Hòa);

+ Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ) (STT 71) sửa tên đường từ "Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ)" thành "Đường Phú Lợi - Phú Hòa"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường thành Đường Phú Lợi - Phú Hòa);

+ Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ) (STT 78) sửa tên đường từ "Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ)" thành "Đường Phú Lợi - Phú Hòa"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường thành Đường Phú Lợi - Phú Hòa);

+ Đường 120 đi Gia Canh (STT 99) sửa tên đường từ "Đường 120 đi Gia Canh" thành "Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (xã đề xuất sửa tên đường thành Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2);

+ Đường Phú Lợi - Gia Canh (STT 106) sửa tên đường từ "Đường Phú Lợi - Gia Canh" thành "Đường 120 đi Gia Canh"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (xã đề xuất sửa tên đường thành Đường 120 đi Gia Canh);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 112.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 270.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 đến Ngã ba Km118;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh phường Tân Phú;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 70.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa;

1.47. Tại Xã Thanh Sơn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 49; trong đó:

a) Bổ sung mới 56 tuyến đường (gồm 08 tuyến đường chính và 48 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 130.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường liên ấp 1,2 đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255), giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 130.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường nội đồng ấp 2 đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Ngã ba trường Liên Sơn, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 130.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 130.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh tờ 77 thửa 23, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 130.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 130.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường liên xã Thanh Sơn - Tà Lài đoạn từ Tờ bản đồ số 12 thửa đất số 21 đến Hết tờ 108 thửa 11, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 130.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 130.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 105.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 130.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm;

+ Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m);

+ Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn;

+ Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa);

+ Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế;

+ Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao;

+ Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn;

+ Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120;

+ Đường liên ấp 1,2 đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255);

+ Đường nội đồng ấp 2 đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Ngã ba trường Liên Sơn;

+ … và 5 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 40.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh

thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn;

+ … và 24 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.48. Tại Phường Tân Phú

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 575; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 10 tuyến đường (gồm 04 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Phú Xuân - Núi Tượng (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái" thành "Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới)"; lý do: Do trùng với STT 57 của xã Tà Lài nên Điều chỉnh điểm cuối thành: Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới) (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Km 128 (STT 246) sửa điểm cuối từ "Nhà thờ giáo xứ Vĩnh Lâm" thành "Giáo họ Vinh Lâm (đến thửa đất số 36, tờ bản đồ số 147)"; lý do: sửa điểm cuối Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36);

+ Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha (STT 512) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 550, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 574, tờ BĐĐC số 3 về bên trái" thành "Đường Nguyễn Du"; lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm cuối thành: "đường Nguyễn Du";

+ Nguyễn Du (STT 547) sửa điểm cuối từ "hết ranh thửa đất số 113 tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 3 về bên phải" thành "Đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3)"; lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm cuối thành: "đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3)";

b) Sửa điểm đầu của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 (STT 218) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 xã Tân Phú" thành "Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 phường Tân Phú"; lý do: sửa điểm đầu số tờ 142 thành số tờ 140;

+ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (STT 372) sửa điểm đầu từ "Ranh giới xã Phú Xuân (cũ)" thành "Bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông)"; lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm đầu thành: "bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124…;

+ Đường Hùng Vương (STT 491) sửa điểm đầu từ "Đường Nguyễn Văn Linh" thành "Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45"; lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm đầu thành: "Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45";

+ Đường Phú Xuân - Thanh Sơn (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Tân Phú" thành "Giáp ranh phường Tân Phú";

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Phú Xuân - Thanh Sơn (STT 78) sửa điểm đầu từ "Chợ Ngọc Lâm" thành "Đường chợ Ngọc Lâm", sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Phú Lâm" thành "Đến hết ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 113"; lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm đầu thành "Đường chợ Ngọc Lâm". Do đường trùng với STT 1 xã Phú Lâm nên điều chỉnh điểm cuối thành: Đến hết ranh thửa đất… (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 570.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 430.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 582.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 570.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh;

+ Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú;

+ Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2);

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ;

+ … và 33 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 50.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới);

1.49. Tại Xã Tà Lài

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 105; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Tà Lài (STT 50) sửa điểm cuối từ "Sông Đồng Nai" thành "Đường chuyên dùng"; lý do: Sửa điểm cuối thành Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng;

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Tà Lài (STT 22) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Tân Phú" thành "Giáp ranh phường Tân Phú"; lý do: Sửa điểm đầu thành giáp ranh phường Tân Phú;

+ Đường chuyên dùng (STT 78) sửa điểm đầu từ "Đường vào đập Hàm Vô" thành "Đường vào đập Vàm Hô"; lý do: sửa điểm đầu thành đường vào đập Vàm Hô;

c) Sửa tên đường của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường vào đập Hàm Vô (STT 71) sửa tên đường từ "Đường vào đập Hàm Vô" thành "Đường vào đập Vàm Hô"; lý do: sửa tên đường thành đường vào đập Vàm Hô;

d) Bỏ 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường chuyên dùng (STT 85) đoạn từ Đường vào đập Hàm Vô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54; lý do: Trùng với STT 12 nên bỏ ra ngoài (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

e) Bổ sung mới 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 220.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 170.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 105.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 50.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài;

+ … và 8 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.50. Tại Xã Nam Cát Tiên

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 84; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên (STT 36) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đi xã Nam Cát Tiên" thành "Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67);

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên (STT 50) sửa điểm đầu từ "Cầu 200" thành "Cầu số 1"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (xã đề xuất sửa điểm đầu) điểm đầu: Cầu số 1;

c) Sửa điểm đầu, sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên (STT 43) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đi xã Nam Cát Tiên" thành "Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67", sửa điểm cuối từ "Cầu 200" thành "Cầu số 1"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu và điểm cuối) điểm đầu: bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 điểm cuối : cầu số 1;

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 370.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 91.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 370.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 50.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên;

1.51. Tại Xã Phú Lâm

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 238; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Xuân - Thanh Sơn (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Tân Phú" thành "Giáp ranh phường Tân Phú";

+ Quốc lộ 20 (STT 15) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Tân Phú" thành "Giáp ranh phường Tân Phú";

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 238.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 370.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm);

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm);

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138;

+ Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 55.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng;

+ … và 38 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.52. Tại Xã Đak Lua

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 35; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ấp 7 Đabongkua (STT 1) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đắk Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đắk Lua)" thành "Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua)"; lý do: Sửa điểm cuối;

b) Sửa tên đường, sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đắc Lua (STT 15) sửa tên đường từ "Đường Đắc Lua" thành "Đường Đak Lua", sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đắc Lua" thành "Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường thành đường Đak Lua);

+ Đường Đắc Lua (STT 22) sửa tên đường từ "Đường Đắc Lua" thành "Đường Đak Lua", sửa điểm cuối từ "Bến phà" thành "Cầu Đak Lua (bến phà cũ)"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường và điểm cuối) + Tên đường thành Đak Lua + Điểm cuối thành Cầu Đak Lua (bến phà cũ);

+ Đường Đắc Lua (STT 29) sửa tên đường từ "Đường Đắc Lua" thành "Đường Đak Lua", sửa điểm cuối từ "Giáp ranh Vườn Quốc Gia Nam Cát Tiên" thành "Giáp ranh Vườn

Quốc Gia Cát Tiên"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường và điểm cuối) + Tên đường thành Đak Lua + Điểm cuối thành giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên;

c) Sửa tên đường, sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đắc Lua (STT 8) sửa tên đường từ "Đường Đắc Lua" thành "Đường Đak Lua", sửa điểm đầu từ "Đoạn từ phần giáp ranh tỉnh Bình Phước" thành "Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ)"; lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 Xã đề xuất sửa tên đường và điểm đầu + Tên đường sửa thành đường Đak Lua + Điểm đầu sửa thành Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn…;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 35.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 130.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2;

+ Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua;

+ Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ);

+ Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 30.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đắk Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đắk Lua);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đắk Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đắk Lua);

1.53. Tại Phường Trị An

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 434; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hàng Ba (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC xã Trị An." thành "Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành:

Nghị quyết chưa phù hợp, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đề nghị đổi điểm cuối thành: "Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242…;

+ Đường tỉnh 768 (STT 78) sửa điểm cuối từ "đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp VĨnh An 4)" thành "Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An;

+ Đường Tân An - Vĩnh Tân (STT 176) sửa điểm cuối từ "Đường tỉnh 768" thành "Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235"; lý do: - Ngày 8/9, khi làm việc với PKT (làm việc miệng), PKT đề xuất như sau:: Đổi tên đường thành: Đường Trị An - Vĩnh Tân. Đổi tên điểm đầu thành: Đường tỉnh 768….;

+ Đường Nguyễn Trung Trực (STT 358) sửa điểm cuối từ "Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An." thành "Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91;

+ Đường Hoàng Văn Thụ (STT 400) sửa điểm cuối từ "Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An." thành "Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối: Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62;

+ Đường Lý Thái Tổ (STT 414) sửa điểm cuối từ "Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An." thành "Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61;

b) Sửa điểm đầu của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 768 (STT 85) sửa điểm đầu từ "Chân dốc lớn (cống thoát nước) xã Trị An" thành "Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An;

+ Đường tỉnh 768 (STT 92) sửa điểm đầu từ "Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (Ấp Vĩnh An 4)" thành "Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ)"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu: Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ). Điều chỉnh điểm cuối: Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh…;

+ Đường tỉnh 761 (STT 148) sửa điểm đầu từ "Ngã ba xã Mã Đà rẽ đi xã Phú Lý" thành "Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý;

+ Đường Tân An - Vĩnh Tân (STT 169) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Bàu Hàm" thành "Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237"; lý do: - Ngày 8/9, khi làm việc với PKT (làm việc miệng), PKT đề xuất như sau: Điều chỉnh điểm đầu thành" Đường tỉnh 767. Điều chỉnh điểm cuối: Hết ranh thửa đất số…;

c) Sửa tên đường của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) (STT 169) sửa tên đường từ "Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)" thành "Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải. Điều chỉnh tên đường thành: Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn…;

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 07 tuyến đường (gồm 01 tuyến đường chính và 06 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Trị An mới) (STT 162) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm; lý do: Điều chỉnh tên đường thành: Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới). Bỏ do trùng với STT 169 xã Tân An (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

e) Bổ sung mới 21 tuyến đường (gồm 03 tuyến đường chính và 18 vị trí đường nối tiếp) là:

+ Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 760.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 720.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ, giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 760.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 720.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải), giá đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm vị trí 1 là 230.000 đồng/m2; giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản vị trí 1 là 200.000 đồng/m2 (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 448.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 760.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ);

+ Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương;

+ Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn;

+ Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung;

+ Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực;

+ Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên;

+ Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba);

+ Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lê Đại Hành;

+ Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn;

+ Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba);

+ … và 29 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 60.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6(thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6(thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai;

1.54. Tại Xã Tân An

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 196; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bến Xúc (STT 71) sửa điểm cuối từ “Trạm Biến áp 500kv Sông Mây” thành “Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây”; lý do: Nghị quyết chưa phù hợp, Phòng Kinh tế đề nghị đổi điểm cuối thành: "Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây";

+ Đường Tân An - Vĩnh Tân (STT 85) sửa điểm cuối từ “Trung tâm ấp 5” thành “Trung tâm ấp 5 (cũ)”; lý do: Điều chỉnh điểm cuối: Trung tâm ấp 5 (cũ);

+ Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp (STT 134) sửa điểm cuối từ “Giáp ranh xã Trảng Bom và xã Bàu Hàm” thành “Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm”; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm;

+ Đường tỉnh 767 (STT 148) sửa điểm cuối từ "Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây" thành "Giáp ranh phường Trị An"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Giáp ranh phường Trị An;

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 767 (STT 162) sửa điểm đầu từ "Cầu suối Đá Bàn" thành "Giáp ranh phường Trảng Bom"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Giáp ranh phường Trảng Bom;

c) Sửa tên đường của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (STT 106) sửa tên đường từ "Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài" thành "Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ)"; lý do: Điều chỉnh tên đường: Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ);

+ Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) (STT 169) sửa tên đường từ "Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)" thành "Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)"; lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải. Điều chỉnh tên đường thành: Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn…;

d) Bỏ do trùng hoặc không còn phù hợp 14 tuyến đường (gồm 02 tuyến đường chính và 12 vị trí đường nối tiếp) hiện có là:

+ Đường Kênh N3 (STT 57) đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh; lý do: Bỏ do trùng với STT 128 xã Bình Minh (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

+ Đường Sở Quýt (STT 141) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào); lý do: Bỏ do trùng với STT 169 phường Trảng Dài (kèm 06 vị trí đường nối tiếp tương ứng);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 182.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 730.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên;

+ Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An;

+ Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao;

+ Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19);

+ Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu suối Đá Bàn đến Giáp ranh phường Trị An;

+ Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn;

+ Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh;

+ … và 14 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.55. Tại Xã Phú Lý

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 133; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bàu Điền (STT 43) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 210, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Phú Lý" thành "Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27"; lý do: Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27;

+ Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi (STT 50) sửa điểm cuối từ "Bên phải: hết ranh thửa đất số 194, tờ bản đồ số 37, BĐĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 37, BĐĐC xã Phú Lý" thành "Hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37"; lý do: Phòng Kinh tế đề nghị điều chỉnh lại điểm cuối của tuyến đường này: Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37;

+ Đường Bình Chánh - Cây Cầy (STT 85) sửa điểm cuối từ "Đường ấp 4 - Bình Chánh" thành "Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ)"; lý do: Chỉnh sửa điểm cuối: Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ);

b) Sửa điểm đầu của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 761 (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Trị An" thành "Giáp ranh phường Trị An"; lý do: Chỉnh điểm đầu thành: Giáp ranh phường Trị An;

+ Đường 322B (STT 57) sửa điểm đầu từ "Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh xã Trị An đến cầu suối Kóp)" thành "Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh phường Trị An đến cầu suối

Kóp)"; lý do: Chỉnh sửa điểm đầu thành: Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp);

+ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (STT 78) sửa điểm đầu từ "Đường tỉnh 761(Đoạn tiếp theo đến cầu suối Kóp)" thành "Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý (văn bản của xã);

+ Đường Tổ 8, N2, ấp bàu Phụng, xã Phú Lý (STT 127) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 761 (giáp ranh xã Trị An đến cầu suối Kóp)" thành "Đường ĐT 761 (giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp)"; lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý (văn bản của xã). Điều chỉnh tên đường: Đường Tổ 8 (cũ), N2 , ấp bàu Phụng, xã…;

c) Sửa tên đường của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ấp 4 - Bình Chánh (STT 99) sửa tên đường từ "Đường ấp 4 - Bình Chánh" thành "Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ)"; lý do: Điều chỉnh tên đường: Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ);

+ Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (STT 106) sửa tên đường từ "Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh" thành "Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ)"; lý do: Điều chỉnh tên đường: Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ);

+ Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (STT 113) sửa tên đường từ "Đường tổ 3 ấp Bình Chánh" thành "Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ)"; lý do: Điều chỉnh tên đường: Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ);

+ Đường N7, liên ấp 1-3, xã Phú Lý (STT 120) sửa tên đường từ "Đường N7, liên ấp 1-3, xã Phú Lý" thành "Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý"; lý do: Điều chỉnh tên đường: Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 133.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh phường Trị An đến Cầu suối Kóp;

+ Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý;

+ Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý;

+ Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A;

+ Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B;

+ Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 60.000 đồng/m2 tại các tuyến đường:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 210, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Phú Lý;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 210, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Phú Lý;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 194, tờ bản đồ số 37, BĐĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 37, BĐĐC xã Phú Lý;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 194, tờ bản đồ số 37, BĐĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 37, BĐĐC xã Phú Lý;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý);

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý);

+ … và 12 tuyến đường khác có cùng mức giá.

1.56. Tại Phường Bình Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 693; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Đình Chiểu (STT 160) sửa điểm cuối từ "Suối Đồng Tiền" thành "Đường Ngô Quyền";

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Văn Linh (STT 73) sửa điểm đầu từ "Đường Phạm Đình Hổ" thành "Đường Bạch Đằng";

c) Bỏ 451 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là Đường Phan Bội Châu (STT 75); Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Đường Tôn Đức Thắng; bỏ vì trùng với STT 5 phường Đồng Xoài (Giá phường Đồng Xoài cao hơn).

d) Bổ sung mới 1.465 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông

chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là Đường Nguyễn Văn Linh; Điểm đầu: Đường Trần Hưng Đạo; Điểm cuối: Đường Bạch Đằng; bổ sung tuyến đường này do đã có hiện trạng.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.707.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 800.000 đồng/m2, áp dụng cho 23 tuyến đường, gồm:

+ Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi;

+ Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn;

+ Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh;

+ Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài;

+ Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m);

+ Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ;

+ Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2;

+ Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ);

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt;

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định;

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám;

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su;

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ);

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long;

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương;

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ);

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ);

+ Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan;

+ Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ;

+ Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ));

+ Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m);

+ Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền;

+ Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 114.000 đồng/m2, áp dụng cho 60 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 57 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.57. Tại Phường Đồng Xoài

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 92; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng (STT 24) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (đối với Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng; Điểm đầu: Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến: Điểm cuối: Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ). Được xác định là sai điểm đầu Đường N6 thuộc Khu công nghiệp Đồng Xoài);

b) Sửa tên đường của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) (STT 65) sửa tên đường từ "Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)" thành "Đường Trần Hưng Đạo";

+ Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) (STT 66) sửa tên đường từ "Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)" thành "Đường Vành đai phía Nam";

+ Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) (STT 67) sửa tên đường từ "Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)" thành "Đường quy hoạch số 34";

+ Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) (STT 68) sửa tên đường từ "Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)" thành "Đường quy hoạch số 35";

c) Bỏ 48 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 04 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) (STT 69); Điểm đầu: Giáp ranh phường Bình Phước; Điểm cuối: Đường Quốc lộ 14; bỏ do trùng với tuyến phía trên khác nhau kết cấu cùng mức giá gọp vào đoạn trên;

+ Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) (STT 70); Điểm đầu: Giáp ranh phường Bình Phước; Điểm cuối: Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến); bỏ do trùng với tuyến phía trên khác nhau kết cấu cùng mức giá gọp vào đoạn trên;

+ Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) (STT 71); Điểm đầu: Đường Tôn Đức Thắng; Điểm cuối: Giáp ranh phường Bình Phước; bỏ do trùng với tuyến phía trên khác nhau kết cấu cùng mức giá gọp vào đoạn trên;

+ Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) (STT 72); Điểm đầu: Đường Vành đai phía Nam; Điểm cuối: Giáp ranh phường Bình Phước; bỏ do trùng với tuyến phía trên khác nhau kết cấu cùng mức giá gọp vào đoạn trên;

d) Bổ sung mới 264 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 308.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 800.000 đồng/m2, áp dụng cho 02 tuyến đường, gồm:

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 114.000 đồng/m2, áp dụng cho 32 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 29 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.58. Tại Phường Minh Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 230; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 92) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Tân Khai" thành "Ranh giới phường Tân Khai";

+ Đường ĐT752B (STT 94) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh Xã Tân Khai" thành "Giáp ranh phường Tân Khai";

+ Đường số 6 (STT 118) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Tân Khai" thành "Ranh giới phường Tân Khai";

+ Đường số 14 (STT 126) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Tân Khai" thành "Ranh giới phường Tân Khai";

+ Đường số 26 (STT 145) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Tân Khai" thành "Ranh giới phường Tân Khai";

+ Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (STT 19) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường Ngô Đức Kế" thành "Đến hết ranh thửa đất số 10 tờ bản đồ số 67";

b) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 (STT 84) sửa điểm đầu từ "Đường số 41" thành "Đường số 29"; sửa điểm cuối từ "Đường số 29" thành "Suối";

+ Đường số 45 (STT 165) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "ĐH12"; bổ sung điểm cuối là "Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7";

c) Bỏ 05 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 04 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) (STT 14); Điểm đầu: Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A; Điểm cuối: Hết tuyến; Bỏ vì trùng với phường chơn Thành STT 79 (vì giá phường chơn thành cao hơn);

+ Đường ĐH 15 (STT 104); Điểm đầu: Đường Quốc lộ 13; Điểm cuối: Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng; Bỏ vì trùng với STT 58 phường Chơn Thành;

+ Đường ĐH 15 (STT 105); Điểm đầu: Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng; Điểm cuối: Giáp ranh phường Chơn Thành; Bỏ vì trùng với STT 59 phường Chơn Thành;

+ Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa quy định cụ thể ở các mục trên (STT 225); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

d) Bổ sung mới 1.375 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là Đường số 27; Điểm đầu: Đường số 26; Điểm cuối: Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2; đề nghị bổ sung thêm một đoạn của tuyến đường số 27 (STT 146); Điểm đầu: Đường số 26; Điểm cuối: thửa đất số 1613, tờ BĐĐC số 2.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.600.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 700.000 đồng/m2, áp dụng cho 13 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành;

+ Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1;

+ Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1;

+ Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3);

+ Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh);

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai;

+ Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Đến hết ranh thửa đất số 10 tờ bản đồ số 67;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 94.000 đồng/m2, áp dụng cho 214 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 211 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.59. Tại Phường Chơn Thành

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 192; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 18 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) (STT 1) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84)" thành "Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84)";

+ Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (STT 19) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường Ngô Đức Kế" thành "Đến hết ranh thửa đất số 10 tờ bản đồ số 67";

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 25) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79)" thành "Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78)";

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 28) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12)" thành "Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12)";

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 30) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49" thành "Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49";

+ Đường Phước Long (STT 40) sửa điểm cuối từ "Cuối tuyến" thành "Đường Cao Thắng";

+ Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) (STT 41) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường tổ Khu phố 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)" thành "Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)";

+ Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (STT 50) sửa điểm cuối từ "Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 279, tờ bản đồ số 20)" thành "Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20)";

+ Đường Lê Duẩn (STT 54) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Giáp thửa đất số 372, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13" thành "Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13";

+ Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) (STT 64) sửa điểm cuối từ "Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố 8 (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82" thành "Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82";

+ Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) (STT 66) sửa điểm cuối từ "Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29)" thành "Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29)";

+ Đường Đoàn Thị Điểm (STT 81) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường liên Khu phố 9-Khu phố 2" thành "Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng";

+ Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi (STT 119) sửa điểm cuối từ "Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04)" thành "Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10)";

+ Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi (STT 150) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (điều chỉnh điểm cuối theo góp ý BB của phường thành Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 20) vì theo mô tả NQ Hết ranh thửa đất số 861 tờ bản đồ số 13 vẫn chưa hết tuyến đường tổ 5, tổ);

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 156) sửa điểm cuối từ "Đầu đất Công ty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và đường Quốc lộ 13 cũ)" thành "Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204";

+ Đường D9 (STT 163) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241";

+ Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) (STT 166) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến (Đường đất)" thành "Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214";

+ Đường số 25 (STT 187) sửa điểm cuối từ "Đến cuối thửa đất số 924, tờ bản đồ số 150" thành "Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150";

b) Sửa điểm đầu của 14 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 26) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (không tìm thấy thửa đất số 44, tờ bản số 79 trên bản đồ. Điều chỉnh điểm đầu theo nền địa chính mới nhất được khai thác thành Phía tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78));

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 29) sửa điểm đầu từ "Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12)" thành "Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12)";

+ Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) (STT 42) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường tổ Khu phố 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)" thành "Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)";

+ Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (STT 51) sửa điểm đầu từ "Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 279, tờ bản đồ số 20)" thành "Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20)";

+ Đường Lê Duẩn (STT 55) sửa điểm đầu từ "Phía Đông: Giáp thửa đất số 372, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13" thành

“Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13”;

+ Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) (STT 65) sửa điểm đầu từ “Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố 8 (Hết ranh đất ăn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82” thành “Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82”;

+ Đường Điểu Ong (STT 75) sửa điểm đầu từ “Quốc lộ 14” thành “Đoạn từ đường 2 tháng 4”;

+ Đường Nguyễn Công Hoan (STT 83) sửa điểm đầu từ “Quốc lộ 14” thành “Đường 2 tháng 4”;

+ Đường Phạm Thế Hiển (STT 84) sửa điểm đầu từ “Quốc lộ 14” thành “Đường 2 tháng 4”;

+ Đường Đào Duy Từ (STT 91) sửa điểm đầu từ “Quốc lộ 14” thành “Đường Nguyễn Huệ”;

+ Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) (STT 155) sửa điểm đầu từ “Toàn tuyến” thành “Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70)”;

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 157) sửa điểm đầu từ “Đầu đất công ty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và đường Quốc lộ 13 cũ)” thành “Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204”;

+ Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) (STT 161) sửa điểm đầu từ “Toàn tuyến” thành “Đường Quốc lộ 13”;

+ Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) (STT 165) sửa điểm đầu từ “Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 119, tờ bản đồ số 210)” thành “Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211)”;

c) Sửa tên đường của 62 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1) (STT 44) sửa tên đường từ “Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1)” thành “Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi)”;

+ Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1) (STT 45) sửa tên đường từ “Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1)” thành “Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi)”;

+ Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 46) sửa tên đường từ "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)" thành "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)";

+ Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 47) sửa tên đường từ "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)" thành "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)";

+ Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 48) sửa tên đường từ "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)" thành "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)";

+ Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 49) sửa tên đường từ "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)" thành "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)";

+ Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố 9, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) (STT 57) sửa tên đường từ "Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố 9, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng)" thành "Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng)";

+ Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) (STT 68) sửa tên đường từ "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))" thành "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))";

+ Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) (STT 69) sửa tên đường từ "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))" thành "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))";

+ Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố 5 (STT 71) sửa tên đường từ "Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố 5" thành "Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long";

+ Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 72) sửa tên đường từ "Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)" thành "Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi)";

+ Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 73) sửa tên đường từ "Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)" thành "Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi)";

+ Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố 10 cũ) (STT 93) sửa tên đường từ "Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố 10 cũ)" thành "Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng)";

+ Đường tổ 01, tổ 12, khu phố 9 (STT 94) sửa tên đường từ "Đường tổ 01, tổ 12, khu phố 9" thành "Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng";

+ Đường tổ 11, khu phố 9 (STT 95) sửa tên đường từ "Đường tổ 11, khu phố 9" thành "Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng";

+ Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 (STT 97) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (điều chỉnh điểm cuối thành: Đoạn từ phía Đông ngã ba hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 18; phía Tây ngã ba hết ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 18. Lý do: Lý do: Trên Bản đồ địa chính không còn th);

+ Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 (STT 98) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (điều chỉnh điểm đầu theo BB thành: Đoạn từ phía Đông ngã ba hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 18; phía Tây ngã ba hết ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 18. Lý do: Lý do: Trên Bản đồ địa chính không);

+ Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 (STT 99) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (điều chỉnh điểm cuối thành thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 (Lý do trên bản đồ địa chính không thể hiện đường tổ 1, tổ 12 khu phố 9). Vì theo nền địa chính mới nhất được khai thác thì tuyến đường giao);

+ Đường tổ 9, khu phố 10 (STT 100) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố 10" thành "Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng";

+ Đường tổ 9, khu phố 10 (STT 101) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố 10" thành "Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng";

+ Đường tổ 9, khu phố 10 (STT 102) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố 10" thành "Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng";

+ Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cảm (STT 104) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cảm" thành "Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi";

+ Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cảm (STT 105) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cảm" thành "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi";

+ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm (STT 106) sửa tên đường từ "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm" thành "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi";

+ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm (STT 107) sửa tên đường từ "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm" thành "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi";

+ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm (STT 108) sửa tên đường từ "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm" thành "Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi";

+ Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cảm (STT 109) sửa tên đường từ "Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cảm" thành "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi";

+ Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cảm (STT 110) sửa tên đường từ "Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cảm" thành "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1)";

+ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (STT 111) sửa tên đường từ "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm" thành "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2)";

+ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 1) (STT 112) sửa tên đường từ "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 1)" thành "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3)";

+ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) (STT 113) sửa tên đường từ "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2)" thành "Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi";

+ Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi (STT 123) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi" thành "Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi (STT 124) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi" thành "Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố 4 (STT 125) sửa tên đường từ "Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố 4" thành "Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 3A, khu phố 4 (STT 126) sửa tên đường từ "Đường tổ 3A, khu phố 4" thành "Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long";

+ Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (STT 128) sửa tên đường từ "Đường liên khu phố 4 - khu phố 5" thành "Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)";

+ Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (STT 129) sửa tên đường từ "Đường liên khu phố 4 - khu phố 5" thành "Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)";

+ Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (STT 130) sửa tên đường từ "Đường liên khu phố 4 - khu phố 5" thành "Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)";

+ Đường tổ 7, khu phố 5 (STT 131) sửa tên đường từ "Đường tổ 7, khu phố 5" thành "Đường tổ 7, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 7, khu phố 5 (STT 132) sửa tên đường từ "Đường tổ 7, khu phố 5" thành "Đường tổ 7, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 4, khu phố 6 (STT 133) sửa tên đường từ "Đường tổ 4, khu phố 6" thành "Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm";

+ Đường tổ 4, khu phố 6 (STT 134) sửa tên đường từ "Đường tổ 4, khu phố 6" thành "Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm";

+ Đường tổ 4 tổ 5 khu phố 6 (STT 135) sửa tên đường từ "Đường tổ 4 tổ 5 khu phố 6" thành "Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm";

+ Đường tổ 5, tổ 7, khu phố 6 (STT 136) sửa tên đường từ "Đường tổ 5, tổ 7, khu phố 6" thành "Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm";

+ Đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7 (STT 137) sửa tên đường từ "Đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7" thành "Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm";

+ Đường tổ 8, khu phố 7 (STT 138) sửa tên đường từ "Đường tổ 8, khu phố 7" thành "Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm";

+ Đường tổ 8, khu phố 7 (STT 139) sửa tên đường từ "Đường tổ 8, khu phố 7" thành "Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm";

+ Đường tổ 9, khu phố 7 (STT 140) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố 7" thành "Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm";

+ Đường tổ 9, khu phố 7 (STT 141) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố 7" thành "Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm";

+ Đường tổ 7, khu phố 8 (STT 142) sửa tên đường từ "Đường tổ 7, khu phố 8" thành "Đường tổ 7, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 4, khu phố 8 (STT 143) sửa tên đường từ "Đường tổ 4, khu phố 8" thành "Đường tổ 4, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 5, khu phố 8 (STT 144) sửa tên đường từ "Đường tổ 5, khu phố 8" thành "Đường tổ 5, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 9, khu phố 8 (STT 145) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố 8" thành "Đường tổ 9, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 9, khu phố 8 (STT 146) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố 8" thành "Đường tổ 9, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 9, khu phố 8 (STT 147) sửa tên đường từ "Đường tổ 9, khu phố 8" thành "Đường tổ 9, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 5, Khu phố 8 (tránh mỏ Cao Lanh) (STT 148) sửa tên đường từ "Đường tổ 5, Khu phố 8 (tránh mỏ Cao Lanh)" thành "Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh)";

+ Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Hiếu Cảm (STT 149) sửa tên đường từ "Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Hiếu Cảm" thành "Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi";

+ Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố 7) (STT 151) sửa tên đường từ "Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố 7)" thành "Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm)";

+ Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) (STT 152) sửa tên đường từ "Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))" thành "Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))";

+ Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) (STT 153) sửa tên đường từ "Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))" thành "Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ))";

+ Đường liên Khu phố 10 - Khu phố Trung Lợi (STT 154) sửa tên đường từ "Đường liên Khu phố 10 - Khu phố Trung Lợi" thành "Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi";

+ Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (Đường số 40) (STT 178) sửa tên đường từ "Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (Đường số 40)" thành "Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40)";

d) Sửa tên đường và điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 khu phố 10, phường Hưng Long (cũ)) (STT 62) sửa tên đường từ "Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 khu phố 10, phường Hưng Long (cũ))" thành "Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ))"; sửa điểm cuối từ "Ngã tư đường tổ 9 - 10, khu phố 10" thành "Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng";

+ Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) (STT 67) sửa tên đường từ "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))" thành "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))"; sửa điểm cuối từ "Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)" thành "Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)";

+ Đường tổ 3A, 3B, khu phố 4 (STT 127) sửa tên đường từ "Đường tổ 3A, 3B, khu phố 4" thành "Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long"; sửa điểm cuối từ "Đất nhà ông Phan Kỹ (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 32)" thành "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ)";

đ) Sửa tên đường và điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, khu phố 10, phường Hưng Long (cũ)) (STT 63) sửa tên đường từ "Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, khu phố 10, phường Hưng Long (cũ))" thành "Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ))"; sửa điểm đầu từ "Ngã tư đường tổ 9 - 10, khu phố 10" thành "Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng";

+ Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố 5 (STT 70) sửa tên đường từ "Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố 5" thành "Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long"; sửa điểm đầu từ "Cuối đường sỏi đỏ khu phố 5 giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)" thành "Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)";

+ Đường ranh giới phường Hưng Long (thị trấn Chơn Thành cũ) - phường Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) (STT 103) sửa tên đường từ "Đường ranh giới phường Hưng Long (thị trấn Chơn Thành cũ) - phường Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)" thành "Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi"; sửa điểm đầu từ "Đầu ranh thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16" thành "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi";

e) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 06 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (STT 20); Điểm đầu: Ngã ba đường Ngô Đức Kế; Điểm cuối: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 43,

tờ bản đồ số 62 của ông Huỳnh Duy Kha); Bỏ tuyến đường có STT20 vì đường có STT 20 có điểm đầu và điểm cuối trùng nhau;

+ Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) (STT 60); Điểm đầu: Đường 02 tháng 4; Điểm cuối: Ngã ba tổ 9 -10, khu phố 10; bỏ vì trùng đường STT 106 với phường Minh Hưng (Giá bằng nhau nhưng đoạn của phường Minh hưng dài hơn);

+ Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) (STT 61); Điểm đầu: Ngã ba tổ 9 -10, khu phố 10; Điểm cuối: Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1); bỏ vì trùng đường STT 106 với phường Minh Hưng (vì giá phường Minh Hưng cao hơn);

+ Đường Ngô Đức Kế (STT 78); Điểm đầu: Đường Nguyễn Huệ; Điểm cuối: Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11); Bỏ đường này do trùng với STT 13 của phường Minh Hưng (giá chơn thành thấp hơn);

+ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (STT 159); Điểm đầu: Đường Quốc lộ 13; Điểm cuối: Ranh giới phường Chơn Thành; Bỏ tuyến đường có STT159 do trùng với tuyến đường stt 77 giá thấp hơn;

+ Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa quy định cụ thể ở các mục trên (STT 190); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

g) Bổ sung mới 1.128 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.313.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 700.000 đồng/m2, áp dụng cho 26 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 23 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84);

+ Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3);

+ Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 123.000 đồng/m2, áp dụng cho 210 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 207 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.60. Tại Xã Nha Bích

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 42; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 1) sửa điểm cuối từ "- Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích - Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 41)" thành "Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 6) sửa điểm cuối từ "- Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 122) giáp đường số 47" thành "Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47";

+ Đường số 5 (STT 29) sửa điểm cuối từ "Cuối thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55" thành "Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 2) sửa điểm đầu từ "- Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích - Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 41)" thành "Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) "";

+ Đường số 5 (STT 30) sửa điểm đầu từ "Cuối thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55" thành "Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55";

c) Sửa tên đường của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (Đường số 40) (STT 178) sửa tên đường từ "Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (Đường số 40)" thành "Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40)";

d) Bỏ 04 tuyến đường. Trong đó có bỏ 04 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường ĐT 756B (STT 12); Điểm đầu: Giáp ranh cầu lò gạch; Điểm cuối: Hết tuyến (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 62); lý do: văn bản góp ý bỏ tuyến đường này ra khỏi NQ;

+ Đường số 40 (STT 39); Điểm đầu: Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62; Điểm cuối: Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62; Bỏ vì trùng STT 178 phường Chơn Thành (giá phường Chơn Thành cao hơn);

+ Đường nhựa, đường bê tông nông thôn còn lại chưa quy định cụ thể ở trên (STT 40); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Các đường còn lại (STT 41); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

đ) Bổ sung mới 255 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 03 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường số 3; Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất; đường bổ sung theo văn bản số 3103/UBND- KT;

+ Đường số 47; Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78; đường bổ sung theo văn bản số 3103/UBND- KT;

+ Đường 10; Điểm đầu: Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78; Điểm cuối: Hết ranh nông trường Minh Lập; đường bổ sung theo văn bản số 3103/UBND- KT;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 293.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 600.000 đồng/m2, áp dụng cho 11 tuyến đường, gồm:

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 97.000 đồng/m2, áp dụng cho 60 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 57 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.61.Tại Phường Bình Long

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 191; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 22 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 752 (STT 25) sửa điểm cuối từ "Ngã Ba Xe Tăng" thành "Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long)";

+ Đường Nguyễn Văn Trỗi (STT 87) sửa điểm cuối từ "Hết đất Kho vật tư cũ" thành "Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53)";

+ Đường Lê Đại Hành (STT 92) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18";

+ Đường HCT 4 (STT 101) sửa điểm cuối từ "Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh" thành "Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24)";

+ Đường HCT 5 (STT 103) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31";

+ Đường HCT 14 (STT 114) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8";

+ Đường HCT 16 (STT 116) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6";

+ Đường HCT 17 (STT 117) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7";

+ Đường HCT 19 (STT 119) sửa điểm cuối từ "Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)" thành "Suối (Hết thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)";

+ Đường HCT 19 nối dài (STT 120) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3" thành "hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3";

+ Đường HCT 20 (STT 121) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức)" thành "Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752)";

+ Đường HCT 25 (STT 127) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1";

+ Đường HCT 27 (STT 129) sửa điểm cuối từ "Đường HCT21" thành "Đường Lê Đại Hành";

+ Đường HCT 27 (STT 130) sửa điểm cuối từ "Cuối đường Lê Đại Hành" thành "Đường Lê Đại Hành";

+ Đường HCT 28 (STT 131) sửa điểm cuối từ "Đường HCT 7 (thửa đất số 06, tờ bản đồ số 14)" thành "Đường HCT 7";

+ Đường ALT 22 (STT 135) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đường ALT 4";

+ Đường ALT 23 (STT 136) sửa điểm cuối từ "Đường ALT 22" thành "Giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2";

+ Đường Huỳnh Thúc Kháng (STT 147) sửa điểm cuối từ "Đường PĐT2" thành "Cầu Ba Kiềm";

+ Đường PĐT 3 (STT 150) sửa điểm cuối từ "Suối Cầu đỏ (Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 83)" thành "Suối Cầu Đỏ";

+ Đường PĐT 7 (STT 154) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88";

+ Đường PĐT 9 (STT 156) sửa điểm cuối từ "Cuối đường - Giáp ranh đất lô cao su" thành "Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1";

+ Đường bê tông (STT 168) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134" thành "Hết ranh Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134";

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ALT 4 (STT 57) sửa điểm đầu từ "Ngã Ba Xe Tăng" thành "Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long)";

+ Đường ALT 5 (STT 58) sửa điểm đầu từ "Đường Đoàn Thị Điểm" thành "Đường Nguyễn Thái Học";

+ Đường ALT 7 (STT 62) sửa điểm đầu từ "Đường ALT 1 (từ thửa đất số 280 và thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111)" thành "Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111)";

c) Bỏ 25 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 23 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Trần Hưng Đạo (STT 4); Điểm đầu: Đường Lý Thường Kiệt; Điểm cuối: Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82; bỏ vì trùng với STT 6 phường An Lộc (giá phường An Lộc cao hơn);

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 80); Điểm đầu: Đường Nguyễn Thị Minh Khai; Điểm cuối: Đường Lê Đại Hành; lý do: đề xuất bỏ do trùng với đoạn 2 của nó;

+ Đường ALT 4 (STT 133); Điểm đầu: Ngã ba xe tăng; Điểm cuối: Cột mốc 2 mặt (ranh phường An Lộc và phường Hưng Chiến); lý do: bị trùng vì đã có đường AL T4 số thứ tự 57 theo nghị quyết 28; bỏ;

+ Đường PĐT 9 (STT 134); Điểm đầu: Đường Quốc lộ 13; Điểm cuối: Đường PĐT 7 (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20 mới); lý do: nếu điểm đầu từ quốc lộ 13 sẽ đi trên đường lô cao su, chưa cập nhật bản đồ địa chính. Điểm cuối sai vì thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20 mới không gần đường PĐT 7. Ngoài ra đoạn này sẽ trùng với Đường PĐT 9 số thứ tự 156 theo Nghị quyết 28; Bỏ;

+ Đường ĐT 758 (STT 138); Điểm đầu: Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 3; Điểm cuối: Giáp ranh xã Tân Lợi; bỏ vì trùng với STT 7 phường An Lộc (giá phường An Lộc cao hơn);

+ Đường Nguyễn Du (Tây đường) (STT 141); Điểm đầu: Đường Nguyễn Huệ; Điểm cuối: Đường Nguyễn Trãi; bỏ vì trùng với STT 154 (STT 154 giá cao hơn);

+ Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) (STT 145); Điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực; Điểm cuối: Đường Lê Đại Hành; Bỏ do không xác định được ngoài hiện trạng;

+ Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m (STT 172); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m (STT 173); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m (STT 174); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47) có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m (STT 175); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Các đường nội bộ trong khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An thuộc bản đồ chính quy tờ bản đồ số 113, 156, 157, 158, 160, 161, 162, 163, 167, 168, 169, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá (STT 176); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Các đường nội bộ trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc bản đồ chính quy số: 80, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 118, 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá. (STT 177); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Các thửa đất tiếp giáp đường có mặt đường rộng dưới 3m theo bản đồ chính quy tờ bản đồ số 113, 117, 156, 157, 158, 160 đến 163, 168, 169, 172 đến 182 thuộc các khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An. (STT 178); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Các thửa đất tiếp giáp đường theo bản đồ chính quy có mặt đường rộng dưới 3m và các thửa đất không tiếp giáp đường đi hoặc tiếp giáp đường đi dọc theo các lô cao su mà không thể hiện trên bản đồ chính quy trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc các tờ bản đồ số: 80, 107 đến 112, 114 đến 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171. (STT 179); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu rộng từ 07m đến 10m (STT 180); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m (STT 181); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi tự phát theo các lô cao su (STT 182); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 6m - 10m (STT 183); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m (STT 184); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 7 có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m (STT 185); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có mặt đường hiện hữu dưới 3m (STT 186); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 79, 89 đến 106, 120 đến 128, 149 đến 155 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) từ 3m trở lên (STT 188); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

d) Bổ sung mới 1.034 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát); Điểm đầu: Đường Lương Thế Vinh; Điểm cuối: Đến đường HCT 5; bổ sung đường có giá bên Phụ lục III chưa có giá bên Phụ lục I (mã đường theo Pl III) Giá đề xuất tương đương stt 137;

+ Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát); Điểm đầu: Đường Lương Thế Vinh; Điểm cuối: Đến đường HCT 5; bổ sung đường có giá bên Phụ lục III chưa có giá bên Phụ lục I (mã đường theo Pl III) Giá đề xuất tương đương stt 137;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.200.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 560.000 đồng/m2, áp dụng cho 05 tuyến đường, gồm:

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu;

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương;

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân;

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ);

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 101.000 đồng/m2, áp dụng cho 10 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134 có hiện trạng là

đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.62.Tại Phường An Lộc

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 195; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 3) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát thành "Đường Hồ Xuân Hương";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 4) sửa điểm đầu từ "Đường Nguyễn Du (mũi dùi)" thành "Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79)";

b) Tách đoạn của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường TPT 19 (STT 73) tách thành 02 đoạn: đoạn thứ nhất từ "Đường TPT 16" đến "Hết ranh thửa 130 tờ 28"; đoạn thứ hai từ "thửa 6 tờ 2" đến "Đường TPT 2"; tách đoạn của đường TPT19 AL49 mức giá tương đương STT 73 do là 1 đường mà không liên tục;

+ Đường TPT 48 (STT 101) tách thành 02 đoạn: đoạn thứ nhất từ "Đường TLT 30" đến "hết ranh thửa 325 tờ 12"; đoạn thứ hai từ "thửa 6 tờ 2" đến "Đường TPT 2"; tách đoạn của đường TPT 48 AL76 do không thông nhau, mức giá tường đương STT 101;

+ Đường TLT 11 (STT 122) tách thành 02 đoạn: đoạn thứ nhất từ "TLT 1 đến" đến "Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46"; đoạn thứ hai từ "Suối" đến "Đường ray xe lửa (cũ)"; tách đoạn của đường TLT 11 AL92 do không thông nhau, mức giá tương đương STT 122;

+ Đường TLT 26 (STT 140) tách thành 02 đoạn: đoạn thứ nhất từ "Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)" đến "Đường TLT 27"; đoạn thứ hai từ "Đường TLT 27" đến "Đường TLT 5"; tách đoạn của đường TLT 26 AL107, mức giá tương đương đường STT 140;

+ Đường TLT 67 (STT 178) tách thành 02 đoạn: đoạn thứ nhất từ "Đường TLT 55" đến "Bãi rác"; đoạn thứ hai từ "Suối" đến "Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73"; tách đoạn của đường TLT 67 AL143 do cùng là một đường chưa nối thông nhau, mức giá tương đường đường STT 178;

+ Đường TLT 70 (STT 181) tách thành 02 đoạn: đoạn thứ nhất từ "Đường Nhà máy xi măng" đến "Đường TLT 27"; đoạn thứ hai từ "Đường TLT 27" đến "đường TLT 5"; tách đoạn của đường TLT 70 AL147, mức giá tương đương đường STT 181;

c) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 09 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 1); Điểm đầu: Đường Trần Hưng Đạo; Điểm cuối: Đường Hùng Vương; bỏ vì trùng với STT 13 phường Bình Long (giá phường Bình Long cao hơn);

+ Đường Trần Hưng Đạo (STT 5); Điểm đầu: Đường Nguyễn Huệ; Điểm cuối: Đường Lý Thường Kiệt; bỏ vì trùng với STT 3 phường Bình Long (giá bằng nhau);

+ Đường PTT 11 (STT 30); Điểm đầu: Đường Nơ Trang Long; Điểm cuối: Nguyễn Du; lý do: bị trùng với Đường tổ 2 KP Phú Xuân, đề xuất bỏ tuyến đường này ra khỏi bảng giá đất Thành phố Đồng Nai;

+ Đường PTT 22 (Nguyễn Thái Học nối dài) (STT 31); Điểm đầu: Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 2 (Ngã ba ông Dân); Điểm cuối: Ngã ba cuối đất nhà bà Long; lý do: bị trùng với Đường Nguyễn Thái Học, đề xuất bỏ tuyến đường này ra khỏi bảng giá đất Thành phố Đồng Nai;

+ Đường bao quanh chợ (STT 46); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: đề xuất hủy do trùng với đường STT 42 AL25;

+ Đường TPT 46 (STT 99); Điểm đầu: Đường TLT 34; Điểm cuối: Đường TPT 4 (dọc đường ray); Bỏ do không thể xác định được;

+ Đường TPT 47 (STT 100); Điểm đầu: Đường TLT 34; Điểm cuối: Đường TPT 4 (dọc đường ray); Bỏ do không thể xác định được;

+ Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m (STT 185); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su (STT 186); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

d) Bổ sung mới 1.142 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông

chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước; Điểm đầu: Toàn tuyến; đề xuất bổ sung giá đất nông nghiệp và hệ số CLN 252; HNK 202; NTS 141.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.328.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 560.000 đồng/m2, áp dụng cho 04 tuyến đường, gồm:

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương;

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân;

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ);

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 101.000 đồng/m2, áp dụng cho 282 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 279 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.63.Tại Phường Phước Bình

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 188; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Độc Lập (STT 18) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 44 và thửa đất số 44, tờ bản

đồ số 110)" thành "Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)";

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Độc Lập (STT 19) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (từ ranh thửa đất số 682, tờ bản đồ số 44 và thửa đất số 37, tờ bản đồ số 110)" thành "Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)";

c) Bỏ 04 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m (STT 17); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: đề xuất bỏ do đã có đường đấu nối.

d) Bổ sung mới 1.118 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Long Hưng - Bình Sơn; Điểm đầu: Giáp ranh xã Bình Tân; Điểm cuối: hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112); bổ sung đường giá tương đương stt 16;

+ Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài); Điểm đầu: Ngã tư đường Lý Tự Trọng; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa); bổ sung đề xuất tương đương đường STT 47;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.302.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 420.000 đồng/m2, áp dụng cho 17 tuyến đường, như:

+ Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1);

+ Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41);

+ Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141));

…

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 62.000 đồng/m2, áp dụng cho 08 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.64.Tại Phường Phước Long

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 131; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 25 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 6/1 (STT 7) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến Cầu Đăk Lung";

+ Đường Trần Hưng Đạo (STT 10) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến đường nhựa Khu phố Long Thủy 4" thành "Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải)";

+ Đường Lê Văn A (STT 18) bổ sung điểm cuối là "Đường Lê Văn Duyệt";

+ Đường Cách mạng tháng 8 (STT 22) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Giáp đường Nguyễn Văn Cừ";

+ Đường Lý Thái Tổ (STT 31) sửa điểm cuối từ "Cầu An Lương" thành "Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long)";

+ Đường Lê Văn Duyệt (STT 33) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi";

+ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (STT 37) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01" thành "Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01";

+ Đường Nguyễn Văn Giáp (STT 48) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến đường nhựa" thành "Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6";

+ Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) (STT 50) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư";

+ Đường Hùng Vương (STT 52) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả điểm cuối: Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) (Giáp ranh phường Phước Bình));

+ Đường Cù Chính Lan (STT 57) sửa điểm cuối từ "Đến hết tuyến" thành "giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4";

+ Đường Hồ Huân Nghiệp (STT 58) sửa điểm cuối từ "Đến hết tuyến" thành "Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2";

+ Đường bên hông công an PCCC (STT 61) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03" thành "Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03";

+ Đường Lê Quý Đôn (STT 63) sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ (thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125)" thành "Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125";

+ Đường Nguyễn Tất Thành (STT 69) sửa điểm cuối từ "Tượng Đức Mẹ (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)" thành "Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)";

+ Đường Đinh Công Trứ (STT 74) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến nhựa hiện hữu (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54)" thành "Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54)";

+ Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) (STT 80) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến giáp suối";

+ Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) (STT 81) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54";

+ Đường Huỳnh Khương An (STT 82) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126";

+ Đường Nguyễn Thị Định (STT 94) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 81 tờ bản đồ số 58 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 58 về phía bên phải);

+ Đường Lương Văn Can (STT 103) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59";

+ Đường Huỳnh Mẫn Đạt (STT 105) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đường Liên khu vực 4";

+ Đường Cao Xuân Huy (STT 106) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103";

+ Đường Phạm Phú Thứ (STT 107) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101";

+ Đường Thống Nhất (STT 109) sửa điểm cuối từ "Đường bê tông (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)" thành "Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)";

b) Sửa điểm đầu của 12 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Độc Lập (STT 19) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (từ ranh thửa đất số 682, tờ bản đồ số 44 và thửa đất số 37, tờ bản đồ số 110)" thành "Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)";

+ Đường Thanh Niên (STT 40) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường vòng quanh hồ Long Thủy";

+ Đường Lê Quý Đôn (STT 64) sửa điểm đầu từ "Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ (thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125)" thành "Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125";

+ Đường Nguyễn Tất Thành (STT 68) sửa điểm đầu từ "Cầu Suối Dung (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 116)" thành "Cầu Suối Dung";

+ Đường Nguyễn Tất Thành (STT 70) sửa điểm đầu từ "Tượng Đức Mẹ (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)" thành "Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)";

+ Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) (STT 79) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (sai điểm đầu: Bị trùng điểm đầu với đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa);

+ Đường Thống Nhất (STT 110) sửa điểm đầu từ "Đường bê tông (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 103, tờ bản đồ số 93)" thành "Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)";

+ Đường Thống Nhất (STT 112) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 23 và thửa đất số 64, cùng thuộc tờ bản đồ số 114" thành "Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114";

+ Đường Thống Nhất (STT 113) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 94 và thửa đất số 6, tờ bản đồ số 115" thành "Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94";

+ Đường Điện Biên Phủ (STT 115) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường bê tông xi măng (thửa đất số 171 và thửa đất số 218, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)" thành "Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)";

+ Đường Mạc Đăng Dung (STT 118) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường bê tông, xi măng (thửa đất số 262 và thửa đất số 231, cùng thuộc tờ bản đồ số 92)" thành "Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92)";

+ Đường Lam Sơn (STT 121) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả điểm đầu: Cầu số 4 (Từ ranh phường Phước Long));

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 11 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hai Bà Trưng (STT 23) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Cách mạng tháng 8"; bổ sung điểm cuối là "Giáp đường Đinh Tiên Hoàng";

+ Đường Tự Do (STT 24) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Cách mạng tháng 8"; bổ sung điểm cuối là "Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ)";

+ Đường Sư Vạn Hạnh (STT 29) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "đường Cách mạng tháng 8"; bổ sung điểm cuối là "Giáp đường Lý Thái Tổ";

+ Đường Bà Triệu (STT 43) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Giáp đường Đinh Tiên Hoàng"; bổ sung điểm cuối là "Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22)";

+ Đường Cao Bá Quát (STT 44) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Giáp đường Đinh Tiên Hoàng"; bổ sung điểm cuối là "Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22)";

+ Đường Phan Đình Giót (STT 45) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Nguyễn Huệ"; bổ sung điểm cuối là "Đường Bà Triệu";

+ Đường Hoàng Diệu (STT 46) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Giáp đường Lý Thái Tổ"; bổ sung điểm cuối là "Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12";

+ Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do (STT 53) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả điểm đầu, cuối: Đoạn 1 Từ đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 5 tờ bản đồ số 22; Đoạn 2 từ đường Tự Do đến hết thửa đất số 43 tờ bản đồ số 22);

+ Đường Yên Thế (STT 75) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Nguyễn Tất Thành"; bổ sung điểm cuối là "Đường Điện Biên Phủ";

+ Đường Bà Rá (STT 88) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả đầu cuối: Từ đường Yên Thế đi bọc quanh núi Bà Rá);

+ Đường Thống Nhất (STT 111) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 56 và thửa đất số 67, cùng thuộc tờ bản đồ số 109" thành "Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh chợ tạm và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114" thành "Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114";

d) Bỏ 06 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Nguyễn Tất Thành (STT 66); Điểm đầu: Ngã 3 giao đường Võ Văn Kiệt; Điểm cuối: Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng; bỏ đoạn này vì giá thấp và trùng tuyến lấy đoạn phước bình;

+ Đường Võ Văn Kiệt (STT 84); Điểm đầu: Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành; Điểm cuối: Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57); bỏ đoạn này vì giá thấp và trùng tuyến lấy đoạn phước bình;

+ Đường Âu Cơ (STT 98); Điểm đầu: Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong; Điểm cuối: Giáp ranh phường Phước Bình; lý do: sửa điểm cuối vì bị trùng đoạn với phước bình;

đ) Bổ sung mới 782 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Liên khu vực 4; Điểm đầu: Thửa 35 tờ bản đồ số 52; Điểm cuối: Đường Tôn Đức Thắng; bổ sung đường;

+ Liên khu vực 4; Điểm đầu: Đường Võ Văn Kiệt; Điểm cuối: Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58); bổ sung đường;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 907.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 420.000 đồng/m2, áp dụng cho 06 tuyến đường, gồm:

+ Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1);

+ Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt;

+ Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải;

+ Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ);

+ Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1;

+ Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 94.000 đồng/m2, áp dụng cho 04 tuyến đường, gồm:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.65. Tại Xã Thuận Lợi

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 30; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) (STT 21) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 114" thành "Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177";

b) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 06 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) (STT 22); Điểm đầu: Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 113; Điểm cuối: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 112; lý do: xã đề xuất bị trùng với STT 30;

+ Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) (STT 23); Điểm đầu: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 112; Điểm cuối: Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 111; lý do: xã đề xuất bị trùng với STT 30;

+ Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) (STT 24); Điểm đầu: Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 111; Điểm cuối: Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 117; lý do: xã đề xuất bị trùng với STT 30;

+ Đường giao thông liên xã (STT 27); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông (STT 28); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại (STT 29); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

c) Bổ sung mới 138 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 161.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 224.000 đồng/m2, áp dụng cho 08 tuyến đường, gồm:

+ Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17);

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25);

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước;

+ Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến;

+ Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14);

+ Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) đến Cầu Sông Bé;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m (Toàn tuyến);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 62.000 đồng/m2, áp dụng cho 14 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp

ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.66. Tại Xã Tân Lợi

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 16; trong đó:

a) Bỏ 04 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 254 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 26 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129; bổ sung đường;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113; bổ sung đường;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191; Điểm cuối: Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18); bổ sung đường;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16; bổ sung đường;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4; bổ sung đường;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3; bổ sung đường;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106; bổ sung đường;

+ Đường Tân Tiến - Tân Hòa; Điểm đầu: Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155; Điểm cuối: Giáp ranh phường Đồng Phú; bổ sung đường;

+ Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng; Điểm đầu: Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18; bổ sung đường;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116; bổ sung đường;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103; bổ sung đường(bằng giá 19);

+ đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138; bổ sung đường(bằng giá 19);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80; bổ sung đường (bằng giá 19);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80; bổ sung đường (bằng giá liên xã 550);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78; bổ sung đường(bằng giá liên xã 550);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26; bổ sung đường(bằng giá 19);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26; bổ sung đường (bằng giá 18) 450;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122; bổ sung đường (bằng giá 19);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77; bổ sung đường (bằng giá 19);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190; bổ sung đường(bằng giá 19);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9; bổ sung đường(bằng giá liên xã 550);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22; bổ sung đường(bằng giá 18) 450;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46; bổ sung đường(bằng giá 18) 450;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151; bổ sung đường (bằng giá 19);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91; bổ sung đường(bằng giá 19);

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151; bổ sung đường(bằng giá 19);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 264.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 252.000 đồng/m2, áp dụng cho 03 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78;

+ Đường ĐT 753 đoạn từ Từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 _x000D_;

+ Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến Giáp ranh Cầu Mã Đà;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 50.000 đồng/m2, áp dụng cho 24 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.67. Tại Xã Đồng Tâm

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 28; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 1) sửa điểm cuối từ "Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)" thành "Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 4) sửa điểm cuối từ "Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)" thành "Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)";

+ Đường Lam Sơn - Tân Phước (STT 16) bổ sung điểm cuối là "Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước";

b) Sửa điểm đầu của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 2) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)" thành "Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 5) sửa điểm đầu từ "Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)" thành "Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 6) sửa điểm đầu từ "Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)" thành "Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)";

+ Đường ĐT 753 (STT 8) sửa điểm đầu từ "Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 45)" thành "Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295)";

+ Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi (STT 18) sửa điểm đầu từ "Đoạn còn lại" thành "Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229";

+ Đường giao thông liên xã còn lại (STT 23) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35";

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m (STT 13) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Quốc lộ 14"; bổ sung điểm cuối là "Hết ranh tờ 36 thửa 98";

+ Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m (STT 14) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Hết ranh tờ 36 thửa 98"; bổ sung điểm cuối là "Hết ranh tờ 174 thửa 1226";

d) Bỏ 08 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 07 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường Quốc lộ 14 [đoạn từ giáp ranh phường Bình Phước (Cầu 2) đến hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14); hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)] trong phạm vi 200m (STT 11); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường Quốc lộ 14 (đoạn còn lại) trong phạm vi 200m (STT 12); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m (STT 19); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông có hàng lang lộ giới 14m trở lên tính từ tim đường (STT 24); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông có hàng lang lộ giới từ 10 - 14m tính từ tim đường (STT 25); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông (STT 26); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại (STT 27); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

đ) Bổ sung mới 132 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 152.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 252.000 đồng/m2, áp dụng cho 10 tuyến đường, như:

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thừa đất số 39, Tờ bàn dồ số 122);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty

TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100);

…

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 87.000 đồng/m2, áp dụng cho 24 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.68. Tại Phường Đồng Phú

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 120; trong đó:

a) Bỏ 09 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 07 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m (STT 108); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường

Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m (STT 109); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m (STT 110); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m (STT 111); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên xã (STT 117); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông (STT 118); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn còn lại (STT 119); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

b) Bổ sung mới 673 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú; Điểm đầu: Toàn tuyến.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 784.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 448.000 đồng/m2, áp dụng cho 10 tuyến đường, gồm:

+ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh phường Đồng Xoài đến Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha);

+ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) đến Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm;

+ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ;

+ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca);

+ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trũng Đồng Ca) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ);

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ);

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) đến Đường Nguyễn Văn Linh;

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ;

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch;

+ Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 40.000 đồng/m2, áp dụng cho 06 tuyến đường, gồm:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê

tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.69. Tại Phường Lộc Ninh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 113; trong đó:

a) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 712 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 04 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang; Điểm đầu: Ngã ba đội III; Điểm cuối: Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86; tách đoạn;

+ Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng; Điểm đầu: Ngã ba Tam Lang; Điểm cuối: Ngã ba đội IV; tách đoạn;

+ Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng; Điểm đầu: Ngã ba đội IV; Điểm cuối: Ngã ba công an; tách đoạn;

+ Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng; Điểm đầu: Ngã ba công an; Điểm cuối: Ngã ba đội II; tách đoạn;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 823.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 420.000 đồng/m2, áp dụng cho 05 tuyến đường, gồm:

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ);

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 31.000 đồng/m2, áp dụng cho 20 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.70. Tại Xã Lộc Thành

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 37; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) (STT 6) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)" thành "Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111";

b) Bỏ 04 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường ĐT 754 (STT 2); Điểm đầu: Ngã tư Đồng Tâm; Điểm cuối: Cầu số 1; bỏ vì trùng đoạn, k khác giá;

+ Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) (STT 10); Điểm đầu: Ngã tư Đồng Tâm; Điểm cuối: Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ); bỏ, vì bị trùng 2 đoạn bên lộc hưng, và giá lộc thành thấp hơn;

c) Bổ sung mới 210 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 243.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 168.000 đồng/m2, áp dụng cho 06 tuyến đường, gồm:

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm;

+ Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa;

+ Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia;

+ Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh;

+ Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) (Thuộc địa bàn xã Lộc Thịnh (cũ));

+ Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 27.000 đồng/m2, áp dụng cho 14 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.71. Tại Xã Lộc Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 31; trong đó:

a) Bỏ 05 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 156 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 182.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 168.000 đồng/m2, áp dụng cho 05 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20);

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ);

+ Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1;

+ Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 50.000 đồng/m2, áp dụng cho 42 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 39 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.72. Tại Xã Lộc Tấn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 42; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) (STT 6) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)" thành "Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111";

+ Đường nhựa (STT 20) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (vB số 3306/UBND-KT góp ý sửa điểm đầu thành Đường đi Tà Nốt (đường STT 17) , tách thành hai đoạn (đoạn 1: Đường đi Tà Nốt đến thửa 01 và 07, tờ bản đồ số 102 đến thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102; Bổ s);

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 24) sửa điểm cuối từ "Ngã ba liên ngành" thành "Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa (STT 19) sửa điểm đầu từ "Cống bản giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)" thành "thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111";

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 25) sửa điểm đầu từ "Ngã ba liên ngành" thành "Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)";

c) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) (STT 12); Điểm đầu: Giáp ranh xã Lộc Thành; Điểm cuối: Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87; bỏ trùng đoạn với lộc thành va bằng giá.

d) Bổ sung mới 216 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 251.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 266.000 đồng/m2, áp dụng cho 05 tuyến đường, gồm:

+ Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà;

+ Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10);

+ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn;

+ Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ;

+ Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 44.000 đồng/m2, áp dụng cho 16 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom làng 10 (Tờ BĐĐC 100 thửa đất số 22) đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.73. Tại Xã Lộc Thạnh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 17; trong đó:

a) Bỏ 03 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 84 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 98.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 140.000 đồng/m2, áp dụng cho 03 tuyến đường, gồm:

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư;

+ Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2;

+ Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Cầu suối 2 đến Giáp đường tuần tra biên giới;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 27.000 đồng/m2, áp dụng cho 10 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.74. Tại Xã Lộc Quang

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 41; trong đó:

a) Bỏ 03 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 228 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 266.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 168.000 đồng/m2, áp dụng cho 06 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54;

+ Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8;

+ Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53;

+ Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54;

+ Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41;

+ Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 27.000 đồng/m2, áp dụng cho 04 tuyến đường, gồm:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.75. Tại Phường Tân Khai

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 110; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đông Tây 13 (STT 43) sửa điểm cuối từ "Đường Bắc Nam 3" thành "Đường Trục Chính Bắc Nam";

+ Đường Đông Tây 14 (STT 44) sửa điểm cuối từ "Đường Bắc Nam 3" thành "Đường Trục Chính Bắc Nam";

b) Bỏ 21 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Bắc Nam 5b (STT 18); Điểm đầu: Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5; Điểm cuối: Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7; lý do: không có đoạn tuyến này ,do nhầm lẫn trong quá trình tổng hợp;

+ Đường Bắc Nam 5c (STT 19); Điểm đầu: Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5; Điểm cuối: Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7; lý do: không có đoạn tuyến này ,do nhầm lẫn trong quá trình tổng hợp;

+ Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 (STT 109); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

c) Bổ sung mới 534 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 623.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 384.000 đồng/m2, áp dụng cho 07 tuyến đường, gồm:

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT;

+ Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng;

+ Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23;

+ Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan;

+ Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 43.000 đồng/m2, áp dụng cho 22 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.76. Tại Xã Tân Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 36; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) (STT 14) sửa điểm cuối từ "Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100)" thành "Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100)";

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng (STT 27) sửa điểm đầu từ "Ngã ba trạm y tế xã Tân Quan (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123)" thành "Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123)";

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 758 (STT 11) sửa điểm đầu từ "Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 40; đất cao su)" thành "Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su)"; điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (điều chỉnh điểm đầu thành Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 2; đất cao su); Điểm cuối: Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16));

d) Bỏ 06 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường ĐT 756 (STT 2); Điểm đầu: Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan); Điểm cuối: Ngã 3 dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31); bỏ vì trùng với STT 4 và STT5 (giá bên xã Tân quan cao hơn);

+ Đường Bê tông xi măng nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên nối với đường ĐT 756, ĐT 757 và đường ĐT 758 trong phạm vi 300m từ HLLG (STT 31); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường bê tông có độ rộng từ 3m trở lên (STT 33); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

đ) Bổ sung mới 186 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 216.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)_x000D_ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)_x000D_ đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 36.000 đồng/m2, áp dụng cho 16 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số

70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.77. Tại Xã Tân Quan

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 46; trong đó:

a) Sửa tên đường, điểm đầu và điểm cuối của 12 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 758 (STT 3) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm cuối thành: "Ngã ba đi Thanh An (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)"); sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Thác số 4" thành "Ngã ba Thác số 4"; sửa điểm cuối từ "Ngã 3 đi Thanh An (Hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)" thành "Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)";

+ Đường ĐH 09 (STT 14) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 128, tờ bản đồ số 109" thành "Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110";

+ Đường ĐH 09 (STT 15) sửa tên đường từ "Đường ĐH 09" thành "Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09)"; điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026);

+ Đường liên xã (STT 16) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát thành "Đường liên xã"; điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát thành "Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29)"; điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát thành "Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)";

+ Đường liên xã (STT 17) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10)" thành "Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10)";

+ Đường liên xã (STT 18) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10)" thành "Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10)"; điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026);

+ Đường Liên xã (STT 19) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Sở Líp (Từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 57)" thành "Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57)"; điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026);

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng (STT 22) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026, sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124)" thành "Ngã ba (thửa đất số 83 và thửa đất số 82 tờ bản đồ số 59)";

+ Đường nhựa từ Ngã 3 Sóc Trào đi ấp Sóc Trào B (STT 23) sửa tên đường từ "Đường nhựa từ Ngã 3 Sóc Trào đi ấp Sóc Trào B" thành "Đường nhựa Liên xã"; điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026);

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng (STT 26) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 134, tờ bản đồ số 65" thành "Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65";

+ Đường ĐH 11 (STT 30) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); sửa điểm cuối từ "Giáp ranh cao su Nông trường cao su Xa Trạch" thành "Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110";

+ Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan (STT 36) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026); sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 983, tờ bản đồ số 64" thành "Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64";

b) Bỏ 04 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Nha Bích (STT 25); Điểm đầu: Từ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106; Điểm cuối: Hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 108; lý do: theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026;

+ Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756B và đường ĐT 756C trong phạm vi 200m đầu tính từ HLLG (STT 41); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên (STT 42); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

c) Bổ sung mới 266 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng; Điểm đầu: Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59; Điểm cuối: Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124); bs đoạn này vì trùng tuyến ở giữa lấy giá cao hơn cần thêm đoạn này;

+ Đường ĐT 756; Điểm đầu: Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61); Điểm cuối: Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 308.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 280.000 đồng/m2 tại Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 22.000 đồng/m2, áp dụng cho 04 tuyến đường, gồm:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ

≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.78. Tại Xã Minh Đức

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 50; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường bê tông trường THCS ấp 1A (STT 8) sửa điểm đầu từ "Trường THCS Minh Đức" thành "Từ thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66";

+ Đường bê tông trường THCS ấp 1A (STT 9) sửa điểm đầu từ "Trường THCS Minh Đức" thành "Từ thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66";

+ Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ (STT 31) sửa điểm đầu từ "Cầu cần Lê 1" thành "Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84";

+ Đường Bình Phú - Sóc Rul (STT 46) sửa điểm đầu từ "Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 93" thành "Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94";

b) Bỏ 04 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (STT 26); Điểm đầu: Ranh Suối; Điểm cuối: Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ); lý do: trùng với STT 42;

+ Đường Nhựa ấp 4 (STT 43); Điểm đầu: Ngã 4 đường ĐT752; Điểm cuối: Giáp suối; lý do: trùng với STT 27;

+ Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên (STT 48); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

c) Bổ sung mới 290 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đượng nhựa; Điểm đầu: Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22; Điểm cuối: Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24; bổ sung tương đương với đường STT 34;

+ Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ); Điểm đầu: Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7; Điểm cuối: Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 336.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 280.000 đồng/m2 tại Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 27.000 đồng/m2, áp dụng cho 28 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 25 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11_x000D_ đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22_x000D_ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11_x000D_ đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22_x000D_ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22_x000D_ đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7_x000D_ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.79. Tại Xã Phước Sơn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 70; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 11 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 755 (STT 1) sửa điểm cuối từ "Hết ranh Công ty Hà Mỵ thôn 1" thành "Hết ranh Công ty Hà Mỵ thôn Phước Lộc";

+ Đường ĐT 755 (STT 4) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (sửa tên thôn);

+ Đường ĐT 755 (STT 5) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn 6" thành "Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh";

+ Đường ĐT 755 (STT 10) sửa điểm cuối từ "Ranh xã Phước Sơn" thành "Ranh xã Phước Sơn (cũ)";

+ Đường ĐT 755 (STT 11) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (điều chỉnh tên điểm cuối);

+ Đường ĐT 755 (STT 12) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 ông Hoàng Cá Mắm (thôn 4 Thống Nhất)" thành "Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện)";

+ Đường vào Sóc ông La (STT 18) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 NVH thôn 11 Thống Nhất" thành "Ngã ba NVH thôn Phước Hòa";

+ Đường ĐT 755B (STT 35) sửa điểm cuối từ "Hết ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn 7 Thống Nhất)" thành "Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến)";

+ Đường ĐT 755B (STT 38) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Tám (thôn 9 Thống Nhất)" thành "Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa)";

+ Đường đi Bàu Tre (DHA.05) (STT 41) sửa điểm cuối từ "Đường BTXM giáp ranh ông Bàn Văn Minh và ông Lâm Văn Sen" thành "Giáp suối";

+ Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo (STT 64) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 ông Tuyến" thành "Đường ĐT 755";

b) Sửa điểm đầu của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 755 (STT 6) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn 6" thành "Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh";

+ Tuyến đường thôn Phước Thiện (STT 20) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 tổ 1, tổ 2 thôn 4 Thống Nhất" thành "Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm";

+ Đường ĐT 755B (STT 36) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn 7 Thống Nhất)" thành "Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến)";

+ Đường ĐT 755B (STT 39) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Tám (thôn 9 Thống Nhất)" thành "Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa)";

+ Đường Bằng Lăng (STT 56) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (điều chỉnh tên tuyến đường);

+ Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát (STT 59) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà)" thành "Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)";

+ Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến (STT 60) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà)" thành "Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)";

c) Sửa tên đường của 09 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi Thôn 8 Thống Nhất (STT 16) sửa tên đường từ "Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi Thôn 8 Thống Nhất" thành "Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến";

+ Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13) (STT 43) sửa tên đường từ "Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13)" thành "Đường thôn Phước An (DHA.13)";

+ Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13) (STT 44) sửa tên đường từ "Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13)" thành "Đường thôn Phước An (DHA.13)";

+ Đường Thôn 2 Đăng Hà đi Thôn 1 Đăng Hà (DHA.12) (STT 45) sửa tên đường từ "Đường Thôn 2 Đăng Hà đi Thôn 1 Đăng Hà (DHA.12)" thành "Đường thôn Phước An (DHA.12)";

+ Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14) (STT 46) sửa tên đường từ "Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14)" thành "Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14)";

+ Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14) (STT 47) sửa tên đường từ "Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14)" thành "Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14)";

+ Đường Thôn 3 đi Bàu Cá Rô (STT 57) sửa tên đường từ "Đường Thôn 3 đi Bàu Cá Rô" thành "Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô";

+ Đường từ Ngã 3 Tàu đi đường Bàu Cá Rô Thôn 2 Thống Nhất (STT 58) sửa tên đường từ "Đường từ Ngã 3 Tàu đi đường Bàu Cá Rô Thôn 2 Thống Nhất" thành "Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm";

+ Đường NVH thôn 3 Thống Nhất (STT 63) sửa tên đường từ "Đường NVH thôn 3 Thống Nhất" thành "Đường NVH thôn Phước Tâm";

d) Sửa tên đường và điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Ngã 3 ông Hoàng Cá Mắm (STT 66) sửa tên đường từ "Đường Ngã 3 ông Hoàng Cá Mắm" thành "Tuyến đường thôn Phước Thiện"; sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 755" thành "Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện";

đ) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 755 (STT 2) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh Công ty Hà My thôn 1" thành "Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc"; sửa điểm cuối từ "Nhà văn hóa thôn 2" thành "Nhà văn hóa thôn Phước Lộc";

+ Đường ĐT 755 (STT 3) sửa điểm đầu từ "Nhà văn hóa thôn 2" thành "Nhà văn hóa thôn Phước Lộc"; sửa điểm cuối từ "Hết địa phận thôn 3" thành "Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô";

+ Đường ĐT 755 (STT 14) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 tổ 1, tổ 2 (thôn 4 Thống Nhất)" thành "Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện)"; sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Giáp ranh xã Nghĩa Trung";

+ Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa (STT 69) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 755" thành "Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)"; sửa điểm cuối từ "Giáp đất ông Phan Văn Tuấn" thành "Hết tuyến";

e) Bỏ 06 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 05 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Tuyến đường Ngã 3 thôn 12 Thống Nhất (STT 21); Điểm đầu: Ngã 3 thôn 12 Thống Nhất; Điểm cuối: Giáp ranh xã Đăng Hà (cũ); lý do: - STT 20: Tuyến đường ngã ba thôn 12 Thống Nhất – Giáp ranh xã Đăng Hà(cũ). Kiến nghị bỏ tuyến đường này do trùng với tuyến đường STT 68;

+ Đường thôn 8 đến thôn 11 Thống Nhất (STT 24); Điểm đầu: Nhà văn hóa thôn 8 Thống Nhất; Điểm cuối: Tổ 2 thôn 11 Thống Nhất; lý do: - STT 23: Đường thôn 8 đến thôn 11 Thống Nhất. Kiến nghị bỏ tuyến đường này do trùng một phần với tuyến đường STT 60 và 64;

+ Đường đi ngã ba Ba Tàu đến Bàu Cá rô (STT 25); Điểm đầu: Đường ĐT 755; Điểm cuối: Hết tuyến; lý do: loại bỏ: do trùng với STT 58;

+ Đường Làng Thôn 1 Thống Nhất (STT 61); Điểm đầu: Đường ĐT 755; Điểm cuối: Ngã 3 nhà ông Nguyễn Văn Hiếu; lý do: - STT 61: Đường Làng thôn 1 Thống Nhất. Kiến nghị bỏ tuyến đường này do trùng với tuyến đường STT 21 và 22;

+ Đường nội ô thôn 3 Thống Nhất, xã Phước Sơn (STT 70); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: loại bỏ (do trùng với tuyến đường số 70, 71);

g) Bổ sung mới 405 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land); Điểm đầu: Tuyến đường trong khu dân cư; thêm giá đất CLN, HNK, NTS, RSX.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 469.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 195.000 đồng/m2, áp dụng cho 06 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy;

+ Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ;

+ Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ);

+ Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m;

+ Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện);

+ Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 34.000 đồng/m2, áp dụng cho 12 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.80. Tại Xã Nghĩa Trung

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 40; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 2) sửa điểm cuối từ "Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung" thành "Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 8) sửa điểm cuối từ "Cầu 23 (gần chợ Bù Na)" thành "Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 10) sửa điểm cuối từ "Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung" thành "Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104)";

+ Đường Sao Bọng - Đăng Hà (STT 14) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Đường vào tổ 7 thôn 2" thành "Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48";

+ Đường tổ 1 (STT 18) sửa điểm cuối từ "Đầu ranh đất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" thành "Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47";

+ Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ (STT 27) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh thôn Bình Tiến" thành "Hết ranh thửa 98 tờ 72";

+ Đường ĐT 759 (STT 32) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Phước Tân, Huyện Phú Riềng (cũ)" thành "Giáp ranh xã Phú Trung";

b) Sửa điểm đầu của 14 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 1) sửa điểm đầu từ "Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi" thành "Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 3) sửa điểm đầu từ "Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung" thành "Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 6) sửa điểm đầu từ "Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung" thành "Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104";

+ Đường Quốc lộ 14 cũ (STT 11) sửa điểm đầu từ "Ngã ba 32" thành "Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42)";

+ Đường Quốc lộ 14 cũ (STT 12) sửa điểm đầu từ "Ngã ba 33" thành "Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42)";

+ Đường Quốc lộ 14 cũ (STT 13) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Đức Liễu" thành "Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27)";

+ Đường Sao Bọng - Đăng Hà (STT 15) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Đường vào tổ 7 thôn 2" thành "Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48";

+ Đường tổ 1 (STT 19) sửa điểm đầu từ "Đầu ranh đất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" thành "Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47";

+ Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) (STT 23) sửa điểm đầu từ "Ranh xã Nghĩa Bình - Đức Liễu (cũ)" thành "Đường tổ 3B";

+ Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) (STT 24) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Minh Đức" thành "Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81)";

+ Đường Sóc 29 (STT 26) sửa điểm đầu từ "Đường Quốc lộ 14" thành "Quốc lộ 14";

+ Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến_x000D_ (STT 29) sửa điểm đầu từ "Ngã ba sân bay" thành "Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122)";

+ Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến (STT 30) sửa điểm đầu từ "Nhà ông Biện Văn Hai" thành "Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105";

+ Đường đi thôn 2 (STT 36) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 cổng chào thôn 2" thành "Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130";

c) Bỏ 03 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường liên xã Đức Liễu - Nghĩa Bình (cũ) (STT 20); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: loại bỏ khỏi bảng giá (Gộp với đường số thứ tự 23). Đường bị loại bỏ này có giá thấp hơn stt23;

+ Đường ĐT 753B (STT 33); Điểm đầu: Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn; Điểm cuối: Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131; Bỏ vì trùng với STT 17 xã Đồng Tâm (giá phường Đồng Tâm cao hơn);

d) Bổ sung mới 340 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 16 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường 33; Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Quốc lộ 14 cũ; đường bổ sung;

+ Đường 34; Điểm đầu: Quốc lộ 14 - Chợ 34; Điểm cuối: Ngã Ba đường 33; đường bổ sung;

+ Đường đi thác 34; Điểm đầu: Quốc lộ 14 cũ; Điểm cuối: Thác 34; đường bổ sung;

+ Đường 36; Điểm đầu: Quốc lộ 14 - thôn 5; Điểm cuối: Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7; đường bổ sung;

+ Đường liên thôn Đức Bổn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ); Điểm đầu: Ngã ba thôn 1; Điểm cuối: Trung tâm thôn 3; đường bổ sung;

+ Đường thôn 2 đi thôn 5; Điểm đầu: Đường ĐT755B; Điểm cuối: Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2; đường bổ sung;

+ Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung; Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung; đường bổ sung;

+ Đường ngã ba Trạm Cân; Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Đất lâm trường; đường bổ sung;

+ Đường ngã ba Trạm y tế cũ; Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Đất lâm trường; đường bổ sung;

+ Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ); Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44; đường bổ sung;

+ Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ); Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Quốc lộ 14; đường bổ sung;

+ Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ); Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38; đường bổ sung;

+ Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ); Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39; đường bổ sung;

+ Đường Đảo Ốc; Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ); đường bổ sung;

+ Đường thôn 4; Điểm đầu: Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ); Điểm cuối: Đường đi thác 34; đường bổ sung;

+ Đường thôn 1; Điểm đầu: Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34; Điểm cuối: Hồ thủy điện Thác Mơ; đường bổ sung;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 377.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 252.000 đồng/m2, áp dụng cho 02 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259;

+ Đường ĐT 753B (Đoạn còn lại);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 50.000 đồng/m2, áp dụng cho 72 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 69 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.81. Tại Xã Bù Đăng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 109; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 2) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Nhà văn hóa thôn 2" thành "Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 16) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Đường vào Thác Đứng thôn 01" thành "Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 20) sửa điểm cuối từ "Đường Quốc lộ 14 ngã 3 Đường vào thôn 7" thành "Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng";

+ Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) (STT 70) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (đề xuất sửa tên thôn);

+ Đường liên thôn (STT 86) sửa điểm cuối từ "Đi thôn Đoàn Kết (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755)" thành "Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755)";

+ Đường ĐT 760 (STT 88) sửa điểm cuối từ "Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Hưng Phước)" thành "Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng";

b) Sửa điểm đầu của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 3) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Nhà văn hóa thôn 2" thành "Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 17) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Đường vào Thác Đứng thôn 01" thành "Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 21) sửa điểm đầu từ "Đường Quốc lộ 14 ngã 3 Đường vào thôn 7" thành "Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh";

+ Đường ĐT 760 (STT 89) sửa điểm đầu từ "Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Hưng Phước)" thành "Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng)";

c) Sửa tên đường của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) (STT 96) sửa tên đường từ "Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ)" thành "Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ)";

+ Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú (STT 97) sửa tên đường từ "Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú" thành "Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Mình Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú";

+ Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ), vào Nhà văn hóa thôn Hưng Tân đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) (STT 98) sửa tên đường từ "Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ), vào Nhà văn hóa thôn Hưng Tân đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)" thành "Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)";

+ Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) (STT 100) sửa tên đường từ "Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng)" thành "Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng)";

d) Sửa tên đường và điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) (STT 95) sửa tên đường từ "Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)" thành "Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)"; sửa điểm cuối từ "Khu dân cư thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)" thành "Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)";

+ Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) (STT 99) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (đề xuất sửa tên thôn); sửa điểm cuối từ "Nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân" thành "Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65)";

đ) Sửa tên đường và điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường xâm nhập vào thôn Hưng Phát (thôn 7 Minh Hưng cũ) (STT 94) sửa tên đường từ "Đường xâm nhập vào thôn Hưng Phát (thôn 7 Minh Hưng cũ)" thành "Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng"; sửa điểm đầu từ "Hết ranh Khu dân cư thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)" thành "Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)";

e) Sửa tên đường, điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Ngã 3 thôn Hưng Tân đi thôn Minh Hưng, thôn Hưng Thịnh, thôn Hưng Phú (STT 101) sửa tên đường từ "Ngã 3 thôn Hưng Tân đi thôn Minh Hưng, thôn Hưng Thịnh, thôn Hưng Phú" thành "Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)"; sửa điểm đầu từ "Ngã 3 giáp đường thôn Hưng Tân (đường ngã ba Hành)" thành "Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành)"; sửa điểm cuối từ "Ngã 3 đường đi thôn Hưng Phú" thành "Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155";

g) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

h) Bổ sung mới 656 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn; Điểm đầu: Toàn tuyến; địa phương đề nghị bổ sung giá đất nông nghiệp, do hai tuyến đường này thuộc khu dân cư Lê Quý Đôn nhưng có phần cuối tuyến giáp đất người dân nên cần có đơn giá đất nông nghiệp để xác định các thủ tục khi người dân đề nghị,Đề xuất sửa tên thôn;

+ Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn; Điểm đầu: Toàn tuyến; địa phương đề nghị bổ sung giá đất nông nghiệp, do hai tuyến đường này thuộc khu dân cư Lê Quý Đôn nhưng có phần cuối tuyến giáp đất người dân nên cần có đơn giá đất nông nghiệp để xác định các thủ tục khi người dân đề nghị,Đề xuất sửa tên thôn;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 763.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 350.000 đồng/m2, áp dụng cho 12 tuyến đường, như:

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43);

…

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 39.000 đồng/m2, áp dụng cho 12 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.82. Tại Xã Thọ Sơn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 38; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 cũ (STT 9) sửa điểm cuối từ "Hết ranh cây xăng Duy Kỳ" thành "Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ";

+ Đường Đoàn Kết - Đồng Nai (STT 21) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121)" thành "Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)";

+ Đường Đoàn Kết - Đồng Nai (STT 24) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ" thành "Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38)";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đoàn Kết - Đồng Nai (STT 25) sửa điểm đầu từ "Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48" thành "Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38)";

+ Đường bê tông xi măng (STT 34) sửa điểm đầu từ "Nhà ông Quỳnh" thành "Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ";

c) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

d) Bổ sung mới 223 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là Đường Phước Sơn - Đồng Nai; Điểm đầu: Ngã ba Vườn Sao; Điểm cuối: Giáp ranh xã Bù Đăng; 6. Bổ sung thêm tuyến Đường Phước Sơn – Đồng Nai (Đoạn ngã ba vườn sao đến giáp ranh xã Bù Đăng), Văn bản số 1855/UBND-KT ngày 29/06/2026 tương đương mức giá đối với đường STT17.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 259.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 169.000 đồng/m2, áp dụng cho 09 tuyến đường, gồm:

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800);

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400);

+ Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 41.000 đồng/m2, áp dụng cho 28 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 25 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.83. Tại Xã Đắk Nhau

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 39; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 3) sửa điểm cuối từ “Ngã ba thôn 2 đi thôn 5” thành “Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung”;

b) Sửa tên đường của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Ngã ba thôn 2 đi thôn 5 (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) (STT 27) sửa tên đường từ "Ngã ba thôn 2 đi thôn 5 (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719)" thành "Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719)";

+ Ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 (STT 28) sửa tên đường từ "Ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4" thành "Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ)";

+ Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến nhà văn hóa thôn 5 (STT 30) sửa tên đường từ "Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến nhà văn hóa thôn 5" thành "Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn";

+ Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 (STT 31) sửa tên đường từ "Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2" thành "Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ)";

c) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

d) Bổ sung mới 222 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 259.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 156.000 đồng/m2, áp dụng cho 03 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79;

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn;

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 29.000 đồng/m2, áp dụng cho 28 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 25 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng

là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.84. Tại Xã Bom Bo

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 43; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 1) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 34, 124 tờ bản đồ số 78" thành "Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78";

+ Đường ĐT 760 (STT 7) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn 3)" thành "Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn)";

+ Đường ĐT 760 (STT 11) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 26, 197 tờ bản đồ số 55" thành "Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55";

+ Đường ĐT 760 (STT 13) sửa điểm cuối từ "Ngã ba cổng chào thôn 8" thành "Ngã ba đường đi Đăk Liên";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 28) sửa điểm cuối từ "Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng" thành "Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40)";

+ Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) (STT 37) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 nhà ông Tô Văn Tướng" thành "Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10)";

b) Sửa điểm đầu của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 2) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 34, 124 tờ bản đồ số 78" thành "Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78";

+ Đường ĐT 760 (STT 8) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn 3)" thành "Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn)";

+ Đường ĐT 760 (STT 9) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 141, 308, tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - Quy hoạch khu dân cư thôn 4)" thành "Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo))";

+ Đường ĐT 760 (STT 12) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 26, 197 tờ bản đồ số 55" thành "Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55";

+ Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) (STT 22) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (điều chỉnh tên thôn);

+ Đường bên hông Trung tâm thương mại (STT 38) sửa điểm đầu từ "Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà" thành "Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37)";

+ Đường vào Khu dân cư Thái Thành (STT 39) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 nhà ông Toàn" thành "Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37)";

c) Sửa tên đường của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 23 (đường liên xã) (STT 20) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (sửa tên đường);

+ Đường 24 (đường liên xã) (STT 21) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (sửa tên đường);

d) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 09 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 14) sửa điểm đầu từ "Ngã ba cổng chào thôn 8" thành "Ngã ba đường đi Đăk Liên"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo" thành "Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29)";

+ Đường ĐT 760 (STT 15) sửa điểm đầu từ "Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo" thành "Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà ông Sáu Lực" thành "Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36)";

+ Đường ĐT 760 (STT 16) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh nhà ông Sáu Lực" thành "Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36)"; sửa điểm cuối từ "Ngã 3 ông Võ Lý Hùng" thành "Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22)";

+ Đường ĐT 760 (STT 17) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 ông Võ Lý Hùng" thành "Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22)"; điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (sửa điểm đầu, sửa điểm cuối (thêm tờ thửa tại các ngã ba, ngã tư));

+ Đường đi Đăk Liên (STT 29) sửa điểm đầu từ "Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng" thành "Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40)"; sửa điểm cuối từ "Ngã 3 nhà ông Ngộ" thành "Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33)";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 30) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 nhà ông Ngộ" thành "Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33)"; sửa điểm cuối từ "Ngã 3 nhà ông Tuấn Anh" thành "Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34)";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 31) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 nhà ông Ngộ" thành "Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33)"; sửa điểm cuối từ "Ngã 3 vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn" thành "Hết ranh đất lâm phần";

+ Đường ô trường Tiểu học (STT 36) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 nhà ông Tiền" thành "Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40)"; sửa điểm cuối từ "Ngã 3 nhà ông Long Quý" thành "Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40)";

+ Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ (STT 40) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 ông Xây" thành "Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2)"; sửa điểm cuối từ "Ngã ba nhà ông Thái" thành "Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6)";

đ) Bỏ 03 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là Đường đi Đăk Liên (STT 32); Điểm đầu: Ngã 3 vào trường Cấp 1, 2 Trần Văn Ơn; Điểm cuối: Hết ranh đất lâm phần; lý do: đã gộp.

e) Bổ sung mới 261 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 03 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường vào nghĩa địa xã; Điểm đầu: Đường ĐT 760; Điểm cuối: Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21); bổ sung, địa phương đề xuất giá;

+ Đường vào xóm Bến Tre; Điểm đầu: Đường ĐT 760; Điểm cuối: Ngã ba thửa đất số 63 tở bản đồ số 20; bổ sung, địa phương đề xuất giá;

+ Đường vào sân vận động xã; Điểm đầu: Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau; Điểm cuối: Đường vào Khu dân cư Thái Thành; bổ sung, địa phương đề xuất giá;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 301.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 169.000 đồng/m2, áp dụng cho 17 tuyến đường, như:

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78;

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền);

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương);

…

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 31.000 đồng/m2, áp dụng cho 12 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.85. Tại Xã Thiện Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 132; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 25 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lê Duẩn (STT 9) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 633, tờ bản đồ số 10" thành "Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10)";

+ Đường Hùng Vương (STT 14) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65)";

+ Đường Phạm Ngọc Thạch (STT 21) sửa điểm cuối từ "Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điểu Tài) cũ)" thành "Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1)";

+ Đường 7/4 (STT 26) sửa điểm cuối từ "Đường Chu Văn An" thành "Đường Nguyễn Trãi";

+ Đường Cống Quỳnh (STT 37) sửa điểm cuối từ "Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu (D2)" thành "Đến giáp đường Tô Hiến Thành";

+ Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) (STT 46) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)" thành "Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải";

+ Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) (STT 49) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Kiết Lành" thành "Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11";

+ Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) (STT 58) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11 (Hết ranh thị trấn Thanh Bình (cũ))" thành "Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5";

+ Đường nhựa (Sao Biển) (STT 62) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 45" thành "Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38)";

+ Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình (STT 63) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 36" thành "Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39)";

+ Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) (STT 69) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm cuối thành: "Đến thửa đất số 95 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 39 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75) về phía bên phải.");

+ Đường ĐT 759B (STT 73) sửa điểm cuối từ "Cống Tầm Ron" thành "Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái";

+ Đường nhựa ấp 1 (cũ) (STT 87) sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà văn hóa ấp 1" thành "Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải";

+ Đường nhựa ấp 2 (cũ) (STT 88) sửa điểm cuối từ "Ngã tư ấp 2 và ấp 3" thành "Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải)";

+ Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) (STT 96) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 125" thành "Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải";

+ Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) (STT 98) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 124" thành "Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải";

+ Đường bê tông vào ấp 6 (STT 100) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 123" thành "Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái";

+ Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) (STT 104) sửa điểm cuối từ "Hết ranh đất nhà ông Mến (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 115)" thành "Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải";

+ Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) (STT 106) sửa điểm cuối từ "Nhà ông Dương Văn Đông (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 91)" thành "Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái";

+ Đường nhựa (STT 115) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu" thành "Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171)";

+ Đường nhựa (STT 118) sửa điểm cuối từ "Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717" thành "Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái))";

+ Đường nhựa thôn 6 (STT 126) sửa điểm cuối từ "Ngã tư thôn 6" thành "Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái)";

+ Đường nhựa thôn 6 (STT 127) sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 120, tờ bản đồ số 140)" thành "Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140)";

+ Đường nhựa thôn 4 (STT 128) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 6 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 138" thành "Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái";

+ Đường nhựa (STT 14) sửa điểm cuối từ “Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22” thành “Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22”;

b) Sửa điểm đầu của 15 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lê Duẩn (STT 11) sửa điểm đầu từ “Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ)” thành “Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái)”;

+ Đường Hùng Vương (STT 13) sửa điểm đầu từ “Vòng xoay” thành “Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75))”;

+ Đường Nguyễn Đình Chiểu (STT 35) sửa điểm đầu từ “Toàn tuyến” thành “Đường Phan Đăng Lưu”;

+ Đường nhựa Cần Đơn (STT 39) sửa điểm đầu từ “Trụ điện 02” thành “Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29)”;

+ Đường nhựa đi công ty Chuối (STT 54) sửa điểm đầu từ “Ngã 3 (hết ranh thửa đất số 24 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 28)” thành “Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28”;

+ Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) (STT 57) sửa điểm đầu từ “Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 13” thành “Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái”;

+ Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) (STT 59) sửa điểm đầu từ “Ngã 3 Kiết Lành” thành “Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11”;

+ Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) (STT 60) sửa điểm đầu từ “Ngã 3 Kiết Lành” thành “Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái”;

+ Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) (STT 70) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm đầu thành: "Từ hết ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 39 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75) về phía bên phải.");

+ Đường ĐT 759B (STT 76) sửa điểm đầu từ “Ngã ba nhà ông Luyện (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 84)” thành “Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84”;

+ Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) (STT 92) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (phòng Kinh tế đề xuất bổ sung điểm đầu thành: "Đường ĐT759 (Từ

thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên trái và thửa đất số 347 tờ bản đồ số 84 về phía bên phải).");

+ Đường nhựa vào ấp 8 (STT 102) sửa điểm đầu từ "Cổng chào ấp 8" thành "Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái)";

+ Đường nhựa thôn 4 (cũ) (STT 119) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT759B" thành "Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138";

+ Đường nhựa thôn 3 (cũ) (STT 122) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2";

+ Đường nhựa thôn 4 (STT 129) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh thửa đất số 6 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 138" thành "Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái";

c) Sửa tên đường của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường trong khu vực chợ (cũ) (STT 16) sửa tên đường từ "Đường trong khu vực chợ (cũ)" thành "Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ)";

+ Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (STT 71) sửa tên đường từ "Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ)" thành "Đường bê tông Thanh Bình (cũ)";

+ Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) (STT 103) điều chỉnh tên đường theo nội dung rà soát (phòng Kinh tế đề xuất đổi ên đường thành: "Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759 vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)");

d) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 29 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 1) sửa điểm đầu từ "Ranh xã Thanh Hòa (cũ)" thành "Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73"; sửa điểm cuối từ "Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 74)" thành "Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74)";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 2) sửa điểm đầu từ "Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 74)" thành "Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74)"; sửa điểm cuối từ "Cây xăng thị trấn Thanh Bình (cũ), hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09" thành "Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 3) sửa điểm đầu từ "Cây xăng thị trấn Thanh Bình (cũ), hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09" thành "Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản

đồ số 59”; sửa điểm cuối từ “Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44” thành “Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44”;

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 4) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm đầu thành: "Từ hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44.". Bổ sung điểm cuối thành: " Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34)"); sửa điểm cuối từ “Đường Nguyễn Văn Trỗi” thành “Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34)”;

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 5) sửa điểm đầu từ “Đường Nguyễn Văn Trỗi” thành “Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34)”; sửa điểm cuối từ “Ranh xã Thiện Hưng cũ” thành “Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái))”;

+ Đường Lê Duẩn (STT 10) sửa điểm đầu từ “Hết thửa đất số 633, tờ bản đồ số 10” thành “Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10)”; sửa điểm cuối từ “Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ)” thành “Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái)”;

+ Đường Phạm Ngọc Thạch (STT 22) sửa điểm đầu từ “Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điểu Tài) cũ)” thành “Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1)”; sửa điểm cuối từ “Giáp ranh xã Thanh Hoà (cũ)” thành “Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải”;

+ Đường nhựa Cần Đơn (STT 38) sửa điểm đầu từ “Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759)” thành “Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29)”; sửa điểm cuối từ “Trụ điện 02” thành “Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29)”;

+ Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) (STT 47) sửa điểm đầu từ “Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)” thành “Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải”; sửa điểm cuối từ “Ranh xã Thanh Hòa (cũ)” thành “Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải”;

+ Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể (STT 64) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Từ đường Nguyễn Chí Thanh"; bổ sung điểm cuối là "Đến đường Nguyễn Lương Bằng";

+ Đường ĐT 759B (STT 74) sửa điểm đầu từ "Cống Tầm Ron" thành "Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái"; sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)" thành "Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124)";

+ Đường ĐT 759B (STT 75) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)" thành "Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124)"; sửa điểm cuối từ "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124)";

+ Đường ĐT 759B (STT 77) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2)"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh trại hòm Ba Đừng" thành "Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150)";

+ Đường ĐT 759B (STT 78) sửa điểm đầu từ "Hết ranh trại hòm Ba Đừng" thành "Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150)"; sửa điểm cuối từ "Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng" thành "Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144";

+ Đường ĐT 759B (STT 79) sửa điểm đầu từ "Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng" thành "Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144)"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 178" thành "Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178";

+ Đường ĐT 759B (STT 80) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 178" thành "Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh Đài tưởng niệm" thành "Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang))";

+ Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) (STT 82) sửa điểm đầu từ "Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải"; sửa điểm cuối từ "Cổng chào ấp 8" thành "Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải";

+ Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) (STT 83) sửa điểm đầu từ "Cổng chào ấp 8" thành "Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải)"; sửa điểm cuối từ "Nhà văn hóa ấp 8" thành "Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134)";

+ Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) (STT 84) sửa điểm đầu từ "Nhà văn hóa ấp 8" thành "Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134)"; sửa điểm cuối từ "Chùa Thanh Vân" thành "Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải)";

+ Đường cổng chào ấp 3 (cũ) (STT 85) sửa điểm đầu từ "Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải)"; sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ" thành "Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải)";

+ Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) (STT 94) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 112" thành "Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 110" thành "Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái";

+ Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) (STT 95) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ)"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 91, tờ bản đồ số 116" thành "Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải";

+ Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) (STT 97) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 125" thành "Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 6 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 129" thành "Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16";

+ Đường tránh (STT 105) sửa điểm đầu từ "Cống Tầm Roong" thành "Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh đất ông Ham (hết ranh thửa đất số 244, tờ bản đồ số 124)" thành "Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá";

+ Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) (STT 107) sửa điểm đầu từ "Hết ranh nhà ông Luyện (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 84)" thành "Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 91" thành "Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái";

+ Đường nhựa (STT 109) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đồi chi khu" thành "Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái)"; sửa điểm cuối từ "Ngã ba nhà bà Ti thôn 3" thành "Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái)";

+ Đường nhựa (STT 112) sửa điểm đầu từ "Từ ngã ba chợ" thành "Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái)"; sửa điểm cuối từ "Trạm xá E717" thành "Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144)";

+ Đường nhựa (STT 116) sửa điểm đầu từ "Ngã ba bến xe mới vào 30m" thành "Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái)"; sửa điểm cuối từ "Nhà văn hóa cộng đồng" thành "Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145)";

+ Đường nhựa thôn 2 (cũ) (STT 121) sửa điểm đầu từ "Hết thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138" thành "Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái"; sửa điểm cuối từ "Đường nhựa thôn 5" thành "Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138";

đ) Bỏ 10 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 09 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Lê Duẩn (STT 12); Điểm đầu: Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20); Điểm cuối: Cầu sông Bé mới; lý do: phòng Kinh tế đề xuất bỏ do trùng với ĐT.759B;

+ Đường D4 (STT 41); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: phòng Kinh tế đề xuất bỏ do trùng với đường Chu Văn An;

+ Đường giao thông đấu nối từ đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Huệ vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) (STT 51); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: phòng Kinh tế đề xuất điều chỉnh: Từ "Đường giao thông đấu nối từ đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Huệ vào 200m" thành "Đường giao thông đấu nối từ đường Lê Duẩn hoặc đường Nguyễn Huệ vào 200m.";

+ Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Huệ (STT 67); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: phòng Kinh tế đề xuất bỏ do trùng với đường số thứ tự số 66: Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi;

+ Đường nhựa thôn 3 ranh giữa xã Thiện Hưng - xã Thanh Hòa (cũ) (STT 101); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: phòng Kinh tế đề xuất loại bỏ đường này;

+ Đường bê tông giáp ranh giữa xã Thanh Hòa và thị trấn Thanh Bình (cũ) (STT 108); Điểm đầu: Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 124; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 192, tờ bản đồ số 120; lý do: phòng Kinh tế đề xuất bỏ do đã gộp với đường số thứ tự số 73 (Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8);

+ Đường nhựa thôn 5 (STT 124); Điểm đầu: Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm); Điểm cuối: Chùa Tâm Pháp; bỏ vì trùng với STT 14 xã Hưng Phước (giá xã Hưng Phước cao hơn);

+ Đường nhựa thôn 6 (STT 125); Điểm đầu: Ngã ba thôn 6; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171); Bỏ do trùng với đường số thứ tự 115: Đường nhựa từ Ngã ba thôn 6 đến Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu;

+ Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) (STT 130); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm đầu thành: "Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái.";

e) Bổ sung mới 766 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 04 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn; Điểm đầu: từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái; Điểm cuối: Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái; bổ sung tương đương với đường số stt 93 và stt 107;

+ Đường ấp Thanh Sơn; Điểm đầu: Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải; Điểm cuối: Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái; bổ sung tương đương với đường số stt 93 và stt 107;

+ Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại; bổ sung tương đương 70% đường stt5 đối với đất PNN, đất NN tương đương stt5 (thực tế các tuyến đường này không có đất nông nghiệp);

+ Đường ấp Thanh Bình; Điểm đầu: từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36); Điểm cuối: hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái; bổ sung tương đương với đường số stt 90 và stt 94;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 888.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 350.000 đồng/m2, áp dụng cho 11 tuyến đường, như:

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74);

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59;

+ Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44;

…

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 22.000 đồng/m2, áp dụng cho 68 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 65 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.86. Tại Xã Tân Tiến

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 77; trong đó:

a) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 450 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 525.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 168.000 đồng/m2, áp dụng cho 13 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ);

+ Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36;

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Giáp ranh xã Lộc Quang;

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ);

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành;

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết;

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ);

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21);

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ;

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2;

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên;

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An;

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 22.000 đồng/m2, áp dụng cho 86 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 83 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.87. Tại Xã Hưng Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 24; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 12 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 759B (STT 1) sửa điểm cuối từ "Cầu sắt 2" thành "Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25)";

+ Đường nhựa ấp Tân Hưng (STT 6) sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 62, thửa đất số 9 đến thửa đất số 106, tờ bản đồ số 63)" thành "Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53)";

+ Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) (STT 7) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 61, thửa đất số 19 đến tờ bản đồ số 48, thửa đất số 771)" thành "Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17)";

+ Đường vào trường học cũ (STT 8) sửa điểm cuối từ "Vòng ra chợ cũ (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 66 đến thửa đất số 45, tờ bản đồ số 62)" thành "Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53";

+ Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch (STT 9) sửa điểm cuối từ "Ngã ba nhà bà Hương (Tờ bản đồ số 66, thửa đất số 16 đến thửa đất số 76)" thành "Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1";

+ Đường nhựa ấp Điện Ảnh (STT 10) sửa điểm cuối từ "Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Tờ bản đồ số 481, thửa đất số 16 đến thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49)" thành "Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49)";

+ Đường nhựa (STT 14) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22" thành "Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22";

+ Đường nhựa (STT 16) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8" thành "Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8";

+ Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến (STT 17) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Đường vào điểm lẻ Trường Tiểu học ấp Phước Tiến" thành "Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28";

+ Đường nhựa ấp 3 (STT 20) sửa điểm cuối từ "Hết ranh Công ty La Ra" thành "Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200)";

+ Đường vào ấp 6 (STT 21) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 30 ấp 6" thành "Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6";

+ Đường vào ấp 6 (STT 22) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30";

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 759B (STT 2) sửa điểm đầu từ "Cầu sắt 2" thành "Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25)";

+ Đường ĐT 759B (STT 3) sửa điểm đầu từ "Hết trụ sở UBND xã Hưng Phước" thành "Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17)";

+ Đường nhựa (STT 15) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22" thành "Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22";

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) (STT 11) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 759B" thành "Đường ĐT759B"; sửa điểm cuối từ "Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp (Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 22 đến thửa đất số 7)" thành "Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59";

+ Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) (STT 12) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 759B" thành "Đường ĐT759B"; sửa điểm cuối từ "Chùa Phước Thiện (Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 101 đến thửa đất số 117)" thành "Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61";

+ Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến (STT 18) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Đường vào điểm lẻ Trường Tiểu học ấp Phước Tiến" thành "Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28"; sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25";

d) Bỏ 03 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) (STT 5); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; lý do: xã đề xuất bỏ tuyến số 5;

+ Đường vào cầu suối (STT 13); Điểm đầu: Đường ĐT 759B; Điểm cuối: Cầu suối (Tờ bản đồ số 41, thửa đất số 66 đến thửa đất số 67); lý do: xã đề xuất bỏ tyyến đường này (tuyến 13);

đ) Bổ sung mới 126 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 147.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 168.000 đồng/m2, áp dụng cho 03 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25);

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17);

+ Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 22.000 đồng/m2, áp dụng cho 26 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 23 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.88. Tại Xã Đắk Ơ

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 21; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 741 (STT 1) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 55 thuộc tờ bản đồ số 47" thành "Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47";

+ Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù (STT 11) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 233 thuộc tờ bản đồ số 39" thành "Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 741 (STT 2) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 55 thuộc tờ bản đồ số 47" thành "Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47";

+ Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù (STT 12) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 233 thuộc tờ bản đồ số 39" thành "Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39";

c) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

d) Bổ sung mới 114 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 133.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 252.000 đồng/m2, áp dụng cho 07 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 50.000 đồng/m2, áp dụng cho 24 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.89. Tại Xã Phú Nghĩa

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 115; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 10 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 6) sửa điểm cuối từ "Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng" thành "Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262)";

+ Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) (STT 14) sửa điểm cuối từ "Nhà bà Nguyễn Thị Thủy (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 108)" thành "Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108";

+ Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) (STT 15) sửa điểm cuối từ "Nhà ông Lê Thanh Dung (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 100)" thành "Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100";

+ Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) (STT 16) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Nhà ông Điền (hết ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99)" thành "Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100";

+ Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) (STT 17) sửa điểm cuối từ "Hết ranh đất nhà bà Thời (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 100)" thành "Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99";

+ Đường dưới lòng hồ (thôn 1) (STT 18) sửa điểm cuối từ "Giáp đường trên lòng hồ" thành "Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59)";

+ Đường thôn 19/5 (STT 37) sửa điểm cuối từ "Cống 19/5" thành "Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85)";

+ Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) (STT 41) sửa điểm cuối từ "Giáp đường ĐT 760" thành "Ngã ba giáp đường ĐT 760";

+ Đường vào chùa (STT 57) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 128" thành "Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86";

+ Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (STT 64) sửa điểm cuối từ "Ngã tư đường N11" thành "Ngã ba đường N12";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 7) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng" thành "Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262)";

+ Đường thôn 19/5 (STT 38) sửa điểm đầu từ "Cống 19/5 (ranh giới xã Phú Nghĩa và xã Đức Hạnh (cũ))" thành "Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10)";

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đội 3 - Bình Đức 2 (STT 42) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Hội trường Bình Đức 2" thành "Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97)"; sửa điểm cuối từ "Giáp đường trung tâm xã" thành "Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1)";

d) Bỏ 05 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường ĐT 760 (STT 9); Điểm đầu: Tiếp giáp đường trung tâm xã; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 377, tờ bản đồ số 83; lý do: bị trùng tim đường DT 760 xã Phú Văn (STT 1);

+ Đường ĐT 760 (STT 10); Điểm đầu: Hết ranh thửa đất số 377, tờ bản đồ số 83; Điểm cuối: Giáp ranh xã Phú Nghĩa cũ; lý do: bị trùng tim đường DT 760 xã Phú Văn (STT2);

+ Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) (STT 13); Điểm đầu: Ngã tư quốc tế; Điểm cuối: Hết ranh đất hộ bà Trần Thị Phẩm (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 84); lý do: xã xác nhận bị trùng tim đường với L_46;

đ) Bổ sung mới 702 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 06 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường N18 (Khu dân cư phía Tây); Điểm đầu: Ngã tư đường ĐT 741; Điểm cuối: Tiếp giáp đường vành đai trung tâm; đường bổ sung bên bảng giá đất nông nghiệp, tương đương với đường stt 71;

+ Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây); Điểm đầu: Ngã ba đường D17; Điểm cuối: Ngã ba đường D17a (đường B1); đường bổ sung bên bảng giá đất nông nghiệp, tương đương với đường stt 71;

+ Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây); Điểm đầu: Ngã ba đường ĐT 760; Điểm cuối: Ngã ba đường D17a (đường B1); đường bổ sung bên bảng giá đất nông nghiệp, tương đương với đường stt 71;

+ Đường D17 (Khu dân cư phía tây); Điểm đầu: Ngã ba đường N18; Điểm cuối: Ngã ba đường N19 (đường A2); đường bổ sung bên bảng giá đất nông nghiệp, tương đương với đường stt 71;

+ Đường N4 (khu dân cư khu 2); Điểm đầu: Ngã ba đường D3; Điểm cuối: Ngã ba đường D2;

+ Đường D2 (khu dân cư khu 2); Điểm đầu: Ngã ba đường ĐT 760; Điểm cuối: Ngã ba đường N4;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 812.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 252.000 đồng/m2, áp dụng cho 23 tuyến đường, như:

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang;

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108);

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế;

…

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 50.000 đồng/m2, áp dụng cho 186 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 183 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.90. Tại Xã Đa Kia

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 50; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường thôn Bình Tân (STT 19) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 17, tờ bản đồ số 95)" thành "Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95)";

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường thôn Bình Tân + Bù Tam (STT 20) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 17, tờ bản đồ số 95)" thành "Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95)";

c) Bỏ 04 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) (STT 33); Điểm đầu: Đường ĐT 759; Điểm cuối: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 13; lý do: xã đề xuất bỏ tuyến đường này.

d) Bổ sung mới 290 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường ĐT 759; Điểm đầu: Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46; Điểm cuối: Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53; bổ sung theo Văn bản số 501/UBND-KT ngày 21/04/2026;

+ Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759); Điểm đầu: Đường ĐT 759; Điểm cuối: Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118; bổ sung theo Văn bản số 501/UBND-KT ngày 21/04/2026;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 336.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 252.000 đồng/m2, áp dụng cho 11 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12;

+ Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29;

+ Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45;

+ Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46;

+ Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53;

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31);

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22);

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15);

+ Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03);

+ Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53;

+ Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 25.000 đồng/m2, áp dụng cho 18 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.91. Tại Xã Bù Gia Mập

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 14; trong đó:

a) Sửa tên đường của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa thôn Cầu Sắt (STT 11) sửa tên đường từ "Đường nhựa thôn Cầu Sắt" thành "Đường nhựa thôn Đăk Côn";

+ Đường nhựa đi thôn Đăk Á (STT 12) sửa tên đường từ "Đường nhựa đi thôn Đăk Á" thành "Đường nhựa đi thôn Đăk Mai";

b) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

c) Bổ sung mới 72 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 84.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 100.000 đồng/m2, áp dụng cho 09 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng;

+ Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập (Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập);

+ Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28);

+ Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28);

+ Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập;

+ Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28);

+ Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35);

+ Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39);

+ Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44);

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 36.000 đồng/m2, áp dụng cho 06 tuyến đường, như:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

…

1.92. Tại Xã Phú Riềng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 85; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 741 (STT 7) sửa điểm cuối từ "Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 93)" thành "Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93)";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 741 (STT 8) sửa điểm đầu từ "Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 93)" thành "Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93";

+ Đường N3a (TTHC huyện) (STT 45) sửa điểm đầu từ "Đường N9" thành "Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))";

c) Bỏ 01 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

d) Bổ sung mới 504 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 588.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 210.000 đồng/m2, áp dụng cho 19 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93);

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình;

+ Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân;

+ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng;

+ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường;

+ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung;

+ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa;

+ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình);

+ Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà;

+ Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 84.000 đồng/m2, áp dụng cho 128 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 125 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.93. Tại Xã Phú Trung

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 35; trong đó:

a) Bỏ 01 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 204 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 238.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 182.000 đồng/m2, áp dụng cho 07 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến;

+ Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7;

+ Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung;

+ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14;

+ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng;

+ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng;

+ Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 67.000 đồng/m2, áp dụng cho 54 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 51 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.94. Tại Xã Long Hà

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 26; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 757 (STT 2) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung thêm mô tả điểm cuối : Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99));

+ Đường ĐT 757 (STT 5) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung thêm mô tả điểm cuối : Cầu Trà Thanh (đến hết ranh giới xã Long Hà));

+ Đường ĐT 757B (STT 6) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung thêm mô tả điểm cuối: Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà));

+ Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ) (STT 9) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả điểm cuối: Thửa 411 tờ 111);

+ Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) (STT 13) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả điểm cuối: Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự (hết ranh thửa đất số 530 tờ bản đồ số 119 về bên trái, hết ranh thửa đất số 247 tờ bản đồ số 116 về bên phải));

+ Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) (STT 17) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả điểm cuối: Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng));

+ Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà (STT 23) điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả điểm cuối: Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 (đến hết ranh giới xã Long Hà) Đảo điểm đầu cuối để đưa cả tuyến đường về một hướng);

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 757 (STT 3) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (bổ sung thêm mô tả điểm đầu : Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99));

+ Đường ĐT 757B (STT 8) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (bổ sung thêm mô tả điểm đầu: Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà));

+ Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) (STT 10) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (bổ sung mô tả điểm đầu: Thửa 411 tờ 111);

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 757B (STT 7) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (bổ sung thêm mô tả điểm đầu: Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) Bổ sung thêm mô tả điểm cuối: Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đấ); điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (bổ sung thêm mô tả điểm đầu: Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) Bổ sung thêm mô tả điểm cuối: Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đấ);

+ Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) (STT 24) điều chỉnh điểm đầu theo nội dung rà soát (đảo điểm đầu cuối để đưa cả tuyến đường về một hướng); điều chỉnh điểm cuối theo nội dung rà soát (đảo điểm đầu cuối để đưa cả tuyến đường về một hướng);

d) Bỏ 01 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

đ) Bổ sung mới 157 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)); Điểm đầu: Ngã ba tiếp giáp đường 327; Điểm cuối: Hết ranh xã Long Hà - Giáp ranh Tân Hưng; bổ sung đường, mức giá tương đương đường STT 22.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 182.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 182.000 đồng/m2, áp dụng cho 08 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B;

+ Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng;

+ Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà;

+ Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ);

+ Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh;

+ Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long;

+ Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà;

+ Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà đến Giáp ranh xã Bình Tân;

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 67.000 đồng/m2, áp dụng cho 02 tuyến đường, gồm:

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

1.95. Tại Xã Bình Tân

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 37; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường dọc sông bé (STT 33) sửa điểm cuối từ "Đất ông Đặng Đình Hoạt" thành "Hết ranh thửa 10 tờ 141";

b) Bỏ 05 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m (STT 31); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m (STT 32); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Các đường giao thông liên xã còn lại (STT 34); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

c) Bổ sung mới 206 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp và nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính, gồm:

+ Đường Long Bình – Bình Thắng; Điểm đầu: Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67; Điểm cuối: Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63; bổ sung đề xuất giá đất ở 380;

+ Đường ĐT.757C (tuyến cũ); Điểm đầu: Đường ĐT. 757B; Điểm cuối: Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân); đề xuất giá đất ở là 360;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 238.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 420.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 67.000 đồng/m2, áp dụng cho 44 tuyến đường; liệt kê 3 tuyến đầu tiên theo thứ tự bảng giá (còn 41 tuyến khác có cùng mức giá):

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

2. Giá đất ở (Phụ lục số III)

2.1.Tại Phường Biên Hòa

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 107; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Trần Văn Ơn (STT 57) sửa điểm cuối từ "Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 124)" thành "Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124", lý do: Đơn vị tư vấn điều chỉnh lại điểm cuối cho đúng với thực tế Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 107.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 30.800.000 đồng/m2 tại Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 2.600.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.2. Tại Phường Trấn Biên

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 599; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Vũ Hồng Phô (STT 541) sửa điểm cuối từ "Đường Trần Quốc Toản" thành "Đường Nguyễn Thông", lý do: Điểm cuối tuyến đường trên đường Trần Quốc Toản thuộc phường Tam Hiệp, cách ranh giới phường Trấn Biên khoảng 1 km. Do đó điều chỉnh điểm cuối (đường Trần Quốc Toản) thành đường Nguyễn Thông cho phù hợp với địa giới hành chính mới;

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 155) sửa điểm cuối từ "Quốc lộ 51" thành "Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái)", lý do: Do trùng với STT 78 phường Long Hưng nên điều chỉnh điểm cuối: Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái).

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường N1 (khu dân cư D2D) (STT 429) sửa điểm đầu từ "Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200" thành "Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200", lý do: Qua rà soát đơn vị tư vấn đề nghị điều chỉnh Điểm đầu số thửa 1160 tờ BĐĐC 200 vì theo đúng mô tả của đường N1 theo thực tế có điểm đầu là (Đầu thửa 1160 tờ bản đồ số 200) vì không tìm thấy thửa 1169 tờ BĐĐC 200 theo nền địa chính được khai thác…;

+ Đường Trần Quốc Toản (STT 450) sửa điểm đầu từ "Đường Vũ Hồng Phô" thành "Ranh giới phường Tam Hiệp", lý do: Không thể vẽ điểm đầu theo như miêu tả, điều chỉnh điểm đầu thành Giáp Ranh giới phường Tam Hiệp cho đúng với ranh giới hành chính mới;

+ Xa lộ Hà Nội (STT 492) sửa điểm đầu từ "Vòng xoay Tam Hiệp" thành "ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304", lý do: Điều chỉnh điểm đầu cho phù hợp với thực tế: Giáp ranh phường Tam Hiệp (Công viên tượng đài Chiến Thắng) sửa điểm đầu ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 vì trùng tuyến.

c) Tách đoạn và bổ sung 07 tuyến đường (trong đó có 01 tuyến đường giao thông chính) là:

+ Đường ven sông Cái; Điểm đầu: Suối Bà Bột; Điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản. Tách đoạn giữ nguyên giá.

d) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Phạm Văn Thuận (STT 338); Điểm đầu: Đường 30 tháng tư; Điểm cuối: Hết ranh giới phường Trấn Biên, bỏ;

+ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) (STT 499); Điểm đầu: Vòng xoay Tam Hiệp; Điểm cuối: Quốc lộ 51, Điểm đầu và điểm cuối đang không đúng với thực tế đề nghị điều chỉnh điểm đầu (đề nghị điều chỉnh thành : Giáp ranh phường Tam Hiệp (Công viên tượng đài Chiến Thắng) điểm cuối (đề nghị điều chỉnh là Giáp ranh phường Long Hưng) bỏ đoạn này vì….

đ) Bổ sung mới 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường trục trung tâm (nhánh); Điểm đầu: Đường trục trung tâm; Điểm cuối: Đường Đặng Văn Trơn. Đường Trục Trung Tâm theo mô tả NQ rẽ qua 2 nhánh, hiện NQ chỉ có giá của 1 tuyến, còn 1 tuyến còn lại bổ sung thêm đường giá tương đương với đường stt 562.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 599.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 49.500.000 đồng/m2 tại Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 2.300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.3. Tại Phường Tam Hiệp

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 343; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) (STT 141) sửa điểm cuối từ “Hết quán cà phê Xá Xị” thành “Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5”, lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5";

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 155) sửa điểm cuối từ “Quốc lộ 51” thành “Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái)”, lý do: Do trùng với STT

78 phường Long Hưng nên điều chỉnh điểm cuối: Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái).

b) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Huỳnh Văn Hớn (STT 274) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh phường Trấn Biên" thành "Đường Phạm Văn Thuận"; sửa điểm cuối từ "Đường Phạm Văn Thuận" thành "Giáp ranh phường Trấn Biên", lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm đầu là: "Đường Phạm Văn Thuận" và điểm cuối là "Giáp ranh phường Trấn Biên";

+ Đường Trần Thị Hoa (STT 281) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh phường Trấn Biên" thành "Đường Vũ Hồng Phô"; sửa điểm cuối từ "Đường Vũ Hồng Phô" thành "Giáp ranh phường Trấn Biên", lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm đầu là: " Đường Vũ Hồng Phô" và điểm cuối là "Giáp ranh phường Trấn Biên".

c) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 309); Điểm đầu: Xa lộ Hà Nội; Điểm cuối: Hết ranh phường Tam Hiệp, Bỏ Tam Hiệp, giữ Long Bình (Tam Hiệp ngắn hơn).

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 336.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 44.400.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4; Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 3.500.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.4. Tại Phường Long Bình

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 210; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phan Đăng Lưu (STT 148) sửa điểm cuối từ "Ranh giới phường Phước Tân" thành "Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa", lý do: Sửa điểm cuối để phù hợp với đường này bên phường Phước Tân;

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 155) sửa điểm cuối từ "Quốc lộ 51" thành "Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái)", lý do: Do trùng với STT 78 phường Long Hưng nên điều chỉnh điểm cuối: Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái).

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) (STT 78) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên" thành "hết cầu 201", lý do: Do trùng với STT 155 phường Long Bình nên điều chỉnh điểm đầu: Từ hết cầu 201.

c) Sửa tên của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Yết Kiêu (STT 113) sửa tên đường từ "Đường Yết Kiêu" thành "Đường Đặng Nguyên", lý do: Sửa tên đường Yết Kiêu thành " Đường Đặng Nguyên" do sai tên.

d) Bỏ 28 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 10 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Tô Hiến Thành (STT 85); Điểm đầu: Xa lộ Hà Nội; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình, Bỏ tuyến đường Tô Hiến Thành ra khỏi Nghị Quyết số 28/2025/NQ-HDND ngày 10/12/2025 (Lý do tuyến đường này chưa được đấu nối, chưa thi công đoạn đấu nối với Xa Lộ Hà Nội);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. (STT 86); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 87); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 88); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao

thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. (STT 89); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 90); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 91); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Xa lộ Hà Nội (STT 99); Điểm đầu: Cầu Sập; Điểm cuối: Vòng xoay Tam Hiệp, Giữ Tam Hiệp, bỏ Long Bình;

+ Đường Điểu Xiển (STT 99); Điểm đầu: Xa lộ Hà Nội; Điểm cuối: Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình, Bỏ;

+ Phan Đăng Lưu (STT 134); Điểm đầu: Hết ranh phường Long Bình; Điểm cuối: Giáp suối, bỏ vì giá thấp hơn 148 Long Bình và đoạn ngắn hơn.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 182.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 39.100.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 2.200.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.5. Tại Phường Trảng Dài

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 280; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Sở Quýt (STT 183) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Phường Hố Nai" thành "Giáp ranh Phường Long Bình", lý do: Sửa theo tên phường sau sáp nhập;

+ Đường Bưng Mua (STT 218) sửa điểm cuối từ "Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC" thành "Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 100; Bên trái: hết ranh thửa đất số 679, tờ BĐĐC số 100", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 253) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)" thành "Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều)", lý do: Điều chỉnh điểm cuối.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hoàng Văn Bổn (STT 148) sửa điểm đầu từ "Giáp phường Hố Nai và phường Trảng Dài" thành "Giáp phường Long Bình", lý do: Sửa theo tên phường sau sáp nhập.

c) Sửa tên của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học (STT 92) sửa tên đường từ "Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học" thành "Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học", lý do: Sửa tên đường (Văn phòng KP3);

+ Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học (STT 99) sửa tên đường từ "Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học" thành "Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học", lý do: Sửa tên đường;

+ Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) (STT 113) sửa tên đường từ "Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà)" thành "Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã)", lý do: Điều chỉnh tên đường;

+ Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) (STT 120) sửa tên đường từ "Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà)" thành "Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã)", lý do: Điều chỉnh tên đường.

d) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 260) sửa điểm đầu từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)" thành "Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều)"; sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ)" thành "Hết ranh thửa đất 518 tờ BĐĐC số 18", lý do: Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối.

đ) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (STT 1); Điểm đầu: Ngã tư Tân Phong; Điểm cuối: Hết ranh phường Trảng Dài, Bỏ Trảng Dài giữ Tam Hiệp.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 273.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 39.300.000 đồng/m2 tại Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 570.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.6. Tại Phường Hố Nai

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 322; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 1 (STT 50) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ)" thành "Đường Ngô Xá", lý do: Điều chỉnh điểm cuối Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) thành Đường Ngô Xá;

+ Đường bên hông giáo xứ Sài Quất (STT 92) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108" thành "Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108", lý do: Điều chỉnh điểm cuối Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108 thành đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108;

+ Đường Đông Hải - Lộ Đức (STT 113) sửa điểm cuối từ "Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh" thành "Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh", lý do: Điều chỉnh điểm đầu: Công ty Phương Sinh thành Đường Lê Ngô Cát;

+ Đường Đông Hải - Lộ Đức (STT 127) sửa điểm cuối từ "Giáo xứ Đông Vinh" thành "Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89", lý do: Điều chỉnh điểm cuối: Giáo xứ Đông Vinh thành hết thửa đất 105 tờ BĐĐC số 89;

+ Đường Xóm Chùa (STT 169) sửa điểm cuối từ "Hết mét thứ 200" thành "Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110", lý do: Điều chỉnh điểm cuối: Hết mét thứ 200 thành đến thửa đất số 677 tờ BĐĐC số 108;

+ Đường Thái Hòa 6 (STT 197) sửa điểm cuối từ "Hết mét thứ 300" thành "Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70)", lý do: Điều chỉnh điểm cuối: Hết mét thứ 300 thành Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70).

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 1 (STT 57) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ)" thành "Đường Ngô Xá", lý do: Điều chỉnh điểm đầu Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) thành Đường Ngô Xá;

+ Đường Xóm Chùa (STT 176) sửa điểm đầu từ "Hết mét thứ 200" thành "Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110", lý do: Điều chỉnh điểm đầu : Hết mét thứ 200 thành Từ thửa đất số 677 tờ BĐĐC số 108;

+ Đường Thái Hòa 6 (STT 204) sửa điểm đầu từ "Hết mét thứ 300" thành "Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70)", lý do: Điều chỉnh điểm đầu : Hết mét thứ 300 thành Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70).

c) Bỏ 28 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 04 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Nguyễn Trường Tộ (STT 8); Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Đường Hoàng Văn Bổn, Bỏ Hố Nai, giữ Long Bình;

+ Đường Hoàng Văn Bổn (STT 15); Điểm đầu: Đường Nguyễn Trường Tộ; Điểm cuối: Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân, Điều chỉnh điểm cuối Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân thành hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC số 5 _ Bỏ Hố Nai, giữ Long Bình;

+ Đường Hoàng Văn Bổn (STT 22); Điểm đầu: Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân; Điểm cuối: Giáp ranh phường Trảng Dài, Điều chỉnh điểm đầu Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân thành hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC số 5 _ Bỏ Hố Nai, giữ Long Bình;

+ Đường Ngô Sĩ Liên (STT 29); Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Đường Điểu Xiển, Điều chỉnh điểm cuối thành hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45 _ Bỏ Hố Nai, giữ Long Bình.

d) Bổ sung mới 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3; Điểm đầu: Đường Thanh Hóa 1; Điểm cuối: Đường An Chu 7. Đoạn bổ sung so với bảng giá đất, 2 đoạn này trùng với xã Bình

Minh. PHƯỜNG đề xuất giá ngang bằng với tuyến đường Thanh Hóa 1; đơn vị tư vấn đề xuất giá bằng với đường này bên cac Bình Minh;

+ Đường An Chu 7; Điểm đầu: Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3; Điểm cuối: Đường số 2 trong KCN. Đoạn bổ sung so với bảng giá đất, 2 đoạn này trùng với xã Bình Minh. PHƯỜNG đề xuất giá ngang bằng với tuyến đường Thanh Hóa 1; đơn vị tư vấn đề xuất giá bằng với đường này bên cac Bình Minh.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 308.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 39.100.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.100.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.7. Tại Phường Long Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 161; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Văn Tỏ (STT 64) sửa điểm cuối từ “Đường Ngô Quyền” thành “Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117)”, lý do: Phòng kinh tế yêu cầu chỉnh sửa điểm cuối thành :"Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117)".

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) (STT 78) sửa điểm đầu từ “Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên” thành “hết cầu 201”, lý do: Do trùng với STT 155 phường Long Bình nên điều chỉnh điểm đầu: Từ hết cầu 201.

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phước Tân - Long Hưng (STT 141) sửa điểm đầu từ “Ranh phường Long Hưng” thành “Hương Lộ 2”; sửa điểm cuối từ “Hương Lộ 2” thành “Ranh phường Long Hưng”, lý do: Phòng kinh tế yêu cầu chỉnh sửa điểm đầu thành:"Hương lộ 2" và điểm cuối thành :" Ranh phường Long Hưng".

d) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Xa lộ Hà Nội (STT 1); Điểm đầu: Vòng Xoay Tam Hiệp; Điểm cuối: Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai, bỏ vì đoạn này ngắn hơn và giá bằng nhau;

+ Quốc lộ 51 (STT 36); Điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực; Điểm cuối: Giáp ranh phường Phước Tân, Bỏ vì trùng tuyến 43 Phước Tân giá bằng nhau.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 147.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 34.300.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.800.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.8. Tại Phường Tân Triều

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 434; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 253) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)" thành "Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều)", lý do: Điều chỉnh điểm cuối;

+ Đường Cây Quéo ấp 4 (STT 106) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều" thành "Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92", lý do: Sửa điểm cuối thành Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92;

+ Đường 5 - 7 (STT 134) sửa điểm cuối từ "Bên phải: Hết ranh thửa đất số 947, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều Bên trái: hết ranh thửa đất số 948, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều" thành "Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số

24, phường Tân Triều", lý do: Sửa điểm cuối thành giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều;

+ Đường Lò Thổi (STT 358) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Thạnh Phú cũ" thành "Đường Hương lộ 15", lý do: Sửa điểm cuối thành Đường Hương lộ 15.

b) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 260) sửa điểm đầu từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)" thành "Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều)"; sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ)" thành "Hết ranh thửa đất 518 tờ BĐĐC số 18", lý do: Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối.

c) Gộp đoạn 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 16 (STT 120): Gộp đoạn thành Đường 16 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: cuối đường), lấy giá cao;

+ Hương lộ 15 (STT 148): Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Ngã ba Hương lộ 6; điểm cuối: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2) Giá đề xuất: 7.000.000 đồng;

+ Hương lộ 15 (STT 169): Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2; điểm cuối: Bến đò Bình Ninh) Giá đề xuất: 6000.000 đồng;

+ Đường Bình Hòa - Cây Dương (STT 197): Gộp đoạn: Đường Bình Hòa - Cây Dương (điểm đầu: Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ); điểm cuối: Đường tỉnh 768); Giá đề xuất: 6.300.000 đồng;

+ Hương lộ 9 (STT 211): Gộp đoạn: Hương lộ 9 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp) Giá đề xuất: 6.300.000 đồng;

+ Hương lộ 7 (STT 246): Gộp đoạn: Đường Hương lộ 7 (điểm đầu: Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo); điểm cuối: Hương lộ 15 Giá đề xuất: 6000.000 đồng;

+ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (STT 267): Gộp đoạn: Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ) Giá đề xuất: 4.800.000 đồng.

d) Bỏ 126 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 84 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (STT 1); Điểm đầu: Giáp ranh phường Trấn Biên; Điểm cuối: Đường Đồng Khởi, bỏ;

+ Đường Đồng Khởi (STT 8); Điểm đầu: Đường Nguyễn Ái Quốc; Điểm cuối: Cầu Đồng Khởi, Bỏ;

+ Đường Đồng Khởi (STT 15); Điểm đầu: Cầu Đồng Khởi; Điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Tiên, Bỏ do trùng với stt 15 phường Trảng Dài;

+ Đường Đồng Khởi (STT 22); Điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Tiên; Điểm cuối: Đường vào công ty Trấn Biên, bỏ;

+ Đường Đồng Khởi (STT 29); Điểm đầu: Đường vào công ty Trấn Biên; Điểm cuối: Đường tỉnh 768, bỏ;

+ Đường 16 (STT 127); Điểm đầu: Đường D1; Điểm cuối: Hết đường, Bỏ do Gộp đoạn thành Đường 16 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: cuối đường);

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 128); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 129); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 130); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 131); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 132); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 133); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Hương lộ 15 (STT 155); Điểm đầu: Cống số 10 (ấp 6 cũ); Điểm cuối: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2, Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Ngã ba Hương lộ 6;

điểm cuối: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2) Giá đề xuất: 7.000.000 đồng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 156); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 157); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 158); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 159); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 160); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 161); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Hương lộ 15 (STT 162); Điểm đầu: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2; Điểm cuối: Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51, Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Bên trái: hết ranh thửa đất

số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2; điểm cuối: Bến đò Bình Ninh) Giá đề xuất: 6000.000 đồng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 163); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 164); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 165); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 166); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 167); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê

tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 168); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Hương lộ 15 (STT 176); Điểm đầu: Hương lộ 7; Điểm cuối: Bến đò Tân Uyên, Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 15 (điểm đầu: Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2; điểm cuối: Bến đò Bình Ninh) Giá đề xuất: 6000.000 đồng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 177); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 178); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 179); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 180); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 181); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 182); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Đường Bình Hòa - Cây Dương (STT 183); Điểm đầu: Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ); Điểm cuối: Đường Mỹ, Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường Bình Hòa - Cây Dương (điểm đầu: Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ); điểm cuối: Đường tỉnh 768); Giá đề xuất: 6.300.000 đồng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường

nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 184); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 185); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 186); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 187); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 188); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 189); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Đường Bình Hòa - Cây Dương (STT 190); Điểm đầu: Đường Mỹ; Điểm cuối: Hết Miếu Hàm Hòa, Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường Bình Hòa - Cây Dương (điểm đầu: Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ); điểm cuối: Đường tỉnh 768); Giá đề xuất: 6.300.000 đồng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 191); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 192); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 193); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 194); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 195); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 196); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Hương lộ 9 (STT 218); Điểm đầu: Đến hết Km+200; Điểm cuối: Nhà thờ Tân Triều, Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 9 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp) Giá đề xuất: 6.300.000 đồng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 219); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 220); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: -

Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 221); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 222); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 223); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 224); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Hương lộ 9 (STT 225); Điểm đầu: Nhà thờ Tân Triều; Điểm cuối: Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp, Bỏ đường do Gộp đoạn: Hương lộ 9 (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp) Giá đề xuất: 6.300.000 đồng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 226); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 227); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 228); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 229); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa,

bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 230); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 231); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Hương lộ 7 (STT 253); Điểm đầu: Ranh giới xã Bình Lợi (cũ); Điểm cuối: Hương lộ 15, Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường Hương lộ 7 (điểm đầu: Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo); điểm cuối: Hương lộ 15;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 254); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 255); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 256); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 257); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 258); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 259); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (STT 274); Điểm đầu: Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ); Điểm cuối: Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ), Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ) Giá đề xuất: 4.800.000 đồng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 275); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 276); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 277); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 278); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 279); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 280); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (STT 281); Điểm đầu: Hương lộ 7; Điểm cuối: Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ), Bỏ đường do Gộp đoạn: Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ (điểm đầu: Đường tỉnh 768; điểm cuối: Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ) Giá đề xuất: 4.800.000 đồng;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 282); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 283); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 284); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 285); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 286); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 287); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 372); Điểm đầu: Đường tỉnh 768; Điểm cuối: Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC), Bỏ;

+ Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài (STT 379); Điểm đầu: Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC); Điểm cuối: Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ), Bỏ.

đ) Bổ sung mới 84 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 12 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Đất Cát (nhánh 2); Điểm đầu: Đường Đất Cát; Điểm cuối: Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường Xóm Rạch 2; Điểm đầu: Hương lộ 15; Điểm cuối: Đường Đa Lộc. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường Xóm Rạch 3; Điểm đầu: Đường Xóm Rạch; Điểm cuối: Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường Miễu Ông; Điểm đầu: Đường tỉnh 768; Điểm cuối: Hết đường. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường hẻm 1 - Bình Phước; Điểm đầu: Đường Hương lộ 7; Điểm cuối: Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường Bàu Đàn; Điểm đầu: Hương lộ 7; Điểm cuối: Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều; Điểm đầu: Đường Thành Đức - Tân Triều; Điểm cuối: Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường hẻm 5 - Bình Ý; Điểm đầu: Đường tỉnh 768; Điểm cuối: Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều; Điểm đầu: Đường Thành Đức - Tân Triều; Điểm cuối: Đường Bình Lục - Long Phú. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính); Điểm đầu: Đường tỉnh 768; Điểm cuối: Đường 16. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường giao thông số 7 - 11; Điểm đầu: Đường 16; Điểm cuối: Bên trái: hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 33; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34. Bổ sung đường, đề xuất giá;

+ Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ); Điểm đầu: Hương lộ 6; Điểm cuối: Hương lộ 15. Bổ sung đường, đề xuất giá.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 392.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 40.600.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong; Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 450.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.9. Tại Phường Phước Tân

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 161; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phan Đăng Lưu (STT 148) sửa điểm cuối từ "Ranh giới phường Phước Tân" thành "Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa", lý do: Sửa điểm cuối để phù hợp với đường này bên phường Phước Tân;

+ Quốc lộ 51 (STT 50) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh phường Phước Tân" thành "Giáp ranh phường Tam Phước", lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Giáp ranh phường Tam Phước";

+ Đường Hoàng Đình Cận (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân" thành "Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân", lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân".

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) (STT 78) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên" thành "hết cầu 201", lý do: Do trùng với STT 155 phường Long Bình nên điều chỉnh điểm đầu: Từ hết cầu 201.

c) Bỏ 21 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Quốc lộ 51 (STT 36); Điểm đầu: Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài); Điểm cuối: Đường Nguyễn Trung Trực, Bỏ vì trùng tuyến 29 Long Hưng, giá bằng nhau;

+ Đường Bùi Văn Hòa (STT 127); Điểm đầu: Quốc lộ 51; Điểm cuối: Hết ranh giới phường Phước Tân, bỏ đoạn này vì trùng tuyến đường STT 78 phường Long Hưng;

+ Phan Đăng Lưu (STT 134); Điểm đầu: Hết ranh phường Long Bình; Điểm cuối: Giáp suối, bỏ vì giá thấp hơn 148 Long Bình và đoạn ngắn hơn.

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa; Điểm đầu: Đường Bùi Văn Hoà; Điểm cuối: Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51.. Bổ sung mới đề xuất bằng với STT 134.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 147.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 29.700.000 đồng/m2 tại Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ hết cầu 201 đến Quốc lộ 51.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.800.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.10. Tại Phường Tam Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 119; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Hương lộ 2 (STT 8) sửa điểm cuối từ “Hết ranh thửa đất số 247, tờ BĐĐC số 105, (phường Tam Phước)” thành “Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103”, lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103";

+ Quốc lộ 51 (STT 36) sửa điểm cuối từ “Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển” thành “Đường Phùng Hưng”, lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Đường Phùng Hưng";

+ Đường Hàm Nghi (STT 50) sửa điểm cuối từ “Bên phải, hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 45; Bên trái, hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 30 (phường Tam Phước).” thành “Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46”, lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46";

+ Đường Nguyễn Khắc Hiếu (STT 57) sửa điểm cuối từ “Ngã 3” thành “Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38)”, lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm cuối là: "Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38)";

+ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền (STT 85) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh phường Trảng Bom", lý do: Thay đổi câu từ, từ "xã" thành "phường";

+ Quốc lộ 51 (STT 50) sửa điểm cuối từ "Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển" thành "Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam", lý do: kiến nghị sửa tên điểm cuối.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 51 (STT 43) sửa điểm đầu từ "Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển" thành "Từ hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam", lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm đầu là: "Đường Phùng Hưng" Do trùng với STT 57 xã An Phước nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam.

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Khắc Hiếu (STT 64) sửa điểm đầu từ "Ngã 3" thành "Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24"; sửa điểm cuối từ "Hẻm số 303 đường Nguyễn Khắc Hiếu tại phường Tam Phước" thành "Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5", lý do: Phòng kinh tế hạ tầng đề xuất chỉnh sửa điểm đầu là: "Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24)" và điểm cuối thành: "Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5";

+ Quốc lộ 51 (STT 57) sửa điểm đầu từ "Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển" thành "Từ ranh thửa đất số 107 tờ bản đồ số 34"; sửa điểm cuối từ "Mũi tàu" thành "Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54)", lý do: kiến nghị sửa tên điểm đầu điểm cuối Do trùng với stt 43 phường Tam Phước nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 107 tờ bản đồ số 34.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 119.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 14.600.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.11. Tại Phường Long Thành

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 455; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 25B (STT 99) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Nhơn Trạch" thành "Giáp ranh Phường Nhơn Trạch".

b) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Cầu Mên (STT 43) sửa điểm đầu từ "Đường tỉnh 769" thành "Từ thửa đất số 9 tờ bản đồ 136 về bên phải và thửa đất số 75 tờ bản đồ số 135 về bên trái"; sửa điểm cuối từ "Hầm chui cao tốc" thành "Hết ranh thửa đất số 119 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 135", lý do: Điều chỉnh do trùng với BA10_D2 (tách đoạn xã Bình An) điều chỉnh điểm đầu: Từ thửa đất số 9 tờ bản đồ 136 về bên phải và thửa đất số 75 tờ bản đồ số 135 về bên trái. Điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh thửa đất số 119 về bên phải và thửa đất số 16…;

+ Đường Cầu Mên (STT 50) sửa điểm đầu từ "Hầm chui cao tốc" thành "thửa đất số 61 tờ bản đồ số 138"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh giới xã Long Thành" thành "Hết ranh giới Phường Long Thành", lý do: Điều chỉnh điểm đầu do trùng với BA10_D2 (tách đoạn xã Bình An): Từ thửa đất số 61 tờ bản đồ số 138.

c) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 07 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Trần Nhân Tông (STT 288); Điểm đầu: Đường Đinh Bộ Lĩnh; Điểm cuối: Đường Ngô Hà Thành, Đề xuất hủy do trùng với đường STT 134;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. (STT 289); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 290); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 291); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. (STT 292); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 293); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 294); Điểm đầu: ; Điểm cuối:.

d) Bổ sung mới 28 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 04 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Lê Lợi; Điểm đầu: Đường Hà Huy Giáp; Điểm cuối: Hết ranh thửa 189 tờ 13. Đường bổ sung mới so với NQ28 tương đương với đường stt 372;

+ Đường D1; Điểm đầu: Toàn tuyến. Đường bổ sung mới so với NQ28 tương đương với đường D1 trong Khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An - Bình Sơn (cũ);

+ Đường D3; Điểm đầu: Toàn tuyến. Đường bổ sung mới so với NQ28 tương đương với đường D3 (Các đường còn lại) trong Khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An - Bình Sơn (cũ);

+ Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên); Điểm đầu: Thửa 401 tờ 48; Điểm cuối: Giáp Cầu Mên. Tách đoạn.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 476.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 28.600.000 đồng/m2 tại Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.12. Tại Xã Bình An

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 205; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường liên xã Bình An - Long Thành (STT 57) sửa điểm cuối từ "Đường Lê Quang Định" thành "Đường Lê Quang Định", lý do: Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến đường cao tốc đoan 2 từ đường cao tốc đến đường Lê Quang Định;

+ Đường liên xã Bình An - Long Thành (STT 64) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành", lý do: Giáp ranh phường Long Thành;

+ Đường ấp An Viễng (STT 162) sửa điểm cuối từ "Điểm trung chuyển rác thải" thành "Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BDĐC số 38", lý do: Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BDĐC số 38;

+ Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) (STT 64) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành", lý do: kiến nghị đổi tên điểm đầu điểm cuối Do trùng vơi stt1 P.Long Thành nên sửa điểm cuối thành ranh giới phường Long Thành.

b) Sửa điểm đầu của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 51 (STT 1) sửa điểm đầu từ "Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển" thành "Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An", lý do: Sửa điểm đầu thành Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An Bỏ do trùng với stt57 xã AN Phước;

+ Trường Trinh (Quốc lộ 51B cũ) (STT 15) sửa điểm đầu từ "Mũi tàu" thành "Đường liên xã Bình An - Long Thành", lý do: Điểm đầu sửa thành Từ đường liên xã Bình An - Long Thành;

+ Đường Võ Thị Sáu (STT 43) sửa điểm đầu từ "Đường Lê Duẩn" thành "ranh thửa đất số 253, tờ bản đồ số 26", lý do: Do trùng với stt 141 phường Long Thành nên sửa điểm đầu thành ranh thửa đất số 253, tờ bản đồ số 26;

+ Đường tỉnh 769 (STT 78) sửa điểm đầu từ "Ranh xã Long Thành - Bình An" thành "Ranh phường Long Thành - Bình An", lý do: Ranh phường Long Thành - Bình An.

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) (STT 8) sửa điểm đầu từ "Mũi tàu" thành "Đường liên xã Bình An - Long Thành"; sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành", lý do: Sửa thành: Từ đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành Bỏ do trùng với stt64 xã AN Phước;

+ Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An (STT 22) sửa điểm đầu từ "" thành "Đầu sân bóng khu 15"; sửa điểm cuối từ "" thành "Gíap ranh xã An Viễn", lý do: Từ đầu sân bóng khu 15 đến Gíap ranh xã An Viễn;

+ Đường D1 trong khu dân cư Gam Sky World (STT 176) sửa điểm đầu từ "" thành "Từ Đường liên xã Bình An - Long Thành"; sửa điểm cuối từ "" thành "Giáp ranh xã An Phước", lý do: Từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giasp ranh xã An Phước;

+ Quốc lộ 51 (STT 57) sửa điểm đầu từ "Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển" thành "Từ ranh thửa đất số 107 tờ bản đồ số 34"; sửa điểm cuối từ "Mũi tàu" thành "Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54)", lý do: kiến nghị sửa tên điểm đầu điểm cuối Do trùng với stt 43 phường Tam Phước nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 107 tờ bản đồ số 34.

d) Bỏ 21 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) (STT 71); Điểm đầu: Đường tỉnh 769; Điểm cuối: Giáp Cầu Mên, BỎ do trùng với stt 43 phường Long Thành (LOT3_D1);

+ Đường Lê Quang Định (STT 120); Điểm đầu: Cầu Suối Phèn; Điểm cuối: Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, bỏ đoạn này bằng giá stt 155 phường Long Thành, nhưng đoạn ngắn hơn phường Long Thành;

+ Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An (STT 155); Điểm đầu: Đường liên xã Long Thành – Bình An; Điểm cuối: Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2, BỎ tuyến này vì bị trùng giá thấp hơn stt 120 phường Long Thành.

đ) Bổ sung mới 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên); Điểm đầu: Thửa 401 tờ 48; Điểm cuối: Giáp Cầu Mên. Tách đoạn.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 191.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 13.600.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành; Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Từ Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) đến Giáp ranh phường Long Thành.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.300.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu

Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. và 7 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.13. Tại Xã An Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 127; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Hương lộ 21 (STT 15) sửa điểm cuối từ "Hết ranh giới xã An Phước" thành "Hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 78", lý do: Do trùng với stt 1 phường Tam Phước nên điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 78;

+ Đường Nguyễn Hải (STT 29) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64" thành "Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65", lý do: sai điểm cuối;

+ Đường Chu Văn An (STT 43) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước" thành "Hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước", lý do: kiến nghị sửa điểm cuối;

+ Quốc lộ 51 (STT 50) sửa điểm cuối từ "Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển" thành "Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam", lý do: kiến nghị sửa tên điểm cuối;

+ Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) (STT 64) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành", lý do: kiến nghị đổi tên điểm đầu điểm cuối Do trùng vơi stt1 P.Long Thành nên sửa điểm cuối thành ranh giới phường Long Thành;

+ Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng (STT 92) sửa điểm cuối từ "Ranh khhu công nghệ cao Long Thành đoạn đã đầu tư hạ tầng" thành "Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao", lý do: kiến nghị sửa tên điểm cuối.

b) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 51 (STT 57) sửa điểm đầu từ "Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển" thành "Từ ranh thửa đất số 107 tờ bản đồ số 34"; sửa điểm cuối từ "Mũi tàu" thành "Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54)", lý do: kiến nghị sửa tên điểm đầu điểm cuối Do trùng với stt 43 phường Tam Phước nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 107 tờ bản đồ số 34.

c) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Nguyễn Hải (STT 36); Điểm đầu: Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65, sai điểm đầu điểm cuối vì bị trùng tuyến với stt 463 LT bằng giá nhưng đoạn ngắn nên bỏ;

+ Đường Phùng Hưng (STT 78); Điểm đầu: Quốc lộ 51; Điểm cuối: Giáp ranh xã An Viễn, Bỏ do trùng với stt 99 phường Tam Phước.

d) Bổ sung mới 06 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 119.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 23.100.000 đồng/m2 tại Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới phường Long Thành đến Đường Trần Phú.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.14. Tại Xã Long Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 91; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 51 (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành", lý do: sửa điểm đầu.

b) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ấp 2 Suối Trầu (STT 85) sửa điểm đầu từ "Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường" thành "Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90)"; sửa điểm cuối từ "Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường" thành "Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93)", lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa điểm đầu thành Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90) và sửa điểm cuối thành Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93).

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 91.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 9.800.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.400.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn

cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.15. Tại Xã Phước Thái

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 63; trong đó:

Không phát sinh điều chỉnh, bổ sung đối với các tuyến đường hiện có.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 63.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 11.300.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.16. Tại Phường Nhơn Trạch

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 484; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (STT 8) sửa điểm cuối từ "Đường Trần Văn Trà" thành "Đến hết thửa 51 tờ 277", lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối là đến hết thửa 51 tờ 277;

+ Đường Lý Thái Tổ (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh xã Nhơn Trạch" thành "Hết ranh phường Nhơn Trạch", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là hết ranh phường Nhơn Trạch);

+ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (STT 169) sửa điểm cuối từ "Hết ranh xã Nhơn Trạch" thành "Hết ranh phường Nhơn Trạch", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là hết ranh phường Nhơn Trạch);

+ Đường Trần Phú (STT 253) sửa điểm cuối từ "Hết ranh xã Nhơn Trạch" thành "Hết ranh phường Nhơn Trạch", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là Hết ranh phường Nhơn Trạch);

+ Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng (STT 449) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241" thành "Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241", lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối là đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241 không đi hết;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ (STT 463) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237" thành "Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236", lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối là đến hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) (STT 274) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Nhơn Trạch" thành "Giáp ranh phường Long Thành", lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu là giáp ranh phường Long Thành.

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lê Hồng Phong (STT 1) sửa điểm đầu từ "Đường Nguyễn Hữu Cảnh" thành "Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172"; sửa điểm cuối từ "Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch" thành "Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173", lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu và điểm cuối + điểm đầu: bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 + điểm cuối: bên trái hết thửa 28 tờ 173 bên phải hết thửa 30 tờ 173;

+ Đường Trần Phú (STT 113) sửa điểm đầu từ "Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiền" thành "Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ)"; sửa điểm cuối từ "Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến cầu Đồng Môn" thành "Cầu Đồng Môn", lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu và điểm cuối + điểm đầu từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ); điểm cuối cầu Đồng Môn.

d) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Lý Thái Tổ (STT 29); Điểm đầu: Giáp ranh xã Long Thành; Điểm cuối: Cầu Phước Thiền, Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu là giáp ranh phường Long Thành) Bỏ do trùng với STT 169 phường Long Thành.

đ) Bổ sung mới 06 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 483.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 16.200.000 đồng/m2 tại Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.400.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. và 37 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.17. Tại Xã Đại Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 227; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Nhơn Trạch" thành "Giáp ranh phường Nhơn Trạch", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Sửa điểm đầu thành Giáp ranh phường Nhơn Trạch);

+ Quách Thị Trang (STT 22) sửa điểm đầu từ "Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An" thành "Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Sửa điểm đầu thành Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An).

b) Sửa tên của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Đường trục trung tâm cù lao Đại Phước) (STT 225) sửa tên đường từ "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Đường trục trung tâm cù lao Đại Phước)" thành "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước có lộ giới trên 30m", lý do: Điều chỉnh "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Đường trục trung tâm cù lao Đại Phước)" thành "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước có lộ giới trên 30m";

+ Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Các đường D1, D2, D3, D4, A9, A10) (STT 226) sửa tên đường từ "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Các đường D1, D2, D3, D4, A9, A10)" thành "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước có lộ giới từ 20m đến 30m", lý do: Điều chỉnh "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước

(Các đường D1, D2, D3, D4, A9, A10)" thành "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước có lộ giới từ 20m đến 30m";

+ Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (các đường còn lại) (STT 227) sửa tên đường từ "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (các đường còn lại)" thành "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (các đường còn lại) có lộ giới dưới 20m", lý do: Điều chỉnh "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (các đường còn lại)" thành "Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (các đường còn lại) có lộ giới dưới 20m".

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 227.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 14.200.000 đồng/m2 tại Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.18. Tại Xã Phước An

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 231; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (STT 8) sửa điểm cuối từ "Đường Trần Văn Trà" thành "Đến hết thửa 51 tờ 277", lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối là đến hết thửa 51 tờ 277;

+ Đường Trần Phú (STT 253) sửa điểm cuối từ "Hết ranh xã Nhơn Trạch" thành "Hết ranh phường Nhơn Trạch", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là Hết ranh phường Nhơn Trạch);

+ Đường Nguyễn Văn Cừ (STT 92) sửa điểm cuối từ "Giáp sông" thành "Giáp sông Tắc Le Le", lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối thành Giáp sông Tắc Le Le);

+ Đường Lê Hồng Phong (STT 148) sửa điểm cuối từ "Đường Trường Chinh" thành "Đường Trường Chinh", lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là Đường Trường Chinh).

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) (STT 43) sửa điểm đầu từ "Đường Nguyễn Hữu Cảnh" thành "Hết ranh thửa đất số 99 về bên phải và thửa đất số 134 về bên trái tờ bản đồ số 138", lý do: Do trùng với stt 36 xã Đại Phước nên điều chỉnh điểm

đầu: Hết ranh thửa đất số 99 về bên phải và thửa đất số 134 về bên trái tờ bản đồ số 138;

+ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (STT 71) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Nhơn Trạch" thành "Giáp ranh phường Nhơn Trạch", lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu thành Giáp ranh phường Nhơn Trạch);

+ Đường Nguyễn Ái Quốc (STT 183) sửa điểm đầu từ "Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh)" thành "Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước)", lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu là Đường Hùng Vương (ấp 1)) Do trùng với stt 8 Phường Nhơn Trạch nên điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái.

c) Sửa tên của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ra Cảng Phước An (STT 155) sửa tên đường từ "Đường ra Cảng Phước An" thành "Đường Trường Chinh", lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường là đường Trường Chinh);

+ Đường ra Cảng Phước An (STT 162) sửa tên đường từ "Đường ra Cảng Phước An" thành "Đường Trường Chinh", lý do: Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường là đường Trường Chinh).

d) Tách đoạn 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Trần Phú (STT 120): Thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất chia ra làm 2 đoạn) Đoạn 1: điểm đầu Giáp ranh phường Nhơn Trạch; điểm cuối đến tờ 277 thửa 1 Đoạn 2: điểm đầu từ thửa 29 tờ 68 đến điểm cuối Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) Do trùng với stt 253 Phường Nhơn Trạch….

đ) Bỏ 21 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Quách Thị Trang (STT 1); Điểm đầu: Đường Hà Huy Tập; Điểm cuối: Giáp ranh xã Đại Phước, Bỏ do trùng với STT 15 Phường Nhơn Trạch;

+ Đường Phạm Thái Bường (STT 22); Điểm đầu: Đường Hùng Vương; Điểm cuối: Hết ranh xã Phước An, Bỏ do trùng với stt 169 xã Đại Phước;

+ Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) (STT 50); Điểm đầu: Đường Quách Thị Trang; Điểm cuối: Đường Hùng Vương, Bỏ do trùng với STT 71 Xã Đại Phước.

e) Bổ sung mới 21 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Trần Phú; Điểm đầu: Số thửa 29 tờ 68; Điểm cuối: Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ). Bổ sung do tách đoạn đường STT 120;

+ Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3; Điểm đầu: Toàn tuyến. Bổ sung dđường mới tương đường tuyến Nguyễn Ái Quốc (25C);

+ Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành; Điểm đầu: Toàn tuyến. Bổ sung dđường mới tương đường tuyến Nguyễn Ái Quốc (25C).

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 231.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 10.900.000 đồng/m2 tại Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 900.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.19. Tại Phường Long Khánh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 707; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) (STT 113) sửa điểm cuối từ "Giáp Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai" thành "Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa)", lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026;

+ Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ (STT 568) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh Phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026;

+ Đường Thổ Lùn (STT 701) sửa điểm cuối từ "Đường Ngô Quyền" thành "Giáp ranh xã Xuân Định", lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026.

b) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) (STT 120) sửa điểm đầu từ "Đầu Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai" thành "Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa)"; sửa điểm cuối từ "Cầu vượt Long Khánh" thành "Quốc lộ 1 - Xuân Lập", lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026;

+ Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) (STT 127) sửa điểm đầu từ "Cầu vượt Long Khánh" thành "Quốc lộ 1 - Xuân Lập"; sửa điểm cuối từ "Giáp Tượng Đài" thành "Hết Tượng Đài", lý do: Sửa điểm cuối văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026.

c) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 07 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) (STT 547); Điểm đầu: Ngã ba đi Miếu Bà; Điểm cuối: Ngã ba cầu Hòa Bình, Phòng Kinh tế đề xuất bỏ đoạn này do bị trùng STT554;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 548); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 549); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 550); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 551); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 552); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 553); Điểm đầu: ; Điểm cuối:.

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh; Điểm đầu: Đường 21 tháng 4; Điểm cuối: Giáp ranh phường Xuân Lập. Bổ sung theo văn bản số 5378 /UBND-NN ngày 02/10/2026; tương đương STT 477.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 707.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 20.300.000 đồng/m2 tại Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Cách Mạng Tháng 8.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 410.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.20. Tại Phường Bảo Vinh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 238; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Duy Tân (STT 92) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh Phường Xuân Lộc", lý do: Đề xuất sửa điểm cuối;

+ Đường số 5 (STT 183) sửa điểm cuối từ "Nhà văn hòa đồng bào dân tộc Chơ-ro" thành "Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre", lý do: Đề xuất sửa điểm cuối.

b) Bỏ 42 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 06 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Ngô Quyền (STT 50); Điểm đầu: Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn; Điểm cuối: Đường Duy Tân, Bỏ vì trùng 197 Long Khánhđoạn giá bằng nhau;

+ Đường Ngô Quyền (STT 57); Điểm đầu: Đường Duy Tân; Điểm cuối: Giáp ranh phường Long Khánh, Bỏ vì trùng đoạn 204 Long khánh, giá bằng nhau;

+ Đường Lê A (STT 162); Điểm đầu: Đường Hồ Thị Hương; Điểm cuối: Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre, bỏ trùng tuyến 50 Bình Lộc giá bằng nhau;

+ Đường Lê A (STT 169); Điểm đầu: Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre; Điểm cuối: Giáp cầu Bình Lộc, bỏ do trùng tuyến 57 Bình LỘc giá bằng nhau;

+ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc (STT 176); Điểm đầu: Giáp ranh xã Xuân Bắc; Điểm cuối: Giáp ranh phường Bình Lộc, Bỏ do trùng với STT 176 xã Bảo Vinh;

+ Đường Hồ Thị Hương (STT 190); Điểm đầu: Đường Lê A; Điểm cuối: Mương thoát lũ Suối Cải, Bỏ vì trùng đoạn 575 Long Khánh, giá bằng nhau.

c) Bổ sung mới 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc; Điểm đầu: Đường Hàm Nghi; Điểm cuối: Hết ranh thửa 26 tờ 79. Đề xuất bổ sung thêm đoạn Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc ngày trước (là đường STT141) hướng tuyến như đang mô tả nhưng nq28 đã làm thành hướng tuyến khác giờ bổ sung thêm tuyến cũ tương đương STT 141.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 203.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 8.400.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử; Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 410.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.21. Tại Phường Xuân Lập

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 147; trong đó:

a) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập (STT 113) sửa điểm đầu từ “” thành “đường Xuân Bình - Xuân Lập”; sửa điểm cuối từ “” thành “giáp ranh phường

Long Khánh", lý do: Phường đề xuất bổ sung điểm đầu đường Xuân Bình - Xuân Lập và điểm cuối giáp ranh phường Long Khánh.

b) Bỏ 21 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Lương Đình Của (STT 1); Điểm đầu: Đường Hồng Thập Tự; Điểm cuối: Giáp ranh phường Long Khánh, Bỏ do trùng với STT 659 Phường Long Khánh;

+ Đường Quốc lộ 1 (STT 78); Điểm đầu: Giáp ranh xã Dầu Giây; Điểm cuối: Giáp ranh phường Bình Lộc, Bỏ do trùng với STT 8 phường Bình Lộc;

+ Đường Lê Hữu Trác (STT 85); Điểm đầu: Ranh phường Long Khánh; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31, Bỏ do trùng với STT 85 Phường Long Khánh.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 126.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.600.000 đồng/m2 tại Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 420.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.22. Tại Phường Hàng Gòn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 119; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra (STT 15) sửa điểm cuối từ "Đường Nguyễn Trãi" thành "Đường Suối Rết B", lý do: Phường đề xuất sửa điểm cuối là đường Suối Rết B.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hàng Gòn - Xuân Quế (STT 43) sửa điểm đầu từ "Nhà máy mủ" thành "Quốc lộ 56", lý do: Phường đề xuất sửa điểm đầu Quốc lộ 56.

c) Sửa tên của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn (STT 29) sửa tên đường từ "Đường Xuân Tân - Hàng Gòn" thành "Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)", lý do: Phường đã đề xuất sửa tên đường thành Quốc lộ 56 Đồi Rìu;

+ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn (STT 36) sửa tên đường từ "Đường Xuân Tân - Hàng Gòn" thành "Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)", lý do: Phường đã đề xuất sửa tên đường thành Quốc lộ 56 Đồi Rìu;

+ Đường Xuân Lập - Bàu Sao (STT 85) sửa tên đường từ "Đường Xuân Lập - Bàu Sao" thành "Đường Hàng Gòn - Xuân Lập", lý do: Phường đề xuất đổi tên đường thành Hàng Gòn - Xuân Lập và điểm đầu là quốc lộ 56 Đồi Rìu sửa điểm cuối hết ranh Trung Đoàn 87 Bộ Tự Lệnh Hóa Học, vì trùng đoạn 71 Xuân :Lập mà giá Hàng gòn thấp hơn.

d) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa (STT 22); Điểm đầu: Quốc lộ 56; Điểm cuối: Giáp ranh xã Xuân Định, Bỏ tuyến đường này vì giá thấp hơn 127 Cẩm Mỹ;

+ Đường Hàng Gòn - Xuân Quế (STT 50); Điểm đầu: Ngã ba đường đi Xuân Quế; Điểm cuối: Giáp ranh xã Xuân Quế, bỏ vì trùng với 134 xã Cẩm Mỹ giá thấp hơn và đoạn ngắn hơn.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 105.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.900.000 đồng/m2 tại Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 410.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi

Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.23. Tại Phường Bình Lộc

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 224; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (STT 92) sửa điểm cuối từ "Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3" thành "Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12", lý do: Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12;

+ Đường tỉnh 770 (STT 106) sửa điểm cuối từ "Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc" thành "Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc", lý do: Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc;

+ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện (STT 120) sửa điểm cuối từ "Đi vào hết 2536m" thành "Đi vào hết 2536m", lý do: Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Cây xăng Hoàng Minh Việt Do trùng với stt8 xã Gia Kiệm sửa điểm đầu thành:Từ km2+500;

+ Đường Bình Lộc - Cây Da (STT 155) sửa điểm cuối từ "Đường Bình Lộc - Bảo Quang" thành "Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc", lý do: Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc.

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (STT 99) sửa điểm đầu từ "Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3" thành "Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12", lý do: Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12;

+ Đường tỉnh 770 (STT 113) sửa điểm đầu từ "Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc" thành "Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc", lý do: Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc;

+ Đường Bình Lộc - Cây Da (STT 162) sửa điểm đầu từ "Đường Bình Lộc Bảo Quang" thành "Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc", lý do: Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc.

c) Bỏ 28 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 10 tuyến đường giao thông chính là:

+ Quốc lộ 1 (STT 1); Điểm đầu: Giáp ranh xã Dầu Giây; Điểm cuối: Giáp ranh phường Bình Lộc, Tuyến đường này bị dư đề xuất đưa ra khỏi bảng giá;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. (STT 2); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 3); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 4); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. (STT 5); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 6); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. (STT 7); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Đường Xuân Bình - Xuân Lập (STT 29); Điểm đầu: Đường Võ Duy Dương; Điểm cuối: Đường Võ Văn Tần, Bỏ do trùng với STT 29 phường Xuân Lập;

+ Đường Xuân Bình - Xuân Lập (STT 36); Điểm đầu: Đường Võ Văn Tần; Điểm cuối: Giáp ranh phường Xuân Lập, Bỏ do trùng với STT 36 phường Xuân Lập;

+ Đường Võ Duy Dương (STT 43); Điểm đầu: Đường Hồng Thập Tự; Điểm cuối: Đường 21/4, Bỏ do trùng với STT 652 phường Long Khánh.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 196.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.300.000 đồng/m2 tại Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 250.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.24. Tại Phường Xuân Lộc

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 1.234; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 41 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Thành đi Trảng Táo (STT 1) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)" thành "Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa (STT 8) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc)" thành "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc)", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường tỉnh 766 (STT 155) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Thành" thành "Đến thửa đất số 15 tờ bản đồ số 179", lý do: Do trùng với stt 1 xã Xuân Thành nên điều chỉnh điểm cuối thành: Đến thửa đất số 15 tờ bản đồ số 179;

+ Đường số 2 (STT 169) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái" thành "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái.", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Suối Lạnh (STT 176) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Cây Me - ấp Trung Sơn (STT 197) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Trường - Trảng Táo (STT 218) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín (STT 239) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường xóm Huế - ấp Trung Tín (STT 246) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Trường - Suối Cao (STT 253) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Thành" thành "Đến hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 190", lý do: Do trùng với stt 127 Xuân Lộc nên điều chỉnh điểm cuối thành: Đến hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 190;

+ Đường cây số 5 (STT 260) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 3 ấp Trung Lương (STT 267) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Đông Trung Lương (STT 274) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng (STT 337) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 220, tờ BĐĐC số 262 về bên phải và hết ranh thửa đất số 02, tờ BĐĐC số

262 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Đường tỉnh 765", lý do: sử điểm cuối đến Đường Tỉnh 765;

+ Đường Việt Kiều 5 (STT 372) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (xã Xuân Lộc)" thành "Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc)", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Việt Kiều 2 (STT 379) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ (STT 386) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, xã Xuân Lộc)" thành "Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc)", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Việt Kiều 1 (STT 400) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 (STT 407) sửa điểm cuối từ "Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, xã Xuân Lộc" thành "Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 13 (STT 463) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến (STT 477) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 3 (STT 498) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 4 (STT 505) sửa điểm cuối từ "Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, xã Xuân Lộc" thành "Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 7 (STT 526) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, xã Xuân Hiệp" thành "Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 9 (STT 540) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) (STT 687) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Tâm" thành "Giáp ranh xã Xuân Hòa", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ (STT 792) sửa điểm cuối từ "Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc" thành "Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Mai Xuân Thưởng (STT 834) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, xã Xuân Lộc)" thành "Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc)", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Đoàn Thị Điểm (STT 848) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Chi Lăng (STT 883) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Hoàng Đình Thương (STT 911) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trương Vĩnh Ký (STT 1051) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trần Quang Diệu (STT 1079) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trường Chinh (STT 1093) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 1 (STT 1114) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 3 (STT 1128) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, xã Xuân Lộc" thành "Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 5 (STT 1142) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 17 về bên phải và hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403", lý do: sửa điểm cuối giáp tờ 16 thửa 403;

+ Đường số 6 (STT 1149) sửa điểm cuối từ "Giáp suối Ông Hai" thành "Đường quanh núi Chứa Chan", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 8 (STT 1163) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 61, tờ BĐĐC số 02, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường số 9 (STT 1170) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, xã Xuân Lộc" thành "Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Trường - Suối Cao (STT 127) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh xã Xuân Lộc", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ (STT 799) sửa điểm đầu từ "Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc" thành "Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm đầu.

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn (STT 190) sửa điểm đầu từ "Đường Xuân Lộc - Long Khánh" thành "Đường sắt Bắc Nam"; sửa điểm cuối từ "Ranh thửa đất số 160, tờ BĐĐC số 185, xã Xuân Lộc" thành "Đườngg vào chùa Gia Lào", lý do: Sửa điểm đầu (Đường sắt Bắc Nam) điểm cuối;

+ Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa (STT 225) sửa điểm đầu từ "Đường Cây số 2" thành "Đường Xuân Trường - Trảng Táo"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 42, tờ BĐĐC số 219 về bên trái, xã Xuân Lộc" thành "Đường Cây số 2", lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 10 (STT 554) sửa điểm đầu từ "Đường Tân Hiệp" thành "Đường Nguyễn Thị Minh Khai"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 281, xã Xuân Lộc" thành "Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

+ Đường Xuân Hiệp 11 (STT 561) sửa điểm đầu từ "Suối Gia Măng" thành "Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc"; sửa điểm cuối từ "Đường Tân Hiệp" thành "Suối Gia Măng", lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

+ Đường Nguyễn Thị Minh Khai (STT 827) sửa điểm đầu từ "Đường Nguyễn Hữu Cảnh" thành "Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)"; sửa điểm cuối từ "Quốc lộ 1" thành "Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)", lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối;

+ Đường XH3 (STT 1220) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 242, 289 tờ bản đồ số 276" thành "Thửa đất số 585, 480 tờ bản đồ số 252"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 202 và 257, tờ bản đồ 278" thành "Hết ranh thửa đất số 184 và 289, tờ bản đồ 275", lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối.

d) Bổ sung mới 99 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 15 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1); Điểm đầu: Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253; Điểm cuối: Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64. Bổ sung tương tương với đường STT 337 Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng;

+ Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2); Điểm đầu: Đường tỉnh 765; Điểm cuối: Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng. Bổ sung tương tương với đường STT 337 Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng;

+ Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1); Điểm đầu: Đường Tam Hiệp - Tân Tiến; Điểm cuối: Đường Việt Kiều 2. Bổ sung tương tương với đường STT 337 Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng;

+ Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2); Điểm đầu: Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng; Điểm cuối: Giáp ranh xã Xuân Phú. Bổ sung tương tương với đường STT 337 Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng;

+ Đường Suối Khỉ; Điểm đầu: Đường tỉnh 766; Điểm cuối: Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241. Bổ sung tương đường với đường STT 274 Đường Đông Trung Lương;

+ Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1; Điểm đầu: Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246; Điểm cuối: Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243. Bổ sung giá thấp hơn Đường tổ 11 Suối Cát 1;

+ Đường Lò Than; Điểm đầu: Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251; Điểm cuối: Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255. Bổ sung giá thấp hơn Đường vào Chợ Suối Cát;

+ Đường vào Chợ Suối Cát; Điểm đầu: Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252; Điểm cuối: Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256. Bổ sung đường với đường STT 379 Đường Việt Kiều 2;

+ Đường tổ 11 Suối Cát 1; Điểm đầu: Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198; Điểm cuối: Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250. Bổ sung tương đường với đường STT 372 Đường Việt Kiều 5;

+ Đường B1; Điểm đầu: Đường tỉnh 763; Điểm cuối: Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171. Bổ sung tương đường với đường STT 127 Đường B7 - ấp Thọ Bình;

+ Đường Tổ 6 Thọ Bình; Điểm đầu: Đường tỉnh 763; Điểm cuối: Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168. Bổ sung tương đường với đường STT 127 Đường B7 - ấp Thọ Bình;

+ Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp; Điểm đầu: Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12); Điểm cuối: Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc. Bổ sung tương đường với đường STT 372 Đường Việt Kiều 5;

+ Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa; Điểm đầu: Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc); Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc. Bổ sung đoạn giá mặt tiền đường chính thấp hơn đoạn 1;

+ Đường Lê Duẩn (ngang); Điểm đầu: Đường Ngô Gia Tự (song hành); Điểm cuối: Đường Lê Duẩn. Bổ sung tương đương đường Stt 736 đường Lê Duẩn, không có hẻm;

+ Đường số 6 (nhánh 2); Điểm đầu: Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13); Điểm cuối: Đường số 6 (tờ 5 thửa 131). Bổ sung tương đương đường Stt 1149 Đường số 6.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.333.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.600.000 đồng/m2 tại Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 370.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến

<5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. và 8 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.25. Tại Xã Xuân Hòa

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 175; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Hòa 5 (STT 155) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa)" thành "Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa)", lý do: Sửa điểm cuối.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ (STT 799) sửa điểm đầu từ "Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc" thành "Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm đầu.

c) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa (STT 1); Điểm đầu: Đường hồ Núi Le; Điểm cuối: Hết ranh xã Xuân Hòa, Bỏ do trùng với đường STT 799 phường Xuân Lộc.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 168.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.400.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 360.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao

thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.26. Tại Xã Xuân Thành

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 182; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 08 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Thành đi Trảng Táo (STT 1) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)" thành "Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa (STT 8) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc)" thành "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc)", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường 8/3 (STT 43) sửa điểm cuối từ "Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành)" thành "Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành)", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954;

+ Đường 30/4 (STT 57) sửa điểm cuối từ "Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành)" thành "Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành)", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847;

+ Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc (STT 92) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Ông Sáng Chùa" thành "Ngã ba Ông Sáng Chùa", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847;

+ Đường Chà Rang - Xuân Thọ (STT 120) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành" thành "Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374);

+ Đường Xuân Trường - Suối Cao (STT 127) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh xã Xuân Lộc", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m;

+ Đường Láng Tre - Xuân Thành (STT 148) sửa điểm cuối từ "Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su" thành "Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối Đường Gia Tỵ - Cao su.

b) Sửa tên của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su (STT 134) sửa tên đường từ "Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su" thành "Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su", lý do: Xã đề xuất đổi tên đường thành Gia Tỵ - Cao su;

+ Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m (STT 141) sửa tên đường từ "Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m" thành "Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh tên đường đường Gia Tỵ - Cao su;

+ Đường Gia Tỵ - Suối Cao (STT 155) sửa tên đường từ "Đường Gia Tỵ - Suối Cao" thành "Đường Gia Tỵ - Suối Cao", lý do: Xã đề xuất chỉnh tên đường Gia Tỵ - Suối Cao thành Gia Tỵ Cao su.

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Thành đi Trảng Táo (STT 29) sửa điểm đầu từ "Đường tỉnh 766" thành "Từ ranh thửa đất số 1783 tờ bản đồ số 50"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)" thành "Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ

BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941 Do trùng với stt 1 phường Xuân Lộc nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 1783 tờ bản đồ số 50.

d) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa (STT 36); Điểm đầu: Đường tỉnh 766; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc), Bỏ do trùng với stt8 phường Xuân Lộc.

đ) Bổ sung mới 28 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 04 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Gia Tỵ - Cao su; Điểm đầu: Đường Xuân Trường – Suối Cao; Điểm cuối: Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m.. Bổ sung đường thiếu mức giá tương đương STT 113;

+ Đường Xuân Trường – Suối Cao; Điểm đầu: Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m; Điểm cuối: Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m. Bổ sung đường thiếu mức giá cao hơn so với đường STT 106, 127; Đề xuất tương đương STT 162;

+ Đường Xuân Trường – Suối Cao; Điểm đầu: Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m; Điểm cuối: Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388. Bổ sung đường thiếu mức giá tương đương STT 113;

+ Đường Xuân Trường – Suối Cao; Điểm đầu: Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388; Điểm cuối: Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc.. Bổ sung đường thiếu mức giá tương đương STT 106.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 203.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.800.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 360.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao

thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. và 5 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.27. Tại Xã Xuân Bắc

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 182; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 05 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 763 (STT 22) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh phường Xuân Lộc", lý do: Sửa xã Xuân Lộc Thành phường Xuân Lộc;

+ Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc (STT 43) sửa điểm cuối từ "Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc)" thành "Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 32 tờ BĐĐC 65;

+ Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc (STT 57) sửa điểm cuối từ "Hết mét thứ 800 (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc)" thành "Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 106 tờ BĐĐC 65;

+ Đường vào ấp Bàu Cối (STT 92) sửa điểm cuối từ "Hết nhà văn hóa ấp Bàu Cối" thành "Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142", lý do: Đề xuất đổi Nhà văn hóa ấp Bầu cối đổi thành hết tờ 84 thửa 142 vì thay đổi ấp;

+ Đường vào Thác Trời (STT 155) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 04 về bên phải và hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 04 về bên trái, xã Xuân Bắc" thành "Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải", lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải.

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc (STT 50) sửa điểm đầu từ "Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc)" thành "Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu đến hết ranh thửa đất số 32 tờ BĐĐC 65;

+ Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc (STT 64) sửa điểm đầu từ "Mét thứ 800" thành "Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu đến hết ranh thửa đất số 106 tờ BĐĐC 65.

c) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 07 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang (STT 85); Điểm đầu: Đường tỉnh 763; Điểm cuối: Đường Xuân Bắc - Long Khánh, Xã đề xuất đường STT 85 bị trùng với STT 36 đề xuất bỏ bằng giá nhau;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 86); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 87); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 88); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 89); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 90); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 91); Điểm đầu: ; Điểm cuối:.

d) Bổ sung mới 35 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 05 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực_x000D_; Điểm đầu: Đường tỉnh 763; Điểm cuối: Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang. Bổ sung đường tương đương STT148;

+ Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh; Điểm đầu: Đường tỉnh 763_x000D_; Điểm cuối: Đường NaGoa tờ 148 thửa 24_x000D_. Bổ sung đường tương đương STT 29;

+ Đường Xuân Bắc - Suối Cao_x000D_; Điểm đầu: Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái)_x000D_; Điểm cuối: Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái)_x000D_. Bổ sung đường tương đương STT113;

+ Đường Hồng Nga_x000D_; Điểm đầu: Đường tỉnh 763_x000D_; Điểm cuối: Đường NaGoa tờ 149 thửa 105_x000D_. Bổ sung đường tương đương STT 29;

+ Đường Suối Nho - Xuân Thiện_x000D_; Điểm đầu: Đường tỉnh 763_x000D_; Điểm cuối: Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13_x000D_. Bổ sung đường tương đương STT 29.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 210.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 3.300.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc_x000D_.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 135.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.28. Tại Xã Xuân Phú

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 259; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 1 (STT 15) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Lộc" thành "Giáp ranh phường Xuân Lộc", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trường An (STT 36) sửa điểm cuối từ "Suối Gia Mứt" thành "Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú", lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) (STT 50) sửa điểm cuối từ "Ranh thửa 176, tờ BĐĐC số 8, xã Xuân Phú" thành "Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải", lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường nội ấp Bình Xuân 2 (STT 106) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú" thành "Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú", lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường Lang Minh - Suối Đá (STT 148) sửa điểm cuối từ "Xã Xuân Đông" thành "Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông", lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 (STT 190) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú" thành "Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú", lý do: Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026.

b) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 07 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Xuân Phú 29 (STT 64); Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Suối Soài, Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 65); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 66); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 67); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. (STT 68); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. (STT 69); Điểm đầu: ; Điểm cuối:;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. (STT 70); Điểm đầu: ; Điểm cuối:.

c) Bổ sung mới 70 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 10 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường hẻm Tân Bình 1; Điểm đầu: Đường Lang Minh - Xuân Đông; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú. Đường bổ sung 7 đường theo biên bản làm việc ngày 10/06/2026 với Phòng Kinh tế xã có giá thấp hơn so với đường Stt 155 tương đường Stt 50;

+ Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1; Điểm đầu: Đường Lang Minh - Xuân Đông; Điểm cuối: Đường hẻm Tân Bình 1. Đường bổ sung 7 đường theo biên bản làm việc ngày 10/06/2026 với Phòng Kinh tế xã có giá thấp hơn so với đường Stt 155 tương đường Stt 50;

+ Đường vườn Xoài - Xuân Phú; Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú. Đường bổ sung 7 đường theo biên bản làm việc ngày 10/06/2026 với Phòng Kinh tế xã tương đương với đường stt36;

+ Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1); Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú. Đường bổ sung 7 đường theo biên bản làm việc ngày 10/06/2026 với Phòng Kinh tế xã tương đương với đường stt113;

+ Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1); Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú. Đường bổ sung 7 đường theo biên bản làm việc ngày 10/06/2026 với Phòng Kinh tế xã tương đương với đường stt113;

+ Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1); Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú. Đường bổ sung 7 đường theo biên bản làm việc ngày 10/06/2026 với Phòng Kinh tế xã tương đương với đường stt113;

+ Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1); Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú. Đường bổ sung 7 đường theo biên bản làm việc ngày 10/06/2026 với Phòng Kinh tế xã tương đương với đường stt113;

+ Đường Bình Hoà - Long Khánh; Điểm đầu: Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú; Điểm cuối: Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải. Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường Phở Phúc; Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái. Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026;

+ Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà; Điểm đầu: Cầu Bình Hoà; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái. Theo VB số 3093/UBND-KT ngày 17/08/2026.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 322.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 3.900.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 380.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.29. Tại Xã Xuân Định

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 238; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Chiến Thắng đi Nam Hà (STT 64) sửa điểm cuối từ "Đường tỉnh 765B" thành "Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Bảo - Xuân Tây (STT 141) sửa điểm cuối từ "Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m)" thành "Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m)", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Xuân Bảo - Xuân Tây (STT 155) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Cẩm Mỹ" thành "Ranh giới xã Xuân Đông", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Chiến Thắng - Long Khánh (STT 218) sửa điểm cuối từ "Ranh giới thành phố Long Khánh" thành "Ranh giới phường Long Khánh", lý do: Sửa điểm cuối.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Bảo - Xuân Tây (STT 148) sửa điểm đầu từ "Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m)" thành "Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m)", lý do: Sửa điểm đầu.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 238.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.400.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m; Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 410.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. và 7 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.30. Tại Xã Cẩm Mỹ

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 210; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông (STT 57) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Xuân Đông" thành "Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103", lý do: Do trùng với stt 127 Xã Xuân Đông nên điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103.

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Tân Bình (STT 71) sửa điểm đầu từ "Đường tỉnh 765" thành "Đường tỉnh 765B", lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu Đường tỉnh 765B;

+ Quốc lộ 56 (STT 106) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh phường Hàng Gòn" thành "Ngã ba QL 56 (tờ bản đồ số 84 thửa đất số 38)", lý do: Do trùng với stt 64 Hàng Gòn nên Thay đổi điểm đầu Ngã ba QL 56 (tờ bản đồ số 84 thửa đất số 38).

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 210.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.900.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 370.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.31. Tại Xã Xuân Quế

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 105; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (STT 15) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh phường Dầu Giây", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Trung tâm ấp 1 (STT 22) sửa điểm cuối từ "Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây" thành "Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường ấp 4 đi ấp 6 (STT 43) sửa điểm cuối từ "Đường tỉnh 773" thành "Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế", lý do: Sửa điểm cuối.

b) Sửa tên của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế (STT 57) sửa tên đường từ "Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế" thành "Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ", lý do: Sửa tên đường.

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Suối Đục - Cầu Mên (STT 50) sửa điểm đầu từ "Đường tỉnh 773" thành "Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế"; sửa điểm cuối từ "Xã Bình An" thành "Giáp ranh xã Bình An", lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối.

d) Sửa tên đường kết hợp sửa điểm đầu, điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (STT 36) sửa tên đường từ "Đường Lộ 25 - Sông Nhạn" thành "Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25"; sửa điểm đầu từ "Sông Nhạn - Dầu Giây" thành "Đường Sông Nhạn - Dầu Giây"; sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Dầu Giây" thành "Ranh giới phường Dầu Giây", lý do: Sửa tên đường, điểm đầu, điểm cuối.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 105.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.300.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4; Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 420.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.32. Tại Xã Xuân Đường

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 84; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) (STT 8) sửa điểm cuối từ "Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường" thành "Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường vào khu dân cư Suối Quýt (STT 64) sửa điểm cuối từ "Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường" thành "Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Cầu Mên (STT 78) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành", lý do: Sửa điểm cuối.

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Long Thành" thành "Giáp ranh phường Long Thành", lý do: Sửa điểm đầu;

+ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) (STT 15) sửa điểm đầu từ "Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường" thành "Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường", lý do: Sửa điểm đầu.

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường (STT 22) sửa điểm đầu từ "" thành "Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)"; sửa điểm cuối từ "" thành "Ranh giới xã Xuân Đường", lý do: Sửa điểm đầu, điểm cuối.

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Nông Sản; Điểm đầu: Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường; Điểm cuối: Đường vào khu dân cư Suối Quýt. Bổ sung thêm tuyến đường tương đương đường stt 64 Đường vào khu dân cư Suối Quýt.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 91.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.000.000 đồng/m2 tại Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 420.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.33. Tại Xã Sông Ray

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 147; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc (STT 141) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐĐC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 89 về bên phải, xã Sông Ray" thành "Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray", lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành " Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên trái, xã Sông Ray.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 147.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.600.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray; Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 420.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.34. Tại Xã Xuân Đông

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 308; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Bảo - Xuân Tây (STT 155) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Cẩm Mỹ" thành "Ranh giới xã Xuân Đông", lý do: Sửa điểm cuối;

+ Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây (STT 120) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Cẩm Mỹ" thành "hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84", lý do: Do trùng với stt64 xã Cẩm Mỹ nên điều chỉnh điểm cuối thành hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84.

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Xuân Bảo - Xuân Tây (STT 148) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Xuân Định" thành "Từ ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 57", lý do: Do trùng với STT 155 xã Xuân Định nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 57;

+ Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ (STT 176) sửa điểm đầu từ "Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây" thành "Đường Xuân Đông - Xuân Tây", lý do: Sửa điểm đầu;

+ Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) (STT 183) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Xuân Định" thành "Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112", lý do: Sửa điểm đầu _ Do trùng với stt 15 xã

Cẩm Mỹ nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112.

c) Bỏ 42 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 06 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường tỉnh 764 (STT 204); Điểm đầu: Giáp ranh xã Cẩm Mỹ; Điểm cuối: Hết Trại giam Xuyên Mộc, Bỏ do trùng với STT 1 xã Sông Ray;

+ Đường tỉnh 764 (STT 211); Điểm đầu: Hết Trại giam Xuyên Mộc; Điểm cuối: Hết Trường THCS Sông Ray, Bỏ do trùng với STT 8 xã Sông Ray;

+ Đường tỉnh 764 (STT 218); Điểm đầu: Hết Trường THCS Sông Ray; Điểm cuối: Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray, Bỏ do trùng với STT 15 xã Sông Ray;

+ Đường tỉnh 764 (STT 225); Điểm đầu: Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray; Điểm cuối: Hết cây xăng Nông trường Sông Ray, Bỏ do trùng với STT 22 xã Sông Ray;

+ Đường tỉnh 764 (STT 232); Điểm đầu: Hết cây xăng Nông trường Sông Ray; Điểm cuối: Đường tỉnh 764 đi Suối Lức, Bỏ do trùng với STT 29 xã Sông Ray;

+ Đường tỉnh 764 (STT 239); Điểm đầu: Đường tỉnh 764 đi Suối Lức; Điểm cuối: Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh, Bỏ do trùng với STT 36 xã Sông Ray.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 266.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.600.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray; Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray; Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 410.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.35. Tại Phường Trảng Bom

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 733; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 08 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hà Huy Giáp (STT 92) sửa điểm cuối từ "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (xã Trảng Bom)" thành "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom)", lý do:

Sửa điểm cuối thành Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom);

+ Đường Dương Bạch Mai (STT 99) sửa điểm cuối từ "Đường 3 tháng 2" thành "thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30", lý do: Sửa điểm cuối thành thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30;

+ Đường Lê Đại Hành (STT 281) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, xã Trảng Bom" thành "Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom", lý do: Sửa điểm cuối thành Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom;

+ Đường Trần Quang Diệu (STT 288) sửa điểm cuối từ "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (xã Trảng Bom)" thành "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom)", lý do: Sửa điểm cuối thành Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom);

+ Đường Trần Nguyên Hãn (STT 295) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, xã Trảng Bom" thành "Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom", lý do: Sửa điểm cuối thành Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom;

+ Đường Trần Nhật Duật (STT 645) sửa điểm cuối từ "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom)" thành "Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom)", lý do: Sửa điểm cuối thành Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom);

+ Quốc lộ 1 (STT 92) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa xã Trảng Bom thành phường Trảng Bom;

+ Đường Bình Minh- Giang Điền (STT 85) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp (STT 519) sửa điểm đầu từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55", lý do: Sửa điểm đầu thành Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 và sửa điểm cuối thành Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48.

c) Sửa tên của 13 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Trảng Bom - Thanh Bình (STT 414) sửa tên đường từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Đường Trảng Bom - Cây Gáo", lý do: UBND Phường Trảng

Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Trảng Bom - Thanh Bình (STT 421) sửa tên đường từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Đường Trảng Bom - Cây Gáo", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) (STT 428) sửa tên đường từ "Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ)" thành "Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ)", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 (STT 435) sửa tên đường từ "Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10" thành "Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b (STT 442) sửa tên đường từ "Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b" thành "Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông (STT 449) sửa tên đường từ "Đường vào công ty gỗ Rừng Thông" thành "Đường vào công ty gỗ Rừng Thông", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 (STT 456) sửa tên đường từ "Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9" thành "Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Sông Trầu 3 (STT 463) sửa tên đường từ "Đường Sông Trầu 3" thành "Đường Sông Trầu 3", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao (STT 526) sửa tên đường từ "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao" thành "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số

1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu (STT 589) sửa tên đường từ "Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu" thành "Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân (STT 694) sửa tên đường từ "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân" thành "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo;

+ Đường Sông Trầu 17 (STT 701) sửa tên đường từ "Đường Sông Trầu 17" thành "Đường Sông Trầu 17", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo; Sửa điểm cuối thành Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân;

+ Đường số 20 (STT 708) sửa tên đường từ "Đường số 20" thành "Đường số 20", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo.

d) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Bình Minh - Giang Điền (STT 484); Điểm đầu: Đường sắt; Điểm cuối: Cầu Sông Buông, Sửa điểm cuối thành Ranh giới xã Giang Điền (cũ) _ Bỏ do trùng với STT 85 xã Bình Minh;

+ Quốc lộ 1 (STT 554); Điểm đầu: Đường tỉnh 777; Điểm cuối: Giáp ranh xã Hưng Thịnh, Bỏ do trùng với STT 92 xã An Viễn.

đ) Bổ sung mới 70 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 10 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Sông Trầu 11; Điểm đầu: Đường Trảng Bom - Cây Gáo; Điểm cuối: Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu. UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; tương đương với đường STT 435;

+ Đường Sông Trầu 19; Điểm đầu: Đường Trảng Bom - Cây Gáo; Điểm cuối: Đường Sông Trầu 17. UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; tương đương với đường STT 701;

+ Đường Sông Trầu 25; Điểm đầu: Đường Trảng Bom - Cây Gáo; Điểm cuối: Đường Sông Trầu 17. UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; tương đương với đường STT 701;

+ Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền); Điểm đầu: Đường Bình Minh - Giang Điền; Điểm cuối: Giáp xã Quảng Tiến (cũ). UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; tương đương với đường STT 512;

+ Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa); Điểm đầu: Đường Trần Phú; Điểm cuối: Đường Lê Duẩn. UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; tương đương với đường STT 512;

+ Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ; Điểm đầu: Đường Bình Minh - Giang Điền; Điểm cuối: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110. UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; ; tương đương với đường STT 512;

+ Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát); Điểm đầu: Đường sắt; Điểm cuối: Giáp ranh xã Giang Điền (cũ). UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; tương đương với đường STT 512;

+ Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên); Điểm đầu: Đường sắt; Điểm cuối: Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ. UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; tương đương với đường STT 512;

+ Đường Lê Hồng Phong; Điểm đầu: Đường 2 tháng 9; Điểm cuối: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; Đề xuất mức giá cao hơn STT 29 và thấp hơn mức giá STT 22;

+ Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu; Điểm đầu: Cầu 1 Tấn; Điểm cuối: Đường số 20. UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT; tương đương với đường STT 435.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 789.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 15.300.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777); Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương; Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn và 3 tuyến đường khác có cùng mức giá.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.36. Tại Xã An Viễn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 112; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền (STT 36) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa xã Trảng Bom thành phường Trảng Bom;

+ Quốc lộ 1 (STT 92) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa xã Trảng Bom thành phường Trảng Bom.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lê Duẩn (STT 78) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 1" thành "Đường Vườn Ngô", lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa tên điểm đầu của tuyến đường Lê Duẩn thành đường Vườn Ngô.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 112.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 9.400.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 850.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.37. Tại Xã Bàu Hàm

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 175; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 762 (STT 50) sửa điểm cuối từ "" thành "", lý do: Do trùng với STt 239 phường Trị An nên ngắt đoạn tại ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 1 về bên phải vừa thửa đất số 174 tờ bản đồ số 63 về bên trái;

+ Đường Sông Thao - Bàu Hàm (STT 106) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh Phường Dầu Giây", lý do: Sửa xã Dầu Giây thành Phường Dầu Giây;

+ Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp (STT 134) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom và xã Bàu Hàm" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm", lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm.

b) Sửa điểm đầu của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Trảng Bom - Thanh Bình (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa xã Trảng Bom thành Phường Trảng Bom;

+ Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp (STT 29) sửa điểm đầu từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Từ ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 461 về bên trái tờ bản đồ số 25", lý do: Do trùng với STT 134 xã Tân An và STT 519 xã Trảng Bom nên TTKT đề xuất điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 461 về bên trái tờ bản đồ số 25;

+ Hương lộ 24 (STT 64) sửa điểm đầu từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Từ ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 52", lý do: Do trùng với stt 421 phường Trị An nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 52;

+ Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao (STT 134) sửa điểm đầu từ "Đường Trảng Bom - Thanh Bình" thành "Đường Trảng Bom - Thanh Bình", lý do: Do trùng với STT 526 phường Trảng Bom nên điều chỉnh điểm đầu thành: Từ ranh thửa đất số 230 về bên phải và thửa đất số 685 về bên trái tờ bản đồ số 136.

c) Sửa tên của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao (STT 526) sửa tên đường từ "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao" thành "Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao", lý do: UBND Phường Trảng Bom đề xuất sửa đổi bổ sung theo văn bản số 1533/UBND-KTHTĐT sửa tên đường Trảng Bom - Thanh Bình thành đường Trảng Bom - Cây Gáo.

d) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 (STT 36) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 1" thành "Đường Trảng Bom - Thanh Bình"; sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu" thành "Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An", lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa điểm đầu thành đường Trảng Bom - Thanh Bình; Sửa huyện Vĩnh Cửu thành xã Tân An.

đ) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ (STT 85); Điểm đầu: Đường Trảng Bom - Thanh Bình; Điểm cuối: Giáp ranh xã Thống Nhất, Bỏ do trùng với STT 106 xã Thống Nhất.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 168.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 3.500.000 đồng/m2 tại Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 370.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.38. Tại Xã Bình Minh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 238; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 1 (STT 29) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

+ Đường Bắc Sơn - Long Thành (STT 43) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh phường Phước Tân" thành "hết ranh tờ bản đồ 95 thửa đất số 171", lý do: Do trùng với 92 Phước Tân thay đổi điểm cuối hết ranh tờ bản đồ 95 thửa đất số 171;

+ Đường Bình Minh- Giang Điền (STT 71) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

+ Đường Bình Minh- Giang Điền (STT 85) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

+ Đường Sông Mây 8 (STT 127) sửa điểm cuối từ "Đường đối diện Nhà Văn Hóa ấp Sông Mây" thành "Ngã ba trường tiểu học Sông Mây", lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa điểm cuối thành Ngã ba trường tiểu học Sông Mây;

+ Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom (STT 148) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Trảng Bom;

+ Đường 9 ấp An Chu (STT 197) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60", lý do: Sửa điểm cuối thành đến thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60.

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Sông Mây 8 (STT 134) sửa điểm đầu từ "Đường đối diện Nhà Văn Hóa ấp Sông Mây" thành "Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây", lý do: Phòng kinh tế đề xuất sửa điểm đầu thành Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây và sửa điểm cuối thành Nhà văn hóa ấp Sông Mây;

+ Đường 3 tháng 2 nối dài (STT 155) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Trảng Bom" thành "Giáp ranh Phường Trảng Bom", lý do: Sửa điểm đầu thành Giáp ranh Phường Trảng Bom.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 238.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 20.000.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Công ty Việt Vinh.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây đến Nhà văn hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Đệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.39. Tại Xã Hưng Thịnh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 224; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đông Hòa 7km (STT 78) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh Phường Dầu Giây", lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Dầu Giây;

+ Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) (STT 99) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh Phường Dầu Giây", lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Dầu Giây;

+ Quốc lộ 1 (STT 162) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh Phường Dầu Giây", lý do: Sửa điểm cuối thành Giáp ranh Phường Dầu Giây.

b) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom (STT 169); Điểm đầu: Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa; Điểm cuối: Cầu 1 tấn, Bỏ do trúng với STT 533 Phường Trảng Bom;

+ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo (STT 190); Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44, Bỏ do trùng với stt 99 xã An Viễn.

c) Bổ sung mới 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường cổng chính ấp An Bình; Điểm đầu: Ngã ba Yên Thành; Điểm cuối: Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27. Phòng kinh tế đề xuất thêm đường thấp hơn so với đường STT78;

+ Đường liên ấp Lộc Hòa; Điểm đầu: Đường sắt; Điểm cuối: Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56. Phòng kinh tế đề xuất thêm đường thấp hơn so với đường STT78.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 224.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 9.900.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 650.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.40. Tại Phường Dầu Giây

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 301; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hưng Nghĩa (STT 127) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Hưng Thịnh" thành "hết thửa đất số 63 tờ bản đồ số 154", lý do: Do trùng nên sửa điểm cuối hết thửa đất số 63 tờ bản đồ số 154.

b) Sửa tên đường kết hợp sửa điểm đầu, điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (STT 36) sửa tên đường từ "Đường Lộ 25 - Sông Nhạn" thành "Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25"; sửa điểm đầu từ "Sông Nhạn - Dầu Giây" thành "Đường Sông Nhạn - Dầu Giây"; sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Dầu Giây" thành "Ranh giới phường Dầu Giây", lý do: Sửa tên đường, điểm đầu, điểm cuối.

c) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) (STT 22); Điểm đầu: Cầu số 5; Điểm cuối: Ranh giới xã Xuân Quế, Bỏ do trùng với stt 36 xã Xuân Quế;

+ Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc (STT 260); Điểm đầu: Quốc lộ 1; Điểm cuối: Vào hết mét thứ 500, bỏ vì giá thấp và đoạn ngắn hơn.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 287.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 9.500.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh phường Dầu Giây; Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông; Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 410.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.41. Tại Xã Gia Kiệm

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 210; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện (STT 120) sửa điểm cuối từ "Đi vào hết 2536m" thành "Đi vào hết 2536m", lý do: Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Cây xăng Hoàng Minh Việt Do trùng với stt8 xã Gia Kiệm sửa điểm đầu thành:Từ km2+500;

+ Đường tỉnh 762 (STT 50) sửa điểm cuối từ "" thành "", lý do: Do trùng với STt 239 phường Trị An nên ngắt đoạn tại ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 1 về bên phải vừa thửa đất số 174 tờ bản đồ số 63 về bên trái;

+ Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) (STT 57) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Bàu Hàm" thành "hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đổ 140", lý do: Biên bản đề xuất điều chỉnh điểm cuối nhưng đã đúng với NQ28 Do trùng với stt 50 xã Bàu Hàm nên Thay đổi điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đổ 140.

b) Sửa điểm đầu của 05 tuyến đường hiện có là:

+ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Gia Kiệm" thành "Giáp ranh xã Thống Nhất", lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Giáp ranh xã Thống Nhất;

+ Quốc lộ 20 (STT 22) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Dầu Giây" thành "Giáp ranh phường Dầu Giây", lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Giáp ranh phường Dầu Giây Điều chỉnh điểm cuối thành " Đến giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ');

+ Quốc lộ 20 (STT 29) sửa điểm đầu từ "Giáp ngã ba đường vào Nông trường cao su Bình Lộc" thành "Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ)", lý do: Điều chỉnh điểm đầu: Từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) Điều chỉnh điểm cuối: Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện;

+ Quốc lộ 20 (STT 36) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường vào ấp Lạc Sơn" thành "Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện", lý do: Điều chỉnh điểm đầu: Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện;

+ Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) (STT 50) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu" thành "Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu", lý do: Biên bản đề xuất điều chỉnh điểm đầu nhưng đã đúng với NQ28.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 210.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 10.200.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 430.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.42. Tại Xã Thống Nhất

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 154; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 20 (STT 29) sửa điểm cuối từ "Hết chợ Túc Trưng" thành "tờ 18 thửa 37", lý do: Xã đề xuất bs điểm cuối Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37);

+ Đường Bến Nôm (STT 78) sửa điểm cuối từ "Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 109 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 109 về bên trái)" thành "Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái)", lý do: Xã đề xuất Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái).

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 20 (STT 36) sửa điểm đầu từ "Hết chợ Túc Trưng" thành "Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37)", lý do: Xã đề xuất bs điểm đầu Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37) và điểm cuối Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 154.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 9.400.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 140.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.43. Tại Xã Định Quán

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 476; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 104 (STT 113) sửa điểm cuối từ "Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 115 về bên trái và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 115 về bên phải)" thành "Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái)", lý do: đề xuất sửa QL 20 đến hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) (sai thông tin tờ thửa);

+ Đường Thú y (STT 295) sửa điểm cuối từ "Đường Ngô Thời Nhiệm" thành "đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp)", lý do: đề xuất điểm cuối là đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp);

+ Đường Lý Thường Kiệt (STT 428) sửa điểm cuối từ "Đường Ngô Thời Nhiệm" thành "Đường Nguyễn Văn Linh", lý do: đề xuất sửa điểm cuối là đường Nguyễn Văn Linh;

+ Đường Ngô Thời Nhiệm (STT 435) sửa điểm cuối từ "Đến đường Nguyễn Văn Linh" thành "bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14", lý do: đề xuất sửa điểm cuối là bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14.

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường liên ấp 1 - ấp 3 (STT 141) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 20" thành "hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè)", lý do: đề xuất sửa điểm đầu đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè);

+ Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán (STT 288) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 20 hướng vào trạm y tế cũ" thành "Quốc lộ 20", lý do: đề xuất điểm đầu Quốc lộ 20, điểm cuối Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47);

+ Đường Lương Thế Vinh (STT 470) sửa điểm đầu từ "Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7" thành "bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6", lý do: đề xuất sửa điểm đầu bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 476.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.700.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 140.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên

phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. và 4 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.44. Tại Xã Phú Vinh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 140; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 118 – sông Đồng Nai (STT 29) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường be 117" thành "hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân", lý do: xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân;

+ Đường ấp 1 xã Phú Vinh (STT 64) sửa điểm cuối từ "Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng)" thành "ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng", lý do: Xã đề xuất điểm cuối ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng;

+ Đường ấp 1 xã Phú Vinh (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh phân hiệu Trường Tiểu học Lê Văn Tám" thành "đường vào trường TH Lê Văn Tám", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối đường vào trường TH Lê Văn Tám;

+ Đường Suối Soong 2 (STT 120) sửa điểm cuối từ "Đường ngã 4 km+115" thành "Đường Phú Vinh - Ngọc Định", lý do: Xã đề xuất sửa điểm cuối Đường Phú Vinh - Ngọc Định.

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 118 – sông Đồng Nai (STT 36) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường be 117" thành "hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân", lý do: xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, điểm cuối Giáo xứ Xuân Hoa;

+ Đường 118 – sông Đồng Nai (STT 43) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường liên ấp 4-5" thành "Giáo xứ Xuân Hoa", lý do: Xã đề xuất sửa điểm đầu Giáo xứ Xuân Hoa;

+ Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn còn lại (STT 78) sửa điểm đầu từ "" thành "đường vào trường TH Lê Văn Tám", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu đường vào trường TH Lê Văn Tám, điểm cuối đường Suối Soong.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 140.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.700.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh - Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. -

Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.45. Tại Xã La Ngà

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 149; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 20 (STT 29) sửa điểm cuối từ "Hết chợ Túc Trưng" thành "tờ 18 thửa 37", lý do: Xã đề xuất bs điểm cuối Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37);

+ Đường 4A (STT 57) sửa điểm cuối từ "Quốc lộ 20 (Đoạn qua trường mầm non Hoa Mai)" thành "QL 20 (Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 119)", lý do: Xã điều chỉnh điểm cuối đến QL 20 (Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 119); Thay đổi vtri 350m;

+ Đường 2A (STT 66) sửa điểm cuối từ "Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 12, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122" thành "Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm cuối bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122; k thay đôi vtti.

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 20 (STT 36) sửa điểm đầu từ "Hết chợ Túc Trưng" thành "Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37)", lý do: Xã đề xuất bs điểm đầu Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37) và điểm cuối Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng;

+ Đường 101B (STT 108) sửa điểm đầu từ "Đường 101" thành "Trường THCS Trần Hưng Đạo", lý do: Xã đề xuất điều chỉnh điểm đầu Trường THCS Trần Hưng Đạo.

c) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Quốc lộ 20 (STT 1); Điểm đầu: Giáp ranh xã Thống Nhất; Điểm cuối: Hết chợ Túc Trưng, Bỏ do trùng với STT 29 xã Thống Nhất (giá bằng nhau);

+ Quốc lộ 20 (STT 8); Điểm đầu: Hết chợ Túc Trưng; Điểm cuối: Hết trường PHTH Điểu Cải, Bỏ do trùng với STT 36 xã Thống Nhất (giá bằng nhau).

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 135.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.100.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điểu Cải đến Ngã ba cây xăng.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 135.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. và 3 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.46. Tại Xã Phú Hòa

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 112; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 20 (STT 15) sửa điểm cuối từ "Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ)" thành "thửa 309 tờ 49", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là thửa 309 tờ 49);

+ Quốc lộ 20 (STT 29) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Tân Phú" thành "Giáp ranh Phường Tân Phú", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối là Giáp ranh phường Tân Phú).

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Quốc lộ 20 (STT 22) sửa điểm đầu từ "Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ)" thành "thửa 309 tờ 49", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu là thửa 309 tờ 49).

c) Sửa tên của 05 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ) (STT 64) sửa tên đường từ "Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ)" thành "Đường Phú Lợi - Phú Hòa", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường thành Đường Phú Lợi - Phú Hòa);

+ Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ) (STT 71) sửa tên đường từ "Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ)" thành "Đường Phú Lợi - Phú Hòa", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường thành Đường Phú Lợi - Phú Hòa);

+ Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ) (STT 78) sửa tên đường từ "Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (cũ)" thành "Đường Phú Lợi - Phú Hòa", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường thành Đường Phú Lợi - Phú Hòa);

+ Đường 120 đi Gia Canh (STT 99) sửa tên đường từ "Đường 120 đi Gia Canh" thành "Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (xã đề xuất sửa tên đường thành Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2);

+ Đường Phú Lợi - Gia Canh (STT 106) sửa tên đường từ "Đường Phú Lợi - Gia Canh" thành "Đường 120 đi Gia Canh", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (xã đề xuất sửa tên đường thành Đường 120 đi Gia Canh).

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 112.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.700.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 140.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.47. Tại Xã Thanh Sơn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 49; trong đó:

a) Bổ sung mới 42 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 06 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường liên ấp 1,2; Điểm đầu: Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202); Điểm cuối: Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255). Bổ sung đường so với NQ28 tương đương mức giá đường STT 22;

+ Đường nội đồng ấp 2; Điểm đầu: Thửa 4 tờ 33; Điểm cuối: Ngã ba trường Liên Sơn. Bổ sung đường so với NQ28 tương đương mức giá đường STT 22;

+ Đường vào Suối Lá; Điểm đầu: Ngã ba Cây Sao; Điểm cuối: Hết ranh thửa 7 tờ 161. Bổ sung đường so với NQ28 tương đương mức giá đường STT 43;

+ Đường Lò Gạch - Suối Dưng; Điểm đầu: Tờ 53 thửa 65; Điểm cuối: Hết ranh tờ 77 thửa 23. Bổ sung đường so với NQ28 tương đương mức giá đường STT 15;

+ Đường cầu vào trung tâm hành chính; Điểm đầu: Cầu Thanh Sơn; Điểm cuối: Hết tờ 93 thửa 15. Bổ sung đường so với NQ28 tương đương mức giá đường STT 1;

+ Đường liên xã Thanh Sơn - Tà Lài; Điểm đầu: Tờ bản đồ số 12 thửa đất số 21; Điểm cuối: Hết tờ 108 thửa 11. Bổ sung đường so với NQ28 tương đương mức giá đường STT 22.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 91.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 780.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm; Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 130.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1,2 đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. và 3 tuyến đường khác có cùng mức giá.

2.48. Tại Phường Tân Phú

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 575; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Xuân - Núi Tượng (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái" thành "Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới)", lý do: Do trùng với STT 57 của xã Tà Lài nên Điều chỉnh điểm cuối thành: Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới);

+ Đường Km 128 (STT 246) sửa điểm cuối từ "Nhà thờ giáo xứ Vĩnh Lâm" thành "Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36)", lý do: sửa điểm cuối Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36);

+ Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha (STT 512) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 550, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 574, tờ BĐĐC số 3 về bên trái" thành "đường Nguyễn Du", lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm cuối thành: "đường Nguyễn Du";

+ Nguyễn Du (STT 547) sửa điểm cuối từ "hết ranh thửa đất số 113 tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 3 về bên phải" thành "đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3)", lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm cuối thành: "đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3)".

b) Sửa điểm đầu của 05 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Xuân - Thanh Sơn (STT 78) sửa điểm đầu từ "Chợ Ngọc Lâm" thành "Đường chợ Ngọc Lâm", lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm đầu thành "Đường chợ Ngọc Lâm" _ Do đường trùng với STT 1 xã Phú Lâm nên điều chỉnh điểm cuối thành: Đến hết ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 113;

+ Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 (STT 218) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 xã Tân Phú" thành "Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 Phường Tân Phú", lý do: sửa điểm đầu số tờ 142 thành số tờ 140;

+ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (STT 372) sửa điểm đầu từ "Ranh giới xã Phú Xuân (cũ)" thành "bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông", lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm đầu thành: "bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông)";

+ Đường Hùng Vương (STT 491) sửa điểm đầu từ “Đường Nguyễn Văn Linh” thành “Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45”, lý do: Phòng Kinh tế đề xuất chỉnh sửa điểm đầu thành: "Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45";

+ Đường Phú Xuân - Thanh Sơn (STT 1) sửa điểm đầu từ “Giáp ranh xã Tân Phú” thành “Giáp ranh phường Tân Phú”.

c) Bổ sung mới 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Hùng Vương; Điểm đầu: Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2; Điểm cuối: Đường Lý Thường Kiệt. Bổ sung đường tương đương đường stt 372.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 582.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.300.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 140.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.49. Tại Xã Tà Lài

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 105; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Tà Lài (STT 50) sửa điểm cuối từ “Sông Đồng Nai” thành “Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng”, lý do: Sửa điểm cuối thành Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng.

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Tà Lài (STT 22) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Tân Phú" thành "Giáp ranh Phường Tân Phú", lý do: Sửa điểm đầu thành giáp ranh phường Tân Phú;

+ Đường chuyên dùng (STT 78) sửa điểm đầu từ "Đường vào đập Hàm Vô" thành "Đường vào đập Vàm Hô", lý do: sửa điểm đầu thành đường vào đập Vàm Hô.

c) Sửa tên của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường vào đập Hàm Vô (STT 71) sửa tên đường từ "Đường vào đập Hàm Vô" thành "Đường vào đập Vàm Hô", lý do: sửa tên đường thành đường vào đập Vàm Hô.

d) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường chuyên dùng (STT 85); Điểm đầu: Đường vào đập Hàm Vô; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54, Trùng với STT 12 nên bỏ ra ngoài.

đ) Bổ sung mới 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Năm Rưỡi; Điểm đầu: Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái. Bổ sung tương đường đường STT 29 phường Tân Phú.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 105.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.200.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4; Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp

2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.50. Tại Xã Nam Cát Tiên

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 84; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên (STT 36) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đi xã Nam Cát Tiên" thành "Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm cuối bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67).

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên (STT 50) sửa điểm đầu từ "Cầu 200" thành "Cầu số 1", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (xã đề xuất sửa điểm đầu) điểm đầu: Cầu số 1.

c) Sửa điểm đầu và điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên (STT 43) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đi xã Nam Cát Tiên" thành "Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67"; sửa điểm cuối từ "Cầu 200" thành "Cầu số 1", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa điểm đầu và điểm cuối) điểm đầu: bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 điểm cuối : cầu số 1.

d) Bổ sung mới 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Quốc lộ 20; Điểm đầu: Giáp ranh xã Phú Lâm; Điểm cuối: Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng. Bổ sung mức giá tương đường đường STT 57 xã Phú Lâm.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 91.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.300.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 190.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường

Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.51. Tại Xã Phú Lâm

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 238; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phú Xuân - Thanh Sơn (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Tân Phú" thành "Giáp ranh phường Tân Phú";

+ Quốc lộ 20 (STT 15) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Tân Phú" thành "Giáp ranh phường Tân Phú".

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 238.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.900.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 170.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.52. Tại Xã Đak Lua

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 35; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ấp 7 Đabongkua (STT 1) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đắk Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đắk Lua)" thành "Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua)", lý do: Sửa điểm cuối.

b) Sửa tên đường kết hợp sửa điểm đầu, điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đắc Lua (STT 8) sửa tên đường từ "Đường Đắc Lua" thành "Đường Đak Lua"; sửa điểm đầu từ "Đoạn từ phần giáp ranh tỉnh Bình Phước" thành "Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ)", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 Xã đề xuất sửa tên đường và điểm đầu + Tên đường sửa thành đường Đak Lua + Điểm đầu sửa thành Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ);

+ Đường Đắc Lua (STT 15) sửa tên đường từ "Đường Đắc Lua" thành "Đường Đak Lua"; sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đắc Lua" thành "Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường thành đường Đak Lua);

+ Đường Đắc Lua (STT 22) sửa tên đường từ "Đường Đắc Lua" thành "Đường Đak Lua"; sửa điểm cuối từ "Bến phà" thành "Cầu Đak Lua (bến phà cũ)", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường và điểm cuối) + Tên đường thành Đak Lua + Điểm cuối thành Cầu Đak Lua (bến phà cũ);

+ Đường Đắc Lua (STT 29) sửa tên đường từ "Đường Đắc Lua" thành "Đường Đak Lua"; sửa điểm cuối từ "Giáp ranh Vườn Quốc Gia Nam Cát Tiên" thành "Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên", lý do: Đã thống nhất theo NQ 28 (Xã đề xuất sửa tên đường và điểm cuối) + Tên đường thành Đak Lua + Điểm cuối thành giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 35.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 900.000 đồng/m2 tại Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 120.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia

Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m..

2.53. Tại Phường Trị An

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 434; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hàng Ba (STT 71) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC xã Trị An." thành "Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An", lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Nghị quyết chưa phù hợp, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đề nghị đổi điểm cuối thành: "Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An.";

+ Đường tỉnh 768 (STT 78) sửa điểm cuối từ "đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp VĨnh An 4)" thành "Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An", lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An;

+ Đường Tân An - Vĩnh Tân (STT 176) sửa điểm cuối từ "Đường tỉnh 768" thành "Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235", lý do: - Ngày 8/9, khi làm việc với PKT (làm việc miệng), PKT đề xuất như sau:: Đổi tên đường thành: Đường Trị An - Vĩnh Tân. Đổi tên điểm đầu thành: Đường tỉnh 768. Đổi tên điểm cuối: Giáp ranh xã Tân An - Ngày 9/9: TTKT nhận thấy trên tim đường huyện…;

+ Đường Nguyễn Trung Trực (STT 358) sửa điểm cuối từ "Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An." thành "Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91", lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91;

+ Đường Hoàng Văn Thụ (STT 400) sửa điểm cuối từ "Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An." thành "Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62", lý do: Điều chỉnh điểm cuối: Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62;

+ Đường Lý Thái Tổ (STT 414) sửa điểm cuối từ "Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản

đồ số 61, BĐĐC xã Trị An.” thành “Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61”, lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61.

b) Sửa điểm đầu của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 768 (STT 85) sửa điểm đầu từ “Chân dốc lớn (cống thoát nước) xã Trị An” thành “Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An”, lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An;

+ Đường tỉnh 768 (STT 92) sửa điểm đầu từ “Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (Ấp Vĩnh An 4)” thành “Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ)”, lý do: Điều chỉnh điểm đầu: Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ). Điều chỉnh điểm cuối: Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ);

+ Đường tỉnh 761 (STT 148) sửa điểm đầu từ “Ngã ba xã Mã Đà rẽ đi xã Phú Lý” thành “Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý”, lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý;

+ Đường Tân An - Vĩnh Tân (STT 169) sửa điểm đầu từ “Giáp ranh xã Bàu Hàm” thành “Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237”, lý do: - Ngày 8/9, khi làm việc với PKT (làm việc miệng), PKT đề xuất như sau: Điều chỉnh điểm đầu thành" Đường tỉnh 767. Điều chỉnh điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 263 và 245 tờ bản đồ số 115 - Ngày 9/9: TTKT nhận thấy trên tim đường huyện Vĩnh Cửu có….

c) Sửa tên của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) (STT 169) sửa tên đường từ “Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)” thành “Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)”, lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải. Điều chỉnh tên đường thành: Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới).

d) Bỏ 07 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Trị An mới) (STT 162); Điểm đầu: Đường tỉnh 767; Điểm cuối: Giáp ranh xã Bàu Hàm, Điều chỉnh tên đường thành: Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) Bỏ do trùng với STT 169 xã Tân An.

đ) Bổ sung mới 21 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Chu Văn An; Điểm đầu: Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66; Điểm cuối: Đường tỉnh 768. Đường xã bổ sung, đề xuất giá thấp hơn so với đường Chu Văn An hiện hành trong NQ 28; bằng khoảng 75%;

+ Đường Lê Đại Hành; Điểm đầu: Nguyễn Tất Thành; Điểm cuối: Hoàng Văn Thụ. Đường xã bổ sung, nhưng xã chỉ ghi trong văn bản là đề xuất giá PHI NÔNG NGHIỆP 4.500.000;

+ Đường Trị An - Tân An; Điểm đầu: Đường tỉnh 768; Điểm cuối: Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải). Đường xã bổ sung, nhưng xã chỉ ghi trong văn bản là đề xuất giá PHI NÔNG NGHIỆP 1.200.000.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 448.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 8.100.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 230.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.54. Tại Xã Tân An

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 196; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bến Xúc (STT 71) sửa điểm cuối từ “Trạm Biến áp 500kv Sông Mây” thành “Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây”, lý do: Nghị quyết chưa phù hợp, Phòng Kinh tế đề nghị đổi điểm cuối thành: "Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây";

+ Đường Tân An - Vĩnh Tân (STT 85) sửa điểm cuối từ “Trung tâm ấp 5” thành “Trung tâm ấp 5 (cũ)”, lý do: Điều chỉnh điểm cuối: Trung tâm ấp 5 (cũ);

+ Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp (STT 134) sửa điểm cuối từ “Giáp ranh xã Trảng Bom và xã Bàu Hàm” thành “Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm”, lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm;

+ Đường tỉnh 767 (STT 148) sửa điểm cuối từ “Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây” thành “Giáp ranh phường Trị An”, lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Giáp ranh phường Trị An.

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tỉnh 767 (STT 162) sửa điểm đầu từ "Cầu suối Đá Bàn" thành "Giáp ranh phường Trảng Bom", lý do: Điều chỉnh điểm đầu thành: Giáp ranh phường Trảng Bom.

c) Sửa tên của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (STT 106) sửa tên đường từ "Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài" thành "Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ)", lý do: Điều chỉnh tên đường: Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ);

+ Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) (STT 169) sửa tên đường từ "Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)" thành "Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)", lý do: Điều chỉnh điểm cuối thành: Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải. Điều chỉnh tên đường thành: Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới).

d) Bỏ 14 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Kênh N3 (STT 57); Điểm đầu: Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài; Điểm cuối: Giáp ranh xã Bình Minh, Bỏ do trùng với STT 128 xã Bình Minh;

+ Đường Sở Quýt (STT 141); Điểm đầu: Đường tỉnh 768; Điểm cuối: Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào), Bỏ do trùng với STT 169 phường Trảng Dài.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 182.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.500.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 tại các tuyến đường: Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.; Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.; Các tuyến

đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m..

2.55. Tại Xã Phú Lý

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 133; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Bàu Điền (STT 43) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 210, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Phú Lý" thành "Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27", lý do: Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27;

+ Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi (STT 50) sửa điểm cuối từ "Bên phải: hết ranh thửa đất số 194, tờ bản đồ số 37, BĐĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 37, BĐĐC xã Phú Lý" thành "Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37", lý do: Phòng Kinh tế đề nghị điều chỉnh lại điểm cuối của tuyến đường này: Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37;

+ Đường Bình Chánh - Cây Cầy (STT 85) sửa điểm cuối từ "Đường ấp 4 - Bình Chánh" thành "Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ)", lý do: Chỉnh sửa điểm cuối: Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ).

2.56. Tại Phường Bình Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 742; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 05 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Đình Chiểu (STT 173) sửa điểm cuối từ "Suối Đồng Tiền" thành "Đường Ngô Quyền";

+ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) (STT 222) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7" thành "Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58";

+ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) (STT 223) sửa điểm cuối từ "Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20" thành "Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105";

+ Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) (STT 241) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11" thành "Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96";

+ Ngõ 551 (STT 242) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04" thành "Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 55";

b) Sửa điểm đầu của 05 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Văn Linh (STT 73) sửa điểm đầu từ "Đường Phạm Đình Hổ" thành "Đường Bạch Đằng" do Đường Phạm Đình Hổ chưa nối tới Đường Nguyễn Văn Linh;

+ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) (STT 212) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 5 (thửa đất của ông Trịnh Ngọc Vinh)" thành "Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 78";

+ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) (STT 223) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7" thành "Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58";

+ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) (STT 224) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20" thành "Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105";

+ Ngõ 551 (STT 242) sửa điểm đầu từ "Giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11" thành "Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96";

c) Bỏ 451 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Phan Bội Châu (STT 75); Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Đường Tôn Đức Thắng; bỏ vì trùng với STT 5 phường Đồng Xoài (Giá phường Đồng Xoài cao hơn);

d) Bổ sung mới 1.753 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Nguyễn Văn Linh; Điểm đầu: Đường Trần Hưng Đạo; Điểm cuối: Đường Bạch Đằng; bổ sung do đã có hiện trạng;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 2.044.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 43.000.000 đồng/m2 tại Đường Quốc Lộ 14 từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 507.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường

nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.57. Tại Phường Đồng Xoài

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 108; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng (STT 30) sửa điểm đầu từ "Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến" thành "Đường N6 khu công nghiệp Đồng Xoài II";

b) Bổ sung mới 583 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Tuyến đường thuộc khu tái định cư Khu công nghiệp Đồng Xoài I; Điểm đầu: Giáp thửa đất số 300, tờ bản đồ số 24; Điểm cuối: Giáp thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 691.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 20.400.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 14 từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 131.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.58. Tại Phường Minh Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 241; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 08 tuyến đường hiện có là:

+ Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 (STT 84) sửa điểm cuối từ "Đường số 29" thành "Suối";

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 92) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Tân Khai" thành "Ranh giới phường Tân Khai";

+ Đường ĐT752B (STT 94) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh Xã Tân Khai" thành "Giáp ranh phường Tân Khai";

+ S (STT 118) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Tân Khai" thành "Ranh giới phường Tân Khai";

+ Đường số 14 (STT 126) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Tân Khai" thành "Ranh giới phường Tân Khai";

+ Đường số 26 (STT 145) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Tân Khai" thành "Ranh giới phường Tân Khai";

+ Đường số 45 (STT 165) sửa điểm cuối từ "" thành "Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7";

+ Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (STT 19) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường Ngô Đức Kế" thành "Đến hết ranh thửa đất số 10 tờ bản đồ số 67";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 (STT 84) sửa điểm đầu từ "Đường số 41" thành "Đường số 29";

+ Đường số 45 (STT 165) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "ĐH12";

c) Bỏ 04 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 751 (STT 1); Điểm đầu: Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành); Điểm cuối: Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành; bỏ vì trùng với phường chơn Thành STT 19 (vì giá phường chơn thành cao hơn);

+ Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) (STT 14); Điểm đầu: Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A; Điểm cuối: Hết tuyến; bỏ vì trùng với phường chơn Thành STT 79 (vì giá phường chơn thành cao hơn);

+ Đường ĐH 15 (STT 104); Điểm đầu: Đường Quốc lộ 13; Điểm cuối: Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng; bỏ vì trùng với STT 58 phường Chơn Thành;

+ Đường ĐH 15 (STT 105); Điểm đầu: Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng; Điểm cuối: Giáp ranh phường Chơn Thành; bỏ vì trùng với STT 59 phường Chơn Thành;

d) Bổ sung mới 1.357 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường số 27; Điểm đầu: Đường số 26; Điểm cuối: Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.594.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 14.400.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 166.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.59. Tại Phường Chơn Thành

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 207; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 21 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) (STT 1) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84)" thành "Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84)";

+ Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (STT 19) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường Ngô Đức Kế" thành "Đến hết ranh thửa đất số 10 tờ bản đồ số 67";

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 25) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79)" thành "Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78)";

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 28) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12)" thành "Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5,

tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12)";

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 30) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49" thành "Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49";

+ Đường Phước Long (STT 40) sửa điểm cuối từ "Cuối tuyến" thành "Đường Cao Thắng" do xác định cụ thể điểm đầu, điểm cuối của tuyến đường để thuận tiện trong quá trình xác định giá đất;

+ Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) (STT 41) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường tổ Khu phố 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)" thành "Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (STT 50) sửa điểm cuối từ "Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 279, tờ bản đồ số 20)" thành "Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20)";

+ Đường Lê Duẩn (STT 54) sửa điểm cuối từ "Phía Đông: Giáp thửa đất số 372, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13" thành "Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13";

+ Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 khu phố 10, phường Hưng Long (cũ)) (STT 62) sửa điểm cuối từ "Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố 10" thành "Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) (STT 64) sửa điểm cuối từ "Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố 8 (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82" thành "Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) (STT 66) sửa điểm cuối từ "Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29)" thành "Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29)";

+ Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) (STT 67) sửa điểm cuối từ "Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số

103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)" thành "Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Đoàn Thị Điểm (STT 81) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường liên Khu phố 9-Khu phố 2" thành "Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi (STT 119) sửa điểm cuối từ "Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04)" thành "Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10)" do hiện nay thửa đất số 7 tờ bản đồ số 10 không còn trên bản đồ địa chính;

+ Đường tổ 3A, 3B, khu phố 4 (STT 127) sửa điểm cuối từ "Đất nhà ông Phan Kỹ (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 32)" thành "Đường liên khu phố 4, khu phố 5";

+ Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi (STT 150) sửa điểm cuối từ "Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13)" thành "Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13)" do theo mô tả NQ Hết ranh thửa đất số 861 tờ bản đồ số 13 vẫn chưa hết tuyến đường tổ 5, tổ 6 khu phố Trung Lợi;

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 156) sửa điểm cuối từ "Đầu đất Công ty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và đường Quốc lộ 13 cũ)" thành "Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204" do hiện nay hiện trạng không còn Công ty gỗ Phong Phú;

+ Đường D9 (STT 163) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241" do sẽ khó áp dụng trong việc xác định giá đất các thửa đất ở đầu và cuối tuyến;

+ Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) (STT 166) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến (Đường đất)" thành "Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214" do phường kiến nghị là tuyến đường đất nối tiếp từ thửa đất số 32 tờ bản đồ số 214 về phía Đông thuộc dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex;

+ Đường số 25 (STT 187) sửa điểm cuối từ "Đến cuối thửa đất số 924, tờ bản đồ số 150" thành "Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150";

b) Sửa điểm đầu của 17 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 26) sửa điểm đầu từ "Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79)" thành "Phía Đông: Đường tổ 1, khu

phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79)";

+ Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) (STT 29) sửa điểm đầu từ "Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12)" thành "Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12)";

+ Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) (STT 42) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường tổ Khu phố 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)" thành "Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (STT 51) sửa điểm đầu từ "Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 279, tờ bản đồ số 20)" thành "Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20)";

+ Đường Lê Duẩn (STT 55) sửa điểm đầu từ "Phía Đông: Giáp thửa đất số 372, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13" thành "Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13";

+ Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, khu phố 10, phường Hưng Long (cũ)) (STT 63) sửa điểm đầu từ "Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố 10" thành "Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng" do đến ngã 3 đường tổ 9, khu phố 10 (thửa đất số 1185 tờ bản đồ số 6) vẫn chưa hết tuyến. Điều chỉnh thành Khu phố Phùng Hưng;

+ Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) (STT 65) sửa điểm đầu từ "Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố 8 (Hết ranh đất ăn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82" thành "Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố 5 (STT 70) sửa điểm đầu từ "Cuối đường sỏi đỏ khu phố 5 giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)" thành "Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Điểu Ong (STT 75) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 14" thành "Đoạn từ đường 2 tháng 4";

+ Đường Nguyễn Công Hoan (STT 83) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 14" thành "Đường 2 tháng 4";

+ Đường Phạm Thế Hiển (STT 84) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 14" thành "Đường 2 tháng 4";

+ Đường Đào Duy Từ (STT 91) sửa điểm đầu từ "Quốc lộ 14" thành "Đường Nguyễn Huệ";

+ Đường ranh giới phường Hưng Long (thị trấn Chơn Thành cũ) - phường Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) (STT 103) sửa điểm đầu từ "Đầu ranh thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16" thành "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 6, Khu phố 8 (Đường kế Trạm y tế Chơn Thành) (STT 155) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70)";

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 157) sửa điểm đầu từ "Đầu đất công ty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và đường Quốc lộ 13 cũ)" thành "Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204" do hiện nay hiện trạng không còn Công ty gỗ Phong Phú;

+ Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) (STT 161) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Quốc lộ 13";

+ Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) (STT 165) sửa điểm đầu từ "Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 119, tờ bản đồ số 210)" thành "Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211)" do thửa 119 tờ 210 nằm ở một vị trí khác không tiếp giáp đường KMC;

c) Sửa tên đường của 68 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1) (STT 44) sửa tên đường thành "Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1) (STT 45) sửa tên đường thành "Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 46) sửa tên đường thành "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 47) sửa tên đường thành "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 48) sửa tên đường thành "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 49) sửa tên đường thành "Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố 9, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) (STT 57) sửa tên đường thành "Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 khu phố 10, phường Hưng Long (cũ)) (STT 62) sửa tên đường thành "Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ))" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, khu phố 10, phường Hưng Long (cũ)) (STT 63) sửa tên đường thành "Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ))" do đến ngã 3 đường tổ 9, khu phố 10 (thửa đất số 1185 tờ bản đồ số 6) vẫn chưa hết tuyến. Điều chỉnh thành Khu phố Phùng Hưng;

+ Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) (STT 67) sửa tên đường thành "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) (STT 68) sửa tên đường thành "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))" do sáp nhập khu phố mới;

+ Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) (STT 69) sửa tên đường thành "Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))" do sáp nhập khu phố mới;

+ Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố 5 (STT 70) sửa tên đường thành "Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố 5 (STT 71) sửa tên đường thành "Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 72) sửa tên đường thành "Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm) (STT 73) sửa tên đường thành "Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố 10 cũ) (STT 93) sửa tên đường thành "Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng)";

+ Đường tổ 01, tổ 12, khu phố 9 (STT 94) sửa tên đường thành "Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng";

+ Đường tổ 11, khu phố 9 (STT 95) sửa tên đường thành "Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng";

+ Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 (STT 97) sửa tên đường thành "Đường liên khu phố 9 - khu phố 2" do đã tách thửa đất khác;

+ Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 (STT 98) sửa tên đường thành "Đường liên khu phố 9 - khu phố 2" do đã tách thửa đất khác;

+ Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 (STT 99) sửa tên đường thành "Đường liên khu phố 9 - khu phố 2" do trên bản đồ địa chính không thể hiện đường tổ 1, tổ 12 khu phố 9). Vì theo nền địa chính mới nhất được khai thác thì tuyến đường giao thông không nối tới đường tổ 1, tổ 12 khu phố 9), hiện trạng chỉ đến thửa đất 858 tờ bản đồ 12;

+ Đường tổ 9, khu phố 10 (STT 100) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, khu phố 10 (STT 101) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, khu phố 10 (STT 102) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường ranh giới phường Hưng Long (thị trấn Chơn Thành cũ) - phường Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) (STT 103) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cảm (STT 104) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cảm (STT 105) sửa tên đường thành "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm (STT 106) sửa tên đường thành "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi" do dữ liệu bản đồ không có thửa 270 tờ bản đồ 118. Điều chỉnh thành Khu phố Trung Lợi;

+ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm (STT 107) sửa tên đường thành "Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi" do dữ liệu bản đồ không co thửa 270 tờ bản đồ 118. Điều chỉnh thành Khu phố Trung Lợi;

+ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm (STT 108) sửa tên đường thành "Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cảm (STT 109) sửa tên đường thành "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cảm (STT 110) sửa tên đường thành "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1)";

+ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (STT 111) sửa tên đường thành "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 1) (STT 112) sửa tên đường thành "Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3)" do theo mô tả NQ 28 thì dữ liệu bản đồ không có thửa đất 169 tờ bản đồ 118. Điều chỉnh thành Khu phố Trung Lợi theo ranh khu phố mới;

+ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) (STT 113) sửa tên đường thành "Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi (STT 123) sửa tên đường thành "Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi (STT 124) sửa tên đường thành "Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố 4 (STT 125) sửa tên đường thành "Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long";

+ Đường tổ 3A, khu phố 4 (STT 126) sửa tên đường thành "Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 3A, 3B, khu phố 4 (STT 127) sửa tên đường thành "Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long";

+ Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (STT 128) sửa tên đường thành "Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)" do sáp nhập hình thành khu phố mới;

+ Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (STT 129) sửa tên đường thành "Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)" do sáp nhập hình thành khu phố mới;

+ Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (STT 130) sửa tên đường thành "Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)" do sáp nhập hình thành khu phố mới;

+ Đường tổ 7, khu phố 5 (STT 131) sửa tên đường thành "Đường tổ 7, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 7, khu phố 5 (STT 132) sửa tên đường thành "Đường tổ 7, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 4, khu phố 6 (STT 133) sửa tên đường thành "Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 4, khu phố 6 (STT 134) sửa tên đường thành "Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 4 tổ 5 khu phố 6 (STT 135) sửa tên đường thành "Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm";

+ Đường tổ 5, tổ 7, khu phố 6 (STT 136) sửa tên đường thành "Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7 (STT 137) sửa tên đường thành "Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 8, khu phố 7 (STT 138) sửa tên đường thành "Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 8, khu phố 7 (STT 139) sửa tên đường thành "Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, khu phố 7 (STT 140) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, khu phố 7 (STT 141) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 7, khu phố 8 (STT 142) sửa tên đường thành "Đường tổ 7, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 4, khu phố 8 (STT 143) sửa tên đường thành "Đường tổ 4, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 5, khu phố 8 (STT 144) sửa tên đường thành "Đường tổ 5, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, khu phố 8 (STT 145) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, khu phố 8 (STT 146) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 9, khu phố 8 (STT 147) sửa tên đường thành "Đường tổ 9, khu phố Hưng Long" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 5, Khu phố 8 (tránh mỏ Cao Lanh) (STT 148) sửa tên đường thành "Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Hiếu Cảm (STT 149) sửa tên đường thành "Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố 7) (STT 151) sửa tên đường thành "Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm)" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) (STT 152) sửa tên đường thành "Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) (STT 153) sửa tên đường thành "Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ))" do điều chỉnh theo ranh khu phố mới;

+ Đường liên Khu phố 10 - Khu phố Trung Lợi (STT 154) sửa tên đường thành "Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi";

+ Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (Đường số 40) (STT 178) sửa tên đường thành "Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40)" do sáp nhập khu phố mới;

d) Bỏ 05 tuyến đường, gồm:

+ Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (STT 20); Điểm đầu: Ngã ba đường Ngô Đức Kế; Điểm cuối: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 62 của ông Huỳnh Duy Kha); bỏ tuyến đường có STT20 vì đường có STT 20 có điểm đầu và điểm cuối trùng nhau;

+ Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) (STT 60); Điểm đầu: Đường 02 tháng 4; Điểm cuối: Ngã ba tổ 9 -10, khu phố 10; bỏ vì trùng đường STT 106 với phường Minh Hưng (Giá bằng nhau nhưng đoạn của phường Minh hưng dài hơn);

+ Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) (STT 61); Điểm đầu: Ngã ba tổ 9 -10, khu phố 10; Điểm cuối: Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1); bỏ vì trùng đường STT 106 với phường Minh Hưng (vì giá phường Minh Hưng cao hơn);

+ Đường Ngô Đức Kế (STT 78); Điểm đầu: Đường Nguyễn Huệ; Điểm cuối: Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11); bỏ đường này do trùng với STT 13 của phường Minh Hưng (giá chơn thành thấp hơn);

+ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (STT 159); Điểm đầu: Đường Quốc lộ 13; Điểm cuối: Ranh giới phường Chơn Thành; bỏ tuyến đường có STT159 do trùng với tuyến đường stt 77 giá thấp hơn;

e) Bổ sung mới 1.111 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường nhựa; Điểm đầu: Trung tâm thương mại Chơn Thành Plaza (thửa đất số 540 tờ bản đồ số 26); Điểm cuối: Đến hết thửa đất số 533 và tờ bản đồ số 26;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.313.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 20.900.000 đồng/m2 tại 4 tuyến đường sau:

+ Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84);

+ Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình;

+ Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi;

+ Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 154.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.60. Tại Xã Nha Bích

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 42; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 1) sửa điểm cuối từ "- Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích - Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 41)" thành "Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 6) sửa điểm cuối từ "- Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 122) giáp đường số 47" thành "Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47";

+ Đường số 5 (STT 29) sửa điểm cuối từ "Cuối thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55" thành "Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 2) sửa điểm đầu từ "- Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích - Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 41)" thành "Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) """;

+ Đường số 5 (STT 30) sửa điểm đầu từ "Cuối thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55" thành "Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55";

c) Sửa tên đường của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (Đường số 40) (STT 178) sửa tên đường thành "Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40)" do sáp nhập khu phố mới;

d) Bỏ 04 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 756B (STT 12); Điểm đầu: Giáp ranh cầu lò gạch; Điểm cuối: Hết tuyến (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 62); Văn bản góp ý bỏ tuyến đường này ra khỏi NQ;

+ Đường số 40 (STT 39); Điểm đầu: Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62; Điểm cuối: Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62; bỏ vì trùng STT 178 phường Chơn Thành (giá phường Chơn Thành cao hơn);

+ Đường nhựa, đường bê tông nông thôn còn lại chưa quy định cụ thể ở trên (STT 40);

+ Các đường còn lại (STT 41);

e) Bổ sung mới 249 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường số 3; Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất;

+ Đường số 47; Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78;

+ Đường 10; Điểm đầu: Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78; Điểm cuối: Hết ranh nông trường Minh Lập;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 287.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.100.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 14 từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 144.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.61. Tại Phường Bình Long

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 204; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 28 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 752 (STT 25) sửa điểm cuối từ "Ngã Ba Xe Tăng" thành "Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long)";

+ Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) (STT 50) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "Đến đường HCT 5";

+ Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) (STT 51) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "Đến đường HCT 5";

+ Đường Nguyễn Đình Chiểu (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) (STT 86) sửa điểm cuối từ "Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm" thành "Đường Phan Chu Trinh";

+ Đường Trần Tế Xương (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) (STT 87) sửa điểm cuối từ "Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm" thành "Đường Hải Thượng Lãn Ông";

+ Đường Phan Chu Trinh (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) (STT 88) sửa điểm cuối từ "Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm" thành "Đường Lê Quang Định";

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 93) sửa điểm cuối từ "Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16)" thành "Cống ba miệng (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 104)";

+ Đường Nguyễn Văn Trỗi (STT 97) sửa điểm cuối từ "Hết đất Kho vật tư cũ" thành "Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53)";

+ Đường Lê Đại Hành (STT 102) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18";

+ Đường HCT 4 (STT 111) sửa điểm cuối từ "Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh" thành "gã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24)";

+ Đường HCT 5 (STT 113) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31";

+ Đường HCT 14 (STT 124) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8";

+ Đường HCT 16 (STT 126) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6";

+ Đường HCT 17 (STT 127) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7";

+ Đường HCT 19 (STT 129) sửa điểm cuối từ "Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)" thành "Suối (Hết ranh thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)";

+ Đường HCT 19 nối dài (STT 130) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3" thành "hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3";

+ Đường HCT 20 (STT 131) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức)" thành "Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752)";

+ Đường HCT 25 (STT 137) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1";

+ Đường HCT 27 (STT 139) sửa điểm cuối từ "Đường HCT21" thành "Đường Lê Đại Hành";

+ Đường HCT 27 (STT 140) sửa điểm cuối từ "Cuối đường Lê Đại Hành" thành "Đường Lê Đại Hành";

+ Đường HCT 28 (STT 141) sửa điểm cuối từ "Đường HCT 7 (thửa đất số 06, tờ bản đồ số 14)" thành "đường HCT 7";

+ Đường ALT 22 (STT 145) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đường ALT 4";

+ Đường ALT 23 (STT 146) sửa điểm cuối từ "Đường ALT 22" thành "Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2";

+ Đường Huỳnh Thúc Kháng (STT 159) sửa điểm cuối từ "Đường PĐT2" thành "Cầu Ba Kiềm";

+ Đường PĐT 3 (STT 162) sửa điểm cuối từ "Suối Cầu đỏ (Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 83)" thành "Suối Cầu Đỏ";

+ Đường PĐT 7 (STT 166) sửa điểm cuối từ "Cuối đường" thành "Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88";

+ Đường PĐT 9 (STT 168) sửa điểm cuối từ "Cuối đường - Giáp ranh đất lô cao su" thành "Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1";

+ Đường bê tông (STT 180) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134" thành "Cuối đường hết ranh Thửa đất số 2, Tờ bản đồ 139";

b) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ALT 4 (STT 59) sửa điểm đầu từ "Ngã Ba Xe Tăng" thành "Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long)";

+ Đường ALT 5 (STT 60) sửa điểm đầu từ "Đường Đoàn Thị Điểm" thành "Đường Nguyễn Thái Học";

+ Đường ALT 7 (STT 64) sửa điểm đầu từ "Đường ALT 1 (từ thửa đất số 280 và thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111)" thành "Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111)";

c) Bỏ 27 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 25 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Trần Hưng Đạo (STT 4); Điểm đầu: Đường Lý Thường Kiệt; Điểm cuối: Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82; bỏ vì trùng với STT 6 phường An Lộc (giá phường An Lộc cao hơn);

+ Đường Lê Quý Đôn (STT 9); Điểm đầu: Đường Trần Hưng Đạo; Điểm cuối: Đường Nguyễn Huệ; sửa theo VB số 679/BC-KTHT&ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2026;

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 90); Điểm đầu: Đường Nguyễn Thị Minh Khai; Điểm cuối: Đường Lê Đại Hành; đề xuất bỏ do trùng với đoạn 2 của nó;

+ Đường ALT 4 (STT 143); Điểm đầu: Ngã ba xe tăng; Điểm cuối: Cột mốc 2 mặt (ranh phường An Lộc và phường Hưng Chiến); Bị trùng vì đã có đường AL T4 số thứ tự 59 theo nghị quyết 28; bỏ;

+ Đường PĐT 9 (STT 144); Điểm đầu: Đường Quốc lộ 13; Điểm cuối: Đường PĐT 7 (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20 mới); Nếu điểm đầu từ quốc lộ 13 sẽ đi trên đường lô cao su, chưa cập nhật bản đồ địa chính. Điểm cuối sai vì thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20 mới không gần đường PĐT 7. Ngoài ra đoạn này sẽ trùng với Đườ;

+ Đường ĐT 758 (STT 150); Điểm đầu: Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 3; Điểm cuối: Giáp ranh xã Tân Lợi; bỏ vì trùng với STT 7 phường An Lộc (giá phường An Lộc cao hơn);

+ Đường Nguyễn Du (Tây đường) (STT 153); Điểm đầu: Đường Nguyễn Huệ; Điểm cuối: Đường Nguyễn Trãi; bỏ vì trùng với STT 154 (STT 154 giá cao hơn);

+ Đường bê tông (dọc theo đường ray xe lửa) (STT 157); Điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực; Điểm cuối: Đường Lê Đại Hành; bỏ do không xác định được ngoài hiện trạng;

+ Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m (STT 184); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Hưng Chiến cũ;

+ Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m (STT 185); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Hưng Chiến cũ;

+ Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m (STT 186); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Hưng Chiến cũ;

+ Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47) có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m (STT 187); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Hưng Chiến cũ;

+ Các đường nội bộ trong khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An thuộc bản đồ chính quy tờ bản đồ số 113, 156, 157, 158, 160, 161,

162, 163, 167, 168, 169, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá (STT 188); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường An Lộc cũ kèm theo ranh khu phố trong thư mục bản đồ địa chính;

+ Các đường nội bộ trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc bản đồ chính quy số: 80, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 118, 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá. (STT 189); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường An Lộc cũ kèm theo ranh khu phố trong thư mục bản đồ địa chính;

+ Các thửa đất tiếp giáp đường có mặt đường rộng dưới 3m theo bản đồ chính quy tờ bản đồ số 113, 117, 156, 157, 158, 160 đến 163, 168, 169, 172 đến 182 thuộc các khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An. (STT 190); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường An Lộc cũ kèm theo ranh khu phố trong thư mục bản đồ địa chính;

+ Các thửa đất tiếp giáp đường theo bản đồ chính quy có mặt đường rộng dưới 3m và các thửa đất không tiếp giáp đường đi hoặc tiếp giáp đường đi dọc theo các lô cao su mà không thể hiện trên bản đồ chính quy trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc các tờ bản đồ số: 80, 107 đến 112, 114 đến 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171. (STT 191); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường An Lộc cũ kèm theo ranh khu phố trong thư mục bản đồ địa chính;

+ Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu rộng từ 07m đến 10m (STT 192); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Phú Đức;

+ Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m (STT 193); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Phú Đức;

+ Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi tự phát theo các lô cao su (STT 194); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Phú Đức;

+ Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 6m - 10m (STT 195); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Hưng Chiến cũ;

+ Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m (STT 196); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Hưng Chiến cũ;

+ Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 7 có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m (STT 197); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Hưng Chiến cũ;

+ Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có mặt đường hiện hữu dưới 3m (STT 198); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính phường Hưng Chiến cũ;

+ Đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 79, 89 đến 106, 120 đến 128, 149 đến 155 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) từ 3m trở lên (STT 200); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Thuộc bản đồ địa chính xã Thanh Bình cũ;

+ Các đường nội bộ trong Khu dân cư Phú Tân trừ đường DT752 (STT 202); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

d) Bổ sung mới 1.068 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.245.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 20.500.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Đường Nguyễn Huệ từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu;

+ Đường Nguyễn Huệ từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 180.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.62. Tại Phường An Lộc

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 196; trong đó:

a) Tách đoạn 06 tuyến đường hiện có, cụ thể:

+ Đường TPT 19 (STT 73) được tách thành 02 đoạn: đoạn 1 từ "Đường TPT 16" đến "hết ranh thửa 130 tờ 28"; đoạn 2 từ "thửa 6 tờ 2" đến "Đường TPT 2", trong đó đoạn 2 có mức giá tương đương STT 73;

+ Đường TPT 48 (STT 101) được tách thành 02 đoạn: đoạn 1 từ "Đường TLT 30" đến "hết ranh thửa 325 tờ 12"; đoạn 2 từ "thửa 6 tờ 2" đến "Đường TPT 2", trong đó đoạn 2 có mức giá tương đương STT 101;

+ Đường TLT 11 (STT 122) được tách thành 02 đoạn: đoạn 1 từ "TLT 1 đến" đến "Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46"; đoạn 2 từ "Suối" đến "Đường ray", trong đó đoạn 2 có mức giá tương đương STT 122;

+ Đường TLT 26 (STT 140) được tách thành 02 đoạn: đoạn 1 từ "Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)" đến "Đường TLT 27"; đoạn 2 từ "Đường TLT 27" đến "Đường TLT 5", trong đó đoạn 2 có mức giá tương đương STT 140;

+ Đường TLT 67 (STT 178) được tách thành 02 đoạn: đoạn 1 từ "Đường TLT 55" đến "Bãi rác"; đoạn 2 từ "Suối" đến "Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73", trong đó đoạn 2 có mức giá tương đương STT 178;

+ Đường TLT 70 (STT 181) được tách thành 02 đoạn: đoạn 1 từ "Đường Nhà máy xi măng" đến "Đường TLT 27"; đoạn 2 từ "Đường TLT 27" đến "Đường TLT 5", trong đó đoạn 2 có mức giá tương đương STT 181;

b) Bỏ 14 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 09 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 1); Điểm đầu: Đường Trần Hưng Đạo; Điểm cuối: Đường Hùng Vương; bỏ vì trùng với STT 13 phường Bình Long (giá phường Bình Long cao hơn);

+ Đường Trần Hưng Đạo (STT 5); Điểm đầu: Đường Nguyễn Huệ; Điểm cuối: Đường Lý Thường Kiệt; bỏ vì trùng với STT 3 phường Bình Long (giá bằng nhau);

+ Đường PTT 11 (STT 30); Điểm đầu: Đường Nơ Trang Long; Điểm cuối: Nguyễn Du; Bị trùng với Đường tổ 2 KP Phú Xuân, đề xuất bỏ tuyến đường này ra khỏi bảng giá đất Thành phố Đồng Nai;

+ Đường PTT 22 (Nguyễn Thái Học nối dài) (STT 31); Điểm đầu: Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 2 (Ngã ba ông Dân); Điểm cuối: Ngã ba cuối đất nhà bà Long; Bị trùng với Đường Nguyễn Thái Học, đề xuất bỏ tuyến đường này ra khỏi bảng giá đất Thành phố Đồng Nai;

+ Đường bao quanh chợ (STT 46); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; đề xuất hủy do trùng với đường STT 42 AL25;

+ Đường TPT 46 (STT 99); Điểm đầu: Đường TLT 34; Điểm cuối: Đường TPT 4 (dọc đường ray); bỏ do không thể xác định được;

+ Đường TPT 47 (STT 100); Điểm đầu: Đường TLT 34; Điểm cuối: Đường TPT 4 (dọc đường ray); bỏ do không thể xác định được;

+ Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m (STT 185); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su (STT 186); Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

c) Bổ sung mới 1.140 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.328.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 20.500.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Đường Nguyễn Huệ từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương;

+ Đường Nguyễn Huệ từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 146.000 đồng/m2 tại 15 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện

trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến Ranh thửa đất sô 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.63. Tại Phường Phước Bình

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 188; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Độc Lập (STT 18) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 44 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)" thành "Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)";

+ Đường Độc Lập (STT 19) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã 3 giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110)" thành "Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110)";

b) Bỏ 04 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m (STT 17); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; đề xuất bỏ do đã có đường đấu nối;

c) Bổ sung mới 1.171 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 06 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Long Hưng - Bình Sơn; Điểm đầu: Giáp ranh xã Bình Tân; Điểm cuối: hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112);

+ Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài); Điểm đầu: Ngã tư đường Lý Tự Trọng; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa);

+ Đường Nguyễn Văn Siêu; Điểm đầu: Thửa 51 tờ 26; Điểm cuối: Thửa 160 tờ 26;

+ Đường Nguyễn Hữu Thọ; Điểm đầu: Thửa 138 tờ 26; Điểm cuối: Thửa 14 tờ 26;

+ Đường Nguyễn Huy Tự; Điểm đầu: Thửa 125 tờ 26; Điểm cuối: Thửa 14 tờ 26;

+ Đường Lý Thường Kiệt; Điểm đầu: Thửa 23 tờ 26; Điểm cuối: thửa 1 tờ 26;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 1.355.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 18.200.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Tất Thành từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 135.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.64. Tại Phường Phước Long

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 132; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 39 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Độc Lập (STT 19) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã 3 giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110)" thành "Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110)";

+ Đường 6/1 (STT 7) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến Cầu Đăk Lung";

+ Đường Trần Hưng Đạo (STT 10) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến đường nhựa Khu phố Long Thủy 4" thành "Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải)";

+ Đường Lê Văn A (STT 18) sửa điểm cuối từ "" thành "Đường Lê Văn Duyệt";

+ Đường Cách mạng tháng 8 (STT 22) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Giáp đường Nguyễn Văn Cừ";

+ Đường Hai Bà Trưng (STT 23) sửa điểm cuối từ "" thành "Giáp đường Đinh Tiên Hoàng";

+ Đường Tự Do (STT 24) sửa điểm cuối từ "" thành "Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ)";

+ Đường Sư Vạn Hạnh (STT 29) sửa điểm cuối từ "" thành "Giáp đường Lý Thái Tổ";

+ Đường Lý Thái Tổ (STT 31) sửa điểm cuối từ "Cầu An Lương" thành "Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long)";

+ Đường Lê Văn Duyệt (STT 33) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi";

+ Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố Long Thủy 5 (STT 36) sửa điểm cuối từ "" thành "";

+ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (STT 38) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01" thành "Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01";

+ Đường Bà Triệu (STT 44) sửa điểm cuối từ "" thành "Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22)";

+ Đường Cao Bá Quát (STT 45) sửa điểm cuối từ "" thành "Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22)";

+ Đường Phan Đình Giót (STT 46) sửa điểm cuối từ "" thành "Đường Bà Triệu";

+ Đường Hoàng Diệu (STT 47) sửa điểm cuối từ "" thành "Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12";

+ Đường Nguyễn Văn Giáp (STT 49) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến đường nhựa" thành "Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6";

+ Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) (STT 51) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư";

+ Đường Hùng Vương (STT 53) sửa điểm cuối từ "Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ)" thành "Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ)";

+ Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do (STT 54) sửa điểm cuối từ "" thành "" do đến hết thửa đất số 43 tờ bản đồ số 22;

+ Đường Cù Chính Lan (STT 58) sửa điểm cuối từ "Đến hết tuyến" thành "giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4";

+ Đường Hồ Huân Nghiệp (STT 59) sửa điểm cuối từ "Đến hết tuyến" thành "Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2";

+ Đường bên hông công an PCCC (STT 62) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03" thành "Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03";

+ Đường Lê Quý Đôn (STT 64) sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ (thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125)" thành "Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125";

+ Đường Nguyễn Tất Thành (STT 70) sửa điểm cuối từ "Tượng Đức Mẹ (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)" thành "Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)";

+ Đường Đinh Công Trứ (STT 75) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến nhựa hiện hữu (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54)" thành "Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54)";

+ Đường Yên Thế (STT 76) sửa điểm cuối từ "" thành "Đường Điện Biên Phủ";

+ Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) (STT 81) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến giáp suối";

+ Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) (STT 82) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54";

+ Đường Huỳnh Khương An (STT 83) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126";

+ Đường Bà Rá (STT 89) sửa điểm cuối từ "" thành "";

+ Đường Nguyễn Thị Định (STT 95) sửa điểm cuối từ "Hết 02 nhánh đường nhựa" thành "Hết 02 nhánh đường nhựa";

+ Đường Âu Cơ (STT 99) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh phường Phước Bình" thành "Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257" do bị trùng với phước bình;

+ Đường Lương Văn Can (STT 104) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59";

+ Đường Huỳnh Mẫn Đạt (STT 106) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "đường Liên khu vực 4";

+ Đường Cao Xuân Huy (STT 107) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103";

+ Đường Phạm Phú Thứ (STT 108) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101";

+ Đường Thống Nhất (STT 110) sửa điểm cuối từ "Đường bê tông (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)" thành "Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)";

+ Đường Thống Nhất (STT 112) sửa điểm cuối từ "Hết ranh chợ tạm và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114" thành "Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114";

b) Sửa điểm đầu của 24 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Hai Bà Trưng (STT 23) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Cách mạng tháng 8";

+ Đường Tự Do (STT 24) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Cách mạng tháng 8";

+ Đường Sư Vạn Hạnh (STT 29) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "đường Cách mạng tháng 8";

+ Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố Long Thủy 5 (STT 36) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Toàn tuyến";

+ Đường Thanh Niên (STT 41) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường vòng quanh hồ Long Thủy";

+ Đường Bà Triệu (STT 44) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Giáp đường Đinh Tiên Hoàng";

+ Đường Cao Bá Quát (STT 45) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Giáp đường Đinh Tiên Hoàng";

+ Đường Phan Đình Giót (STT 46) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Nguyễn Huệ";

+ Đường Hoàng Diệu (STT 47) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Giáp đường Lý Thái Tổ";

+ Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do (STT 54) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Toàn tuyến" do đến hết thửa đất số 43 tờ bản đồ số 22;

+ Đường Lê Quý Đôn (STT 65) sửa điểm đầu từ "Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ (thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125)" thành "Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125";

+ Đường Nguyễn Tất Thành (STT 69) sửa điểm đầu từ "Cầu Suối Dung (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 116)" thành "Cầu Suối Dung";

+ Đường Nguyễn Tất Thành (STT 71) sửa điểm đầu từ "Tượng Đức Mẹ (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)" thành "Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)";

+ Đường Yên Thế (STT 76) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Nguyễn Tất Thành";

+ Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) (STT 80) sửa điểm đầu từ "Cầu Thác Mẹ" thành "Cầu Thác Mẹ";

+ Đường Bà Rá (STT 89) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Toàn tuyến";

+ Đường Âu Cơ (STT 99) sửa điểm đầu từ "Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong" thành "Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong" do bị trùng với phước bình;

+ Đường Thống Nhất (STT 111) sửa điểm đầu từ "Đường bê tông (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 103, tờ bản đồ số 93)" thành "Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)";

+ Đường Thống Nhất (STT 112) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 56 và thửa đất số 67, cùng thuộc tờ bản đồ số 109" thành "Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109";

+ Đường Thống Nhất (STT 113) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 23 và thửa đất số 64, cùng thuộc tờ bản đồ số 114" thành "Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114";

+ Đường Thống Nhất (STT 114) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 94 và thửa đất số 6, tờ bản đồ số 115" thành "Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94";

+ Đường Điện Biên Phủ (STT 116) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường bê tông xi măng (thửa đất số 171 và thửa đất số 218, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)" thành "Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)";

+ Đường Mạc Đăng Dung (STT 119) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường bê tông, xi măng (thửa đất số 262 và thửa đất số 231, cùng thuộc tờ bản đồ số 92)" thành "Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92)";

+ Đường Lam Sơn (STT 122) sửa điểm đầu từ "Cầu số 4" thành "Cầu số 4";

c) Bỏ 05 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Nguyễn Tất Thành (STT 67); Điểm đầu: Ngã 3 giao đường Võ Văn Kiệt; Điểm cuối: Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng; Bổ sung mô tả điểm đầu:Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long);

+ Đường Võ Văn Kiệt (STT 85); Điểm đầu: Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành; Điểm cuối: Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57); bỏ đoạn này vì trùng tuyến và giáp thấp nên lấy đoạn phước bình;

d) Bổ sung mới 776 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Liên khu vực 4; Điểm đầu: Thửa 35 tờ bản đồ số 52; Điểm cuối: Đường Tôn Đức Thắng;

+ Liên khu vực 4; Điểm đầu: Đường Võ Văn Kiệt; Điểm cuối: Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 903.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 14.500.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Tất Thành từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 248.000 đồng/m2 tại 5 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa,

bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.65. Tại Xã Thuận Lợi

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 39; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) (STT 30) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 114" thành "Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177";

b) Bỏ 11 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 10 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) (STT 12); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Xã xác nhận tuyến đường này bị trùng với STT 10; đưa sang Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi;

+ Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) (STT 15); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Xã xác nhận tuyến đường này bị trùng với STT 10; đưa sang Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m (STT 22); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Xã đề xuất vẽ đấu nối trực tiếp;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200m (STT 23); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Xã đề xuất vẽ đấu nối trực tiếp;

+ Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) (STT 31); Điểm đầu: Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 113; Điểm cuối: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 112; Xã đề xuất bị trùng với STT 30;

+ Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) (STT 32); Điểm đầu: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 112; Điểm cuối: Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 111; Xã đề xuất bị trùng với STT 30;

+ Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) (STT 33); Điểm đầu: Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 111; Điểm cuối: Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 117; Xã đề xuất bị trùng với STT 30;

+ Đường giao thông liên xã còn lại (STT 36); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông (STT 37); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại (STT 38); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

c) Bổ sung mới 192 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 220.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.100.000 đồng/m2 tại Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 157.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.66. Tại Xã Tân Lợi

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 21; trong đó:

a) Bỏ 07 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 272 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 26 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191; Điểm cuối: Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18);

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3;

+ Đường liên xã; Điểm đầu: Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106;

+ Đường Tân Tiến - Tân Hòa; Điểm đầu: Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155; Điểm cuối: Giáp ranh phường Đồng Phú;

+ Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng; Điểm đầu: Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91;

+ Đường liên ấp; Điểm đầu: Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 284.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.400.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 753 từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 109.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp (bằng giá 19) đoạn từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.67. Tại Xã Đồng Tâm

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 36; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 1) sửa điểm cuối từ "Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)" thành "Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 4) sửa điểm cuối từ "Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)" thành "Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)";

+ Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) (STT 10) sửa điểm cuối từ "" thành "hết ranh thửa 401 tờ 294";

+ Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh (STT 12) sửa điểm cuối từ "" thành "hết ranh tờ 283 thửa 145";

+ Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m (STT 21) sửa điểm cuối từ "" thành "hết ranh tờ 36 thửa 98";

+ Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m (STT 22) sửa điểm cuối từ "" thành "hết ranh tờ 174 thửa 1226";

+ Đường Lam Sơn - Tân Phước (STT 24) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 110, số 155, tờ bản đồ 213 (tiếp giáp đường ĐT 753)" thành "Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước";

b) Sửa điểm đầu của 05 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 2) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)" thành "Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết

đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 5) sửa điểm đầu từ "Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)" thành "Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 6) sửa điểm đầu từ "Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)" thành "Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)";

+ Đường ĐT 753 (STT 16) sửa điểm đầu từ "Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 45)" thành "Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295)";

+ Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi (STT 26) sửa điểm đầu từ "Đoạn còn lại" thành "Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229";

c) Sửa tên đường của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh (STT 13) sửa tên đường thành "Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1";

d) Bỏ 08 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 07 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường Quốc lộ 14 [đoạn từ giáp ranh phường Bình Phước (Cầu 2) đến hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14); hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)] trong phạm vi 200m (STT 19); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường Quốc lộ 14 (đoạn còn lại) trong phạm vi 200m (STT 20); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m (STT 27); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông có hàng lang lộ giới 14m trở lên tính từ tim đường (STT 32); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông có hàng lang lộ giới từ 10 - 14m tính từ tim đường (STT 33); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông (STT 34); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại (STT 35); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

e) Bổ sung mới 196 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 04 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm); Điểm đầu: Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206;

+ Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm); Điểm đầu: Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206;

+ Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước; Điểm đầu: Từ thửa đất số 175 tờ bản đồ số 301; Điểm cuối: Tiếp giáp thửa đất 141 tờ bản đồ số 294;

+ Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước; Điểm đầu: Từ thửa đất số 84 tờ bản đồ số 301; Điểm cuối: Tiếp giáp thửa đất 45 tờ bản đồ số 303;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 224.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.700.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 14 từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 124.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.68. Tại Phường Đồng Phú

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 138; trong đó:

a) Bổ sung mới 835 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú; Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 973.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.800.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) từ Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82);

+ Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) (Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 223).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 99.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.69. Tại Phường Lộc Ninh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 117; trong đó:

a) Bỏ 01 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 709 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ); Điểm đầu: Nhà máy hạt điều (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 143); Điểm cuối: Giáp ranh xã Lộc Hưng;

+ Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2; Điểm đầu: Ngã ba thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82; Điểm cuối: Cầu Hai Hổ;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 825.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 10.100.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 99.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.70. Tại Xã Lộc Thành

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 36; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) (STT 6) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)" thành "Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111";

b) Bỏ 04 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường ĐT 754 (STT 2); Điểm đầu: Ngã tư Đồng Tâm; Điểm cuối: Cầu số 1; bỏ vì trùng đoạn, k khác giá;

+ Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) (STT 10); Điểm đầu: Ngã tư Đồng Tâm; Điểm cuối: Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ); bỏ, vì bị trùng 2 đoạn bên lộc hưng, và giá lộc thành thấp hơn;

c) Bổ sung mới 174 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 206.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.800.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 139.000 đồng/m2 tại 5 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên

Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.71. Tại Xã Lộc Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 31; trong đó:

a) Bỏ 05 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 156 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 182.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.900.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 184.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.72. Tại Xã Lộc Tấn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 42; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) (STT 6) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)" thành "Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111";

+ Đường nhựa (STT 20) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102" thành "Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102";

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 24) sửa điểm cuối từ "Ngã ba liên ngành" thành "Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa (STT 19) sửa điểm đầu từ "Cống bản giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)" thành "thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111";

+ Đường Quốc lộ 13 (STT 25) sửa điểm đầu từ "Ngã ba liên ngành" thành "Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)";

c) Bỏ 07 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) (STT 12); Điểm đầu: Giáp ranh xã Lộc Thành; Điểm cuối: Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87; bỏ trùng đoạn với lộc thành va bằng giá;

d) Bổ sung mới 210 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 245.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.100.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Tất Thành từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 166.000 đồng/m2 tại 5 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng

là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.73. Tại Xã Lộc Thạnh

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 17; trong đó:

a) Bỏ 03 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 84 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 98.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 990.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 160.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.74. Tại Xã Lộc Quang

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 40; trong đó:

a) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

b) Bổ sung mới 228 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 266.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.900.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 135.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.75. Tại Phường Tân Khai

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 117; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đông Tây 13 (STT 43) sửa điểm cuối từ "Đường Bắc Nam 3" thành "Đường Trục Chính Bắc Nam";

+ Đường Đông Tây 14 (STT 44) sửa điểm cuối từ "Đường Bắc Nam 3" thành "Đường Trục Chính Bắc Nam";

b) Bỏ 02 tuyến đường, gồm:

+ Đường Bắc Nam 5b (STT 18); Điểm đầu: Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5; Điểm cuối: Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7; không có đoạn tuyến này ,do nhầm lẫn trong quá trình tổng hợp;

+ Đường Bắc Nam 5c (STT 19); Điểm đầu: Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5; Điểm cuối: Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7; không có đoạn tuyến này ,do nhầm lẫn trong quá trình tổng hợp;

c) Bổ sung mới 648 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 763.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 8.100.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 99.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.76. Tại Xã Tân Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 35; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 758 (STT 11) sửa điểm cuối từ "Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16)" thành "Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16)";

+ Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) (STT 14) sửa điểm cuối từ "Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100)" thành "Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100)";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 758 (STT 11) sửa điểm đầu từ "Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 40; đất cao su)" thành "Lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su)";

+ Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng (STT 27) sửa điểm đầu từ "Ngã ba trạm y tế xã Tân Quan (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123)" thành "Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123)";

c) Bỏ 05 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường ĐT 756 (STT 2); Điểm đầu: Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan); Điểm cuối: Ngã 3 dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31); bỏ vì trùng với STT 4 và STT5 (giá bên xã Tân quan cao hơn);

+ Đường Bê tông xi măng nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên nối với đường ĐT 756, ĐT 757 và đường ĐT 758 trong phạm vi 300m từ HLLG (STT 31); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường bê tông có độ rộng từ 3m trở lên (STT 33); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

d) Bổ sung mới 180 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 210.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.100.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 757 từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 132.000 đồng/m2 tại 4 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.77. Tại Xã Tân Quan

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 47; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 12 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 758 (STT 3) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 đi Thanh An (Hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)" thành "Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)";

+ Đường ĐH 09 (STT 14) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 128, tờ bản đồ số 109" thành "Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110";

+ Đường ĐH 09 (STT 15) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118" thành "Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118";

+ Đường liên xã (STT 16) sửa điểm cuối từ "Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)" thành "Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)";

+ Đường liên xã (STT 17) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10)" thành "Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10)";

+ Đường liên xã (STT 18) sửa điểm cuối từ "Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)" thành "Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)";

+ Đường Liên xã (STT 19) sửa điểm cuối từ "Ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35)" thành "ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35)";

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng (STT 22) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124)" thành "Ngã ba (thửa đất số 83 và thửa đất số 82 tờ bản đồ số 59)" do bị trùng tuyến ở giuuax thêm đường BS;

+ Đường nhựa từ Ngã 3 Sóc Trào đi ấp Sóc Trào B (STT 23) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146" thành "Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146";

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng (STT 26) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 134, tờ bản đồ số 65" thành "Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65";

+ Đường ĐH 11 (STT 30) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh cao su Nông trường cao su Xa Trạch" thành "Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110";

+ Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan (STT 36) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 983, tờ bản đồ số 64" thành "Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64";

b) Sửa điểm đầu của 12 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 758 (STT 3) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Thác số 4" thành "Ngã ba Thác số 4";

+ Đường ĐH 09 (STT 14) sửa điểm đầu từ "Từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114" thành "Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114";

+ Đường ĐH 09 (STT 15) sửa điểm đầu từ "Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115" thành "Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115";

+ Đường liên xã (STT 16) sửa điểm đầu từ "Cầu Xa Trạch 1 (Từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29)" thành "Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29)";

+ Đường liên xã (STT 17) sửa điểm đầu từ "Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)" thành "Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)";

+ Đường liên xã (STT 18) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10)" thành "Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10)";

+ Đường Liên xã (STT 19) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Sở Líp (Từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 57)" thành "Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57)";

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng (STT 22) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (Từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161)" thành "Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161)" do bị trùng tuyến ở giưuax thêm đường BS;

+ Đường nhựa từ Ngã 3 Sóc Trào đi ấp Sóc Trào B (STT 23) sửa điểm đầu từ "Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61" thành "Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61";

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng (STT 26) sửa điểm đầu từ "Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105" thành "Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105";

+ Đường ĐH 11 (STT 30) sửa điểm đầu từ "Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157" thành "Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157";

+ Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan (STT 36) sửa điểm đầu từ "Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93" thành "Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93";

c) Sửa tên đường của 12 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 758 (STT 3) sửa tên đường thành "Đường ĐT 758";

+ Đường ĐH 09 (STT 14) sửa tên đường thành "Đường ĐH 09";

+ Đường ĐH 09 (STT 15) sửa tên đường thành "Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09)";

+ Đường liên xã (STT 16) sửa tên đường thành "Đường liên xã";

+ Đường liên xã (STT 17) sửa tên đường thành "Đường liên xã";

+ Đường liên xã (STT 18) sửa tên đường thành "Đường liên xã";

+ Đường Liên xã (STT 19) sửa tên đường thành "Đường Liên xã";

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng (STT 22) sửa tên đường thành "Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng" do bị trùng tuyến ở giưuax thêm đường BS;

+ Đường nhựa từ Ngã 3 Sóc Trào đi ấp Sóc Trào B (STT 23) sửa tên đường thành "Đường nhựa Liên xã";

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng (STT 26) sửa tên đường thành "Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng";

+ Đường ĐH 11 (STT 30) sửa tên đường thành "Đường ĐH 11";

+ Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan (STT 36) sửa tên đường thành "Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan";

d) Bỏ 04 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Nha Bích (STT 25); Điểm đầu: Từ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106; Điểm cuối: Hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 108; Theo Văn bản số 897/UBND-KT ngày 11/6/2026;

+ Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756B và đường ĐT 756C trong phạm vi 200m đầu tính từ HLLG (STT 42); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

+ Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên (STT 43); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ;

e) Bổ sung mới 272 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng; Điểm đầu: Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59; Điểm cuối: Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124); bổ sung do trùng tuyến ở giữa lấy giá cao hơn cần thêm đoạn này;

+ Đường ĐT 756; Điểm đầu: Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61); Điểm cuối: Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 315.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.200.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 758 từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 154.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.78. Tại Xã Minh Đức

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 50; trong đó:

a) Sửa điểm đầu của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường bê tông trường THCS ấp 1A (STT 8) sửa điểm đầu từ "Trường THCS Minh Đức" thành "Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66";

+ Đường bê tông trường THCS ấp 1A (STT 9) sửa điểm đầu từ "Trường THCS Minh Đức" thành "Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66";

+ Đường Bình Phú - Sóc Rul (STT 46) sửa điểm đầu từ "Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 93" thành "Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94";

b) Bỏ 02 tuyến đường, gồm:

+ Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (STT 26); Điểm đầu: Ranh Suối; Điểm cuối: Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ); Trùng với STT 42;

+ Đường Nhựa ấp 4 (STT 43); Điểm đầu: Ngã 4 đường ĐT752; Điểm cuối: Giáp suối; Trùng với STT 27;

c) Bổ sung mới 289 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đượng nhựa; Điểm đầu: Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22; Điểm cuối: Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24;

+ Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ); Điểm đầu: Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7; Điểm cuối: Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 337.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.600.000 đồng/m2 tại 3 tuyến đường sau:

+ Đường ĐH 246 từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66)_x000D_ đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66);

+ Đường ĐH 246 từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm _x000D_ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11;

+ Đường ĐT 752 từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02_x000D_ đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 _x000D_ Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 140.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ_x000D_ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.79. Tại Xã Phước Sơn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 73; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 15 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 755 (STT 1) sửa điểm cuối từ "Hết ranh Công ty Hà Mỵ thôn 1" thành "Hết ranh Công ty Hà Mỵ thôn Phước Lộc";

+ Đường ĐT 755 (STT 2) sửa điểm cuối từ "Nhà văn hóa thôn 2" thành "Nhà văn hóa thôn Phước Lộc";

+ Đường ĐT 755 (STT 3) sửa điểm cuối từ "Hết địa phận thôn 3" thành "Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô";

+ Đường ĐT 755 (STT 4) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản" thành "Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản";

+ Đường ĐT 755 (STT 5) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn 6" thành "Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh";

+ Đường ĐT 755 (STT 10) sửa điểm cuối từ "Ranh xã Phước Sơn" thành "Ranh xã Phước Sơn (cũ)";

+ Đường ĐT 755 (STT 11) sửa điểm cuối từ "Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m" thành "Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m";

+ Đường ĐT 755 (STT 12) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 ông Hoàng Cá Mắm (thôn 4 Thống Nhất)" thành "Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện)";

+ Đường ĐT 755 (STT 13) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Giáp ranh xã Nghĩa Trung";

+ Đường vào Sóc ông La (STT 17) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 NVH thôn 11 Thống Nhất" thành "Ngã ba NVH thôn Phước Hòa";

+ Đường ĐT 755B (STT 34) sửa điểm cuối từ "Hết ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn 7 Thống Nhất)" thành "Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến)";

+ Đường ĐT 755B (STT 37) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Tám (thôn 9 Thống Nhất)" thành "Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa)";

+ Đường đi Bàu Tre (DHA.05) (STT 41) sửa điểm cuối từ "Đường BTXM giáp ranh ông Bàn Văn Minh và ông Lâm Văn Sen" thành "Giáp suối";

+ Đường Ngã 3 Cây xăng Thiên Bảo (STT 64) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 ông Tuyến" thành "Đường ĐT 755";

+ Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn 10 Thống Nhất (STT 69) sửa điểm cuối từ "Giáp đất ông Phan Văn Tuấn" thành "Hết tuyến";

b) Sửa điểm đầu của 12 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 755 (STT 2) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh Công ty Hà Mỵ thôn 1" thành "Giáp ranh Công ty Hà Mỵ thôn Phước Lộc";

+ Đường ĐT 755 (STT 3) sửa điểm đầu từ "Nhà văn hóa thôn 2" thành "Nhà văn hóa thôn Phước Lộc";

+ Đường ĐT 755 (STT 6) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn 6" thành "Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh";

+ Đường ĐT 755 (STT 13) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 tổ 1, tổ 2 (thôn 4 Thống Nhất)" thành "Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện)";

+ Tuyến đường tổ 1,tổ 2 thôn 4 Thống Nhất (STT 19) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 tổ 1, tổ 2 thôn 4 Thống Nhất" thành "Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm";

+ Đường ĐT 755B (STT 35) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn 7 Thống Nhất)" thành "Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến)";

+ Đường ĐT 755B (STT 38) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Tám (thôn 9 Thống Nhất)" thành "Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa)";

+ Đường BTXM đoạn nhà ông Lương Văn Dựng (STT 56) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 755" thành "Đường ĐT 755";

+ Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát (STT 59) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà)" thành "Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)";

+ Đường cạnh NVH thôn 8 Thống Nhất (STT 60) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà)" thành "Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)";

+ Đường Ngã 3 ông Hoàng Cá Mắm (STT 66) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 755" thành "Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện";

+ Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn 10 Thống Nhất (STT 69) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 755" thành "Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)";

c) Sửa tên đường của 10 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi Thôn 8 Thống Nhất (STT 15) sửa tên đường thành "Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến";

+ Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13) (STT 43) sửa tên đường thành "Đường thôn Phước An (DHA.13)";

+ Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13) (STT 44) sửa tên đường thành "Đường thôn Phước An (DHA.13)";

+ Đường Thôn 2 Đăng Hà đi Thôn 1 Đăng Hà (DHA.12) (STT 45) sửa tên đường thành "Đường thôn Phước An (DHA.12)";

+ Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14) (STT 46) sửa tên đường thành "Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14)";

+ Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14) (STT 47) sửa tên đường thành "Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14)";

+ Đường Thôn 3 đi Bàu Cá Rô (STT 57) sửa tên đường thành "Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô";

+ Đường từ Ngã 3 Tàu đi đường Bàu Cá Rô Thôn 2 Thống Nhất (STT 58) sửa tên đường thành "Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm" do trùng); Sửa tên thôn;

+ Đường NVH thôn 3 Thống Nhất (STT 63) sửa tên đường thành "Đường NVH thôn Phước Tâm";

+ Đường Ngã 3 ông Hoàng Cá Mắm (STT 66) sửa tên đường thành "Tuyến đường thôn Phước Thiện";

d) Bỏ 06 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 05 tuyến đường giao thông chính là:

+ Tuyến đường Ngã 3 thôn 12 Thống Nhất (STT 20); Điểm đầu: Ngã 3 thôn 12 Thống Nhất; Điểm cuối: Giáp ranh xã Đăng Hà (cũ); - STT 20: Tuyến đường ngã ba thôn 12 Thống Nhất – Giáp ranh xã Đăng Hà(cũ). Kiến nghị bỏ tuyến đường này do trùng với tuyến đường STT 68;

+ Đường thôn 8 đến thôn 11 Thống Nhất (STT 23); Điểm đầu: Nhà văn hóa thôn 8 Thống Nhất; Điểm cuối: Tổ 2 thôn 11 Thống Nhất; - STT 23: Đường thôn 8 đến thôn 11 Thống Nhất. Kiến nghị bỏ tuyến đường này do trùng một phần với tuyến đường STT 60 và 64;

+ Đường đi ngã ba Ba Tàu đến Bàu Cá rô (STT 24); Điểm đầu: Đường ĐT 755; Điểm cuối: Hết tuyến; Loại bỏ: do trùng với STT 58;

+ Đường Làng Thôn 1 Thống Nhất (STT 61); Điểm đầu: Đường ĐT 755; Điểm cuối: Ngã 3 nhà ông Nguyễn Văn Hiếu; - STT 61: Đường Làng thôn 1 Thống Nhất. Kiến nghị bỏ tuyến đường này do trùng với tuyến đường STT 21 và 22;

+ Đường nội ô thôn 3 Thống Nhất, xã Phước Sơn (STT 72); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Loại bỏ (do trùng với tuyến đường số 70, 71);

e) Bổ sung mới 402 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 469.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.000.000 đồng/m2 tại 3 tuyến đường sau:

+ Đường ĐT 755 từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy;

+ Đường ĐT 755 từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m;

+ Đường ĐT 755B từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 95.000 đồng/m2 tại 4 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp

ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vần đến Dốc khỉ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.80. Tại Xã Nghĩa Trung

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 40; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 2) sửa điểm cuối từ "Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung" thành "Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 8) sửa điểm cuối từ "Cầu 23 (gần chợ Bù Na)" thành "Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 10) sửa điểm cuối từ "Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung" thành "Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104)";

+ Đường Sao Bọng - Đăng Hà (STT 14) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Đường vào tổ 7 thôn 2" thành "Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48";

+ Đường tổ 1 (STT 18) sửa điểm cuối từ "Đầu ranh đất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" thành "Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47";

+ Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ (STT 27) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh thôn Bình Tiến" thành "Hết ranh thửa 98 tờ 72";

+ Đường ĐT 759 (STT 32) sửa điểm cuối từ "Ranh giới xã Phước Tân, Huyện Phú Riềng (cũ)" thành "Giáp ranh xã Phú Trung";

b) Sửa điểm đầu của 14 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 1) sửa điểm đầu từ "Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi" thành "Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 3) sửa điểm đầu từ "Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung" thành "Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ)";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 6) sửa điểm đầu từ "Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung" thành "Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104";

+ Đường Quốc lộ 14 cũ (STT 11) sửa điểm đầu từ "Ngã ba 32" thành "Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42)";

+ Đường Quốc lộ 14 cũ (STT 12) sửa điểm đầu từ "Ngã ba 33" thành "Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42)";

+ Đường Quốc lộ 14 cũ (STT 13) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Đức Liễu" thành "Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27)";

+ Đường Sao Bọng - Đăng Hà (STT 15) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Đường vào tổ 7 thôn 2" thành "Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48";

+ Đường tổ 1 (STT 19) sửa điểm đầu từ "Đầu ranh đất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" thành "Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47";

+ Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) (STT 23) sửa điểm đầu từ "Ranh xã Nghĩa Bình - Đức Liễu (cũ)" thành "Đường tổ 3B";

+ Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) (STT 24) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Minh Đức" thành "Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81)";

+ Đường Sóc 29 (STT 26) sửa điểm đầu từ "Đường Quốc lộ 14" thành "Quốc lộ 14";

+ Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến (STT 29) sửa điểm đầu từ "Ngã ba sân bay" thành "Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122)";

+ Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến (STT 30) sửa điểm đầu từ "Nhà ông Biện Văn Hai" thành "Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105";

+ Đường đi thôn 2 (STT 36) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 cổng chào thôn 2" thành "Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130";

c) Bỏ 03 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường liên xã Đức Liễu - Nghĩa Bình (cũ) (STT 20); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Loại bỏ khỏi bảng giá (Gộp với đường số thứ tự 23). Đường bị loại bỏ này có giá thấp hơn stt23;

+ Đường ĐT 753B (STT 33); Điểm đầu: Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn; Điểm cuối: Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131; bỏ vì trùng với STT 17 xã Đồng Tâm (giá phường Đồng Tâm cao hơn);

d) Bổ sung mới 334 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 16 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường 33; Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Quốc lộ 14 cũ;

+ Đường 34; Điểm đầu: Quốc lộ 14 - Chợ 34; Điểm cuối: Ngã Ba đường 33;

+ Đường đi thác 34; Điểm đầu: Quốc lộ 14 cũ; Điểm cuối: Thác 34;

+ Đường 36; Điểm đầu: Quốc lộ 14 - thôn 5; Điểm cuối: Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7;

+ Đường liên thôn Đức Bổn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ); Điểm đầu: Ngã ba thôn 1; Điểm cuối: Trung tâm thôn 3;

+ Đường thôn 2 đi thôn 5; Điểm đầu: Đường ĐT755B; Điểm cuối: Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2;

+ Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung; Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung;

+ Đường ngã ba Trạm Cân; Điểm đầu: Đường Quốc lộ 14; Điểm cuối: Đất lâm trường;

+ Đường ngã ba Trạm y tế cũ; Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Đất lâm trường;

+ Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ); Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44;

+ Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ); Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Quốc lộ 14;

+ Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ); Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38;

+ Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ); Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39;

+ Đường Đảo Ốc; Điểm đầu: Quốc lộ 14; Điểm cuối: Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ);

+ Đường thôn 4; Điểm đầu: Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ); Điểm cuối: Đường đi thác 34;

+ Đường thôn 1; Điểm đầu: Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34; Điểm cuối: Hồ thủy điện Thác Mơ;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 371.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.800.000 đồng/m2 tại Đường hai bên chợ Nghĩa Trung từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 155.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến_x000D_ đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.81. Tại Xã Bù Đăng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 120; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 09 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 2) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Nhà văn hóa thôn 2" thành "Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 16) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Đường vào Thác Đứng thôn 01" thành "Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 20) sửa điểm cuối từ "Đường Quốc lộ 14 ngã 3 Đường vào thôn 7" thành "Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng";

+ Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) (STT 70) sửa điểm cuối từ "Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện" thành "Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện";

+ Đường liên thôn (STT 86) sửa điểm cuối từ "Đi thôn Đoàn Kết (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755)" thành "Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755)";

+ Đường ĐT 760 (STT 88) sửa điểm cuối từ "Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Hưng Phước)" thành "Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng";

+ Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) (STT 95) sửa điểm cuối từ "Khu dân cư thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)" thành "Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)";

+ Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) (STT 99) sửa điểm cuối từ "Nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân" thành "Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65)";

+ Ngã 3 thôn Hưng Tân đi thôn Minh Hưng, thôn Hưng Thịnh, thôn Hưng Phú (STT 101) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 đường đi thôn Hưng Phú" thành "Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155";

b) Sửa điểm đầu của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 3) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Nhà văn hóa thôn 2" thành "Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 17) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Đường vào Thác Đứng thôn 01" thành "Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng";

+ Đường Quốc lộ 14 (STT 21) sửa điểm đầu từ "Đường Quốc lộ 14 ngã 3 Đường vào thôn 7" thành "Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh";

+ Đường ĐT 760 (STT 89) sửa điểm đầu từ "Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Hưng Phước)" thành "Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng)";

+ Đường xâm nhập vào thôn Hưng Phát (thôn 7 Minh Hưng cũ) (STT 94) sửa điểm đầu từ "Hết ranh Khu dân cư thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)" thành "Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)";

+ Ngã 3 thôn Hưng Tân đi thôn Minh Hưng, thôn Hưng Thịnh, thôn Hưng Phú (STT 101) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 giáp đường thôn Hưng Tân (đường ngã ba Hành)" thành "Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tở bản đồ số 128 (ngã ba hành)";

c) Sửa tên đường của 11 tuyến đường hiện có là:

+ Đường xâm nhập vào thôn Hưng Phát (thôn 7 Minh Hưng cũ) (STT 94) sửa tên đường thành "Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng";

+ Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) (STT 95) sửa tên đường thành "Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)";

+ Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) (STT 96) sửa tên đường thành "Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ)";

+ Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú (STT 97) sửa tên đường thành "Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Mình Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú";

+ Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ), vào Nhà văn hóa thôn Hưng Tân đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) (STT 98) sửa tên đường thành "Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)";

+ Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) (STT 99) sửa tên đường thành "Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ)";

+ Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) (STT 100) sửa tên đường thành "Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng)";

+ Ngã 3 thôn Hưng Tân đi thôn Minh Hưng, thôn Hưng Thịnh, thôn Hưng Phú (STT 101) sửa tên đường thành "Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)";

+ Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn 3, Minh Hưng (thôn Hưng Thịnh) (STT 112) sửa tên đường thành "Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn Hưng Thịnh cũ)";

+ Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) (STT 116) sửa tên đường thành "Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa)";

+ Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết) (STT 118) sửa tên đường thành "Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đến hết tờ bản đồ số 103)";

d) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

e) Bổ sung mới 708 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 826.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 8.100.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 14 từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 149.000 đồng/m2 tại 3 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tở bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.82. Tại Xã Thọ Sơn

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 40; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 03 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Quốc lộ 14 cũ (STT 9) sửa điểm cuối từ "Hết ranh cây xăng Duy Kỳ" thành "Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ";

+ Đường Đoàn Kết - Đồng Nai (STT 21) sửa điểm cuối từ "Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)" thành "Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)";

+ Đường Đoàn Kết - Đồng Nai (STT 24) sửa điểm cuối từ "Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38)" thành "Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38)";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Đoàn Kết - Đồng Nai (STT 25) sửa điểm đầu từ "Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38)" thành "Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38)";

+ Đường bê tông xi măng (STT 34) sửa điểm đầu từ "Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ" thành "Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ";

c) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

d) Bổ sung mới 235 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Phước Sơn - Đồng Nai; Điểm đầu: Ngã ba Vườn Sao; Điểm cuối: Giáp ranh xã Bù Đăng;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 273.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.300.000 đồng/m2 tại 4 tuyến đường sau:

+ Đường Quốc lộ 14 từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường;

+ Đường Quốc lộ 14 từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800);

+ Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ (Toàn tuyến);

+ Đường hai bên chợ Thọ Sơn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 88.000 đồng/m2 tại 5 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng (Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ) có hiện

trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Quỳnh đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp bê tông xi măng (Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.83. Tại Xã Đắk Nhau

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 39; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 3) sửa điểm cuối từ "Ngã ba thôn 2 đi thôn 5" thành "Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Bom Bo" thành "Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79)" do bị trùng với bombo giá bombo cao hơn;

+ Đường thâm nhập nhựa (STT 22) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14" thành "Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14";

c) Sửa tên đường của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Ngã ba thôn 2 đi thôn 5 (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) (STT 27) sửa tên đường thành "Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719)";

+ Ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 (STT 28) sửa tên đường thành "Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ)";

+ Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến nhà văn hóa thôn 5 (STT 30) sửa tên đường thành "Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn";

+ Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 (STT 31) sửa tên đường thành "Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ)";

d) Bỏ 03 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) (STT 29); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; bỏ,trùng đoạn khác giá;

e) Bổ sung mới 216 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 252.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 900.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 760 từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 75.000 đồng/m2 tại 5 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.84. Tại Xã Bom Bo

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 44; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 17 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 1) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 34, 124 tờ bản đồ số 78" thành "Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78";

+ Đường ĐT 760 (STT 7) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn 3)" thành "Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn)";

+ Đường ĐT 760 (STT 11) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 26, 197 tờ bản đồ số 55" thành "Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55";

+ Đường ĐT 760 (STT 13) sửa điểm cuối từ "Ngã ba cổng chào thôn 8" thành "Ngã ba đường đi Đăk Liên";

+ Đường ĐT 760 (STT 14) sửa điểm cuối từ "Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo" thành "Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29)";

+ Đường ĐT 760 (STT 15) sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà ông Sáu Lực" thành "Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36)";

+ Đường ĐT 760 (STT 16) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 ông Võ Lý Hùng" thành "Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22)";

+ Đường ĐT 760 (STT 17) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Đắk Nhau" thành "Giáp ranh xã Đắk Nhau";

+ Đường Ba Trà đi thôn 678 (STT 22) sửa điểm cuối từ "Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64" thành "Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 28) sửa điểm cuối từ "Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng" thành "Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40)";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 29) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 nhà ông Ngộ" thành "Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33)";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 30) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 nhà ông Tuấn Anh" thành "Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34)";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 31) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn" thành "Hết ranh đất lâm phần";

+ Đường ô trường Tiểu học (STT 36) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 nhà ông Long Quý" thành "Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40)";

+ Đường Thôn 7 - Thôn 9 (STT 37) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 nhà ông Tô Văn Tướng" thành "Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10)";

+ Đường vào Khu dân cư Thái Thành (STT 39) sửa điểm cuối từ "Khu dân cư Thái Thành" thành "Khu dân cư Thái Thành";

+ Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ (STT 40) sửa điểm cuối từ "Ngã ba nhà ông Thái" thành "Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6)";

b) Sửa điểm đầu của 14 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 2) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 34, 124 tờ bản đồ số 78" thành "Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78";

+ Đường ĐT 760 (STT 8) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn 3)" thành "Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn)";

+ Đường ĐT 760 (STT 9) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 141, 308, tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - Quy hoạch khu dân cư thôn 4)" thành "Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo))";

+ Đường ĐT 760 (STT 12) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 26, 197 tờ bản đồ số 55" thành "Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55";

+ Đường ĐT 760 (STT 14) sửa điểm đầu từ "Ngã ba cổng chào thôn 8" thành "Ngã ba đường đi Đăk Liên";

+ Đường ĐT 760 (STT 15) sửa điểm đầu từ "Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo" thành "Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo";

+ Đường ĐT 760 (STT 16) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh nhà ông Sáu Lực" thành "Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36)";

+ Đường ĐT 760 (STT 17) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 ông Võ Lý Hùng" thành "Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22)";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 29) sửa điểm đầu từ "Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng" thành "Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40)";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 30) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 nhà ông Ngộ" thành "Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33)";

+ Đường đi Đăk Liên (STT 31) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 nhà ông Ngộ" thành "Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33)";

+ Đường ô trường Tiểu học (STT 36) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 nhà ông Tiền" thành "Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40)";

+ Đường bên hông Trung tâm thương mại (STT 38) sửa điểm đầu từ "Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà" thành "Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37)";

+ Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ (STT 40) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 ông Xây" thành "Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2)";

c) Sửa tên đường của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường 23 (đường liên xã) (STT 20) sửa tên đường thành "Đường 23 (đường liên xã)";

+ Đường 24 (đường liên xã) (STT 21) sửa tên đường thành "Đường 24 (đường liên xã)";

d) Bỏ 03 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường đi Đăk Liên (STT 32); Điểm đầu: Ngã 3 vào trường Cấp 1, 2 Trần Văn Ơn; Điểm cuối: Hết ranh đất lâm phần; Đã gộp;

e) Bổ sung mới 267 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường vào nghĩa địa xã; Điểm đầu: Đường ĐT 760; Điểm cuối: Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21);

+ Đường vào xóm Bến Tre; Điểm đầu: Đường ĐT 760; Điểm cuối: Ngã ba thửa đất số 63 tở bản đồ số 20;

+ Đường vào sân vận động xã; Điểm đầu: Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau; Điểm cuối: Đường vào Khu dân cư Thái Thành;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 308.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.100.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 760 từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 88.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số

122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.85. Tại Xã Thiện Hưng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 133; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 54 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 1) sửa điểm cuối từ "Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 74)" thành "Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74)";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 2) sửa điểm cuối từ "Cây xăng thị trấn Thanh Bình (cũ), hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09" thành "Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 3) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44" thành "Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 4) sửa điểm cuối từ "Đường Nguyễn Văn Trỗi" thành "Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34)";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 5) sửa điểm cuối từ "Ranh xã Thiện Hưng cũ" thành "Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái))";

+ Đường Lê Duẩn (STT 9) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 633, tờ bản đồ số 10" thành "Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10)";

+ Đường Lê Duẩn (STT 10) sửa điểm cuối từ "Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ)" thành "Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái)";

+ Đường Hùng Vương (STT 14) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65)";

+ Đường Phạm Ngọc Thạch (STT 21) sửa điểm cuối từ "Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điểu Tài) cũ)" thành "Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1)";

+ Đường Phạm Ngọc Thạch (STT 22) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Thanh Hoà (cũ)" thành "Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải";

+ Đường 7/4 (STT 26) sửa điểm cuối từ "Đường Chu Văn An" thành "Đường Nguyễn Trãi";

+ Đường Cống Quỳnh (STT 37) sửa điểm cuối từ "Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu (D2)" thành "Đến giáp đường Tô Hiến Thành";

+ Đường nhựa Cần Đơn (STT 38) sửa điểm cuối từ "Trụ điện 02" thành "Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29)";

+ Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) (STT 46) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)" thành "Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải";

+ Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) (STT 47) sửa điểm cuối từ "Ranh xã Thanh Hòa (cũ)" thành "Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải";

+ Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (STT 49) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Kiết Lành" thành "Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11";

+ Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (STT 59) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11 (Hết ranh thị trấn Thanh Bình (cũ))" thành "Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5";

+ Đường nhựa (Sao Biển) (STT 63) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 45" thành "Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38)";

+ Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình (STT 64) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 36" thành "Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39)";

+ Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể (STT 65) sửa điểm cuối từ "" thành "Đến đường Nguyễn Lương Bằng";

+ Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) (STT 70) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74" thành "Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74";

+ Đường ĐT 759B (STT 74) sửa điểm cuối từ "Cống Tầm Ron" thành "Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái";

+ Đường ĐT 759B (STT 75) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)" thành "Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124)";

+ Đường ĐT 759B (STT 76) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124)";

+ Đường ĐT 759B (STT 78) sửa điểm cuối từ "Hết ranh trại hòm Ba Đừng" thành "Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150)";

+ Đường ĐT 759B (STT 79) sửa điểm cuối từ "Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng" thành "Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144";

+ Đường ĐT 759B (STT 80) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 178" thành "Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178";

+ Đường ĐT 759B (STT 81) sửa điểm cuối từ "Hết ranh Đài tưởng niệm" thành "Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang))";

+ Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) (STT 83) sửa điểm cuối từ "Cổng chào ấp 8" thành "Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải";

+ Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) (STT 84) sửa điểm cuối từ "Nhà văn hóa ấp 8" thành "Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134)";

+ Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) (STT 85) sửa điểm cuối từ "Chùa Thanh Vân" thành "Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải)";

+ Đường cổng chào ấp 3 (STT 86) sửa điểm cuối từ "Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ" thành "Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải)";

+ Đường nhựa ấp 1 (STT 88) sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà văn hóa ấp 1" thành "Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải";

+ Đường nhựa ấp 2 (STT 89) sửa điểm cuối từ "Ngã tư ấp 2 và ấp 3" thành "Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải)";

+ Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) (STT 95) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 110" thành "Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái";

+ Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) (STT 96) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 91, tờ bản đồ số 116" thành "Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải" do mức giá 480 không phù hợp;

+ Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) (STT 97) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 125" thành "Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải";

+ Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) (STT 98) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 6 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 129" thành "Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16";

+ Đường bê tông vào ấp 6 (STT 99) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 124" thành "Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải";

+ Đường bê tông vào ấp 6 (STT 101) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 123" thành "Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái";

+ Đường khu dân cư ấp 3 (STT 105) sửa điểm cuối từ "Hết ranh đất nhà ông Mến (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 115)" thành "Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải";

+ Đường tránh (STT 106) sửa điểm cuối từ "Hết ranh đất ông Ham (hết ranh thửa đất số 244, tờ bản đồ số 124)" thành "Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá";

+ Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (STT 107) sửa điểm cuối từ "Nhà ông Dương Văn Đông (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 91)" thành "Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái";

+ Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) (STT 108) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 91" thành "Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái";

+ Đường nhựa (STT 110) sửa điểm cuối từ "Ngã ba nhà bà Ti thôn 3" thành "Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái)";

+ Đường nhựa (STT 113) sửa điểm cuối từ "Trạm xá E717" thành "Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144)";

+ Đường nhựa (STT 116) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu" thành "Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171)";

+ Đường nhựa (STT 117) sửa điểm cuối từ "Nhà văn hóa cộng đồng" thành "Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145)";

+ Đường nhựa (STT 119) sửa điểm cuối từ "Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717" thành "Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái))";

+ Đường nhựa thôn 2 (STT 122) sửa điểm cuối từ "Đường nhựa thôn 5" thành "Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138";

+ Đường nhựa thôn 6 (STT 127) sửa điểm cuối từ "Ngã tư thôn 6" thành "Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái)";

+ Đường nhựa thôn 6 (STT 128) sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 120, tờ bản đồ số 140)" thành "Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140)";

+ Đường nhựa thôn 4 (STT 129) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 6 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 138" thành "Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái";

+ Đường nhựa (STT 14) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22" thành "Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22";

b) Sửa điểm đầu của 44 tuyến đường hiện có là:

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 1) sửa điểm đầu từ "Ranh xã Thanh Hòa (cũ)" thành "Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 2) sửa điểm đầu từ "Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 74)" thành "Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74)";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 3) sửa điểm đầu từ "Cây xăng thị trấn Thanh Bình (cũ), hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09" thành "Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 4) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44" thành "Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44";

+ Đường Nguyễn Huệ (STT 5) sửa điểm đầu từ "Đường Nguyễn Văn Trỗi" thành "Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34)";

+ Đường Lê Duẩn (STT 10) sửa điểm đầu từ "Hết thửa đất số 633, tờ bản đồ số 10" thành "Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10)";

+ Đường Lê Duẩn (STT 11) sửa điểm đầu từ "Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ)" thành "Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái)";

+ Đường Hùng Vương (STT 13) sửa điểm đầu từ "Vòng xoay" thành "Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75))";

+ Đường Phạm Ngọc Thạch (STT 22) sửa điểm đầu từ "Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điểu Tài) cũ)" thành "Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1)";

+ Đường Nguyễn Đình Chiểu (STT 35) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường Phan Đăng Lưu";

+ Đường nhựa Cần Đơn (STT 38) sửa điểm đầu từ "Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759)" thành "Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29)";

+ Đường nhựa Cần Đơn (STT 39) sửa điểm đầu từ "Trụ điện 02" thành "Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29)";

+ Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) (STT 47) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)" thành "Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải";

+ Đường nhựa đi công ty Chuối (STT 55) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 (hết ranh thửa đất số 24 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 28)" thành "Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28";

+ Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (Cổng chào ấp) (STT 58) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 13" thành "Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái";

+ Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (STT 60) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Kiết Lành" thành "Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11";

+ Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (STT 61) sửa điểm đầu từ "Ngã 3 Kiết Lành" thành "Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái";

+ Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể (STT 65) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Từ đường Nguyễn Chí Thanh";

+ Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) (STT 71) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74" thành "Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74";

+ Đường ĐT 759B (STT 75) sửa điểm đầu từ "Cống Tầm Ron" thành "Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái";

+ Đường ĐT 759B (STT 76) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)" thành "Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124)";

+ Đường ĐT 759B (STT 77) sửa điểm đầu từ "Ngã ba nhà ông Luyện (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 84)" thành "Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84";

+ Đường ĐT 759B (STT 78) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2)";

+ Đường ĐT 759B (STT 79) sửa điểm đầu từ "Hết ranh trại hòm Ba Đừng" thành "Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150)";

+ Đường ĐT 759B (STT 80) sửa điểm đầu từ "Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng" thành "Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144)";

+ Đường ĐT 759B (STT 81) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 178" thành "Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178";

+ Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) (STT 83) sửa điểm đầu từ "Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải";

+ Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) (STT 84) sửa điểm đầu từ "Cổng chào ấp 8" thành "Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải)";

+ Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) (STT 85) sửa điểm đầu từ "Nhà văn hóa ấp 8" thành "Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134)";

+ Đường cổng chào ấp 3 (STT 86) sửa điểm đầu từ "Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải)";

+ Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) (STT 93) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT759" thành "Đường ĐT759";

+ Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) (STT 95) sửa điểm đầu từ "Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 112" thành "Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái";

+ Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) (STT 96) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ)" do mức giá 480 không phù hợp;

+ Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) (STT 98) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 125" thành "Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải";

+ Đường nhựa vào ấp 8 (STT 103) sửa điểm đầu từ "Cổng chào ấp 8" thành "Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái)";

+ Đường tránh (STT 106) sửa điểm đầu từ "Cống Tầm Roong" thành "Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái";

+ Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) (STT 108) sửa điểm đầu từ "Hết ranh nhà ông Luyện (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 84)" thành "Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái";

+ Đường nhựa (STT 110) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đồi chi khu" thành "Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái)";

+ Đường nhựa (STT 113) sửa điểm đầu từ "Từ ngã ba chợ" thành "Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái)";

+ Đường nhựa (STT 117) sửa điểm đầu từ "Ngã ba bến xe mới vào 30m" thành "Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái)";

+ Đường nhựa thôn 4 (STT 120) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT759B" thành "Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138";

+ Đường nhựa thôn 2 (STT 122) sửa điểm đầu từ "Hết thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138" thành "Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái";

+ Đường nhựa thôn 3 (STT 123) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)" thành "Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2";

+ Đường nhựa thôn 4 (STT 130) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh thửa đất số 6 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 138" thành "Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái";

c) Sửa tên đường của 04 tuyến đường hiện có là:

+ Đường trong khu vực chợ (cũ) (STT 16) sửa tên đường thành "Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ)";

+ Đường giao thông đấu nối từ đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Huệ vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) (STT 51) sửa tên đường thành "Đường giao thông đấu nối từ đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Huệ vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)";

+ Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (STT 72) sửa tên đường thành "Đường bê tông Thanh Bình (cũ)";

+ Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) (STT 104) sửa tên đường thành "Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)";

d) Bỏ 07 tuyến đường, gồm:

+ Đường Lê Duẩn (STT 12); Điểm đầu: Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20); Điểm cuối: Cầu sông Bé mới; Phòng Kinh tế đề xuất bỏ do trùng với ĐT.759B;

+ Đường D4 (STT 41); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Phòng Kinh tế đề xuất bỏ do trùng với đường Chu Văn An;

+ Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Huệ (STT 68); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Phòng Kinh tế đề xuất bỏ do trùng với đường số thứ tự số 67: Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi;

+ Đường nhựa thôn 3 ranh giữa xã Thiện Hưng - xã Thanh Hòa (cũ) (STT 102); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Phòng Kinh tế đề xuất loại bỏ đường này;

+ Đường bê tông giáp ranh giữa xã Thanh Hòa và thị trấn Thanh Bình (cũ) (STT 109); Điểm đầu: Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 124; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 192, tờ bản đồ số 120; Phòng Kinh tế đề xuất bỏ do đã gộp với đường số thứ tự số 73 (Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ b;

+ Đường nhựa thôn 5 (STT 125); Điểm đầu: Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm); Điểm cuối: Chùa Tâm Pháp; bỏ vì trùng với STT 14 xã Hưng Phước (giá xã Hưng Phước cao hơn);

+ Đường nhựa thôn 6 (STT 126); Điểm đầu: Ngã ba thôn 6; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171); bỏ do trùng với đường số thứ tự 116: Đường nhựa từ Ngã ba thôn 6 đến Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu;

e) Bổ sung mới 754 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 04 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn; Điểm đầu: từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái; Điểm cuối: Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái;

+ Đường ấp Thanh Sơn; Điểm đầu: Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải; Điểm cuối: Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái;

+ Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại; Điểm đầu: ; Điểm cuối: ;

+ Đường ấp Thanh Bình; Điểm đầu: từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36); Điểm cuối: hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 880.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 8.200.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Đường Nguyễn Huệ từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44;

+ Đường Lê Duẩn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 132.000 đồng/m2 tại 15 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.86. Tại Xã Tân Tiến

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 78; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa ấp 2 (STT 89) sửa điểm cuối từ "Ngã tư ấp 2 và ấp 3" thành "Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải)";

b) Bỏ 01 tuyến đường, gồm:

+ Đường ĐT 759B (STT 1); Điểm đầu: Giáp ranh xã Lộc Tấn; Điểm cuối: Giáp ranh xã Lộc Quang; bỏ, vì trùng đoạn với lộc tấn, giá bằng nhau;

c) Bổ sung mới 456 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 533.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.300.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 759B từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 77.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.87. Tại Xã Hưng Phước

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 24; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 15 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 759B (STT 1) sửa điểm cuối từ "Cầu sắt 2" thành "Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25)";

+ Đường nhựa ấp Tân Hưng (STT 6) sửa điểm cuối từ "Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 62, thửa đất số 9 đến thửa đất số 106, tờ bản đồ số

63)" thành "Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53)";

+ Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) (STT 7) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 61, thửa đất số 19 đến tờ bản đồ số 48, thửa đất số 771)" thành "Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17)";

+ Đường vào trường học cũ (STT 8) sửa điểm cuối từ "Vòng ra chợ cũ (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 66 đến thửa đất số 45, tờ bản đồ số 62)" thành "Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53";

+ Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch (STT 9) sửa điểm cuối từ "Ngã ba nhà bà Hương (Tờ bản đồ số 66, thửa đất số 16 đến thửa đất số 76)" thành "Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1";

+ Đường nhựa ấp Điện Ảnh (STT 10) sửa điểm cuối từ "Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Tờ bản đồ số 481, thửa đất số 16 đến thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49)" thành "Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49)";

+ Đường DH07 (đường vào ấp Tân Lập) (STT 11) sửa điểm cuối từ "Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp (Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 22 đến thửa đất số 7)" thành "Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59";

+ Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) (STT 12) sửa điểm cuối từ "Chùa Phước Thiện (Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 101 đến thửa đất số 117)" thành "Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61";

+ Đường nhựa (STT 14) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22" thành "Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22";

+ Đường nhựa (STT 16) sửa điểm cuối từ "Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8" thành "Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8";

+ Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến (STT 17) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Đường vào điểm lẻ Trường Tiểu học ấp Phước Tiến" thành "Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28";

+ Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến (STT 18) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25";

+ Đường nhựa ấp 3 (STT 20) sửa điểm cuối từ "Hết ranh Công ty La Ra" thành "Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200)";

+ Đường vào ấp 6 (STT 21) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 30 ấp 6" thành "Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6";

+ Đường vào ấp 6 (STT 22) sửa điểm cuối từ "Hết tuyến" thành "Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30";

b) Sửa điểm đầu của 06 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 759B (STT 1) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh xã Thiện Hưng" thành "Giáp ranh xã Thiện Hưng";

+ Đường ĐT 759B (STT 2) sửa điểm đầu từ "Cầu sắt 2" thành "Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25)";

+ Đường ĐT 759B (STT 3) sửa điểm đầu từ "Hết trụ sở UBND xã Hưng Phước" thành "Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17)";

+ Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) (STT 12) sửa điểm đầu từ "Đường ĐT 759B" thành "Đường ĐT759B";

+ Đường nhựa (STT 15) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22" thành "Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22";

+ Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến (STT 18) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Đường vào điểm lẻ Trường Tiểu học ấp Phước Tiến" thành "Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28";

c) Bỏ 03 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) (STT 5); Điểm đầu: Toàn tuyến; Điểm cuối: ; Xã đề xuất bỏ tuyến số 5;

+ Đường vào cầu suối (STT 13); Điểm đầu: Đường ĐT 759B; Điểm cuối: Cầu suối (Tờ bản đồ số 41, thửa đất số 66 đến thửa đất số 67); Xã đề xuất bỏ tyyến đường này (tuyến 13);

d) Bổ sung mới 126 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 147.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.000.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 759B từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 119.000 đồng/m2 tại 5 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.88. Tại Xã Đắk Ơ

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 21; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 741 (STT 1) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 55 thuộc tờ bản đồ số 47" thành "Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47";

+ Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù Bưng, thôn 10) (STT 11) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 233 thuộc tờ bản đồ số 39" thành "Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 741 (STT 2) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 55 thuộc tờ bản đồ số 47" thành "Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47";

+ Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù Bưng, thôn 10) (STT 12) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 233 thuộc tờ bản đồ số 39" thành "Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39";

c) Bổ sung mới 114 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 135.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.800.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 741 từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 149.000 đồng/m2 tại 7 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.89. Tại Xã Phú Nghĩa

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 134; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 18 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 6) sửa điểm cuối từ "Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng" thành "Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262)";

+ Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) (STT 14) sửa điểm cuối từ "Nhà bà Nguyễn Thị Thủy (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 108)" thành "Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108";

+ Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) (STT 15) sửa điểm cuối từ "Nhà ông Lê Thanh Dung (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 100)" thành "Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100";

+ Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) (STT 16) sửa điểm cuối từ "Ngã 3 Nhà ông Điền (hết ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99)" thành "Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100";

+ Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) (STT 17) sửa điểm cuối từ "Hết ranh đất nhà bà Thời (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 100)" thành "Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99";

+ Đường dưới lòng hồ (thôn 1) (STT 18) sửa điểm cuối từ "Giáp đường trên lòng hồ" thành "Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59)";

+ Đường thôn 19/5 (STT 38) sửa điểm cuối từ "Cống 19/5" thành "Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85)";

+ Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) (STT 42) sửa điểm cuối từ "Giáp đường ĐT 760" thành "Ngã ba giáp đường ĐT 760";

+ Đường Đội 3 - Bình Đức 2 (STT 43) sửa điểm cuối từ "Giáp đường trung tâm xã" thành "Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1)";

+ Đường vào chùa (STT 58) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 128" thành "Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86";

+ Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (STT 73) sửa điểm cuối từ "Ngã tư đường N11" thành "Ngã ba đường N12";

+ Đường thôn Đăk Son (STT 79) sửa điểm cuối từ "Hết ranh quy hoạch chợ huyện" thành "Hết ranh quy hoạch chợ huyện (Tờ bản đồ số 58 thửa đất số 631)";

+ Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 (STT 89) sửa điểm cuối từ "Đường An Lương" thành "Đường An Lương (Hết tờ bản đồ số 26 thửa đất số 191)";

+ Đường đi vào thôn Khắc Khoan (STT 93) sửa điểm cuối từ "Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63" thành "Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63" do thửa cũ đã tách;

+ Đường N3 (Khu dân cư B11, B12) (STT 98) sửa điểm cuối từ "Ngã tư tiếp giáp đường D21" thành "Ngã tư tiếp giáp đường D21";

+ Đường D1 (Khu dân cư B11, B12) (STT 100) sửa điểm cuối từ "Ngã ba tiếp giáp đường N26" thành "Ngã ba tiếp giáp đường N26";

+ Đường D2 (Khu dân cư B11, B12) (STT 101) sửa điểm cuối từ "Ngã ba tiếp giáp đường N26" thành "Ngã ba tiếp giáp đường N26";

+ Đường D21 (Khu dân cư B11, B12) (STT 102) sửa điểm cuối từ "Ngã ba tiếp giáp đường N26" thành "Ngã ba tiếp giáp đường N26";

b) Sửa điểm đầu của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 760 (STT 7) sửa điểm đầu từ "Giáp ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng" thành "Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262)";

+ Đường thôn 19/5 (STT 39) sửa điểm đầu từ "Cống 19/5 (ranh giới xã Phú Nghĩa và xã Đức Hạnh (cũ))" thành "Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10)";

+ Đường Đội 3 - Bình Đức 2 (STT 43) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Hội trường Bình Đức 2" thành "Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97)";

+ Đường thôn Đăk Son (STT 79) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường ĐT 741" thành "Ngã tư đường ĐT 741";

+ Đường đi vào thôn Khắc Khoan (STT 94) sửa điểm đầu từ "Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63" thành "Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63" do thửa cũ đã tách;

+ Đường D1 (Khu dân cư B11, B12) (STT 100) sửa điểm đầu từ "Tiếp giáp đường vành đai trung tâm" thành "Tiếp giáp đường vành đai trung tâm";

+ Đường D2 (Khu dân cư B11, B12) (STT 101) sửa điểm đầu từ "Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1" thành "Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1";

c) Sửa tên đường của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) (STT 112) sửa tên đường thành "Đường D13 nối dài";

d) Bỏ 05 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 03 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường ĐT 760 (STT 9); Điểm đầu: Tiếp giáp đường trung tâm xã; Điểm cuối: Hết ranh thửa đất số 377, tờ bản đồ số 83; Bị trùng tim đường DT 760 xã Phú Văn (STT 1);

+ Đường ĐT 760 (STT 10); Điểm đầu: Hết ranh thửa đất số 377, tờ bản đồ số 83; Điểm cuối: Giáp ranh xã Phú Nghĩa cũ; Bị trùng tim đường DT 760 xã Phú Văn (STT2);

+ Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) (STT 13); Điểm đầu: Ngã tư quốc tế; Điểm cuối: Hết ranh đất hộ bà Trần Thị Phẩm (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 84); xã xác nhận bị trùng tim đường với L_46;

e) Bổ sung mới 774 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 903.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.300.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 741 từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 99.000 đồng/m2 tại 4 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện

trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.90. Tại Xã Đa Kia

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 56; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường thôn Bình Tân (STT 19) sửa điểm cuối từ "Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 17, tờ bản đồ số 95)" thành "Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95)";

b) Sửa điểm đầu của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường thôn Bình Tân + Bù Tam (STT 20) sửa điểm đầu từ "Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 17, tờ bản đồ số 95)" thành "Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95)";

c) Bỏ 02 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) (STT 33); Điểm đầu: Đường ĐT 759; Điểm cuối: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 13; Xã đề xuất bỏ tuyến đường này;

d) Bổ sung mới 290 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường ĐT 759; Điểm đầu: Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46; Điểm cuối: Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53;

+ Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759); Điểm đầu: Đường ĐT 759; Điểm cuối: Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 344.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.000.000 đồng/m2 tại Đường N1 (Toàn tuyến).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 83.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.91. Tại Xã Bù Gia Mập

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 14; trong đó:

a) Sửa tên đường của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường nhựa thôn Cầu Sắt (STT 11) sửa tên đường thành "Đường nhựa thôn Đăk Côn";

+ Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Á (STT 13) sửa tên đường thành "Đường nhựa đi thôn Đăk Mai";

b) Bỏ 02 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

c) Bổ sung mới 78 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 90.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 800.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Đường ĐT 741 từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng;

+ Đường ĐT 760B từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 146.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có

bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.92. Tại Xã Phú Riềng

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 88; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 741 (STT 7) sửa điểm cuối từ "Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 93)" thành "Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93)";

b) Sửa điểm đầu của 02 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 741 (STT 8) sửa điểm đầu từ "Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 93)" thành "Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93";

+ Đường N3a (TTHC huyện) (STT 45) sửa điểm đầu từ "Đường N9" thành "Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))";

c) Bổ sung mới 516 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 604.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.100.000 đồng/m2 tại 8 tuyến đường sau:

+ Đường Số 2 TTTM Bù Nho từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9;

+ Đường Số 4 TTTM Bù Nho từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6;

+ Đường Số 6 TTTM Bù Nho từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15;

+ Đường số 1 TTTM Phú Riềng từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM;

+ Đường số 2 TTTM Phú Riềng từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM;

+ Đường số 1 TTTM Bù Nho (Toàn tuyến);

+ Đường số 3 TTTM Bù Nho (Toàn tuyến);

+ Đường số 5 TTTM Bù Nho (Toàn tuyến).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 113.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.93. Tại Xã Phú Trung

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 35; trong đó:

a) Bổ sung mới 204 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính.

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 239.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.700.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Đường ĐT 759 từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7;

+ Đường Quốc lộ 14 từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 99.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.94. Tại Xã Long Hà

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 31; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 11 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 757 (STT 2) sửa điểm cuối từ "Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng" thành "Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99)";

+ Đường ĐT 757 (STT 5) sửa điểm cuối từ "Cầu Trà Thanh" thành "Cầu Trà Thanh (đến hết ranh giới xã Long Hà)";

+ Đường ĐT 757B (STT 6) sửa điểm cuối từ "Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long" thành "Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà)";

+ Đường ĐT 757B (STT 7) sửa điểm cuối từ "Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà" thành "Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà)";

+ Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ) (STT 9) sửa điểm cuối từ "Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính)" thành "Thửa 411 tờ 111";

+ Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) (STT 13) sửa điểm cuối từ "Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự" thành "Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự (hết ranh thửa đất số 530 tờ bản đồ số 119 về bên trái, hết ranh thửa đất số 247 tờ bản đồ số 116 về bên phải)";

+ Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) (STT 20) sửa điểm cuối từ "" thành "ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam)";

+ Đường số 8 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) (STT 21) sửa điểm cuối từ "" thành "đường số 7 thuộc Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)";

+ Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) (STT 22) sửa điểm cuối từ "Cầu Long Tân" thành "Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng)";

+ Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà (STT 28) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137" thành "Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130";

+ Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) (STT 29) sửa điểm cuối từ "Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130" thành "Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115";

b) Sửa điểm đầu của 07 tuyến đường hiện có là:

+ Đường ĐT 757 (STT 3) sửa điểm đầu từ "Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng" thành "Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99)";

+ Đường ĐT 757B (STT 7) sửa điểm đầu từ "Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long" thành "Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà)";

+ Đường ĐT 757B (STT 8) sửa điểm đầu từ "Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà" thành "Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà)";

+ Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) (STT 10) sửa điểm đầu từ "Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính)" thành "Thửa 411 tờ 111";

+ Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) (STT 20) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc)";

+ Đường số 8 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) (STT 21) sửa điểm đầu từ "Toàn tuyến" thành "Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM)";

+ Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) (STT 29) sửa điểm đầu từ "Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115" thành "Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130";

c) Bỏ 01 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại.

d) Bổ sung mới 169 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)); Điểm đầu: Ngã ba tiếp giáp đường 327; Điểm cuối: Hết ranh xã Long Hà - Giáp ranh Tân Hưng;

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 199.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.400.000 đồng/m2 tại Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) từ ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) đến ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 146.000 đồng/m2 tại 7 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 (đến hết ranh giới xã Long Hà) đến Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

2.95. Tại Xã Bình Tân

Tổng số tuyến đường có tên trong bảng giá đất hiện hành trên địa bàn là 38; trong đó:

a) Sửa điểm cuối của 01 tuyến đường hiện có là:

+ Đường dọc sông bé (STT 34) sửa điểm cuối từ "Đất ông Đặng Đình Hoạt" thành "Hết ranh thửa 10 tờ 141";

b) Bỏ 03 tuyến đường chủ yếu là các tuyến đường đấu nối và các tuyến đường còn lại. Trong đó có bỏ 01 tuyến đường giao thông chính là:

+ Các đường giao thông liên xã còn lại (STT 35);

c) Bổ sung mới 224 tuyến đường, chủ yếu là các tuyến đường đấu nối trực tiếp và các tuyến đường không đấu nối trực tiếp, nối thông ra đường giao thông chính. Trong đó có bổ sung 02 tuyến đường giao thông chính là:

+ Đường Long Bình – Bình Thắng; Điểm đầu: Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67; Điểm cuối: Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63;

+ Đường ĐT.757C (tuyến cũ); Điểm đầu: Đường ĐT. 757B; Điểm cuối: Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân);

Tổng số tuyến đường có tên trong sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn là 259.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.800.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Tất Thành từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 99.000 đồng/m2 tại 2 tuyến đường sau:

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m;

+ Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

3. Bảng giá đất tại các đảo và cù lao (Phụ lục số II)

Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025) để giữ được sự ổn định về mức giá tạo điều

kiện để các doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch, hạ tầng, sinh thái tại các đảo và cù lao.

4. Giá đất tại Khu, cụm công nghiệp (Phụ lục số IV):

Đối với giá đất tại Khu, cụm công nghiệp: Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025) để giữ được sự ổn định về mức giá đảm bảo ổn định về sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi về thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội.

5.Giá đất tại Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai (Phụ lục số V):

Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025) để giữ được sự ổn định về mức giá đảm bảo ổn định về sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi về thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội.

6. Giá đất tại các khu tái định cư (Phụ lục số VI):

Bổ sung và điều chỉnh mức giá đất tại một số khu tái định cư ở một số xã, phường như khu tái định cư phường Tam Phước, khu tái định cư phường Phước Tân, ..., cụ thể gồm:

7. Giá đất phi nông nghiệp không phải đất ở:

a) Giá đất sản xuất kinh doanh và phi nông nghiệp Đất thương mại, dịch vụ và Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ (gồm: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm): (Phụ lục số III)

Đề xuất giữ nguyên theo định hiện hành giá đất thương mại dịch vụ tại đô thì và nông thôn bằng 70% giá đất ở cùng vị trí, tuyến đường và phạm vi; Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ (gồm: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm) bằng 60% giá đất ở cùng vị trí, tuyến đường và phạm vi.

b) Giá đất quốc phòng; giá đất an ninh; giá đất xây dựng trụ sở cơ quan; giá đất xây dựng công trình sự nghiệp, gồm: Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp, đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao, đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở ngoại giao và đất xây dựng công trình sự nghiệp khác áp dụng mức giá như sau:

Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025).

c) Giá đất sử dụng vào mục đích công cộng, gồm: Đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng; đất tôn giáo; đất tín ngưỡng:

Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025).

d) Giá đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng:

Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025).

e) Đất có mặt nước chuyên dùng:

Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025).

f) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản áp dụng theo giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ theo đường phố (hoặc đường giao thông chính) cùng khu vực, vị trí, phạm vi.

g) Đất phi nông nghiệp khác theo quy định tại khoản 11 Điều 5 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai:

Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025).

8. Giá đất nông nghiệp trong các trường hợp đặc biệt

Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025).

9. Giá đất chưa sử dụng

Đề xuất giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025).

10. Các tuyến đường giao thông chính(Phụ lục số VII)

Đề xuất cập nhật sửa đổi, bổ sung các tuyến đường giao thông chính theo Phụ lục I và Phụ lục III của dự thảo sửa đổi, bổ sung bảng giá đất.

H- ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA GIÁ ĐẤT TRONG DỰ THẢO BẢNG GIÁ ĐẤT SO VỚI KẾT QUẢ ĐIỀU TRA GIÁ ĐẤT ĐIỀU TRA

Qua rà soát các các trường hợp giá đất cụ thể phục vụ bồi thường tại địa bàn các xã phường trên địa bàn thành phố Đồng Nai, cho thấy các trường hợp giá đất cụ thể đều có mức giá cao hơn giá đất quy định, trong đó, giá đất nông nghiệp phổ biến cao hơn từ 4 đến 7 lần; giá đất ở nông thôn phổ biến cao hơn từ 1,5 đến 3 lần; giá đất ở tại đô thị phổ biến cao hơn từ 1,5 đến 3 lần so với giá đất trong bảng giá đất (nhiều trường hợp cao hơn mức phổ biến nêu trên). Mức giá đất các loại đất được xây dựng trong dự thảo Bảng giá đất nhìn chung ổn định so với bảng giá đất hiện hành nằm trong phạm vi và không cao hơn hệ số của các giá đất cụ thể phục vụ bồi thường trên địa bàn.

Về mức giá các loại đất nông nghiệp, bảng giá đất ghi nhận ổn định so với bảng giá đất hiện hành năm 2026. Ổn định này được đánh giá là phù hợp với kết quả điều tra giá đất, thể hiện sự điều chỉnh hợp lý, phản ánh trung thực tình hình biến động giá đất thực tế trên địa bàn. Đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung cũng đảm bảo tính cân đối hài hòa giữa các khu vực, từ nông thôn đến thành thị góp phần tạo sự đồng bộ và nhất quán trong quản lý giá đất nông nghiệp.

Về mức giá các loại đất phi nông nghiệp, bảng giá đất ổn định so với bảng giá hiện hành năm 2026. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung mang tính cục bộ tập trung vào những khu vực, tuyến đường và đoạn đường có sự thay đổi về hạ tầng giao thông do được nâng cấp, cải tạo và đưa vào sử dụng, đồng thời bổ sung các tuyến đường mới phát sinh vào quy định trong bảng giá đất. Đồng thời sửa đổi về tên đường, điểm đầu, điểm cuối của một số tuyến đường cho phù hợp với hiện trạng thực tế.

Đối với giá đất tại các khu đô thị, khu dân cư và khu tái định cư, mức giá đề xuất được đề xuất giữ nguyên so với giá đất hiện hành để đảm bảo sự phù hợp nhất định, mức chênh lệch về giá giữa các tuyến đường là phù hợp, về cơ bản vẫn giữ được sự ổn định về mức giá so với giá đất hiện hành. Tuy nhiên, để tránh những bất cập về mức giá giữa các đoạn đường và tuyến đường liên quan, mức giá đề xuất vẫn được cân nhắc ở mức thấp hơn so với giá đất điều tra từ thị trường, đảm bảo tính cân đối trong bảng giá đất.

Đối với giá đất tại Khu công nghệ cao công nghệ sinh học, giá đất Khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đề xuất giữ nguyên đảm bảo sự phù hợp so với mặt bằng chung về giá trên địa bàn.

I- ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA BẢNG GIÁ ĐẤT

I. Tác động đến kinh tế - xã hội

1. Tác động tích cực:

Về mức giá các loại đất được sửa đổi, bổ sung chủ yếu là giữ nguyên so với giá đất hiện hành. Việc sửa đổi chủ yếu về tên đường, điểm đầu, điểm cuối cho đúng với hiện trạng thực tế, ngoài ra bổ sung các tuyến đường mới được đầu tư chưa có trong bảng giá sẽ có tác động tích cực thu ngân sách từ đất đai, với các khoản thu chủ yếu như: thu tiền sử dụng đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân; thu thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế trước bạ.

Đối với giá đất tại Khu công nghệ cao công nghệ sinh học, khu cụm công nghiệp Đồng Nai và một số đảo và cù lao giữ nguyên theo bảng giá đất hiện hành (Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai). Việc giữ nguyên giá đất như trên đảm bảo việc áp dụng bảng giá đất để tính tiền cho thuê đất đối với các trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm theo quy định và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp, Khu công nghệ cao công nghệ sinh học trong toàn thành phố.

Giữ ổn định chi phí đầu tư, không gây ảnh hưởng nhiều đến dự án hạ tầng, nhà ở xã hội.

Giữ ổn định giá bất động sản.

Phản ánh giá thị trường, giúp phân bổ nguồn lực đất đai hợp lý hơn.

Khuyến khích sử dụng đất hiệu quả, giảm đất bỏ hoang, lãng phí.

Làm căn cứ hợp lý để bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, tránh khiếu kiện.

2. Tác động tiêu cực:

Bổ sung mức giá của một số tuyến đường mới, giá đất tại một số khu vực, vị trí, tuyến đường, đoạn đường tăng so với đường đấu nối, đường chưa có tên sẽ ảnh hưởng nhất định đến đối tượng sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính như nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất ở) trong hạn mức. Tuy nhiên, các tuyến đường bổ sung mức giá và bổ sung phù hợp với giá của các đoạn đường, tuyến đường liên quan và đảm bảo sự công bằng của người sử dụng đất giữa các khu vực, nên hầu như không có tác động đến kinh tế - xã hội và đời sống của người sử dụng đất.

Mức giá đất tại các tuyến đường, đoạn đường bổ sung được rà soát, so sánh giữa các khu vực, tuyến đường, đoạn đường liên quan để đảm bảo sự hài hòa về mức giá

phù hợp với tình hình thực tế tại mỗi địa bàn. Vì vậy, tạo sự công bằng trong xã hội, đảm bảo giữa quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất; giúp cơ quan quản lý Nhà nước nắm và kiểm soát thị trường bất động sản, để có sự điều tiết hoặc định hướng trong quản lý thị trường bất động sản.

II. Tác động đến môi trường đầu tư

1. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản

Thị trường bất động sản hoạt động theo nguyên tắc cung cầu (nguyên tắc thị trường), do đó, chi phí đầu vào để tạo ra bất động sản (sản phẩm) được hoạch toán trên cơ sở giá cả thị trường chẳng hạn chí phí đầu vào là đất thì doanh nghiệp kinh doanh bất động sản cũng phải thỏa thuận với người sử dụng đất hoặc đất được giao, chuyển mục đích sử dụng đất thì các cơ quan Nhà nước xác định giá đất cụ thể - giá thị trường để doanh nghiệp nộp tiền sử dụng đất, mặt khác theo quy định tại khoản 8, Điều 158, Luật Đất đai năm 2024 thì khi áp dụng phương pháp thặng dư để xác định giá đất thì giá đất không bị ràng buộc bởi bảng giá đất (hầu hết các dự án kinh doanh bất động sản, khi xác định giá đất đều áp dụng phương pháp thặng dư) nên việc điều chỉnh bảng giá đất theo giá đất thực tế tại địa phương không ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của thị trường bất động sản, còn sản phẩm đầu ra được hoạt động theo nguyên tắc cung - cầu, do đó, việc sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo giá thực tế tại địa phương không ảnh hưởng đến thị trường bất động sản.

2. Đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh

Giá đất là một trong các khoản chi phí đầu vào của nền sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ, các chi phí này về nguyên tắc là chi phí theo giá cả thị trường. Do đó, trong 12 trường hợp áp dụng bảng giá đất thì có 02 trường hợp sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh, đó là (i) Tính thuế sử dụng đất và (ii) Tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm; nếu giá đất tăng thì các khoản thuế này sẽ tăng dẫn đến chi phí đầu vào của nền sản xuất sẽ tăng, do đó, phân tích 02 trường hợp trên để có đánh giá như sau:

(i) Tính thuế sử dụng đất: Mức thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trước đây được xác định theo công thức tính là 0,03% x giá tại Bảng giá đất x Diện tích đất trong hạn mức (diện tích ngoài hạn mức là 0,15%). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2012 thì bảng giá đất để tính thuế phi nông nghiệp ổn định 5 năm

kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Tính đến nay, Bảng giá đất theo Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND đang được áp dụng trong chu kỳ thứ 3 và sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2027 và đến ngày 01/01/2028 mới áp dụng bảng giá đất mới này cho chu kỳ 5 năm tiếp theo, do đó, Bảng giá đất điều chỉnh sẽ không ảnh hưởng đến thu thuế phi nông nghiệp từ nay đến hết năm 2027.

Trường hợp này có tác động đến tất cả người dân và các hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên thì từ nay đến hết năm 2027, các chi phí này vẫn giữ ổn định như trước đây nên không có tác động tiêu cực đến nền kinh tế của thành phố.

(ii) Tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm: Quy định tại Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì đơn giá thuê đất được tính theo tỷ lệ % trên đơn giá đất (từ 0,25% đến 3%). Nên khi điều chỉnh Bảng giá đất tăng lên, sẽ làm tăng tiền thuê đất hàng năm.

III. Tác động đến việc thực hiện chính sách tài chính về đất đai và thu nhập, đời sống của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức sử dụng đất

Trước hết, về chính sách tài chính, bảng giá đất sửa đổi giúp Nhà nước tăng nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ và các khoản phạt vi phạm hành chính liên quan đến đất đai ở các tuyến đường mới bổ sung. Sự thay đổi này cũng góp phần làm minh bạch thị trường bất động sản, hạn chế tình trạng "hai giá" trong giao dịch đất đai, giúp cơ quan quản lý kiểm soát tốt hơn nghĩa vụ tài chính và đảm bảo công bằng giữa các đối tượng sử dụng đất. Tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ sung bảng giá đất cũng có tác động đến thu nhập và đời sống của hộ gia đình, cá nhân. Những người đang sử dụng đất có thể phải đối mặt với chi phí tài chính cao hơn khi chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn thuê đất hoặc khi hợp thức hóa quyền sử dụng đất. Đồng thời, những người chưa có đất hoặc đang thuê nhà, thuê đất có thể gặp khó khăn hơn do giá đất tăng kéo theo chi phí thuê nhà, thuê mặt bằng tăng. Mặt khác, những người sở hữu đất có thể hưởng lợi khi giá trị tài sản của họ tăng lên, giúp thuận lợi hơn trong việc vay vốn ngân hàng hoặc thực hiện các giao dịch mua bán, chuyển nhượng.

Đối với doanh nghiệp và tổ chức sử dụng đất, chi phí đầu tư cũng sẽ bị ảnh hưởng khi tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế tăng, làm tăng chi phí sản xuất, kinh doanh. Điều này có thể tác động đến giá thành sản phẩm, giá nhà ở và khả năng thu hút đầu tư của các khu công nghiệp, khu đô thị mới. Mặt khác, việc sửa đổi, bổ sung bảng giá đất sẽ giúp ổn định thị trường bất động sản, tạo ra một môi trường kinh

doanh minh bạch và công bằng hơn, hạn chế đầu cơ đất đai và góp phần quản lý hiệu quả tài nguyên đất. Để giảm thiểu tác động tiêu cực, Nhà nước cần có lộ trình sửa đổi, bổ sung giá đất hợp lý, ổn định không gây ảnh hưởng đến người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, cần duy trì chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất cho hộ nghèo, gia đình chính sách theo quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, công khai minh bạch thông tin về giá đất và có chính sách hỗ trợ phù hợp để đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Nhìn chung, việc sửa đổi, bổ sung bảng giá đất có tác động đa chiều, nhưng nếu được thực hiện hợp lý, sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường đất đai, tăng thu ngân sách Nhà nước, đồng thời đảm bảo công bằng trong tiếp cận đất đai và nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên đất.

Báo cáo thuyết minh sửa đổi, bổ sung bảng giá đất được Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường kính gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, lưu tại Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:
- Sở NNN&MT;
- Phòng đất đai thuộc Sở NN&MT;
- Lưu VT, QHGD.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Giám đốc

Lê Văn Tân